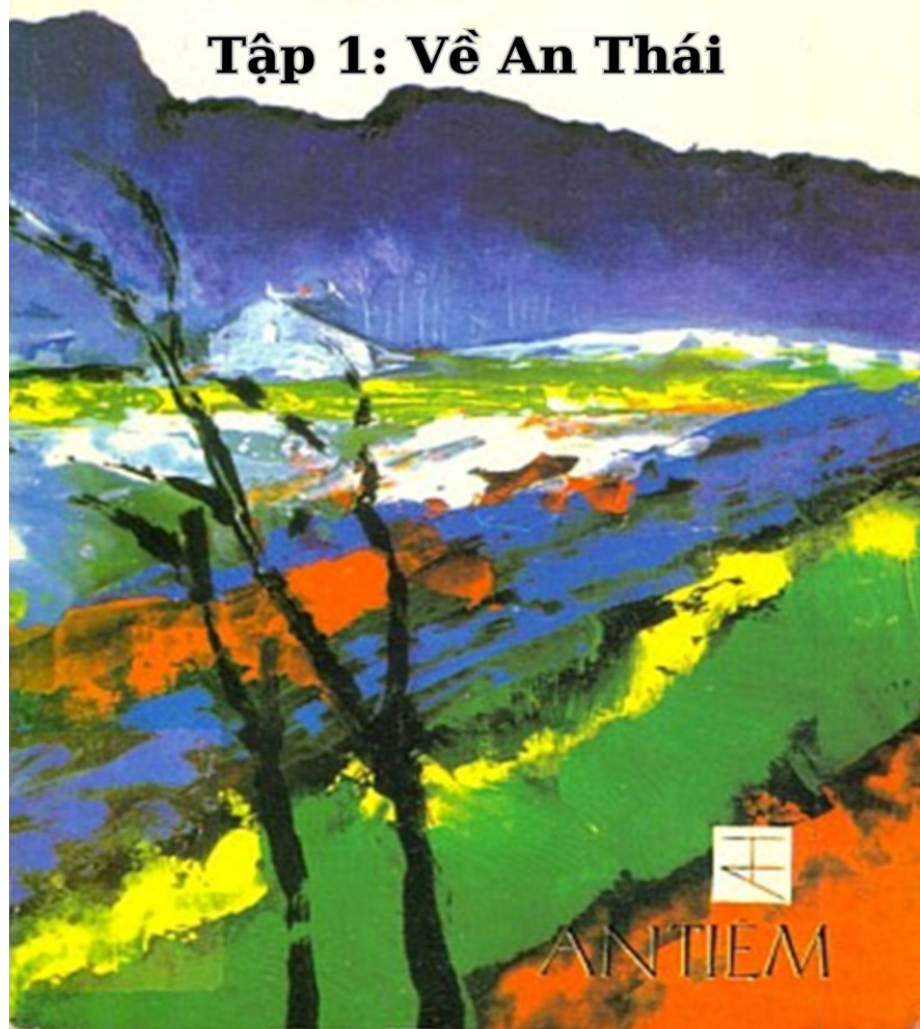


NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Tập 1: Về An Thái

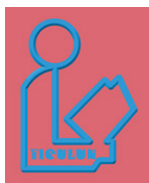


ANTIEM

sông Côn mùa lũ

tập 1: Về An Thái

Nguyễn Mộng Giác



sông Côn mùa lũ

Nguyễn Mộng Giác

Bìa: *NXB An Tiêm*

Nguồn: *nguyenmonggiac.com*

sông Côn mùa lũ

NGUYỄN MỘNG GIÁC

AN TIÊM

xuất bản - USA 1990-1991



Nguyễn Mộng Giác

Vài Dòng Tiểu Sử

– Sinh năm 1940 tại Bình Định, miền Trung Việt Nam.

– Học trung học ở trường Cường Để Qui Nhơn, trường Võ Tánh Nha Trang và trường Chu Văn An Sài Gòn.

– Học một năm ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn rồi ra Huế học Đại học Sư phạm ban Việt Hán.

– Tốt nghiệp thủ khoa Đại học Sư phạm Huế năm 1963, khóa Nguyễn Du.

– Dạy học tại trường Đồng Khánh Huế (1963-1965), trường Cường Để Qui Nhơn (1965-1973)

– Là Chánh Sự Vụ Sở Học Chánh tỉnh Bình Định (1973-1974) và làm chuyên

viên nghiên cứu giáo dục Bộ Giáo Dục, Sài Gòn (1974-1975).

– Bắt đầu viết văn năm 1971, đã cộng tác với các tạp chí Bách Khoa, Văn, Thời Tập, Ý Thức.

– Vượt biển tị nạn năm 1981 qua ngả Nam Dương, đến định cư tại Hoa Kỳ cuối năm 1982.

– Cộng tác với các báo Đồng Nai, Việt Nam Tự Do, Người Việt, Văn, Văn Học Nghệ Thuật.

– Chủ bút tạp chí Văn Học, California, Hoa Kỳ, từ 1986 đến tháng Tám năm 2004.

– Định cư tại thành phố Westminster thuộc quận Orange, California, cùng với gia đình.

– Qua đời lúc 22 giờ 15 phút ngày 2 tháng Bảy năm 2012 (ngày giờ địa phương ở California) tại tư gia ở Westminster, California.

<https://nguyenmonggiac.com/tieusu1/>

Sông Côn Mùa Lũ – Tóm Lược

4-10-1977: Bắt đầu tìm tài liệu

24-5-1978: Bắt đầu viết chương I
Sông Côn Mùa Lũ

1-3-1981: Viết xong chương cuối lúc
10 giờ 25 đêm tại Sài Gòn.

TÓM LƯỢC

PHẦN I: VỀ AN THÁI

Chương 1: Năm 1765, sau khi
Trương Phúc Loan giết quan nội hữu

Trương Văn Hạnh, giáo Hiến đem gia đình (gồm vợ và năm con, bốn trai một gái) trốn khỏi Phú xuân bằng thuyền. Ra đến cửa khẩu bị chặn lại, giáo Hiến ghé thăm người bạn cũ là sư cụ chùa Hà Trung. Sau đó, theo đường bộ, họ vượt đèo Hải Vân vào Qui Nhơn. Tâm trạng giáo Hiến khi đứng trên đỉnh đèo nhìn xuống phía nam.

Chương 2: Về đến bến Gò Bồi. Trên đường lên An Thái quê vợ của giáo Hiến, ông gặp một người làm việc của biện Nhạc tên Lợi. Đến An Thái, cả gia đình tạm cư nhờ sự giúp đỡ của Hai Nhiều, người anh cùng cha khác mẹ của bà giáo.

Chương 3: Cảnh sống của gia đình ông giáo ở vùng đất mới. Giao tiếp ban đầu với dân An thái. Sự giúp đỡ của họ. Sự vị nể của dân địa phương đối với một ông đồ thất thế từ kinh đô vào. Tính

tình và công việc của mấy đứa con: Kiên, Chinh, An, Lãng, Út.

Chương 4: Đời sống gia đình ông giáo tạm ổn định. Bà giáo bệnh nặng từ khi vào An Thái, sau một thời gian nằm liệt giường mê man, đã từ trần. Đám tang bà giáo. An có kinh nguyệt lần đầu đúng hôm mẹ mất, hải hùng trước một tương lai bất trắc mơ hồ.

Chương 5: Đối phó với bọn chức dịch tham lam ở An Thái. Qua Lợi, giáo Hiến làm quen với biện Nhạc. Nguyễn Nhạc nhờ ông giáo dạy học cho hai cậu em Lữ và Huệ. Kiên đến tuổi sung quân, phải tạm lánh lên Tây Sơn thượng coi sóc trạm trâu cho biện Nhạc. Cha con, anh em chia tay nhau.

Chương 6: Lớp học của ông giáo Hiến. Lễ khai tâm cho Lữ, Huệ. Lữ học

hành tằm thường trong khi Huệ tỏ ra thông minh xuất sắc. Bài tựa truyện du hiệp trong Sử ký Tư Mã Thiên khiến Huệ ngờ vực vai trò của đạo Nho. Trong khi đó, cả vùng Tuy Viễn được mùa, nhờ thế gia đình ông giáo sống được một năm ổn định.

Chương 7: Các câu hỏi của Huệ khiến ông giáo băn khoăn, bắt đầu nghi ngờ nền tảng trung quân của mình. Biện Nhạc xuống thăm ông giáo, nói xa nói gần đến chí hướng mình và ý định nhờ ông giáo làm quân sư.

Chương 8: Lợi chăm sóc giúp đỡ gia đình giáo Hiến. An có cảm tình với Lợi. Cô bé so sánh tính tình Lợi và Huệ. Những kinh cãi vụn vặt giữa gia đình Hai Nhiều và gia đình giáo Hiến.

Chương 9: Ông giáo được tin Kiên bị

hành hung trên Tây Sơn thượng. Ông vội lên trường trâu thăm con. Nguyên nhân vụ hành hung. Cảm tưởng đầu tiên của giáo Hiến giữa những người bất đắc chí trốn đồng bằng lên nương náu ở trường trâu.

Chương 10: Kẻ hành hung Kiên trốn vào rừng bị cọp ăn. Xác kẻ bất hạnh được tìm thấy, tạo nên sự căm phẫn đối với Kiên. Kiên bị đám đông phẫn nộ bao vây, nhờ có Chinh và Mầm cứu thoát. Sự hoang mang của Kiên. Ông giáo đành phải mang Kiên xuống lại An Thái.

Chương 11: Hai cha con ông giáo về An Thái. Lớp học ông giáo chỉ còn một người học trò là Nguyễn Huệ. Khắp vùng đói kém, trộm cướp xảy ra hằng đêm. Ông giáo và Nguyễn Huệ bàn với nhau về thời thế, và Huệ càng thêm hoài nghi khả năng của nhà nho.

Chương 12: Kiên bị bắt lính. Thái độ của họ hàng láng giềng đối với gia đình ông giáo sau khi Kiên bị bắt. Cùng lúc đó, gia đình Biện Nhạc ở Kiên thành bị quân phủ bao vây, nhà bị đốt. Biện Nhạc đem cả gia đình lên Tây Sơn thượng. Huệ từ biệt ông giáo và An lên Tây Sơn thượng theo anh. Mười hôm sau, Huệ lén xuống An Thái đưa gia đình thầy lên đó tị nạn.

Chương 1

Họ lặng lẽ bước như vậy từ nhà cho đến bờ sông. Cơn mưa dầm kéo dài từ đầu hôm, vẫn đến lúc đó vẫn chưa dứt; gió thổi từng trận tạt nghiêng những giọt mưa lạnh khiến những thân tre nghiêng vào nhau kéo kẹt, lá cây xào xạc át mất tiếng bước chân bì bõm trên đường lầy và tiếng trẻ con khóc. Bà giáo cố xoay cái áo tơi lá ra phía trước để che mưa cho con, nhưng gió dữ lâu lâu thổi thốc, làm cho đứa bé nín khóc còn bà mẹ thì cuống quýt đưa tay trái giữ chặt lấy chóp lá, cố cưỡng lại sức gió. Mưa đã làm

ướt mái tóc bà, dán chặt từng mảng lên khuôn mặt xám xanh. Mưa cũng chảy thành dòng xuống má bà giáo, rõ giọt xuống vai áo. Bà vừa đi vừa khóc lặng lẽ, lâu lâu vài giọt nước ẩm lăn theo sống mũi, chảy xuống môi. Không cầm được xúc cảm, bà khóc thành tiếng. Đứa con gái đi phía sau mẹ vội bước nhanh tới trước, giọng lo âu:

– Mẹ!

Bà giáo quay lại, thấy đôi mắt con gái long lanh như sắp khóc. Đứa con gái bắt kịp mẹ, tay phải xốc lại cái tay nải nặng trĩu sau lưng còn tay trái tìm nắm lấy tay mẹ. Tiếng nói cô bé mong manh giữa mưa gió và bóng tối, nên bà giáo chỉ nghe thấy con bảo:

– ... lấy cái bọc quần áo này, để em con bông cho.

Bà giáo vội ngăn:

– Không, con bỗng em không nổi đâu. Coi chừng nghe An! Nhìn kỹ đường cái, không lại ngã. Con rón đi nhanh tới trước cho kịp anh Chinh, vịn vào anh mà bước. Đừng lo cho mẹ.

Cô bé chưa muốn vâng lời ngay, giọng ngập ngừng:

– Nhưng con sợ em bị ước. Còn mẹ thì...

Bà giáo cắt lời con:

– Mẹ thì có cha lo. Con lên trước với anh Chinh đi.

An ngoái lại phía sau, thấy cha dìu em. Lãng bước chậm theo hàng tre, cẩn thận tránh các vũng nước trắng bất trắc rải rác trên mặt đường. Từ lúc bị đánh

thức cho đến bây giờ, cô bé hiểu lơ mờ rằng một tai biến ghê gớm nào đó đang xảy ra cho gia đình mình, An biết chắc như vậy qua những lời xì xầm trao đổi giữa cha và mẹ, nhất là tiếng khóc ầm ỨC của mẹ khác hẳn những tiếng khóc vì đời sống thiếu thốn và buồn phiền của bà, từ khi cô bé bắt đầu thấy được sự phức tạp của mọi sự chung quanh mình.

Trong lúc các anh lặng lẽ thu góp đồ đạc, cột chặt các tay nải thì mẹ bối rối hết nhặt nhanh mở quần áo này nhét vào một tay nải đã quá nặng, suy tính đến ngơ ngẩn thất thần, lại quyết định bỏ lại để đi nhặt nhanh thứ khác. Thăng Lãng bị dựng dậy, nhưng buồn ngủ quá, nằm ngay trên nền đất nện, dựa lưng vào đồng hồ đặc bừa bộn mà ngủ tiếp. Cha thì không còn đủ tâm trí quán xuyến công việc dọn dẹp nữa. Hết ra ngõ chờ

đội cái gì An chưa hiểu, ông giáo lại quay vào, đứng ở ngạch cửa, lơ đãng nhìn cả nhà xáo xáo dọn dẹp, không góp ý mà cũng không hỏi thúc. Nếu không có anh Kiên và anh Chinh lặng lẽ, lặng lẽ, chậm chạp nhưng giữ được đủ bình tĩnh để dọn dẹp, chuẩn bị, An nghĩ có lẽ còn lâu lắm họ mới ra khỏi nhà.

Cho đến cuối cùng, hình như ông giáo vẫn còn mong chờ ai đến. Tiếng trống sang canh vọng từ bên kia bức tường cũ, tuy rời rạc ngái ngủ và khuất lấp trong tiếng mưa gió, vẫn còn đủ sức mạnh thôi thúc ông giáo. Ông cuống lên, mất hết chút bình tĩnh còn lại, lần đầu tiên An thấy cha không giữ được vẻ chững chạc, trầm tĩnh thường ngày. Giọng nói của cha gắt gỏng và lo âu. Cô bé nghe cha phân giải gì đó với mẹ. Mẹ trả lời ngập ngừng, tiếng nói đứt quãng

vì tiếng nấc. Hình như cha cố thuyết phục mẹ, và đến lúc không còn nhỏ nhẹ được nữa, An nghe cha quát lên:

– Thật tiếc không phải lúc. Mình không thấy cảnh gia đình quan nội hữu hay sao! Không chần chờ được nữa đâu! Phải đi ngay!

✱

Họ đi men theo con đường tối tăm, lầy lội, khó nhọc nhưng kín đáo giấu mình dưới những lũy tre. Trời thì thấp xuống, gió vẫn thổi dữ. Đến chỗ dốc dẫn lên điểm canh, Kiên và Chinh dừng lại chờ cha. Ông giáo đi chậm, vì vừa phải dìu thẳng Lãng, vừa đỡ lấy lưng bà giáo. Nỗi sợ hãi cứ ngày càng tăng, bà giáo hoảng hốt cảm thấy chân mình cồng lại,

bùn rùn không bước nổi nữa. Bà đã hết khóc, nhưng toàn thân cứ run lên từng chập. May thay ông giáo đến kịp lúc; bàn tay chồng chỉ đỡ nhẹ lấy lưng, bà giáo vẫn cảm thấy ở phía sau, có một hơi ấm quen thuộc mơn trớn lan dần khắp thân thể mình. Bà yên tâm hơn, ôm chặt thằng Út vào ngực. Chiếc áo toi lá sột soạt lay động. Ông giáo nhắc:

– Mình cố đừng cho nó thức dậy. Sắp đến điểm canh!

Thấy cha đã đến, Kiên xốc lại cái tay nải bước lên dốc. Đường đất sét trơn trượt, nên hai anh em phải bước chậm, ngón chân cái cong lại bấm xuống mặt đường. Nhờ vác nặng, bước chân trở nên đầm và vững. Vả lại ở đây không còn bóng tre phủ, nên họ thấy rõ được những dấu chân trâu bò, những vũng lầy, những chỗ đường sụp lở vì nước xoáy. Lên khỏi dốc

hai anh em giật mình đứng sững lại vì có tiếng quát:

– Ai đó?

Kiên chưa biết phải trả lời thế nào, thì Chinh đã nói:

– Chúng tôi là con ông giáo.

Từ điểm canh, tấm phen nhỏ mở hé. Một con cúi rơm đang cháy ngùn, soi lò mờ một bóng người hiện lên trên khung cửa điểm. Nghe lẫn trong mưa gió, tiếng thì ào trao đổi ngắn. Rồi vẫn giọng quát lúc nãy:

– Có lệnh quan quốc phó [Quốc phó tức quan ngoại tả Trương Phúc Loan.] cấm đường. Giáo với mác gì!

Ông bà giáo vừa lên khỏi dốc. Kiên và Chinh im lặng nhường cho cha trả

lời. Ông giáo hơi mệt, hơi thở gấp chưa trả lời ngay được. Giọng người lính canh điểm trở nên giận dữ khác thường:

– Bọn trộm cắp ăn đêm phỏng? Sao không thưa?

Thằng Út bị mẹ trong cơn sợ hãi ôm quá chặt, ngộp thở nên vùng vẫy khóc to lên. Ông giáo nhanh trí đáp:

– Chúng tôi vừa nhận được tin buồn, nên đem cả gia đình về phủ Thăng Hoa chịu tang. Các bác thấy đấy, mưa gió thế này mà phải bồng bế lũ nhỏ đi gấp cho kịp chuyển thuyền sớm.

Trong điểm canh lại có tiếng bàn luận. Rồi cửa điểm mở, một cây đuốc bằng hai dầu chai được đốt sáng lên. Hai người lính bước ra khỏi điểm, một người cầm đuốc, một người lăm lăm ngọn mác

dài. Họ hăm hở tiến về phía gia đình ông giáo, giọt chai từ đầu ngọn đuốc rỏ xuống mặt đất ướt kêu lèo xèo. Đến cách gia đình ông giáo độ con sào, họ dừng lại. Người lính cầm mác nhắc bạn:

– Phải khám xét cẩn thận. Luật quan quốc phó nghiêm ngặt lắm!

Người cầm đuốc bảo:

– Không cần. Bọn trộm cắp đem theo con nít làm gì.

Ông giáo nhận ra tiếng nói người lính vừa cất vắn mình. Ông đã bớt lo ngại, mạnh dạn tiến về phía hai người lính. Thằng Lãng không chịu rời tay ông giáo, búi lấy vạt tơ lá của cha tò mò nhìn ánh đuốc bập bùng khi mờ khi tỏ cũng quên cả sợ. Khuôn mặt thơ đại ấy, cùng với cái áo tơ lá nhỏ nhắn, có lẽ

đã làm rung động tấm lòng người lính cầm đuốc. Người lính ngồi hẩn xuống, đưa đuốc lên soi gần khuôn mặt Lãng. Ông giáo kịp nhìn thấy một khuôn mặt vuông, đôi mắt long lánh hiền hậu dưới hàng lông mày rậm, và một mái tóc dày ẩm nước. Người lính hỏi:

– Cháu có lạnh không?

Ông giáo nói:

– Chúng tôi gấp quá, không kể gì gió mưa nữa. Các cháu còn bé, sợ phải ốm mất! Các bác cho chúng tôi đi nhé!

Người lính cầm mác lại nhắc:

– Phải khám kỹ mấy cái tay nải. Lệnh của quan quốc phó!

Người lính cầm đuốc đứng dậy, xua tay nói với ông giáo:

– Thôi khỏi cần. Việc đó trên bến thuyền họ lo. Ông bà đi nhanh lên, cho kịp chuyển đầu. Hôm nay sóng dữ, lũ nhỏ có chịu nổi không?

Ông giáo chỉ chờ có thể, không kịp cảm ơn người lính tốt bụng, ông đưa mắt nhắc vợ con đi nhanh qua khỏi điểm canh.

*

Đến ngã ba, nơi có một cây sầu đông vừa bị bão thổi gãy nhánh lớn, cành lá còn vương vãi ngọn ngang trên lối đi, Kiên và Chinh ngừng lại chờ cha. Người anh cả chừng đã ê vai, đặt cái tay nải cống kênh lên một cành sầu đông, lại cẩn thận bẻ gãy những cành lá ướt cho nước mưa khỏi thấm vào quần áo trong tay nải.

Chinh thì cầu thả đặt ngay bọc quần áo lên mặt đường. May mắn là chỗ Chinh đứng khá khô ráo, nên Kiên định quay lại rầy em, thấy thế chỉ ậm ừ rồi ngồi im bên đường. Con đường đất trước mặt hai anh em tuy khá rộng và có trải đá dăm, nhưng mùa mưa miên man ở đây đã biến con đường quan dẫn đến phủ chúa trở thành lồi lõm, lầy lội. Một nhánh nhỏ hơn từ ngã ba xuôi xuống bờ sông, hai bên vườn nhà ai um tùm những cau và chuối.

Chinh nghịch lấy mấy chùm trái sầu đông ném mạnh vào các tàu lá chuối, mỗi lần trái sầu đông ném mạnh vào các tàu lá chuối, mỗi lần trái sầu đông tròn xanh lao đi là mỗi lần tiếng lá rách ngán và đẹp vang lại. Chinh thích thú cười to, tiếng cười vang rộng trong đêm khuya rồi bị vùi dập trong những trận gió thổi.

Kiên khó chịu trước sự vô tâm của em, định lên tiếng trách móc. Vừa lúc đó, ông bà giáo đến chỗ ngã ba đường. Ông giáo bảo:

– Đi xuống phía bờ sông. Đứa nào cười vậy?

Hai anh em không ai trả lời. Ông giáo không hỏi tiếp, dìu bà giáo và các con tránh những cành sấu đông ngả nghiêng chắn mất lối đi. Thằng Lãng đã tỉnh ngủ hẳn, bỏ tay cha chạy đến trước với anh Chinh. Bà giáo vốn thể chất gầy yếu, hỏi trong hơi thở mệt nhọc:

– Đã tới chưa mình?

Ông giáo trả lời:

– Ráng lên tí nữa. Đi khỏi mấy cái vườn chuối này, rồi rẽ sang tay phải. Tôi đã hẹn họ chỗ cây đa đại.

Tuy cách xa, nhưng Kiên lắng nghe được hết lời cha. Qua khỏi những khoảng đường tối vì những tàu lá chuối che lấp, anh rẽ sang tay phải. Cây đa đứng đơn độc giữa một vùng thảo mộc hoang dại, mọc lan ra đến tận bờ sông. Tàn lá đa xum xuê nhuộm thắm một vùng đục ngầu ví nước lũ.

Ông giáo đến chỗ hai con đang đứng chờ, và không khỏi ngạc nhiên hoang mang khi thấy không có chiếc thuyền nào đang cắm sào chờ tại chỗ hẹn. Bà giáo cũng lo âu, quên cả mệt nhưng không dám lên tiếng hỏi chồng. Gió thổi từ bờ sông thổi lên, mang thêm cái lạnh nhức buốt cuồng nộ của sóng dữ. Lãng bắt đầu húng hắng ho. Bà giáo đưa bé út cho An bông, lục tìm cái áo bông trong tay nải của Chinh mặc thêm cho Lãng. Cậu bé bốt ho, đứng lặng nhìn bầu trời

thấp, mặt sông đục và bờ sông lau lách hoang dại, không hiểu nghĩ gì tự nhiên thút thít khóc.

Tuy không thể giải thích rõ ràng bằng lời nói, người mẹ hiểu Lãng cũng như mình vừa cùng xúc động mãnh liệt trước một nỗi ám ảnh chưa định hình, không thể tả ra, không thể nhìn thấy bằng lối thông thường, nhưng sự miễn cảm của họ đã báo cho họ biết trước thế nào một cái gì đó sẽ bất chợt đến, phủ chụp bao vây lấy cuộc đời mọi người trong gia đình. Cổ bà giáo nghẹn lại, hai tay ôm chặt Lãng đến nỗi hai lớp tơ lá cọ vào nhau ban đầu còn kêu sột soạt về sau không còn phát ra âm thanh nào nữa. Đã quá hiểu tính em, Chinh bấu môi bảo:

– Cái thằng! Như con nít!

Ông giáo vẫn bực mình vì chuyện

thất hện, giận quá quát lên:

– Có côm môm không, thằng quỉ!
Tụi lính trên trạm canh mà nghe được
thì chết cả đám!

Bà giáo lấy ông tay lau nước mắt con,
áp má vào trán con, nhỏ nhẹ dỗ dành:

– Con nín đi. Đừng khóc lớn cha rầy!
Mẹ thương con. Mẹ hiểu con hơn tất cả
các con của mẹ. Đã bảo! Đừng khóc nữa.
Lãng có nghe mẹ không?

Kiên không góp gì vào câu chuyện,
lẳng lặng thu góp tất cả đồ đạc, dồn lại
giấu sau một bụi dứa gai, dưới tàn cây
da rậm. Qua khỏi cơn bồn chồn thái quá
ban đầu, ông giáo đủ bình tĩnh nhận
thấy Kiên cẩn thận và lo xa, thâm cảm
phục đức tính hiếm có của đứa con cả.
Ông bảo bà giáo và các con đến núp dưới

bóng cây da. Hơn thế nữa, mọi người phải ngồi xuống giấu mình sau các bụi cây tối, và không được nói chuyện lớn.

Họ chờ. Họ chờ. Mãi đến lúc gà gáy thuyền mới đến. Thực ra không thể gọi là thuyền được, vì đây chỉ là một chiếc đồ nhỏ bề ngang không quá một sải tay. Cái mui đan bằng tre phết phân trâu chỉ vừa đủ che cái bếp nhỏ và hai cái hũ sành đựng gạo và nước. Thấy chiếc đồ mỏng manh chòng chành trên mặt sông cuộn sóng, bà giáo bàng hoàng, sợ hãi cho các con đến nỗi cảm thấy lạnh lạnh trên sống lưng. Ông giáo cầu nhàu trách:

– Sao bây giờ mới đến!

Người chèo đồ thờ dài đáp:

– Tôi phải chèo đi trốn từ mờ sáng hôm qua.

Ông giáo lo sợ hỏi:

– Chuyện lộ rồi à?

Người chèo đò không trả lời ngay, chậm chạp cột chặt đò vào gốc cây đa, cởi cái áo toí lá xếp gọn vào lòng đò, trước khi cởi còn cẩn thận giữ cho nước mưa rơi xuống mặt sông. Chỉ có cái nón mê rách là bác ta không giở ra nên ông giáo không thấy được nụ cười lém lỉnh của bác. Bước hẳn lên bờ sông, người chèo đò mới nói:

– Không. Tôi đi trốn thuế.

Rồi giọng nói trở nên thân mật, ề ề phân trần:

– Thầy tính, vạn đò Canh Thành Vĩ Dã chúng tôi chỉ có ba chiếc. Từ ngày thuế chợ lên cao, đò chúng tôi cũng ế lắm. Trước mụ nhà tôi còn ở nhà nấu

cơm, lo chăm sóc lũ nhỏ. Từ hai tháng nay, tôi phải cho mẹ buôn mắm vãnh dưới cửa Tư khách lên bán kiếm thêm chút hồ qua ngày. Thế mà đã yên đâu. Hôm kia con mẹ bưng cái liễn mắm con lên ngồi ngay phía cuối chợ. Đột nhiên thiên hạ xôn xao, người ù té chạy, kẻ kêu khóc van nài. Con mẹ biết người nhà quan tả ngoại đi chợ. Nhưng mẹ cứ ngồi thản nhiên, bụng nghĩ: “nhà quan thì cần những sơn hào hải vị, không nem công chả phượng thì ít ra cũng phải thịt ngon cá ngọt. Thèm vào ba cái thứ mắm vãnh!”

Bác lái đồ ngưng lại, giở nón ra vuốt lại tóc. Bà giáo và các con tò mò quan sát gương mặt bác. Một khuôn mặt xương xương, hai gò má nhô lên cùng với cái trán dô và cái mũi thẳng che khuất hai con mắt sâu khó lường. Thái độ nhẵn

nha, trầm tĩnh trong hoàn cảnh đặc biệt này khiến ông giáo khó chịu. Ông giục:

– Nhưng cuối cùng mọi việc êm xuôi cả chứ! Nào, bác cho chúng tôi xuống thuyền.

Bác lái đò ngăn lại:

– Ấy, ấy, thầy lầm. Mà cả tôi cũng lầm. Đâu có êm xuôi được. Con mụ tưởng quý gì ba cái thứ mắm vãnh. Nhưng thầy có biết không, con mụ lầm. Lũ đầu bếp nhà quan tả ngoại chỉ dọa cho mấy chị hàng thịt sợ, để cười rũ ra. Rồi đến lúc bất ngờ nhất, thầy biết không, chúng nó đến thẳng chỗ con mụ nhà tôi ngồi. Con mụ nhà tôi nói đùa: “Các thầy mua giùm cháu ít mắm!” Mời xong còn cười hỉ hả. Lũ đầu bếp quan tả ngoại cũng cười hô hố. Cả chợ cũng cười ha ha. Chờ cho mọi người cười xong, chúng bảo con mụ nhà tôi bưng liền mắm vãnh lên. Con mụ

nhà tôi vâng lời. Chúng chụp ngay liền mắt. Cả chợ lại cười, nghĩ các ngài hầu cận quan tả ngoại đùa dai. Mãi đến lúc chúng đi rồi, con mụ nhà tôi mới phát hoảng. Thấy tính bao nhiêu vốn liếng dồn cả vào liền mắt. Mà có ai ngờ đâu được là quan tả ngoại chỉ ăn được có món mắt vĩnh hờ trời!

Bà giáo không nhận được nữa, chen vào hỏi:

– Bác có nói ngoa không đấy? Làm gì có chuyện lạ lùng!

Người lái đò đâm ngực thề:

– Tôi có nói dối thì trời tru đất diệt tôi đi! Mà thấy cô đây không tin cũng phải. Có ai ngờ quan tả ngoại lại không ăn được nem công chả phượng, lại chỉ ăn được món mắt vĩnh. Mà trời lại xui khiến chi cho mẹ con nhà tôi đi buôn

mắm! Thấy thấy không, vốn liếng hết, chưa xong phần con mụ thì phần tôi, quan đến thúc thuế. Chợ như thế thì đồ còn khách đâu mà nộp thuế. Mà thuế đồ Canh Thành Vỹ Dã một năm đến 114 quan, phải, thấy không nhầm đâu, 114 quan đúng, bán cả vợ, đợ cả con cũng không đủ nộp nữa. Chỉ còn cách trốn đi làm dân xiêu tán mà thôi!

Có tiếng gà gáy sáng ở khu vườn bên bờ sông, phía tay phải ông giáo. Sốt ruột quá, ông nhìn người lái đò:

– Sẵn sàng rồi. Chuyện nhà của bác, chúng tôi hiểu lắm. Chuyện quan tả ngoại, ai mà chẳng biết ở cái kinh thành này. Nhưng bác cho chúng tôi xuống đò thôi. Đi sớm chắc thoát được trạm thuế đò ở ngã ba.

Bác lái đò do dự, ngón tay trở cứ đưa

lên quệt nhiều lần trên đầu mũi. Mỗi một lúc, bác hạ thấp giọng:

– Thầy đã hiểu rõ hoàn cảnh tôi. Vợ con thất nghiệp. Vốn liếng mất đứt. Nợ đòi, thuế thúc. Tôi đến chết mất! Thầy có lòng thương người khó, cho thêm chút ít tôi mới dám đi.

Ông giáo bây giờ mới hiểu vì sao người lái đò kể lể dài dòng từ tiếng gà gáy sáng đầu tiên đến lúc này như vậy. Ông giận dữ hỏi:

– Thêm bao nhiêu?

Người lái đò làm ra vẻ cuống quýt lo sợ:

– Dạ chỉ xin thêm chút ít cho đủ nộp thuế mà thôi. Túng quá tôi phải liều vậy. Con mụ nhà tôi cứ bảo đi đêm hôm lén lút thế này, nếu nhớ ra... nhưng tôi gặt đi,

bảo gia đình thầy là gia đình tử tế...

Ông giáo không để cho lão lái nhải thêm, gằn giọng bảo bà giáo:

– Mình đưa cái ruột tượng cho tôi.

Bà giáo tháo cái ruột tượng đựng tiền vẫn đeo bên hông đưa cho chồng. Ông giáo lấy năm râu tiền đưa cho người lái đò và nói:

– Vạn đò của bác có 6 chiếc, nộp một năm 114 quan. Đây tôi trả cho bác thêm năm quan nữa, vị chi là 20 quan. Bấy nhiêu đã quá đủ để bù cả tiền thuế đò lẫn tiền liễn mằm vãnh của bác. Ông trời thật oái oăm, mới bắt tôi trả triển mằm cho quan ngoại tử!

Lão lái đò cảm ơn rồi rít, nhưng trước khi đưa nón nhận tiền vẫn còn nài thêm:

– Thầy đừng trả cho tôi tiền “Thiên Minh thông bảo” nhé!

Rồi hình như lão bắt đầu sợ hãi cái nhìn phần nộ của cả ông giáo lẫn Kiên và Chinh, người lái đò phân trần:

– Thầy cô và các cậu hiểu cho. Thứ tiền đó pha nhiều chì, lại mỏng dính. Bẻ mạnh một chút là gãy. Tôi có lấy cũng chỉ vứt xuống sông thôi, không mua bán gì được.

Con đò nhỏ nên tuy gia đình ông giáo không đem đồ đạc gì nặng, đò vẫn cứ khẳm. Bà giáo và An ban đầu chưa quen, mỗi lần thấy sóng đục mấp mé ngang mạn đò, sợ hãi đến trợn người. An nín thở ôm chặt lấy thành Út, tưởng chỉ cần thở mạnh lên một chút là đò nghiêng ngả. May cho An, từ lúc mẹ giao cho phận sự bồng em, thành bé ngủ say không cựa

quây. Hơn nữa, ông giáo sợ cánh đàn bà con nít không chịu nổi sương lạnh và gió dữ, thương lượng mãi mới được người lái đò thuận cho đẩy tấm mui ra giữa, che ba mẹ con và đóng đồ đạc.

Cánh đàn ông chia nhau ngồi ở trước mũi và sau lái. Chinh giành ngồi phía trước với thằng Lãng. Sợ không chịu nổi những cơn nước xoáy, bác lái đò men theo bờ sông; ở những chỗ có trạm canh, gần như chiếc đò vạch lau lách mà tiến. Trời càng lúc càng sáng, đò trôi chậm, ông giáo lo sợ không qua khỏi trạm gác Ngã Ba trước lúc rạng đông. Ở đó, ông giáo biết rõ lắm, trạm canh cất ngay ở đầu dải đất bồi kiểm soát ghe thuyền đi lại trên cả hai nhánh sông. Thuế má thu được của trạm này thuộc nguồn lợi chúa ban cho quan tả ngoại, nên việc kiểm soát hàng hóa, thẻ bài, hết sức nghiêm

ngặt. Bọn lính buộc mọi ghe thuyền không phân lớn nhỏ trước khi xuôi sang nhánh tả hay nhánh hữu, đều phải ghé vào bến trạm. Mọi người đi trên thuyền phải mang đồ đạc hàng hóa của mình lên bờ. Từng người một phải để cho lính quan tả ngoại lục xét, cân nhắc giá trị từng thứ mà định thuế. Ai không đủ tiền thì phải để hàng lại, và giá cả hàng thường bị qui định thật thấp chẳng bõ bèn với mức thuế cao. Cuối cùng người lương thiện chẳng dám mang theo thứ gì ngoài bộ quần áo rách và mo cơm mắm, còn bọn con buôn thì nhớn nhoe làm giàu vì đã mau chóng ăn ý với bọn lính. Ngọn đuốc đêm đêm lập lòe ở trạm Ngã Ba từ lâu trở thành ánh mắt hung dữ của ma quỷ, khi sáng lên soi mói đến tận chân tơ kẽ tóc của người đi thuyền, khi tắt ngấm âm thầm toan tính cho một trận vơ vét khác.

Đò đã rẽ hẳn qua nhánh hữu; lau lách, những bụi dứa dại, ốc mèo, những dây bìm bìm leo trên đám cây hoang vô danh đã che lấp mất mái nghiêng lợp tranh của trạm gác, ông giáo vẫn lâu lâu quay lại nhìn ngọn đuốc leo lét nhọt nhọt giữa bầu trời xanh xám trước lúc rạng đông. Nhất là cái vọng canh, hình như cứ cố vươn lên, vươn lên cao hơn tằm cây cỏ sau con đò để nhìn vào ót ông. Nỗi ám ảnh đó chỉ tan hẳn khi mặt trời lên và con đò tiến vào một khúc sông sâu hơn, hai bên cây cối cao lớn và um tùm. Không gian thu hẹp lại, và ông giáo yên lòng trong vòm trời nhỏ. Mặc cho Chinh thích thú đưa tay ra trước mũi thuyền vọc nước, và Kiên ngồi trầm ngâm bên tay lái, ông giáo dựa lưng vào thành đò chớp mắt được một lúc.

Ông choàng tỉnh dậy vì con đò chòng

chành dữ, đến nỗi vợ con ông la lên hốt hoảng. Lúc ấy dò đang đi trên một đoạn sông rộng, nhưng bác lái phải ép dò sát vào bờ để tránh một đoàn thuyền quan đang lao tới. Trời đã yên, sóng đã lặng, nhưng chính đoàn thuyền đang hấp tấp này đã làm cho mặt sông nổi sóng và đánh thức ông giáo dậy. Bác lái không dám chèo, cho dò dừng lại giữa một đám cỏ cao. Một mạn dò dựa vào bờ đất lầy, mạn bên kia được con sào rắn chắc ghìm cứng. Nhờ thế ông bà giáo và lũ con mới hết sợ.

Đoàn thuyền quan gồm có 8 chiếc. Thuyền dài mà hẹp như hình long chu, mũi thuyền cất cao như đầu con cá lớn phóng mình lên khỏi mặt nước, đuôi thuyền thấp xuống, sơn màu đỏ chói. Người đứng ở đuôi thuyền vận áo thanh cát, đầu để trần, hai chân dạn ra vững

chải để nắm lấy thanh gỗ đen bóng gắn liền bánh lái. Giữa thuyền có mấy người ở trên, trên thân chỉ mặc có cái quần vải màu đen ống ngắn đến đầu gối, sắp hai hàng đều đặn, cử động thân thể tay chèo đều theo nhịp chèo. Giữa khoang thuyền có bốn cây cọc nạy sơn son trên bắc ngang một cây mõ gỗ. Một người lính mặc đủ quần áo, đầu đội nón chóp, ngồi trên ghế gỗ mõ làm nhịp. Người lính chỉ huy hô “cạy” thì người lái bẻ thuyền sang phía tả, hô “bát” thì qua hữu. Theo nhịp mõ, hai hàng lính chèo thuyền miệng hò lơ, chân dậm ván, gong vai đưa cao cán chèo đều đặn rầm rập khi lên khi xuống. Mặt trời vừa lên chiếu rõ những khuôn mặt phờ phạc mệt nhọc và những thân thể mồ hôi nhễ nhại. Ông giáo biết đây là đoàn thuyền chở của cải hàng hóa quý giá từ các phủ Thăng Hoa, Quảng Ngãi, Qui Nhơn về dâng nộp cho phủ chúa. Thuyền

từ những vùng đất xa xôi vượt biển mà đến, nhưng trên thuyền không thấy có bếp núc gì cả. Gần chỗ đặt giá mõ, chỉ có một vò nước, bên cạnh treo cái gáo dừa cán dài. Một người chèo thuyền trên chiếc thứ ba đang cuối rạp người xuống đẩy mạnh mái chèo, bỗng ngã chúi tới trước không gượng lại được. Nhịp chèo đột nhiên rối loạn. Nhiều tiếng la ó xôn xao. Tên lính gõ mõ quát tháo nhắc nhở mọi người nhiệm vụ và trật tự. Hai hàng lính chèo thuyền lại tiếp tục hình dịch, chỉ có người chèo cùng hàng ngang với người bị ngã được phép gài mái chèo lên, vực người bạn xấu số đến gần vò nước, dùng cái gáo dừa múc nước dội lên đầu bạn mình. Cho đến lúc chiếc thuyền này mất hút ra ngoài tầm nhìn, ông giáo vẫn chưa thấy người lính ấy tỉnh lại. Đầu ông giáo tự nhiên nóng bừng, cổ ông nghẹn đến khó thở. Máu trong người ông nhộn

nhạo. Nỗi hận của bao năm, nỗi hận ông đã cùng chia sẻ với Ý đức hầu¹ bạn ông, nỗi hận ông đã cùng chia sẻ với người cày ruộng đói trên đồng lúa chín, người chài lưới mỗi chiều về cá đầy khoang mà bụng cứ rỗng, người buôn bán hao mòn vốn liếng vì cái túi tham của các trạm thuế. Ông giáo nhìn lại vợ con tìm thấy đôi mắt bà giáo và con gái nỗi lo âu, hốt hải. Ông nhìn Kiên. Kiên nhìn về hướng tám chiếc thuyền quan vừa đi khuất, tỏ dấu hiệu nỗi lòng cha, nhưng ông giáo chờ mãi không thấy con tỏ thêm phản ứng gì. Chỉ có Chinh nét giận dữ lộ hết ra đôi mắt.

✱

Gần đứng bóng, họ mới đi qua chùa

1 Tức quan nội hữu Trương Văn Hạnh, bạn của giáo Hiến.

Hà Trung. Con dò bỏ lại đàng sau những đoạn sông hẹp rợp bóng cây, bắt đầu chao đảo giữa một vùng phá rộng. Tuy trời đã bớt gió, sóng đục ngầu vẫn cuộn cuộn quanh dò. Trừ bác lái quá quen với sông nước, cả gia đình ông giáo đều nơm nớp sợ hãi, cảm thấy chớm ngợp vì mất hút giữa khoảng trời nước cùng màu xám đục. Bà giáo, An, và thằng Út say sóng nằm rũ trên đồng đồ đạc, giấu đầu trong mũi hẹp không dám nhìn ra ngoài. Lãng ngòi bệt trên liếp tre, hai tay bấu chặt lấy hai mạn dò. Chinh vẫn ngồi trước mũi, không đưa tay nghịch nước nữa. Kiên đưa tay chỉ về phía vũng eo của biển cả, nơi có mấy cây tùng cao lớn rậm rạp đơn độc trên một vùng bùn lầy cỏ rêu san sát, hỏi cha:

– Thưa cha, có phải kia là chùa thầy Từ Huệ trụ trì?

Ông giáo đáp:

– Đúng đấy. Chùa Hà Trung của thầy
Tù Huệ. Ngay chỗ có mấy cây tùng.

Người lái đò men theo bờ cù mọc
đầy những cây dương nước, không dám
thách đố với sóng dữ. Lâu lâu, đò vượt
qua một cái chòi nhỏ chân ngâm xuống
bùn mái lợp lá tranh sơ sài, ba mặt che
kín, cửa hướng về phía sông. Ông giáo lo
sợ nhắc người lái đò:

– Bác cẩn thận. Hãy thông thả mà
chèo!

Người lái đò giải thích:

– Không phải chòi canh đâu. Của
mấy người thả lưới đấy. Chỉ sợ có cái
trạm ở ngay cửa khẩu!

Mấy chiếc thuyền chài chèo ngược

từ phía cửa biển chèo lên. Sợ sóng dồi làm con đò chòng chành thêm, bác lái nép sát vào bờ cù. Người lái thuyền đánh cá bỗng đưa tay lên làm loa hú lớn, hình như muốn nhắn điều gì với người lái đò. Ban đầu bác lái còn chưa hiểu. Khi Kiên thấy bên phía thuyền chài, nhiều người giơ nón lên vẫy và nhắc bác lái, bác ta mới chú ý. Bác nhổ con sào lên, dùng hai tay đưa ngang lên khỏi đầu. Phía bên kia, người chổng thuyền chài đưa hai tay lên làm dấu chữ thập. Bác lái gật đầu, la lớn:

– Hiểu rồi!

Ông giáo lo lắng hỏi:

– Họ bảo gì đấy?

Người lái đò không trả lời ngay, cho đò áp sát vào một cây dương nước. Ông giáo hỏi dồn:

– Có gì bất thường không?

Người lái đò nói:

– Không xong rồi. Cửa khẩu đóng, không cho ai ra khơi cả!

Kiên hỏi:

– Sao bác biết?

– Thì họ vừa ra dấu xong! Chúng tôi dân vạn chài đã quen lắm rồi! Mỗi lần kinh thành không yên là có lệnh cấm khẩu.

Ông giáo mất bình tĩnh:

– Thế làm thế nào bây giờ?

Người lái đò đáp gọn:

– Phải trở lại thôi!

Bà giáo ngồi bật dậy, làm cho thằng

Út giật mình thức giấc nổi khóc lớn. An dỗ em không được, khóc theo. Ông giáo thêm bực bội, hỏi gắt:

– Bác nói đùa phỏng! Tôi chịu thuê đến 20 quan, vì bác hứa sẽ đưa chúng tôi đến tận ghe bầu.

Người lái đò cũng không vừa:

– Vâng, vâng. Nhưng nếu các quan ở trạm cửa Mù U đóng gông vào cổ tôi, thì thầy có nuôi vợ con tôi không? Thầy quen lớn trong vương phủ, chắc biết phép quan khe khắt.

Bà giáo e dè hỏi:

– Có lẽ bác nghe lầm. Ghe chài họ chỉ bảo...

Bác lái cắt lời bà giáo:

– Chắc chắn cửa Mù U đóng. Chúng tôi đã hiểu nhau bằng cách ra dấu.

Kiên tự nãy đến giờ giữ im lặng, lên tiếng đề nghị:

– Thừa cha, hay là chúng ta về tạm đặng thầy Từ Huệ.

Ông giáo ngoái nhìn lại phía mấy cây tùng, mờ khuất sau một màn sương khói màu bạc ở sau lưng, trầm ngâm, do dự khá lâu. Thằng Út vẫn chưa nín khóc. Mưa bắt đầu rơi, ban đầu còn lắt phất nhưng càng ngày càng nặng hạt. Không có cách nào khác, ông giáo bảo người lái đò:

– Thôi được. Bác chèo trở lại, cho chúng tôi đến chỗ bờ cù có lối lên chùa.

✱

– Dễ thường đến năm năm rồi tôi mới trở lại đây. Năm Tân Tỵ hồi sư cụ mở khóa Lăng Nghiêm. Lúc đó thầy mới lên sư bác. Cảnh chùa ngày nay u nhã hơn nhiều. Thêm một cái ao sen vuông trước điện. Hồi trước đơn sơ thôi. Lau lách còn mọc ngay phía sau điện. Nhà trai chỉ là một chái tranh bề ngang không được 10 thước. Sao thầy không làm một cuộc khuyến giáo để xây một vòng tường ngoài? Không. Có tường vẫn hơn chứ, ít ra cũng che được gió lốc. Có trồng được khóm hoa cúc hay gốc bầu cũng không ngại bị gió dữ phá đi mất. Khi chiều nhìn luống rau xớ xác quanh gốc tùng, tôi càng thất cần phải xây tường...

Ông giáo nói loanh quanh như vậy, từ lúc ngồi với thầy Từ Huệ trong căn phòng ở chái cây. Mùi hương lãnh đãng

trong văn phòng hẹp và ẩm. Tách nước trà đậm trước mặt ông giáo bốc khói, lâu lâu gió bắc bên ngoài lọt qua được phen cửa, tạt hơi ẩm vào lòng bàn tay ông. Thầy Từ Huệ im lặng ngồi xếp bằng trên sập gỗ mộc, kiên nhẫn nghe bạn nói. Mọi người trong gia đình ông giáo, và các chú tiểu đã đi ngủ. Trong đêm khuya, chỉ còn một nhà sư trần trọng lắng nghe lời một nhà nho.

Ông giáo nói huyền thiên một hồi, đôi lần muốn nói thẳng với bạn câu chuyện mà ông biết thầy Từ Huệ đang chờ đợi ông kể, nhưng lượn lờ mon men nhiều lần, ông ngại không dám vào đề. Ánh mắt thầy Từ Huệ sáng lên, đôi lông mày nhíu lại chuẩn bị hết tinh thần lắng nghe. Ông giáo dừng lại thật lâu. Mưa từ các đợt tranh nhỏ giọt xuống vũng nước đọng dưới thềm chùa, nghe lóc chóc

tùng tiếng đều đặn, thông thả. Rồi đáng lẽ đi thẳng, ông giáo lại đi quanh:

– Tiếc là chuyến này gấp quá, tôi không đem được cặp cây kiểng biểu chùa nhà. Công phu 10 năm đấy nhé. Suốt 10 năm công phu tôi mới uốn nắn cặp sơn tùng đó thành hai con rồng giống y như nhau. Những cái chân đều toàn bằng cây, nhất định tôi không chịu làm chân bằng rễ như thiên hạ. Thấy bảo sao? Thân hay rễ cũng như nhau à? Khác chứ. Làm chân bằng rễ phụ là cách phàm phu, kể làm gì. Hơn nữa cái quý là ở công phu ấy. Này nhé, phải uốn cong một nhánh xuống, đè chôn đất. Nó nứt nhánh ngoi lên mới cắt. Cắt mãi đến khi nó phải đâm rễ và bám xuống đất. Lại còn chăm chút sao cho cái thân nó uốn éo như thân rồng. Chú ý nhé, không được chọn gốc thủy tùng, vì thân không có vẩy. Chỉ có loại

sơn tùng mình mới mong uốn cho giống y hình rồng.

Ông giáo nói xong, ngừng lại thật lâu, nhìn đắm đắm vào khuôn mặt bạn, cái nhìn khinh thị dò dẫm như muốn lường xem câu nói của mình đã thấm tới đâu. Nhà sư vẫn giữ thái độ chú ý trân trọng. Ý chừng không thể im lặng lâu hơn nữa, thầy Từ Huệ hỏi:

– Thế cái giống tùng ở phía sau chùa, có thể gây thành cây kiểng được không?

Ông giáo vui mừng thấy bạn bắt đầu nhập vào câu chuyện, vốn vả đáp:

– Được chứ. Tốt quá đi chứ. Từ hồi còn sư cụ, tôi đã có lần bảo loại tùng này khá lắm. Thấy có để ý không, ở xa mà nhìn, nó khác nào cây kiểng quý đâu. Cây tùng sau nhà chùa dễ thương lớn

đến mấy 60m, ngọn queo cành cỗi, mà lá lại rậm rạp. Trên ngọn lá xoắn thành từng nắm tròn. Thầy biết không, sách Truyện ký chép rằng hễ cây tùng nào có đột xoắn thành nắm tròn, thì đào dưới gốc có củ phục linh và hổ phách.

Rồi không cần chuyển mạch, vào lúc bất ngờ nhất, ông giáo nói:

– Nhưng mà ôi thôi, này giờ chỉ nói toàn chuyện vắn vơ. Tiếc làm chi cái công phu viễn vông ấy, phải không? Vạc sắp đổ, thì sá gì ngọn cỏ dại mọc dưới bóng vạc.

Thầy Từ Huệ sửa mình ngồi ngay ngắn hơn, ngả người về phía bạn hỏi:

– Có biến ở kinh thành ư? Thấy thầy, đem cả gia đình đi thế này, tôi đã ngờ, nhưng không tiện hỏi thẳng.

Ông giáo cảm thấy nhẹ nhõm vì đã qua khỏi giai đoạn khách sáo e dè, chậm rãi nói:

– Phải nói là đại biến.

Rồi thấp giọng xuống, ông bảo bạn:

– Thầy cũng phải coi chừng. Ý đức hầu vừa bị giết hôm qua!

Chén trà trên tay thầy Từ Huệ run run, nước trà sóng sánh. Theo thói quen, ông giáo lại nhìn dò dẫm phản ứng trên mặt bạn. Đôi mắt nhà sư lim dim một lúc lâu, khuôn mặt bất động che giấu những xúc cảm còn lan man bất định. Đến khi ông giáo hết chờ đợi được nữa, định nói, thì nhà sư hỏi:

– Ai giết?

Ông giáo đáp:

– Thầy đoán ra rồi. Lại tên Trương Tân Cối².

Rồi giọng ông giáo trở nên sôi nổi:

– Thầy tưởng xuống đây núp dưới bóng Phật thì được yên sao? Tưởng tàn khóm cổ tùng che được gió sao? Thầy có nhớ những gì chúng ta đã nói với nhau khi thầy còn là môn khách của Ý đức hầu? Tại sao đột nhiên thầy bỏ hết, bỏ hết, xuống trốn đời ở cái xó biển này?

Nhà sư đặt chén trà xuống, cái chén nghiêng về một phía vướng cạnh khay trà, khiến nước đổ lan một khoảng nhỏ trên mặt gỗ. Ông giáo không cho bạn đáp, tiếp tục nói:

– Nghe được tin, tôi phải đem gia đình đi ngay trong đêm. Mấy hôm trước, tôi có trình với Hầu là nên đề phòng.

² Tức Trương Phúc Loan

Nhưng không ngờ chúng dám làm càn đến mức đó. Chúng đã cho người mai phục sẵn.

Nhà sư hỏi:

– Bây giờ thầy định làm gì? Đi đâu?

Ông giáo có vẻ ngạc nhiên, không hiểu tại sao bạn lại hỏi một câu vô nghĩa như vậy, khựng lại một lúc, do dự, hoang mang. Ông nhìn bạn lần nữa, cố tìm hiểu chủ ý của câu hỏi. Ông giáo không tìm ra cái gì khác ngoài vẻ điềm tĩnh khó hiểu, ngoài cái thần nhiên đáng ghét. Giọng ông trở nên hằn học:

– Dĩ nhiên tôi không có ý định xuống trốn ở cái xó này. Thầy yên tâm. Nếu bọn Tần Cối không cấm biển, tôi đã khỏi phải ghé đây làm phiền thầy. Đất ở đây hẹp. Ở đâu cũng có tai mắt bọn Tần

Cối nên nhan nhản khắp nơi toàn một lũ hèn. Tôi không chịu đựng nổi nữa. Phải qua bên kia đèo Ngai lãnh thôi!

– Để tìm thờ một chúa khác ư?

Ông giáo tức giận nói lớn tiếng:

– Thầy vừa nói gì thế? Chúa khác à? Trái tám đời khai phá mở mang bờ cõi, còn tìm dòng họ nào xứng đáng hơn nhà Nguyễn Gia Miêu. Chỉ giận tên gian tham chuyên quyền, lung lạc cả ngôi chúa. Nay chỉ còn hy vọng ở hoàng tôn mà thôi. Đất Quảng Nam trù phú, dân đông, có thể cấy vào đó làm thế dựa để diệt gian thần, tôn đấng minh quân được. Thầy nghĩ sao?

Nhà sư suy tính một lúc, rồi trả lời:

– Quanh quần cũng chỉ bấy nhiêu! Trước kia tôi cũng nghĩ như thầy, định

chỉ nương tạm cửa Phật một thời gian, Nhưng càng ngày tôi càng thấy, càng hiểu. Ất hay Giáp ngồi trong vương phủ cũng thế thôi, lũ dân đen lúc nào cũng chỉ được nắm cơm hẩm và manh áo rách.

Ông giáo không tin ở tai mình nữa, lo sợ đến ngẩn ngơ, bàng hoàng. làm sao bạn ông dù đã bỏ mộng kinh sư theo kinh kệ lại dám thốt những lời phạm thượng như vậy. Bây giờ ông mới thấy Hàn Dũ có lý. Ông giáo đứng hần dậy, đi đi lại lại trong phòng để mong lấy đủ bình tĩnh. Bạn ông vẫn ngồi trầm ngâm trên sập gỗ, như đang tham thiền nhập định. Ông giáo đến trước mặt bạn, dần từng tiếng một:

– Thầy chỉ là một kẻ nhát gan, giấu đầu trong xó tối mà tránh ma. thầy tưởng tiếng chuông lời kệ đủ sức diệt được tham sân si của lũ Tần Cối ư? Không! Không!

Nhà sư mở mắt ra, thấy vẻ thách đố giận dữ của người bạn già, nhưng vẫn điềm tĩnh trả lời:

– Rất tiếc đã làm cho anh giận, anh giáo Hiến ạ. Lúc nãy anh bảo trong sách Truyện ký có chép rằng cây tùng nào tàng lá xoắn thành hình tròn, dưới gốc có phục linh và hổ phách. Tôi cũng có nghe nói như thế. Nhưng có ai vì tham hai món thuốc quý ấy mà đào bật gốc tùng lên không?

Ông giáo để một lúc lâu suy nghĩ về lời nói bóng gió của bạn, tuy cảm động vì lối xưng hô thân ái như lúc thầy Từ Huệ chưa vào chùa, cùng với ông là môn khách ở dưới cửa Ý đức hầu, nhưng càng nghĩ, ông càng thấy không thể đồng ý với bạn. Ông nói:

– Cách nhau mấy năm, chúng ta đã

khác nhau quá. Dù sao cũng xin cảm ơn thầy... cảm ơn anh đã cho tá túc đêm nay. Mai chúng tôi đi sớm. Có lẽ anh không bị quấy rầy nhiều đâu!

Cả hai người nhìn nhau không nói, và đều bàng khuâng trước một sự rạn vỡ vô hình. Từ đó cho đến lúc chào nhau đi nghỉ, họ không nói với nhau điều gì khác ngoài những lời khách sáo vô nghĩa.

Lũ trẻ không quen đi bộ, nên dù có hứng thú với cảnh những dải cát mênh mông, núi vôi vọi xanh biếc và những đầm nước sóng vỗ ngay vệ đường, chưa đi được bao xa, đã kêu mỏi chân. Sức khỏe mong manh của Lãng và bà giáo cũng là một lý do khác. Ông giáo không dám hối thúc, lâu lâu dừng lại chờ vợ đến với đôi mắt thương cảm pha lẫn nhẫn nại. Ông đã trải qua cái cảm giác phức tạp ấy nhiều lần trong đời. Bảo rằng ông

hối tiếc hay bảo rằng ông thương hại, đều không đúng. Ông giáo có hối tiếc gì đâu?

Giả sử có một phép lạ nào cho phép ông được sống lại một cuộc đời khác ngay từ đầu, ông không ngần ngại lặp lại những điều ông đã sống. Lặp lại cái biến cố quan trọng nhất của đời ông: cuộc tình duyên giữa ông giáo và bà giáo. Giữa chốn thị thành bon chen nhau giành giật ân huệ và danh lợi của vương phủ ban phát, tiếng cười hả hê chen những tiếng nấc nhọc nhằn ô nhục, đập chà lên đầu nhau tiến thân, miệng lưỡi tâng bốc cũng là miệng lưỡi dèm pha, ôi thôi trong mớ tiếng ồn bát nháo ấy của thành Thuận Hóa, việc ông giáo lấy một người vợ có gì đáng kể đâu thế mà trong đám quen biết không khỏi có lời bàn ra tán vào. To tiếng nhất là đám bạn bè của ông giáo.

Dù thế nào chẳng nữa (ý các bạn ám chỉ cảnh tứ cố vô thân và sự nghiệp dở dang của ông giáo) ông cũng là một nhà nho. Tất nhiên ông giáo chưa đậu đạt gì, và chắc còn lâu lắm mong tên mình được xướng ở lầu Phú văn. Các bạn ông còn lạ gì cái tính nông nghênh không chịu vào khuôn phép, cái giọng khinh bạc phóng túng trong các bài thơ phú của ông! Thế nhưng mà...(các bạn ông tợp chén rượu đang ở cái quán lá gần bờ sông nơi họ thường tụ tập nhau tán gẫu) thế nhưng dù sao chẳng nữa ông giáo cũng là một nhà nho có tương lai. Trong lúc đó, cô hàng cơm hến chỉ là con một anh lính lệ. Vâng, thì đã đành cha cô hàng cơm hến là lính cấm binh nhờ gốc gác từ Tổng sơn mà được tin dùng, và nếu cần, ông ta có thể chửi thẳng vào mặt bọn thư sinh lạc độ yếu đuối mà họ chẳng dám làm gì, chỉ riu riu cúi đầu, lạng lẽ tránh đi.

Các bạn ông giáo cũng lấy lòng người chân thực công nhận rằng cô hàng cơm đẹp, đôi mắt to và sâu, cái mũi thanh, đôi môi nhỏ mỗi lần không nói cố mím lại để che cái răng còi bên trái khiến lúc nào hình như cô hàng cũng đang sắp sửa cười với người trước mặt. Nhưng (họ nhấn mạnh để thuyết phục ông giáo nghĩ lại trước khi quá trễ) nhưng tay chân cô ta thô quá. Và điểm quan trọng hơn hết là cô ta ốm yếu quá. Vai đẹp, thân thể mỏng, nước da xanh xao. Họ có biết đâu rằng chính sự pha trộn giữa vẻ đẹp thuần hậu trầm tĩnh và nét mong manh yếu đuối ấy đã khiến ông giáo xúc động mãnh liệt. Ở cô hàng ít nói ấy, từ mái tóc dài đen lòa xòa ít được chải chuốt, cái dáng đi sẽ sàng như sợ đau lây mặt đất, nụ cười lặng lẽ giấu diếm, đến chiếc áo thâm tay dài rách ở cùi chỏ làm lộ một mảnh da trắng, tất cả, tất cả hợp nhau

lại, không có chút mồi mọc mà chỉ có sự cầu cứu che chở. Mà ông giáo vào cái 25 của thời ấy, thì sẵn sàng làm người bao dung lắm!

Quả nhiên các bạn ông đã đoán không sai. Cả ông giáo cũng đoán đúng. Cô hàng cơm hến lấy một thư sinh tứ cố vô thân không sự nghiệp, cái nghèo chờ sẵn ngay từ tối tân hôn. Cô hàng không ngờ chồng mình không có gì khác ngoài đồng sách cũ. Nhưng đối với chị em hàng xóm, và nhất là đối với người cha hay say rượu, mớ giấy dơ chữ nghĩa lảng quăng đó trở thành biểu tượng của một giá trị siêu hình vượt xa tầm tay của rất đông người. Thứ giá trị chìm khuất trong một thứ mà sương thần thánh như các bức tượng ẩn núp sau lớp khói hương mù mịt.

Nhờ thế, hai vợ chồng trẻ yên tâm sống giữa nghèo khó và sự kính nể của những người quen biết. Vợ mở một ngôi hàng nước, chen thêm vài ba thứ hoa quả lặt vặt theo mùa. Chồng viết đơn thuê, tập tễnh đọc sách thuốc. Và như mọi cuộc sống vất vưởng bấp bênh khác, chính hai vợ chồng cũng ngạc nhiên không hiểu tại sao họ đắp đổi lần hồi rồi cũng xong. Giật gấu vá vai, họ vẫn sống được. Chỉ có một điều ông giáo ái ngại, là bà giáo yếu ớt quá. Cái vẻ mong manh một thời quyến rũ ông, về sau vẫn còn đủ sức quyến rũ. Nhưng ông ái ngại cho bà giáo. Thêm một đứa con là thêm một niềm lo lắng, sức khỏe bà giáo giảm xuống.

Đôi lúc ông tự trách đã không có cách nào giúp đỡ vợ, cung cấp cho vợ một đời sống an nhàn sung túc hơn. Sau khi sinh

thằng Lãng, ông sợ thêm một đứa khác thì vợ dễ lụn dần như một ngọn đèn hết dầu. Ông quyết giữ gìn được đến tám năm. Thằng Út ra đời, ông giáo đau xót thấy sức khỏe của vợ chỉ còn là một ngọn bấc leo lét. Hai xương vai bà nổi cộm hết lên dưới lớp áo thâm, vai so lại. Thời tiết chốn kinh kỳ thất thường và trời vừa se lại là bà giáo húng hắng ho. Từ lúc ông bỏ nghề thầy đồ về giúp cho Ý đức hầu, gia cảnh có khá hơn. Ông có nhờ các bạn làm ở Tàu vụ mua thuốc bắc từ các tàu buôn người Trung hoa khi thuyền họ ghé vào Hội an. Thuốc bổ chỉ giúp được sức khỏe bà giáo cầm chừng, chứ không thể khá hơn.

Thể chất yếu đuối của mẹ ảnh hưởng đến mấy đứa con sau. Lãng khó nuôi ngay từ khi lọt lòng. Thằng Út hết nóng sốt lại đi tướt, giấc ngủ chập chờn và thường

hay giật mình đổ mồ hôi. Cũng may nhờ có An giúp đỡ mẹ săn sóc các em, khi cho bú mớm, lúc dỗ giấc ngủ. Giữa đám anh em trai vô tâm, An như một người chị hay làm quán xuyến gần hết công việc trong gia đình. Cho nên lúc trời sắp tối, mây đùn lại hạ thấp bầu trời, Kiên và Chinh giục cha đi nhanh cho đến trạm Tuần ải, thì An nhắc cha rằng đường trở lại quán Trà gần hơn, chung quanh có làng xóm dễ tìm ra chỗ trú đêm. Ông giáo đã nghe theo lời con gái trở ngược lại tìm lối tắt lên đường cái quan, theo hướng bắc trở ra quán Trà.

Ông giáo không dám vào khách trạm, xin tá túc ở một ngôi nhà cất giữa vườn mít rậm. Sáng hôm sau ông lại cẩn thận đánh thức vợ con từ canh hai và lên đường khi trời còn tối mù. Từ quán Trà đến quán Tuần ải nhà cửa dân cư

thừa thớt. Núi và đầm chen nhau không dành cho con người lấy vài khoảng đất mưu sinh, nên ông giáo yên lòng đi theo đường cái quan. Người dẫn đường thấy cách đi đúng thất thường của gia đình ông giáo, lấy cớ này cớ nọ đòi thêm 2 quan tiền công nữa. Bà giáo phải móc cái ruột tượng ra, lo lắng nhìn số tiền ít ỏi còn lại. Không có cách nào khác. Mọi người đều mệt mỏi, hai bàn chân ê ẩm, nặng trĩu, buổi sáng thức dậy tưởng như không thể đặt được bàn chân xuống đất chứ đừng nói chi bước đi. Nhưng rồi không có cách nào khác, bàn chân phải đặt xuống, môi mím để nén đau bắt nó làm đế tựa để nhắc bàn chân trái lên, nghiêng người đặt xuống phía trước. Từng bước, từng bước, cả gia đình rồi cũng đến được quán Tuần ẩm tối hôm ấy.

Sáng hôm sau, họ bắt đầu đến bìa rừng Ngải Lĩnh. Ngay dưới chân đèo, có một xóm dân chài độ vài chục nóc nhà. Bà giáo và An đang vào một nhà tranh lụp xụp tồi tàn gần đường quan nhất để xin thêm nước dự trữ, thì đột nhiên cả xóm lao xao náo loạn. Người này ới ới gọi người kia. Mẹ hốt hải khóc mếu đi tìm con. Đàn ông vác những cái bọc cột sẵn chạy ra phía bờ biển! Không đầy một khắc cả xóm trở thành một cõi hoang vu, như có một cơn lốc dữ thổi qua vậy. Cửa sổ, liếp che ở các ngôi nhà lá đều chống lên, bên trong đồ đạc không còn gì. Trai tráng, phụ nữ đều biến mất, chỉ còn lại những người mù lòa, tàn tật và trẻ em. Ông giáo và cả nhà ngạc nhiên, rồi lo sợ, nghĩ rằng có lẽ lệnh truy nã của quốc phó đã đến đây. Đáng ngại hơn nữa là

cả người dân chài vác thuê cũng đã biến mất. Trong cái xóm vắng tan tác, chỉ còn tro trọi gia đình ông giáo và mấy người già cả. Vài đứa con nít đang khóc thét vì đột ngột xa hơi mẹ.

Ông giáo đến hỏi một ông lão. Ông lão trở về phía bắc nói:

– Ông không biết sao? Ông có thấy đám bụi mù trên đường quan không? Ông nên trốn nhanh lên, cả mấy cậu này nữa. Công sai đã về đấy!

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

– Công sai về thì đã sao? Mình có làm gì nên tội mà trốn?

Ông lão lại gần, hạ giọng trả lời:

– Ông ở xa đến không biết đấy thôi. Ở đây dân khổ rách chúng tôi khổ lắm.

Xóm này ở ngay chân đèo. Quan dịch đi đông, bắt phu không đủ, người ta phải vào lòng bắt từng nhà. Nếu không có người, thì trong nhà có thứ gì, quan đều tịch thu hết. Do đó nhà nào cũng gói ghém quần áo, nồi niêu, thóc gạo sẵn, khi có báo là vác chạy ra chôn giấu dưới cát. Tôi đã già rồi, chân tay lóng cồng, thôi thì liều ở lại vậy. Ngày đêm chỉ lo chui rúc giấu mình như lũ chuột. Trước kia xóm này đông đúc có đến trăm nóc nhà. Chỉ vì cái nạn bắt tráng tử tung mà nhiều gia đình phải trốn đi kiếm ăn nơi khác. Chúng tôi mấy đời giâm đợt rau gốc khoai ở đây, bỏ đi không đành.

Lúc đó một đoàn người ngựa vừa đến. Nhưng chỉ là một đoàn khách buôn. Ông giáo đoán chừng những khách buôn này vừa dùng ngựa thổ hàng ra kinh thành theo đường bộ, giao hàng xong họ trở về

với những giò trống. Nhờ thế những con ngựa chân thấp, sắc nâu sậm hoặc xám loang lổ trống còn khỏe. Vài người đàn ông đem lúa ra cho ngựa ăn, vài người vào xóm xin nước. Ông lão lúc này chụm hai bàn tay làm loa, hú lớn một tiếng dài. Dân chúng lại lục tục trở về, ban đầu còn thừa thớt e dè nhưng chỉ một lúc sau họ về đủ cả. Trên đầu, trên quần áo, người nào cũng đầy những cát. Tiếng cười nói oang oang, mừng rỡ như vừa thoát được một tệ nạn ghê gớm. Một người lái buôn báo trước:

– Hôm nay không có gì đâu. Ở quán Lờn Voi, chúng tôi nghe nói đến mai mới có một đoàn quân quan đi vào Hội An thu thuế. Các bác cứ yên tâm, nghỉ một đêm lấy sức sáng mai hãy chạy.

Đàn bà con nít nghe nói vậy cười ồ. Trên các gương mặt đen xạm vì lam

lũ thiếu thốn, trong các đôi mắt đục và đờ đẫn hoặc lấm lét vì sợ hãi, lóe lên dễ dàng những ánh vui nhỏ. Một cái chợ nhỏ thành hình, quanh gốc xoài nơi bọn khách buôn cột ngựa. Ngược lại, họ bán cá tươi, cua luộc và những thùng ổi rừng. Ông lão lúc nào hình như chưa yên lòng nếu chưa nói hết câu chuyện dở dang với ông giáo, kéo ông ra chỗ xa tâm sự:

– Tôi thấy các đời trước đời sống dễ thở hơn. Thuế má vừa phải, dân còn chịu đựng được. Quan lại tránh làm phiền nhiễu dân. Nhờ vậy, làng xóm tụ hội, khỏi ai bị buộc phải trốn tránh,飄流. Bây giờ thì... ông thấy đấy!

Ông lão thở dài. Rồi chỉ cho ông giáo thấy một bức tường ở một căn nhà hoang mái dột, nước xối lở chỉ còn cái khung tre xiêu xó, ông lão nói:

– Tôi nói với ông làm gì chứ! Nói mà có làm được gì đâu! Than ôi! Tôi già quá rồi!

*

Quá trưa, chờ cho đoàn khách thương đi xa, gia đình ông giáo mới bắt đầu leo đèo. Đường sá gập ghềnh khó đi, hai bên đường toàn bụi rậm dây leo chằng chịt. Càng lên cao, cây cối thẳng đuột không có cành phụ. Rễ bám dưới đáy vực, thân trắng vươn lên cố chen nhau đưa tán lá nhỏ cướp lấy ánh nắng và sương móc. Chút ánh sáng ít ỏi lọt qua được những dù lá tròn chập chùng, lại bị làn sương mờ phía dưới ngăn trở nên tuy đã quá trưa, gia đình ông giáo vẫn có cảm giác đang đi giữa tinh mơ. Đã thế lâu lâu một đám mây thấp trôi

vướng vào đám thân cây, làm cho cảnh vật tối sầm mù mịt. Hơi rừng bốc lên, lá cây xôn xao, dường như cả bầu trời mặt đất và thảo mộc cùng tận hưởng thú vị của đời sống, thở ra khoan khoái.

Từ lâu từ tưng trong vòng lẩn quẩn tũn mủn của đời sống đô thị, cả ông giáo, Kiên và Chinh không thể không xúc động trước một sức sống huyền nhiệm rộn rã và bao la như vậy. Nỗi mệt nhọc hình như tan theo mây và sương thấp, lãng đãng hòa nhập vào hương hoa ngải đang phảng phất quanh bước chân họ. Những cảm giác khinh khoái ấy không bền. Đường đèo gập ghềnh, họ lại mất hướng đạo nên buộc lòng phải đi nép theo đường quan, vừa bước vừa lo âu nhìn sau nhìn trước. Chỉ sau một thôi đường ngắn, mồ hôi và sương đã ướt đầm khăn áo của bà giáo và mấy đứa

bé. Nghỉ một lúc, họ gắng leo thêm một đoạn đèo nữa. Gai góc, đá nhọn làm ê ẩm, nhức buốt những bàn chân son. An thấy mỗi lần đặt chân xuống, mẹ phải mím chặt môi, đôi lông mày chau lại, nước mắt sống chảy xuống đôi má đã tái lạnh vì sương rừng. Cô bé quên cả nổi mệt nhọc, cố gắng bước nhanh đến nắm lấy tay mẹ. Bà giáo đưa cánh tay trái quàng vai An, và bất ngờ bật lên khóc. Cả gia đình dừng lại, qui tụ thành một nhóm.

Ông giáo lo lắng, nhưng cũng hơi bực bội trước sự yếu đuối của vợ. Bà giáo ngồi rũ trên một phiến đá thấp, càng ngày khóc càng lớn hơn. An quần quýt bên mẹ một hồi, rồi cũng khóc theo mẹ. Rồi đến thằng Lãng và bé Út. Kiên không hiểu vì sao đám đàn bà trẻ con đang đi đột nhiên đua nhau khóc lóc như vậy, ngơ ngẩn đứng nhìn, không

biết phải làm gì. Ông giáo xoa dầu lên hai bàn chân vợ xong, yên tâm vì không thấy vết thương trầm trọng nào ngoài vài vết xước và bầm tím trên bàn chân và ống chân bà giáo. Lúc đặt bàn chân vợ xuống, ông mới khám phá hai con vắt nhỏ đang bám chặt vào chỗ dưới mắt cá. Chưa ai trong gia đình có kinh nghiệm đi rừng. Chiều cao của cây cối, dốc đứng hướng lên đỉnh trời, sương mù giăng khắp đôi lúc đặt lại vì thêm những đám mây, cái khí lạnh dịu dịu và mùi hương ngải thấp thoáng lúc đậm lúc nhạt, đều hoàn toàn mới lạ đối với mọi người. Có sá gì những cái nhỏ mọn. Cho đến lúc sự mệt nhọc kéo tầm mắt họ xuống, trước hết là đám đàn bà trẻ con yếu đuối, thì những phiến đá cứng có cạnh sắc, những bụi cây thấp đầy gai, những lối đi trơn trượt; buốt lạnh nhóp nháp những mồ hôi, khí ẩm sự rã rời trên đầu gối cảm giác tê dại nơi

bấp chân, đất trở nên gai góc lởm chởm và triển đi dốc ngược tất cả những điều phức tạp trắc trở ấy cùng ủa nhau đến.

Nhưng hãi hùng nhất là những chú vắt nhỏ và nhanh này. Mỗi người lúc đó mới tự khám phá ở những chỗ kín giữa ngáy đều có một hay hai chú vắt bám vào. An chết điếng cả người, không thốt lên được lấy một tiếng dù là tiếng rú. Rồi ai nấy đều để ý thấy không biết cơ man nào là vắt trên lối họ đi. Chúng búng nhẹ cái thân màu nâu đậm và trơn tuột từ chiếc lá này sang chiếc lá khác, và chưa kịp cảnh giác, chúng đã chui được vào dưới lớp quần áo ta rồi. Sợ quá bà giáo quên cả khóc, đứng lên chạy trốn. Ông giáo giữ vợ lại, trấn tĩnh bằng đủ mọi lý lẽ mà bà giáo cứ một mực đòi về lại kinh. Không dẫn được tức giận, ông giáo quát lên:

– Có im đi không! Đừng nói đại!

Nếu không có tiếng ngựa hí vang lên từ đầu ngọn dốc thì còn lâu gia đình họ mới giải quyết được chuyện đi hay ở. Không ai bảo ai, mọi người đều im bật, và nhanh chóng dìu nhau đi xuống phía vực, nơi có những dây leo lá to màu phơn phớt tím, hoa trắng, leo lên thân một cây đã chết khô, tạo thành một chiếc tổ kín đáo. Chờ cho đàn người ngựa đi qua, họ trở lại lối cũ. Ông giáo bảo vợ:

– Ta cứ đi trên đường quan đi! Không sợ gì nữa!

Chinh nói với cha:

– Chúng nó không dám đi đêm đâu. Vả lại, việc gì phải sợ ai.

Kiên chậm chạp nói:

– Gần tối rồi cha! Nhất định đây là đoạn cuối cùng xuôi đèo ra kinh. Chắc ta không gặp ai nữa đâu!

Mọi người yên tâm đi trên đường quan, bớt được phần nào khó nhọc. Đi được một thôi đường, trời gần như tối hẳn. Đang lo không biết phải qua đêm ở đâu, họ mừng rỡ tìm thấy phía trước có ánh đèn. Qua màn sương dày, đón ánh sáng ấy nhòe ra, ươn ướt, như một chất rắn vàng óng đang tan rữa trên tấm thảm đục bát ngát... Màu sáng óng ả, chất lỏng dịu ngọt ấy giúp mọi người phấn khởi. Ngay cả bà giáo và Lãng cũng bước nhanh kịp bước chân Chinh. An vấp một hòn đá lớn mà không thấy đau đớn gì nhiều. Bà giáo hỏi:

– Có chắc là ánh đèn không mình?

Ông giáo cũng lo sợ chỉ là ảo ảnh,

không dám trả lời vợ. Thực tế không phụ họ. Đến gần hơn, họ nhận ra được rõ thêm một mái nhà lợp cỏ, bậc cấp bằng đá xếp tạm bợ theo tự nhiên dẫn từ đường cái lên. Chinh vui mừng không ngăn được cười đùa, reo hò. Kiên ngăn em, nhưng tiếng nói lớn không chút dè dặt. Ông giáo cũng cười bảo vợ:

– Mình thấy không. Tôi đã biết chắc ở đây có một cái quán. Hôm nọ ở nhà Ý đức hầu...

Đang nói ông giáo ngừng lại kịp. Họ đã đến chân lối đá dẫn lên quán. Một bó đuốc lớn cháy bập bùng trước cửa, nhưng lạ lùng là quán không có người. Chinh đặt gói đồ xuống chỗ Kiên đứng, không chờ ai sai bảo, nhảy thoăn thoắt trên bậc đá lên quán. Từ phía sau ngọn đuốc bập bùng, Chinh nói vọng xuống:

– Không có ai cả.

Ông giáo chụm hai bàn tay làm loa bảo con:

– Coi chừng.

Rồi sợ ý mình lộ liễu quá, ông thêm:

– Ở đây rắn rít nhiều lắm. Vả lại coi chừng không lại ngã.

Không thấy Chinh trả lời. Một lúc, Chinh lại xuất hiện trước ánh đuốc nói lớn:

– Bếp còn lửa. Có cả mâm cơm, ấm nước trà đang bắc trên bếp nữa. Vừa có người ở đây xong, không biết họ đi đâu.

Ông giáo đoán được sự thể, bảo cả nhà:

– Ta lên thôi!

Họ vào quán, tò mò quan sát cái quán tranh rộng ba gian dựng khá vững chãi, công phu. Cách xếp đặt khá ngăn nắp, sạch sẽ. Ngoài mâm cơm bát đĩa vất bừa bãi trên cái nong nhỏ và cái kệ làm bằng nửa đan dùng để bày quà nghiêng đổ chống chơ vì thiếu mất một chân. Ông giáo ra phía sau bếp lấy tay làm loa gọi lớn:

– Chúng tôi là khách bộ hành. Các ông các bà chớ ngại.

Gọi xong, ông chờ. Một lúc lâu chưa thấy động tĩnh gì. Ông gọi tiếp;

– Chúng tôi, thường dân ở kinh đô về Thăng Hoa cư tang. Các bác chớ ngại.

Họ lại chờ. Tiếng gió thổi vào mái lá. Tiếng con tắc kè trên đọt cao. tiếng một vài quả rụng. Rồi tiếng ho. Tiếng chân

người. Lần lượt những người chủ quán trở lại. Một ông già khoảng 60, khuôn mặt gầy ốm, da đen, nói nhanh và hay lặp. Người vợ trông già hơn chồng, miệng móm, tóc đã bạc hẳn. Một người con trai khoảng 30 thấp lùn, chắc nịch không nói lời nào. Ba người khách trọ đến trước gia đình ông giáo. Chưa cần hỏi nhiều, ông giáo đã hiểu vì sao mọi người chạy trốn. Một ông khách có dáng thư sinh bảo:

– Tôi đã nói không nghe thấy tiếng chân ngựa, nhất định không phải là quan dịch. Nhưng bác quán cứ lo xa, hỏi tại sao không phải là quân quan mà dám lớn tiếng cười nói như vậy!

Cụ chủ quán ngượng nghịu nói:

– Phải lo xa các ông ạ! Mới buổi sáng đây, các “ngài” cần thêm người khiêng vồng. Có đứa xấu miệng mách lẻo cho

các ngài biết thằng Mười còn sống chung với hai vợ chồng già chúng tôi. Thế là... các ông thấy đấy. Cái quây mất đi một chân. Bà nhà tôi cứ tiếc mãi cái ấm trà đất nung mua ở cửa Hội. Những một quan đấy!

✱

Nửa đêm, ông giáo giật mình thức dậy. Trống ngực ông dồn dập, mồ hôi đầm cả lưng áo. Ông phải nằm lặng trên mặt chiếu ẩm một lúc khá lâu, mới nhận ra được những rui mè bằng tre của mái quán thấp, màu sáng vàng ửng và mong manh hắt từ ngọn đèn dầu đặt ngay dưới nền cách chỗ gia đình ông ngủ không bao xa. Dĩa dầu đã gần cạn, đầu ngọn bốc đen và dài, đóm lửa leo lét yếu đuối lâu lâu lụn hẳn xuống gần như sắp tắt.

Nằm yên thêm một lúc nữa, ông giáo phân biệt được tiếng mưa rơi trên mái tranh và tiếng lèo xèo ở chỗ đĩa đèn. Ông đoán không lầm. Mái quán bị đột, giọt tranh rõ đúng vào đĩa đèn. Lớp dầu dừa nổi lên trên đĩa nước quá mỏng, không đủ thấm chất đốt cho tim đèn. Dù đã ý tứ đi thật sẽ sàng để khỏi làm phiền mọi người, bước chân của ông cũng vang dội thành tiếng động lớn. Cụ chủ quán húng hắng ho bên kia liếp phen. Tiếng rít nhỏ và kéo dài của một loài côn trùng bên ngoài mái quán, cũng có thể là tiếng gọi tình của một lão rắn, tự nhiên cũng ngưng hẳn lại. Hình như đêm đột ngột lặng lẽ để rình rập ông. Hình như bên kia mái quán, còn có một ngọn núi nhọn nấp sau những đám mây đen theo dõi từng cử động của ông. Ông lo sợ nhìn quanh quất. Vợ ông nằm co quắp ngay sát tấm vách ngăn, một tay ôm lấy thẳng

Út còn tay kia đặt trên mái tóc rối, giống như cử chỉ một kẻ yếu đuối đang đưa tay lên che lấy đầu lúc bị kẻ khác đánh đập. Thằng Lãng thở khò khè, khí núi làm cho cơn hen tái phát dữ dội khiến thằng bè trần trở, hết xoay người về phía cột đèn, lại xoay sang phía lưng bà giáo. Ông kéo tấm chăn bông đắp lên ngực con. Lãng mở mắt nhìn, nhưng nó không thấy gì, ngơ ngác một lúc rồi lại nhắm mắt ngủ. Ông giáo ngồi bó gối bên ngọn đèn sắp lụn, thần trí hoang mang. Giá ông có thể hiểu hết được mình, biết rõ những điều quấy nhiễu giấc ngủ mình, biết rõ cái gì khiến cơn hoạn nạn hiểm nghèo của đời ông, ông lại thiếu hẳn sự nhạy bén trong phản ứng, sự quyết định lúc lựa chọn, sự sáng tỏ đen trắng giữa căm thù và ngưỡng mộ. Trên đường thoát hiểm để cứu lấy mạng sống, vì sao bước chân ông ngập ngừng? Cái gì níu kéo ông lại?

Mấy ngày nay, đôi lúc ông tưởng Kiên hiểu ông được phần nào. Lúc nhìn theo đoàn thuyền quan chở của cái các xứ đàng trong về cho quốc phó, lối nhìn trầm lặng ngấm chứa nhiều nghĩa của đứa con cả đã khiến ông giáo vui, cái vui tìm được bạn đường. Nhưng thay vì phần nộ, Kiên chỉ biểu lộ sau đó sự cam chịu, buông theo chiều gió. Ngược lại, ở Chinh, ông thấy sự phẫn nộ, phá phách vô tâm, gần gũi với bản năng ban đầu hơn, giống như niềm vui độc ác của bọn con trai mới lớn đổ dầu lên chú chuột con tội nghiệp, châm lửa đốt rồi vỗ tay cười đùa. Ông biết chắc cái tâm sự dửng dăng, ngạp ngừng này của ông, cảm giác hoang mang bất định và cả đến đáng điệu ngồi thu mình cô độc bên đĩa đèn leo lét này, ông không thể chia sẻ, không thể tâm sự với bất cứ người nào trong gia đình.

Ông thao thức như vậy cho đến lúc hừng sáng. Ngọn đèn đã tắt, ông đếm từng tiếng chóc chóc của giọt tranh rơi vào lòng đĩa nước. Ông đếm nhịp mình thở. Ông chờ những đợt gió mạnh. Rồi tiếng ban đêm, tiếng muông thú và côn trùng, tiếng cây cỏ, tiếng núi, tiếng trời... Không có âm thanh nào rõ, ông chỉ nghe thấp thoáng chung chung thành một tràng những tiếng xao xác. Ông dậy sớm hơn mọi người, dù đầu óc hơi ngây ngậy nhưng không chịu nằm rán dỗ giấc ngủ, một mình bước ra khỏi quán.

Ông kinh ngạc khi nhận ra rằng quán nằm ngay trên đỉnh ngọn Ngải Lãnh. Phía nam phủ phục dưới chân ông là những nếp rừng dày xếp nghiêng lớp nọ kê bên lớp kia. Xa hơn nữa là mặt biển màu bạc mênh mông, là đồng bằng

màu xanh ô đậm ô nhạt chập chồng. Ông đang ở trên lằn ranh, và chốc nữa đây, chỉ cần bước thêm vài bước, ông và cả gia đình sẽ xuôi xuống một hoàn cảnh khác. Ông không thể dừng lại được nữa rồi. Trước mặt ông không còn chóp núi cao nào nghiêm khắc quở trách ông, không còn dốc cao nào chặn bước chân ông. Từ đây, dù có do dự, đã xuôi dốc cứ đẩy ông tới, về phía biển bạc trùng trùng kia, về phía đồng bằng bao la kia.

Ông giáo trở về quán. Vợ con ông đã thức dậy. Bà giáo đang xuống bếp lo nấu cháo cho mấy đứa bé. An lo lắng nhìn vẻ bơ phờ của cha. Có một điều cô bé không hiểu, là hình như cha đang có điều thú vị, miệng vẫn mím lại nhưng đôi mắt sáng long lanh. Thấy Lãng, bà giáo và bé Út tiểu tụy quá, ông giáo nghĩ: không thể

theo đường bộ mãi được. Bằng cách nào đó, phải đến cửa Hội tìm thuyền mà về cửa Giã.

Chương 2

Đã nửa tháng qua, từ ngày ông giáo may mắn quá giang được một chiếc ghe bầu về cửa Giã! Thuyền chở mắm ruốc ra cửa Hội, vòng về chở nón lá, gỗ thai bài và chiếu Điện Bàn.

Đáng lý thuyền đã nhổ neo xuôi nam từ trung tuần tháng 5, nếu không gặp phải một vài chuyện rắc rối. Dễ hiểu thôi! Cái loại rắc rối có hương thơm của quế! Chủ thuyền khai ở phòng thuế có chỗ về Giã mười bó thai bài, loại gỗ sắc trắng như ngà voi uốn không gãy dùng làm cán dao

hoặc làm côn rất tốt. Chuyên chở một loại hàng khả nghi như vậy đối với nhận xét của nhà cầm quyền, không phải chủ thuyền không tính toán lợi hại. Nhưng mấy họ đạo ở Mỹ Cang, Gò Thị đã khẩn khoản đặt tiền trước và chịu mua một giá cao gấp 10 lần giá vốn ở cửa Hội.

Trước nạn cướp đang hoành hành ghê gớm, và ác cảm ngày càng tăng của dân ngoại, các họ đạo tìm cách lấy lòng quan địa phương, xin phép tổ chức các đội tự vệ. Kể ra chỉ cần gậy tre vạt nhọn cũng đủ giương oai với những kẻ yếu bóng vía lắm rồi. Nhưng những người tân tòng giàu có nhờ nghề buôn bán đường biển muốn làm quá hơn một chút, muốn phô trương một thứ sức mạnh đẹp đẽ, hào nhoáng, đặt tiền lạ mắt. Vì thế họ mới chịu đặt mua mỗi bó cây côn thai bài giá những 3 quan. Chưa

hết. Cái giá trời ơi đó không đủ khiến những tay buôn nguồn nhúu mày. Ba quan ư? Thì 3 quan. Trả thêm nửa quan nữa, vị chi 3 quan rưỡi, nhưng phải chọn tuyền những cây thai bài dài quá tầm người, gỗ già mà không vết, để làm cán lao. Tây Sơn thượng đặt mua 20 bó nữa. Tính nhẩm các khoản phí tổn trà nước từ cửa Hội cho đến cửa Giã, chủ thuyền thấy món lời không nhỏ. Bất ngờ khi bán xong mắt ruốc, mua xong nón và chiếu, ông ta mới biết giá gỗ tăng vọt. Nhẩm tính mọi phí tổn, ông bán thân cả người. Túng thì phải tính. Ông giấu mấy bó gỗ một ít quế. Càng tính càng vỡ. Không bị đóng gông vào tù là may. Nhẩm tính một lần nữa, chủ thuyền mới thấy chuyến chở hàng kỳ này coi như không công.

Lúc nào đó khoảng 20 tháng năm. Thời hạn neo thuyền ở cửa Hội đã hết.

Chính đúng vào lúc chủ thuyền ruột rồi như tờ đó, một người bạn đưa ông giáo đến. Không cần hỏi cặn kẽ, cũng không có thì giờ và bình tĩnh ghi nhận vẻ bối rối khác thường trên gương mặt ông giáo, chủ thuyền nhận lời ngay. Ông giáo đang tìm lời rào trước đón sau để thú nhận bao nhiêu tiền dành dụm được đã rơi vãi gần hết trên đường từ Thuận Hóa vào đây, chủ thuyền đã xua tay:

– Không sao. Chỗ quen biết với nhau cả mà.

Ông giáo muốn được rõ hơn về giá cả:

– Vâng. Kể ra thì bác với tôi cũng có thể kể là đồng hương đấy. Nhưng việc gì cho ra việc đó. Chuyện quen biết nhau, quý nhau, giúp đỡ nhau, phải đâu cho ra

đó. Tôi biết bác muốn giúp đỡ chúng tôi, không nữa...

Người chủ thuyền cắt lời ông giáo:

– Thôi, thế này. Tôi giúp không công thì ông giáo áy náy. Không giúp gia đình ông giáo về quê thì tôi áy náy. Ta chọn con đường giữa. Nếu là ai khác, 5 quan một người tôi cũng không chịu. Nhưng chỗ quen biết, tôi chỉ lấy tất cả 20 quan thôi.

Thế là cả chủ thuyền lẫn ông giáo đều tự nhận mình là người may mắn. Vì thế, khi thuyền đã nhổ neo, người này cảm thấy phải chứng tỏ tất cả lòng ưu ái, thiện cảm đối với người kia.

Thuyền thuộc loại lớn, nhưng chuyên chở hàng nên thiếu thốn tiện nghi. Chuyển ra lại chở mắm ruốc, mùi

khăm khăm nong nặc, cả gia đình ông giáo lúc mới xuống thuyền ai cũng hắt hơi liên tiếp. Trong lòng thuyền rờ đầu cũng thấy nhớp nháp, rít róng. Chủ thuyền quên mất thói quen tính toán, cởi phăng bó chiếu hoa Điện Bàn, lấy một chiếc trải cho bà giáo nằm. Bà giáo bị bệnh từ lúc nghỉ đêm trên đỉnh Ngải Lân, cố gắng lắm mới thều thào đôi lời cảm ơn. Bù lại, ông giáo đốc thúc các con quán xuyến việc bếp núc cho cả chủ thuyền lẫn anh em chèo thuyền. Kiên và Chinh tự nguyện giữ hai tay chèo ở gần phía lái. Như vậy là ai cũng đều thờ thói hân hoan!

Thuyền ra khơi được hai ngày, bệnh tình bà giáo trở nặng. Người bà nóng rực. Môi khô. Đáng sợ hơn hết là bà bắt đầu mê sảng. Chưa phải bà đã đến tình trạng mất hết sự kiểm soát chủ động của

lý trí. Chồng con nói gì bà cũng hiểu. Và bà cũng hiểu ngay những lời bà nói trong cơn mê nữa. Khó phân biệt được trạng thái tỉnh trí và trạng thái mộng muội qua thái độ, cử chỉ, lời nói của bà giáo. Hình như một cái gì đó từ lâu vốn là nền tảng của đời sống bà, chỗ dựa của bao nhiêu cân nhắc, tính toán, lo âu lẫn ước mơ, cái nền vô hình đó bây giờ đã rã rệu, sắp phải sụp đổ. Mọi sự còn y nguyên, nhưng chỉ có bà và những người thân mới thấy trước những rạn vỡ hiểm nguy đang đe dọa nền đất dưới chân họ. Ông giáo thấy chậm hơn An, ban đầu nghe An lo lắng kể lại những câu nói lạ lùng của mẹ, ông đã dùng đến hai tiếng “chòng chành”, để an ủi con:

– Chỉ lo hão thôi. Đừng nói lớn mẹ nghe được, giận đấy. Có gì đâu. Tại thuyền chòng chành, mẹ yếu sức nên

mới ngậy ngậy khó chịu mà thôi!

An nghe lời cha, tuy còn bần khoản nhưng đã yên lòng phần nào. Ông giáo giải thích có căn cứ. Thuyền ra khỏi cửa Hội gặp ngay thời tiết xấu. Từng cơn sóng lớn bạc đầu nhồi thuyền lên cao, rồi lại rút xuống thấp. Thể lực của An vững chắc không thua gì cha và hai anh, chỉ cảm thấy khó chịu một lúc rồi quen. Nhưng Lãng và Út thì chịu đựng không nổi đời sống chòng chành. Nhất là Lãng. Cậu bé mửa thốc đến mặt xanh, suốt ngày không cơm nước gì được. Mặt xanh mét. Út thì vẫn chơi đùa với quả cầu thắt bằng vải ngũ sắc và gối ôm thân thuộc, nhưng mỗi lần sóng dôi, thằng bé sợ, hai tay bấu lấy khoảng không, khóc ré lên. An thường bỏ bếp chạy vào khoang trong đỡ em, và cô lạ lòng nhận ra vẻ thờ ơ của mẹ. Hai mắt bà giáo vẫn mở, tay

vỗ nhẹ lên lưng thẳng Út để ru ngủ, để dỗ dành, nhưng rõ ràng bà giáo cử động, nói năng trong trạng thái vắng mặt.

*

Thuyền cập bến Gò Bồi lúc quá trưa. Nước triều đã rút, để trơ một bãi sông đầy bùn, rác, cây mục và đồ dùng bằng đất đã vỡ. Phía bên sông xa, vài cái quán tranh mái thấp cất sát dọc con nước, người đi lại lố nhố đông đúc. Mấy đứa bé da cháy nắng ngụp lặn giữa dòng nước đục, cố níu lấy mạn thuyền leo lên mà không được. Một đứa định bầu vào bánh lái. Chủ thuyền quát đuổi đi. Thằng bé thả tay cho ngã ngựa trở lại xuống nước, lặn thật sâu, rồi nổi lên phía đầu thuyền vượt mặt thở phì phò. Sóng vỗ vào mạn thuyền nghe vui tai như tiếng đàn heo đói chấp nuốt một máng cháo ngon. Chinh thích thú, cởi áo muốn tắm với

đám trẻ lạ. Thấy anh lừ mắt, Chinh lại mặc áo vào. Kiên giúp An thu dọn đồ đạc, cột chặt mấy tay nải quần áo và mền gối, sách vở. Ông giáo ra phía đầu thuyền, đứng ngắm cảnh bốn phía.

Xứ sở này hoàn toàn xa lạ đối với ông. Và cả vợ ông. Đã đành trong những cơn say, cha vợ ông giáo có nói đến từng mảng, từng mảng rời rạc của xứ này. Nhưng trí nhớ mù mờ, lung linh giữa hơi men thật khó tin cậy lắm. Ông giáo nghe ông nhạc kể chuyện một tối đi đứng nhá bên bờ sông nước lũ, một bữa nhậu với tôm nướng vừa câu được ngay bên bờ đầm Thị Nại, một cuộc săn đuổi đám lục lâm chuyên nghề buôn nguồn. Chuyện một thuộc hạ giỏi võ đổ cát vào hai ống quần buộc túm lại để tập nhảy qua rào. Dòng họ Trần ở Mỹ Cang vì tranh nhau đồ giàn mà suýt chút nữa đốt cháy cả làng

của dòng họ Lê ở Nước Mặn. Rồi chuyện bọn trộm ở Truong Mây thờ phượng một cánh tay con nít phơi khô, mỗi đêm xuất hành làm ăn phải đi theo hướng ngón trỏ của thần vật chỉ dẫn, nếu không tất gặp phải tai họa. Chuyện đời sống cam go của những người mở rừng, làng xóm đơn sơ của những dân lưu tán. Riêng chuyện gia đình phía vợ lớn An Thái, ông nhắc ít khi nói đến. Dù là những lúc say nhất. Một phần không nhỏ của cuộc đời ông ở đây, có lẽ đây những nghịch cảnh đau lòng nên men rượu không đủ sức thúc ép ông kể. Thường trên đà ba hoa, đến chuyện riêng, ông dừng lại kịp. Mắt ông chớp chớp. Một lần bà giáo bắt gặp cha đang quay mặt vào bóng tối để lau vội một giọt nước mắt. Cả gia đình bỏ lại An Thái, ông nhắc chỉ thường nhắc đến một người em vợ bị bệnh cùi sống một mình trong chòi tranh giữa đồng.

Vùng đất bí nhiệm và hoang sơ đó đã bao lần cuốn hút lòng tò mò của ông giáo. Bây giờ ông đang đứng đây, ngay trên con sông có lẽ ông nhặc đã nhiều lần giăng lưới. Chỗ nào đâu? Chắc là chỗ kia, nơi bờ sông đột nhiên uốn cong, lá trôi trên mặt nước đến đó thì xoay vòng, tụ lại một đám. Còn chỗ này là cái xóm dòng họ Lê suýt bị thiêu rụi vì một trận đổ giàn? Chỗ nào đám bạn bè của ông nhặc họp nhau câu tôm để nhắm rượu? Chung quanh ông giáo, xa xa, vây quanh những núi là núi. Ngọn nào là sào huyết của đám lục lâm buôn nguồn? Trông nào là nơi làm ăn của bọn cướp? Và giữa khoảng bình nguyên mênh mông tít tắp, tìm đâu cho ra cái chòi tranh của người cậu bất hạnh?

An và Kiên vực bà giáo dậy. Khuôn mặt bà vẫn xanh xao, mắt ngơ ngác chưa

hiếu mình đang ở đâu. An hỏi:

– Nhà ngoại ở phía nào hở mẹ?

Bà giáo nhìn đăm đăm vào mặt An, không nhận được ai. An lay cánh tay mẹ:

– Mẹ có nghe con hỏi không? Nhà ngoại lớn ở đâu hở mẹ?

Bà giáo nhìn về phương tây. Mặt trời chói chang chiếu thẳng vào đôi mắt đại khờ của bà. Không đưa tay lên che mắt, bà giáo nhìn thẳng lên mặt trời, rồi dáo dác tìm quanh. Đột nhiên, bà đưa hai tay ôm đầu khóc nức nở. Bệnh tình của bà giáo đã trầm trọng lắm rồi!

✱

Gia đình ông giáo ở lại nhà người chủ thuyền ba ngày. ông trùm họ đạo Mỹ

Cang đến hạn hàng, gặp lúc bà giáo mê sảng, có giới thiệu với ông giáo một cố đạo người Tây dương có tài chữa bệnh. Chủ nhà giao thiệp rộng, đi lại nhiều, cũng góp lời tán dương tài y học của các nhà truyền giáo Gia-tô. Ông giáo không tin. Ngay chỗ bến thuyền có một tiệm thuốc bắc. Ông kê một đơn thuốc sai Kiên bổ về sắc cho bà giáo. Một vài món bị thiếu nhưng những món chính tạm đủ. Thang thuốc đắt tiền mà không có hiệu quả gì. Cuối cùng ông giáo đành để mặc cho Kiên tìm chỗ trọ của ông trùm. Ngay buổi chiều hôm sau, một cố đạo mắt nâu, mũi cao, đầu quấn chiếc khăn vải đen, mặc bộ quần rộng nhiều nếp có thắt chên ngang lưng, chân quấn xà cạp, đi đất tìm đến thăm ông bà giáo. Vì đã từng gặp nhiều cố đạo Tây dương ra vào phủ chúa, ông giáo quen với cách chẩn bệnh của họ, yên lòng để ông cố đạo đặt

tay lên trán bà giáo đo nhiệt độ, áp tai vào lưng theo dõi nhịp thở. Ông cũng cố nhẫn nhục che giấu sự bức dọc bất lực của mình để mặc cố đạo pha một thứ bột trắng vào nước sôi cho bà giáo uống. Nhưng đến lúc người cố đạo đem bức tượng Đức Mẹ Đồng Trinh bằng ngà đặt áp vào môi cho bà giáo hôn, thì ông giáo mất bình tĩnh. Gần như cả nền tảng của cuộc đời ông bị đe dọa. Đã đến lúc ông nhất quyết “không”.

Thế là ông giáo quyết định đi An Thái ngay đêm ấy. Người chủ thuyền chỉ biết thở dài, không còn cách nào khác hơn là tìm mua dùm cho ông giáo một cái võng trôn và một cái đòn tre già. Chinh và Kiên dùng võng khiêng mẹ đi, ông giáo bỗng thẳng Út. An và Lãng ôm được hai cái túi con. Đồ đạc còn lại, phải thuê hai người trai tráng gánh hộ và thay

phiên cho Chinh và Kiên lúc hai cậu bị mệt. Cũng may có hai người từ Tây Sơn thượng xuống nhận gỗ thai bài, nên người chủ thuyền xin cho gia đình ông giáo tháp tùng, nhắn nhe nhờ họ trông nom chỉ dẫn đường đi nước bước cho.

Hai người buôn nguồn ở Tây Sơn thượng một người còn trẻ tuổi, một người đã trạc bốn mươi. Người đứng tuổi nét mặt lầm lì, cặp lông mày rậm giao lại trên sống mũi. Mắt lộ, cằm vuông, ở phía hàm trái, có một chòm râu đen khá dài mọc trên cái mụn ruồi lớn bằng hạt đậu. Ngoài những câu trả lời giống một, những tiếng ậm ừ vô nghĩa, An chỉ thấy bác ta biểu lộ trầm tư hoặc bối rối bằng cách đưa tay lên vuốt mấy sợi râu ấy. Người trẻ tuổi ngược lại miệng lưỡi liến thoắng, không chịu ngồi yên một chỗ. Anh ta lại có tài pha trò. Người

chủ thuyền đếm giao cho anh ta bốn bó thai bài. Anh ta rút ra một cây, đưa lên mắt ngắm. An và Lãng tò mò đứng xem anh ta làm việc. Thấy hai đứa bé quan sát mình, anh ta bắt đầu giễu. Hễ ngắm bằng con mắt trái thì miệng lại méo xệch bên phía phải. Đoạn anh ta giả vờ lăm bằm, lắc đầu thất vọng, đưa cây thai bài sang phía khác để ngắm bằng con mắt kia. An và Lãng phá lên cười thích thú. Người trẻ tuổi giữ mặt nghiêm, nói với chủ thuyền:

– Thôi rồi bác ơi! Bác chở về bằng đường biển, hèn gì cây côn nào cũng dợn sóng cả!

Chủ thuyền cười mỉm, thông cảm cho tuổi trẻ vui tính náo hoạt. Thế rồi với giọng nửa đùa nửa thật, vừa xin vừa đòi, anh ta cũng bớt được tất cả năm quan. Xoa đầu Lãng, nheo mắt với An, anh ta

nói nhỏ với hai đứa bé:

– Rồi! Có tiền ăn quà rồi nhá! Chờ lên sông Côn, phải biết!

Thấy Chinh lăm lì nhìn mình, người trẻ tuổi tự nhiên vỗ vai Chinh hỏi:

– Biết đánh roi không?

Chinh giữ yên lặng. Anh ta vẫn đặt tay lên vai Chinh, xoa nhẹ vai người bạn nhỏ khó tính rồi lần lần bóp nhẹ xuống cánh tay Chinh. Anh ta reo lên:

– Chà chà! Thịt săn cứng như sắt. Khá lắm. Bắp thịt này mà luyện thêm vài đường roi, phải biết!

An cười vì thấy người trẻ tuổi hay có cái tật nhắc lại hai tiếng “phải biết” để chấm câu. tiếng cười trong trẻo, ánh mắt sáng của cô bé càng khiến cho người trẻ

tuổi phần kích. Anh ta ra đứng tấn ở giữa phòng, hai tay cầm ngang cây thai bài. Rồi đánh dấu các động tác bằng tiếng hự trầm trọng, anh ta múa một bài đi roi. Ban đầu anh ta múa chậm, càng về sau càng nhanh. Chỉnh trở mắt nhìn, khâm phục đến nỗi miệng há hốc trông khôi hài dị kỳ. Lãng không thấy chút thú vị nào, bỏ đi. Còn An thì cảm thấy trong cách phô trương, cách ăn nói của người bạn mới, có điều gì quá đáng, vượt mức cần thiết. Cô bé nghĩ vì không khí gia đình của mình từ lâu nghiêm cẩn quá, nên sự hiếu động ồn ào của người tuổi trẻ làm cho cô bé ngợp, ngỡ ngàng.

Người đứng tuổi kiên nhẫn chờ cho cậu thanh niên diễn võ, đôi mắt hơi lim dim mĩa mai và độ lượng, tay không ngừng vôn vê mấy sợi râu. Nếu người trẻ tuổi không đánh rơi cây roi, rồi luống

cuống thẹn thùng giữa tiếng cười ồn ào, thì có lẽ lòng độ lượng của bác không lấy thì giờ mà lường được. Kịp thời gỡ rối cho người bạn trẻ, bác nói:

– Thôi. Ta đi không trễ mất! Ông diện dận có hay không, chiều mai cũng phải về để lo đi chuyện khác.

Người trẻ tuổi ngoan ngoãn vâng lời một cách bất ngờ. Anh ta lo cột chặt bốn bó gỗ. Đoạn, anh ta lấy một cái đòn xóc bằng cật tre già cắm vào dưới nuột mây, theo cách cột của những người đi củi. Không đợi nhắc, người trẻ tuổi còn cột giùm cho người đứng tuổi. Chuẩn bị xong xuôi, anh ta khom người ghé vai nâng gánh thai bài lên. Anh hơi xiểng tảng một chút, rồi lấy được thăng bằng. Anh nhún vài cái, hai đầu gánh quần xuống, đòn xóc cạ vào gỗ kêu kiu kịt.

Thế là họ ra đi. Bầy đoàn phức tạp lộn xộn, lại thêm cái võng phủ tấm chăn nhiều màu xanh lá cây lôi cuốn đám đông hai bên dãy phố chợ họ đi qua. An đi theo cái võng của mẹ, lâu lâu đến giờ tấm chăn thăm chừng. bệnh của bà giáo không giảm, nhưng cũng không tăng. Trán chỉ hăm hấp sốt, nhưng đôi mắt vẫn còn vẻ đại khờ. An xót xa cả lòng khi nhìn khuôn mặt mẹ tiêu tụy, đầu ngoẹo sang một bên, vài sợi tóc mai dính lên gò má xanh và nhợt nhợt mồ hôi. Có một lần An suýt kêu lên vì thấy khuôn mặt mẹ giống y khuôn mặt một xác chết. Cô bé ngưng kịp, không gây cho mọi người sự hốt hoảng vô ích, nhờ còn trông thấy tấm khăn bông đắp trên ngực mẹ lay động phập phồng.

Cậu trẻ tuổi buồn nguồn ban đầu đi gióng đôi với người đứng tuổi, được

một đoạn đường, tụt dần về phía sau, bước gần bên An. cậu có tài gọi chuyện, nên An quên nỗi lo lắng, hỏi cậu ta hết chuyện này đến chuyện khác. Cảnh vật ở vùng này đối với cô bé có nhiều điều lạ mắt. Chẳng hạn kiểu cất nhà. Cách đắp mộ. Ngay cả giọng nói An nghe cũng lạ tai. Cách phát âm hơi cao và xẵng khi người trẻ tuổi nói nhanh. An nghe không được, chỉ nghi nhận một tràng âm điệu lú lo. An luôn miệng đặt các câu hỏi “răng, rứa”. Cậu trẻ tuổi ngớ ra không hiểu cô bé nói gì, về sau nhờ suy từ dây chuyền của ý tưởng, đoán trong ánh mắt nghi vấn tra hỏi của An, cậu hiểu được hai tiếng lạ lẫm ấy. Khám phá này khiến cậu thú vị lắm, cười ha hả. Cậu đặt cho An cái biệt hiệu “Cô răng rứa”, hoặc nói gọn hơn là “cô răng”. Rồi theo đà ba hoa, cậu chơi chữ:

– Cô rằng của tôi ời! Thế là cô bé với tôi bà con gần với nhau đấy. Rằng mà không có lợi, làm sao rằng mọc.

An biết tên người trẻ tuổi nhờ câu nói đùa này. Chỉ cần nhướn mắt hỏi thăm chứ chưa cần đặt câu hỏi “rằng rứa”, thêm vẻ chờ đợi trân trọng thích thú và đôi má hây vì thắm mệt của An, cậu thanh niên đã khai một mạch lý lịch của mình:

– Tôi tên gì hả? Tên Lợi: Lê Tấn Lợi. Người Xuân Huê, cách làng bác tuần biện một con sông. Bác tuần biện Kiên Thành mà không biết ư? Vâng, bốn bó thai bài này của bác biện đặt mua tận ngoài cửa Hội. Làm roi cũng được. Làm cán lao, phải biết! Không giàu mà dám đặt mua chùng này! Chúng tôi làm việc cho bác biện từ năm ngoái. Công việc khổ lắm, nhưng mà thích. Sao, bác Năm

hả? Tính bác ấy ít nói nhưng mà cộc.
Mấy lần tôi bị bác Năm tát tai, sau nhờ
cái miệng này dẻo bác không đánh nữa.
Sợ gì, mình đi có đoàn. Vòng lên mình
đem muối, ca khô, công. Vòng về mình
buôn trâu không. chuyến này đem gỗ về,
làm cho mỗi người một cây lao cán ngà,
phải biết. tiếc quá, cô bé có vẻ yếu đuối
quá. Nếu không vài hôm nữa trôi dạt đi
buôn nguồn một chuyến. Mốt, bác cho
tôi lên gánh trâu về. Phải, trâu không để
ăn đấy mà! Trâu nguồn quý hơn chứ. Lá
xanh lật lìa, to bản và mềm. Cay thật cay
mà thơm cũng thật thơm. Thì tại thế nên
phải chọn những người thật khỏe chạy
không kịp thì héo cả. Phải chạy lẹ hơn cả
phường rồi nữa. Bác biện gọi chúng tôi
là “rối nguồn” mà.

✱

Bác Năm quen chân bỏ xa đoàn một thôi đường dài. Về sau, bác phải bước chậm lại, ông giáo mới theo kịp. Hai người phu cũng đã thay Chinh và Kiên khiêng vồng. Chiều xuống, không khí mát mẻ hơn. họ đi qua một cánh đồng lúa sắp trổ, màu xanh ngát tỏa hương dịu dịu. Ông giáo cảm thấy phần nào nhẹ nhõm. Nỗi mệt nhọc, lo lắng từ bao lâu nay cũng có vơi đi. Tuy thế, lâu lâu ông vẫn thắc thỏm hỏi bác Năm:

– Được nữa đường chưa bác?

Bác Năm kiên nhẫn trả lời:

– Chưa đâu còn xa lắm.

Trời tối mịt. Cả đoàn dừng lại bên một bến đò. Trong khi chờ đợi, ông giáo nhắc lại câu hỏi. Bác Năm đáp:

– Chưa đâu. Nếu đi cả đêm, chiều

tối mai mới tới. Mà thầy có đi liền được không?

Ông giáo ngạc nhiên khi nghe bác Năm gọi mình bằng thầy. Suốt cuộc hành trình, ông giáo không muốn cho ai biết thân thế của mình. Ngay cả với chủ thuyền, ông giáo cũng chỉ khai mù mờ rằng mình kiếm ăn vất vả ở kinh cho nên định tìm về quê vợ làm ruộng chờ thời. Từ lúc hai người buôn nguồn xuống bến nhận hàng, chủ thuyền cũng không nói với họ điều gì liên quan đến thân thế ông giáo. Bác Năm gọi “thầy”, ông giáo nghĩ, có lẽ căn cứ vào cái dáng chững chạc, điệu ăn nói từ tốn và lối xưng hô khá trân trọng giữa cha con ông giáo với nhau. Nói chung, không kể giọng nói trọt ọt, mới thoát nhìn ai cũng thấy gia đình ông giáo có những nét khác biệt hẳn với người xứ này, một vẻ ôn nhã hiếm thấy

tạo được nơi mọi người niềm kính nể hơn là đồ kỵ. Giá ở vào hoàn cảnh bình thường, ông giáo có thể hãnh diện vì địa vị đặc biệt người ta dành cho mình và các con. Nhưng vào lúc này, vào lúc cần phải biết tìm trong cái chung chung, sự kính nể ấy thật nguy hiểm. Biết làm sao đây? Để khóa lấp những nghi kỵ ông đã gắn làm thân, bắt chuyện với mọi người, gắng nói gắng làm như họ nói họ làm. Bác Năm muốn đi đêm cho mát. Nhưng trong câu bác hỏi, ông giáo hiểu lắm, có ngầm chứa sự khoan nhượng thông cảm, sự chấp nhận kể cả đối với những người yếu đuối cần được bảo bọc che chở. Ông giáo trông về bờ phờ của Lãng và thằng Út, e dè bảo:

– Chúng tôi thì được thôi. Chỉ sợ các cháu, buồn ngủ quá không bước được.

Bác Năm nói gọn:

– Qua đò đi một đoạn ngắn nữa sẽ tới Cây Da. Ta nghỉ nấu cơm ăn ở đó.

Ông giáo bắt đầu thích tính đơn giản thuần hậu của người buôn nguồn. Biết bao lần trong đời tự quấy nhiễu mình vì những lo lắng, suy nghĩ phức tạp, những do dự vô cớ, ông giáo mơ ước được có một tâm hồn thuần phác như thế này. Nó tiếp thu những điều cần thiết, cương quyết loại bỏ những thừa thãi, và sự chọn lựa thanh lọc diễn ra tự nhiên như cây lá chọn hướng có ánh sáng, nước chọn phía thấp mà chảy. Không một chút cưỡng ép, công phu. Cho nên khi ăn cơm tối, ông giáo tìm cách ngồi gần bên bác Năm. Ông giáo hỏi:

– Từ An Thái đi Kiên Thành xa gần, bác?

Bác Năm đáp:

– Chùng nửa buổi.

– Đêm nay mình nghỉ đêm ở đây.
Mai đi sớm, liệu tới tối đã đến An Thái chưa?

– Chắc được.

Rồi sau khi chờ không thấy ông giáo hỏi tiếp, bác Năm hỏi lại:

– Thầy thăm ai trên đó?

Ông giáo do dự một lúc, mới nói:

– Bác có biết ông Hai Nhiều không?

Bác Năm hỏi:

– Nhiều nào? Hai Nhiều có cái nhà mái lớn trong xóm hay Hai Nhiều buôn cá? Ờ, chắc thầy quen Nhiều Lớn. Nhiều Nhỏ mới 20 tuổi, thầy quen sao được.

Ông giáo hồi hộp suy tính từng tiếng trước khi hỏi tiếp. Từ Thuận Hóa ra đi, ông chỉ biết một điều nhỏ nhoi và mù mờ: rằng cha vợ của ông mấy mươi năm trước có bỏ lại An thái một người vợ lớn và một đứa con. Nghe nói người vợ ấy đã mất, và người anh khác mẹ khác mẹ của bà giáo tên là Hai Nhiều hiện thuộc hạng khá giả trong vùng. Tương lai của cả gia đình ông tùy thuộc cả vào người anh xa lạ này. Ông hồi hộp là phải, vì gian khổ vượt qua bao nhiêu núi, bao nhiêu sông, ông sắp đến được cái đích của cuộc mạo hiểm, điểm cuối của con đường một chiều. Ông giáo cố nói bằng một giọng thản nhiên:

– Đúng là Nhiều Lớn. Không biết sức khỏe bà cụ thân mẫu anh ấy độ này ra sao?

Bác Năm vội ngược lên nhìn sững ông giáo. Chờ một lúc, chưa thấy ông giáo giải thích, bác nói:

– Thầy nói ai! Bà già Hai Nhiều à? Bà mất lâu rồi mà!

Ông giáo hỏi dồn:

– Còn ông già?

– Ông già nào nữa! Từ hồi nào đến giờ, có ai nghe nói ông già Hai Nhiều đâu! Ồ, mà thôi! Nhà đó nhiều chuyện lôi thôi lắm. Tôi nghe lúc người ta thuật lại thế này, lúc thế khác. Chuyện như trong tuồng Tàu!

Cho mãi tới khuya, ông giáo vẫn không tìm ra cách nào biết được “cái tuồng Tàu” của gia đình Hai Nhiều nó ra thế nào! Bác Năm một phần không muốn kể, một phần những điều bác biết cũng

mù mờ mịt thuẩn đến phi lý. Cuối cùng, ông giáo chỉ biết được vài điều ít ỏi: hiện Hai Nhiều khá giàu có, hai đứa con gái lớn, một đứa lấy chồng ở Trường Định, một đứa lấy chồng ở Xuân Huê. Đứa thứ tư con trai 18 tuổi và đứa út 15 tuổi con gái còn sống với cha mẹ.

Vợ Hai Nhiều, nguyên văn của bác Năm “thôi khỏi nói”. Bác Năm cười một tiếng nhỏ, mới nghe giống như tiếng hắt hơi, khi nói qua loa như vậy về người vợ Hai Nhiều, Ông giáo phân vân đến nỗi không chợp mắt được suốt đêm vì ba tiếng vô nghĩa ấy.

✱

Sáng sớm hôm sau, trước khi lên đường, bác Năm nói với ông giáo bằng một giọng hồ hững, vô tình:

– Hồi hôm tôi quên cho thầy hay: thằng Lợi, cái thằng nhỏ lí lắc đó, là em chồng con Ba Lý.

Ông giáo ngơ ngẩn không hiểu. Bác Năm cười chữa thẹn, giải thích thêm:

– Ba Lý là con gái Hai Nhiều! Cái con lấy chồng trên Xuân Huê đó mà!

Nhờ vậy, ông giáo biết thêm chút ít về “chuyện tuồng Tàu”. Mấy mươi năm trước vùng An Thái còn là vùng đất mới hoang vu. Cả phủ Qui Nhơn hơn ba vạn dân, Tuy Viễn vẫn là huyện trù phú nhất. Phù sa con sông Côn do nước cuốn từ đầu nguồn sông Ba, bồi đắp miền hạ lưu, nên suốt một dọc đồng bằng phía đông con đường quan là đồng ruộng tươi tốt. Vùng Gò Thị, Nước Mặn, Mỹ Cang vừa có hoa lợi của nông nghiệp, vừa thu được nguồn lợi mới do buôn đường biển, trở

thành những thị trấn phồn thịnh. Thuyền bè đi lại tấp nập, hàng hóa giao lưu. Dân tứ xứ đổ về, một số không nhỏ là dân xiêu tán từ Thuận Hóa, Thanh Nghệ.

Sự phức tạp về nguồn gốc, khác biệt và chạm về ngôn ngữ, văn hóa, đã gây khá nhiều xáo trộn, đến nỗi dân địa phương cảm thấy phải liên kết lại để bảo vệ quyền lợi, đề phòng những kẻ vong mạng xa lạ. Họ miệt thị hạng người phiêu bạt, tự ý đặt ra những luật lệ di trú khe khắt. Các chức tri phủ, tri huyện coi việc tử tụng; huấn đạo, phủ lễ sinh coi việc tế tự văn hóa; đề lại, thông lại tra xét các văn án; nghĩa là các chức quan trọng về hành chính, quân sự, thuế vụ cấp huyện phủ đều do người Thuận Hóa từ phủ chúa cử về nắm giữ.

Nhưng các chức sắc cấp nhỏ trực tiếp với dân chúng như bọn đốc ộp tiền

sai dư, tô ruộng và sưu dịch; bọn ký lục trông coi sổ sách, bọn cai tổng, duyệt lại, tướng thân, xã trưởng, đều là người địa phương. Họ mới thực sự là những người nắm giữ quyền bính, phân chia công điền, lập sổ thuế, định xã binh. Các quan huyện ấn định mức thu nộp thuế má và dâng nộp xã binh của từng xã, tổng. Bọn xã trưởng cai tổng căn cứ vào đó toàn quyền ấn định ai là chính hộ, ai là khách hộ, ghi bỏ tên ai vào sổ binh, phân cho người nào truất bỏ không cấp công điền cho người nào... Nắm được uy quyền rộng rãi như vậy, những chức sắc địa phương đã xua đám dân xiêu tán mới nhập lên phía tây con đường cái quan, vùng giáp giới núi rừng Tây Sơn thượng. An Thái lúc ấy là một trong những làng mới của những người mở rừng bất đắc dĩ này³.

3 Theo Phủ Biên Tập Lục Lê Quý Đôn trang 146.

Cứ nhìn thế đất thì mạn bắc con sông Côn dễ khai thác hơn mạn nam. Ở đó đất khá phẳng, việc định cư đã có nề nếp, hướng xâm thực từ phía nam Tuy Viễn dọc theo đường sông hay đường bộ đều tự nhiên. Mạn phía nam thì vất vả hơn. Đường sá chưa có. Dân xiêu tán bị xua đuổi từ miền đồng bằng sát biển chỉ có thể tìm đất tạm cư bằng lối đường sông Vài bọc quần áo rách, cái ang đất nung, một ngọn mác, một lưỡi cuốc... dù rất nhiều cay đắng mà can đảm, họ lo ngại không dám ghé vào các khu định cư phía bắc. Họ đã gặp nhiều cái nhìn thù hằn, nghe nhiều lời cộc cằn, thô lỗ. Họ bèn áp bè vào bờ nam con sông Côn. An Thái là một bến hiền, nên chẳng bao lâu trở thành làng xóm trù phú.

Những người mở rừng phải chống đỡ nhiều phía. Sơn lam chướng khí còn

nặng, thêm muối mòng, rần rít. Đất mới mầu mỡ nhưng sức người chưa đủ tranh lại với sức cỏ mọc. Nếp sống còn hoang dã lại thêm những u uất chất chứa, những thù hận, những tranh chấp cho cái ăn, cái ngủ, khiến nhiều kẻ vong mạng liều lĩnh nổi bật lên trên đám đông, trở thành thổ hào.

Tư Thới, ông ngoại của Hai Nhiều là một trong những thổ hào này của đất An Thái.

Theo những lời huyền truyền thường thấy ở các vùng đất hoang sơ, ông Tư Thới đáng gờm nhờ một miếng võ bí truyền. Người ta thì thảo kế cho nhau nghe rằng một hôm trên đường gánh củi về nhà, Tư Thới gặp một ông cọp ba càng dữ tợn đón đường. Tư Thới hết sức bình tĩnh, khom lưng đặt gánh củi xuống, xắn tay áo lên. Rồi chỉ trong chớp mắt, ông

phóng đến phía con thú dữ, dùng ngón trở đâm vào thân cạp móc ngay ra được lá gan con thú. Cái ngón trở chỉ có hai lông của Tư Thới từ đó có nhiều uy quyền hơn dấu triện son của quan phủ. Tư Thới mau chóng trở thành giàu có. Nhà cửa vườn tược mỗi ngày thêm khang trang, đẹp đẽ. Tiệc tùng đãi đằng quan to, quan nhỏ thêm nhiều. Cái ngón trở chỉ có hai lông, ai ngờ làm nên sự nghiệp gấp vạn lần những ngón trở có đủ ba lông của dân xiêu bạt khác.

Khi đã thành công rực rỡ trên đường đời nhờ những mẩu chuyện hàm hồ về hai lông tay, Tư Thới muốn sự nghiệp của mình được hợp thức hơn. Của cải, danh vọng, quyền lực ông đã có. Nhưng đối với bọn duệ lại, ký lục bờ phía bắc, ông vẫn có cái mặc cảm võ biên. Trong vài vụ tranh chấp, ông thua họ vì ít chữ

chứ không phải vì ít tiền. Con gái của Tư Thới đã tới tuổi cập kê. Ông muốn chọn một chàng rể có chữ, nếu không hay thì cũng phải đủ để viết cho được một lá đơn kiện cho ra hồn. Trông tới trông lui bên bờ nam, không có ai xứng đáng được làm rể ông. Phải đánh bạo qua tìm bên bờ bắc vậy. Sông Cạn, An Vinh, Trường Định, Kiên Thành... đây rồi! Ông tìm ra một thầy ký lục nghèo. Ngón trỏ cụt của ông Tư Thới chỉ đúng vào tên của thầy ký lục trẻ. Rồi cả bàn tay Tư Thới vỗ nhẹ lên vai ông cai tổng Kiên Thành, vừa cầu xin vừa đe dọa để nhờ lão cai tổng nhát gan chịu đứng ra mai mối. Người ta kể rằng ban đầu thầy ký dấy nẩy lên, coi đề nghị của thầy cai tổng như một xúc phạm đến nho phong. Thầy không thể “vong ân bội nghĩa”, “tham phú phụ bản”. Có một cô gái quê đã âm thầm giúp đỡ mẹ con thầy trong những lúc túng quẫn,

thay thầy chăm sóc giấc ngủ, miếng ăn cho bà cụ lúc thầy còn mãi lận đận vất vả với mấy câu kinh nghĩa, mấy mẹo văn sách ở tận kinh đô. Lời qua tiếng lại giữa ông cai tổng, thầy ký, người mẹ, cô gái, thực sự thế nào thì mỗi người kể mỗi cách. Phần này dành riêng cho khả năng tưởng tượng phong phú và tính mơ mộng của đám quần chúng lam lũ, quanh năm lo ăn, lo mặc nên chỉ quên được hệ lụy của đời trong các câu chuyện cà kê «mậu lần». Kẻ ghét văn chương phù hoa thì hạ nhục thầy ký. Các cô gái dậy thì tô điểm cho cô gái cao thượng, những bà mẹ thì dành cảm tình cho người mẹ khốn khổ. Và họ cùng lại gặp nhau ở kết quả thầy ký chịu làm rể ông Tư Thới.

Dễ gì có một biến cố tình tiết ly kỳ như vậy ở một nơi sơn cùng thủy tận! Với óc thực tế của một người xây dựng thành

công sự nghiệp bằng bàn tay cụt ngón và trí thông minh, ông Tư Thới quyết tổ chức đám cưới cho thật linh đình. Bao nhiêu phí tổn, ông bao hết. Từ cái khăn đội đầu của chú rể cho đến cái yếm mới của “chị sui”. Chọn cho được giờ hoàng đạo. Chọn cho được đoàn ngựa hời khỏe và mập để “rước rể”. Vâng, rước rể chú không phải rước dâu, vì điều này là một trong những điểm tranh luận gay go giữa mỗi lá hai họ. Ở gian nhà lá mái của Tư Thới, người người tấp nập rộn rịp chuẩn bị. Ở đây, những mơ ước thầm kín của người đời sau được dịp thêu dệt phóng túng. Kẻ vô gia cư ưa trang điểm thêm cho tòa nhà Tư Thới đẹp đẽ như một lâu đài. Người đói khát, mắt sáng lonh lonh khi thuật lại cảnh nhộn nhịp thơm tho của nhà bếp. Kẻ rách chú ý đến chiếc áo cưới. Vì thế những điều ông giáo nghe mấy mươi năm sau có nhiều điểm quá lố

đáng ngờ. Chẳng hạn cái cảnh người ta xô nhau ra đường, chờ chàng rẽ đi ngang để nhổ nước bọt khinh bỉ vào mặt, chửi đồng một câu cho đã tức. Thực ra có thể chàng rẽ cũng hơi e ngại, trùng trùng do dự trước khi rời căn nhà xập xệ của mình về gửi rể ông Tư Thới bên An Thái. Nhưng ông giáo nghĩ, anh ta e ngại vì một lý do đơn giản hơn: anh ta phải đi qua nhà cô gái bị phụ bạc.

Quả nhiên những điều chàng rẽ lo lắng đã đến, ngoài sức tưởng tượng của nhiều người. Họ trai đi ngang qua nhà cô gái, thì bà mẹ cô ta và mấy người anh lực lưỡng đứng dàn hàng ngang cản đường. Cô gái vì thất tình nên sinh bệnh trầm trọng. Bà mẹ không muốn mất con. Mấy người anh không muốn một thầy ký thất đức. Họ cương quyết giữ cả họ trai lại, ra điều kiện hoặc phải vào rước dâu tại

đây hoặc phải có máu đổ tại đây. Họ nhà trai có quá ít tự do để chọn lựa. Trong khi đó, họ nhà gái nhận nhip chờ đợi. Giờ hoàng đạo là giờ ngọ. Họ đợi đến giờ mùi. Một tá điền được lệnh phóng ngựa qua sông tìm hiểu duyên cớ. Giờ thân anh ta trở về. Ông Tư Thới muốn hét lên một tiếng cho trời đất sụp đổ, ngón tay cụt của ông run run. Nhưng là một người từng trải, ông nhanh chóng đo lường tình thế. Ông giấu kín mọi sự, gọi một người thân tín sai qua ngay An Vinh. Trời chưa sụp tối, nhà trai đã đến. Mọi người thở dài hân hoan. Cô dâu gạt vôi hai con mắt ướt để vén lại mái tóc, sửa lại vành khăn. Có một điều mãi sáng hôm sau cô mới biết, là chàng rể đã cùng cô qua đêm hợp cẩn không phải là thầy ký.

Anh con trai người Thanh Hoa xiêu

tán lưu lạc đến nơi sơn cùng thủy tận này đang bơ vơ không biết tương lai đời mình nó như thế nào, thì có người đột ngột gọi anh ta đến, cho ăn mặc đẹp, cho cưỡi ngựa, và đẩy qua sông lấy vợ giàu. Chuyện thần tiên anh nghe kể từ thuở nhỏ lại có thực chẳng? Mà anh đã mất gì? Chỉ mất cái khố rách và cái túp lều tạm. Anh ta thích thú vâng lời!

Anh đã phạm một sai lầm không thể cứu gỡ nổi. Nếu anh có chút ít chữ nghĩa, chắc anh phải thuộc hai câu thơ rất thích hợp với hoàn cảnh éo le của anh:

Cổ nhân khổ tác thiên thai mộng

Thùy thức thiên thai diệt đoạn trường.

Không chịu đựng được lời chê cười xung quanh, thái độ lạnh nhạt rẻ rúng của vợ, hai tháng sau anh trốn đi. Anh

chưa biết mặt mũi đứa con trai bất đắc dĩ của anh, đứa con trai sinh ra thì người mẹ chết vì sản hậu, báo hiệu đà xuống dốc của gia đình ông Tư Thới. Đứa con đó là ông Hai Nhiều ngày nay.

✱

Chỉ còn nửa buổi nữa thôi thì tới An Thái. Càng về gần miền đất sẽ bảo bọc cho gia đình, ông giáo càng thấy mình bị nhiều định kiến. Ở kinh, ông không tưởng tượng nổi đời sống, làng xóm, nhà cửa ở miền đất xa xôi hiểm trở ấy. Nếu có chăng, chỉ là cóp nhặt ý những bài thơ biên tái. Lại thêm câu chuyện về cái tuồng Tàu trong gia đình Tư Thới càng khiến ông lún sâu vào những định kiến sai lầm. Ông chờ một vùng hoang vu. Cây cối ở đó man dại. Thú rừng, rắn

rít. Cả đoàn vợ con ông sẽ phải vạch cỏ dại, phát gai góc mà tìm lối. Ông lăm lăm quá!

Vùng đồng bằng An Thái, lúc ông giáo về, đã trở thành một miền đất ổn định. Ông ngạc nhiên khi thấy các ô ruộng bằng phẳng chập chồng lên nhau, nối tiếp từ bờ sông cho đến tận chân núi. Đường cái thẳng tắp, một vài đoạn có đóng cừ và trải đá. Nhà cửa đã qui tụ thành làng nằm dọc theo hai bên sông.

Những con đường thẳng trước mắt làm ông tỉnh ngộ. Hình như ông đã từng đọc ở đâu đó, rằng đường thẳng là một khám phá lớn lao mà con người lấy làm hãnh diện, sau khi khám phá ra lửa. Đường thẳng xác định ý chí chế ngự, giấc mộng khắc phục thiên nhiên hung dữ cuồng nộ của con người. Ở đâu có người sống, ở đó có dấu vết con đường thẳng.

Ông giáo nhớ một lần cùng với bạn leo núi và trên đường về họ bị lạc. Mọi người lo sợ. Họ cảm thấy mất hút giữa rừng lá, vô vọng chỉ còn thấy cái chết tàn khốc do đói khát, thú dữ, rắn rít. Cuối cùng, họ đến được một đôi trọc. Và từ trên đỉnh đồi, hạ tầm mắt xuống thung lũng, họ khám phá ra được một đường thẳng. Họ mừng rỡ, cú băng rừng mà hướng về phía đó. Họ không lầm: một thợ săn sống cô độc giữa thung lũng để chờ bầy nai lấy lộc.

Có một điều quan trọng hơn, ông giáo đã quên, là vùng đất này đã từng là trung tâm của một nền văn minh. Kinh đô Chà bàn chính là vùng đất này. Ông đã đi qua dưới những bóng tháp. Ngay lúc này đây, ông đang đi ngang một tháp Chàm. Lối kiến trúc và điêu khắc công phu, mỹ lệ hơn hẳn trình độ mỹ lệ bọn

thợ khéo ở phủ chúa. Thì ra trong cuộc phế hưng của sự sống, có những lớp cây đại, những côn trùng, những thú dữ, dẫm dưới chân mình những mảnh vỡ mục của một nền văn minh. Những kẻ đến sau bị cuộc cạnh tranh đẩy đến nơi hoang dã, cầm rựa phát cỏ dại, chặt cây dựng lán tạm, tưởng mình là kẻ khởi đầu cho một nền văn minh. Tội nghiệp thay cho những người không nhìn quá được khỏi ngạch cửa.

Những ý nghĩ ấy vượt ve tâm hồn ông giáo. Đã lâu lắm, ông mới có cái khinh khoái được suy nghĩ, được chiêm nghiệm, được nhập chung vào cuộc vận hành vĩ đại và liên tục của vũ trụ, thấy ở mỗi nhịp thở sự phập phồng của thủy triều, từ hơi ấm đoán ra vị trí của mặt trời. Khổng phu tử phải chờ đến 70 mới hiểu được Dịch. Vào cái tuổi 45 của mình,

ông giáo tự hỏi đã hiểu được gì? Tứ thập nhi bất hoặc. Không. Những giây phút như lúc này thật quá hiếm hoi đối với ông. Nó đến không báo trước và chấm dứt vào lúc bất ngờ. Còn lại trong quãng đời dài, ông giáo chỉ do dự, hoài nghi, hối hận, thương tiếc. Ông chưa được cái thành đạt bình thường của mọi người là “không nghi ngờ”.

✱

Còn cách một quãng đồng nữa là đến An Thái! Bác Năm chỉ cho ông giáo thấy một dải tre xanh phía trước mặt. Họ vừa qua cầu, bên tay mặt dòng sông uốn khúc rồi chia làm hai nhánh, nước mùa tháng ba rút cạn để lộ một dải cát vàng mênh mông. Ông giáo cảm thấy xúc động, mừng rỡ đến chảy nước mắt trước

một thứ hạnh phúc còn mơ hồ nhưng đã bắt đầu có thực.

Ông nghe tiếng đặc ngựa leng keng vui tai. Từ lúc ghé bến Gò Bồi, ông hết sợ tiếng đặc ngựa. Cách bao nhiêu sông bao nhiêu núi rồi! Ông nghĩ mình đã an toàn. Ông lại nghĩ thêm: Có lẽ cảm giác khinh khoái mình vừa cảm thấy, hình dáng của hạnh phúc mới hiện, do ở chỗ mình đã rút bỏ được nỗi sợ hãi canh cánh.

Tiếng đặc ngựa đến gần. Mọi người kinh ngạc, thấy hai người lính cưỡi ngựa đang quất tháo giục một đoàn tù nép vào vệ đường. Bác Năm bảo:

– Lại đến mùa nộp binh rồi!

Ông giáo chột hiểu. Do được nhiều lần góp ý lạm bàn chuyện quốc sự với

quan nội hữu, ông giáo đã biết thường thường mỗi năm đến tháng năm tháng sáu thì có lệnh trưng binh. Quân lính đi ra các làng, bắt dân từ 16 tuổi trở lên, chọn những người thân thể cường tráng để giải về phủ sung quân. Vào quân đội rồi mỗi người bắt chuyên học một nghề, kế phân phối đi các chiến thuyền để luyện tập, có chiến tranh đem ra đánh giặc, lúc vô sự thì ở trong vương phủ làm xâu, tuổi chưa tới 60 chưa được về làng cùng cha mẹ vợ con. Hằng năm thân thích đem thức ăn, áo quần đến thăm nuôi mà thôi [Hải ngoại ký sự, Thích Đại Sán, trang 43.]. Có một điều bất ngờ đối với ông giáo, là bọn lính phủ dùng gậy tre dài đóng gông tất cả những trai tráng bị trưng binh như thế này. Gông tre giống hình cái thang dài nhưng hẹp hơn, mỗi cái đóng một toán 8 người. Hai đoạn tre tròn nằm vắt lên 8 đôi vai trần,

mấy thanh ngang vót dẹp chẹn sau ót và dưới cằm. Bước đi khiến da tre xù xì làm xây xác cổ và vai của mấy người trai tráng bất hạnh, nên hai tay họ đồng loạt đưa nâng cái gông dài lên. Toán đi trước có đủ 8 người. Toán mang cái gông phía sau chỉ có 7 khuyết mất người đi đầu. Người lính phủ cưỡi roi ngựa ô thấp đã hết dùng roi quất vào đầu gông để thị uy, hằm hằm nhìn đám người nhà ông giáo đi qua. Ông giáo chưa hiểu lý do khiến người lính nhìn vợ con ông một cách giận dữ, ác cảm. Ông dắt Lãng và bỗng thẳng Út bước qua. Kiên và Chinh khiên vồng bà giáo đi qua. Đến lượt mấy người phu vác đồ đạc và An. Đến hai gánh thai bài. Đúng lúc đó, người lính phủ hét lên:

– Bọn kia đứng lại!

Mọi người dừng bước, ngớ ngàng. Riêng ông giáo hơi sợ. Người lính hỏi:

– Người kia là ai mà dám đi vông?

Trong nháy mắt, ông giáo hiểu hết. Mọi sự đều do cái chần nhiễu Tàu mà bạn ông, quan nội hữu, được một thuyền buôn Quảng Đông tặng đã đem tặng lại ông, vào dịp bà giáo sinh được đứa con út. Bọn lính tướng đoàn tùy tùng của một quan lớn nên nem nép lo sợ tránh đường. Không ngờ khi đến gần, họ chỉ thấy một đoàn trẻ già trai gái ô tạp, lôi thôi lếch thếch, hình dung tiều tụy. Nhìn cái vông rẻ tiền, cái đòn tre xù xì, họ hiểu. Vị quan lớn họ lo sợ phải gặp, chỉ là một người bệnh. Rồi từ hiểu, họ then. Từ then đến giận chỉ cách một sợi tóc. Cảm thấy thế giá bị xúc phạm, người lính thúc ngựa đến trước Lợi và bác Năm ngạo nghề hỏi:

– Mua còn về đi ăn cướp hả?

Bác Năm chưa kịp trả lời, Lợi đã mau miệng đáp:

– Gia đình thầy đây về quê ở An Thái. Còn chúng tôi là người nhà ông biện.

Sự bình tĩnh, tự nhiên của Lợi là một thách đố xác xược đối với người lính. Hắn đã chọn được nạn nhân. Hết sức đột ngột, hắn thúc ngựa về phía Lợi, đưa chân đạp ngã gánh thai bài. Lợi té xuống. Vừa xốc áo đứng dậy, anh ta đã bị người lính nắm tóc lôi đi. Miệng hắn hét:

– Mày trốn lính mà còn dám xưng người nhà ông này ông nọ. Mày người nhà ông nào tao cũng gông đầu mày lại như thường!

Lợi dẫy dựa phản đối. Người lính kia vội nhảy xuống ngựa chạy đến giúp bạn. Đã quá quen nghề, họ nhanh chóng

bẻ quặt tay Lợi, xô chúi anh ta về phía khoang gông còn bỏ ngỏ. Người bị bắt lính đứng đầu đưa hai tay ra ôm chặt lấy Lợi, hoặc để tăng công hoặc thực sự vui mừng vì có thêm một người chia sẻ cảnh ngộ rủi ro. Nhờ vậy hai người lính đóng gông Lợi dễ dàng. Mọi sự xảy ra quá nhanh, đến nỗi cả bác Năm lẫn ông giáo miệng đều há hốc, muốn nói mà không biết phải nói gì. Đến lúc cổ đã vào gông, Lợi mới sợ hãi thực sự. Anh ta dần dà hiểu hết tình thế. Anh phát lên khóc. Bọn trai tráng bị trưng binh ngược lại cười hô hố. Ông giáo nói lớn:

– Các bác lầm rồi. Cậu đây người lương thiện, đâu phải dân trốn lính.

Bác Năm cũng gắng giải thích:

– Các bác bắt lầm người ngay rồi! Tôi với thằng em đây đều là người làm

của ông biện. Chẳng lẽ ông biện lại dám không tuân luật lệ vương phủ hay sao?

Người lính trẻ cưỡi con ngựa tía có lời lẽ hơi chùn bước, hỏi bác Năm:

– Ông biện nào thế?

Bác Năm mau mắn trả lời:

– Ông tuần biện Kiên Thành. Ông Biện Nhạc đó chú.

Người lính trẻ đưa mắt hỏi dò người lính già cưỡi ngựa ô. Người lính già do dự. Có lẽ hắn thấy lùi còn lỗ bịch và nguy hiểm hơn là cứ lấn tới. Và hắn quyết định. Người lính già quát:

– Biện Nhạc hả? Mày về nhẩn lão có giỏi thì lên phủ mà đòi người. Có lên nhớ gánh theo trâu nguồn nghe không!

Hắn đưa mắt ra lệnh đoàn trai tráng

bị trưng binh lên đường. Toán đầu bắt đầu đi. Lợi khóc thất thanh, quay mặt về phía người lính chỉ huy van lơn. Bảy người cùng mang gông với Lợi, không ai bảo ai, cùng đẩy cái gông lên, chuẩn bị bước. Lợi đi đầu, tự nhiên bị xô chúi tới trước. Tiếng Lợi khóc khàn khàn đeo đuổi ông giáo suốt đoạn đường còn lại, khiến ông ray rứt không yên.

Cảm giác bất lực trước một công việc thuộc trách nhiệm của mình, thứ cảm giác bẽ bàng nhiều lần từng quấy nhiễu ông, giờ đây ông thấy rõ hơn lúc nào hết. Gánh thai bài còn nằm ngay giữa đường! Tiếng Lợi cười nói liến thoắng như còn văng vẳng. Đoàn người ngựa qua cầu, biến mất sau khúc ngoặt rợp bóng tre. Mọi người uể oải lên đường. Một người phu phải gánh hộ gổ cho Lợi nên Kiên và Chinh phải móc thêm hai bọc quần

áo nặng vào đòn vồng. Thiếu Lợi, thiếu những câu pha trò và những chuyện tầm phào của Lợi, cuộc hành trình trở nên nặng trĩu. Thiếu Lợi, ông giáo cũng thiếu mất người môi giới cần thiết khi đến nhà Hai Nhiều.

Họ đến An Thái lúc chạng vạng tối. Vợ chồng Hai Nhiều sợ đến xanh mặt khi thấy chó sủa vang trước ngõ, rồi một đám đông kẻ gánh người khiêng tiến vào cái sân hẹp. Sao lại có điều lạ thế này? Họ là ai? Từ đâu tới? Họ muốn gì hai vợ chồng mình?

Những lời giải thích, phân bua của bác Năm và ông giáo, giữa cảnh náo loạn ồn ào trong sân nhà Hai Nhiều, không soi sáng được gì cho vợ chồng. Hai Nhiều quên không bỏ cây tăm xỉa răng đi, đưa hai tay lên phân trần:

– Dạ dạ phải. Đúng tôi là Hai Nhiều. Bà nằm đây là em gái tôi? Trời đất ơi! Từ lúc ông tôi còn sống, tôi có nghe ai nói đến người em gái này đâu! Sao ông bà không chọn ai khác mà lại chọn chúng tôi. Chúng tôi đâu có tội tình gì!

Chương 3

Phải thông cảm cho vợ chồng Hai Nhiều, nếu họ không thể tiếp đón gia đình ông giáo một cách nồng hậu niềm nở hơn! Đời sống đã cung cấp cho họ đủ phiền phức rồi! Từ lâu, họ đã chủ trương nên thu người lại, thu càng nhỏ càng tốt, lẫn mất trong vô danh để được yên ổn mà sống. Triết lý sống ấy từ đầu là của anh chồng. Ông Tư Thới về già hình như hết còn tin tưởng vào ngón trở linh nghiệm của mình, bỏ hết mọi toan tính, tranh chấp, thu về trong vòng rào khu vườn um tùm. Hai đứa con của

ông đều gặp những cảnh ngộ đau đớn. Một đứa tình duyên trắc trở chết không thấy mặt con. Một đứa bị bệnh nan y sống thui thủi giữa đồng vắng. Ông nghĩ đến những hành động táo toan của mình thời trẻ, nhớ lại những kẻ thất thế bị ông gạt phăng ra khỏi cuộc tranh chấp không chút thương tiếc. Như con hổ về già, ông để mặc cho lũ khỉ, lũ sóc múa may châm chọc với lòng an nhiên. Hai Nhiều lớn lên, rập khuôn theo mẫu sống của ông ngoại, vừa thừa hưởng cái gia tài khá lớn gồm nhà cửa, vườn tược, ruộng rẫy vừa thừa hưởng lối sống dăm dúi xa cách của ông.

Chị Hai Nhiều lúc còn con gái tất nhiên cũng có tham vọng. Lấy chồng, chị hơi thất vọng vì cái tính nhu nhược cầu an của Hai Nhiều. Nhưng như ta thường thấy, dần dần chị nói, chị nghĩ, chị cư xử

y như Hai Nhiều, đến nỗi nhiều người quen cũ không nhận ra chị nữa. Chị giúp chồng xếp đặt đời sống trong bốn bức rào, gắng hết sức tránh những điều phiền phức. Nhưng sự phiền phức cứ tới. Đầu tiên tới từ phía cái chòi tranh của người cậu bị cùi. Người bệnh không dám phiền hà đến ai, từ xa mà nhìn chỉ thấy một tấm phen được chống lên, một cánh cửa khép, một ánh đèn leo lét hiu hắt giữa khuya. Chị Hai Nhiều vài lần có phận sự đem đồ tiếp tế thay chồng, nín thở bước tới đặt gói thực phẩm ở góc mít rồi ù té chạy, vẫn còn nghe được tiếng rên nhức buốt của người cậu. Còn gặp mặt thì chị chưa gặp lần nào. Cả Hai Nhiều cũng vậy.

Người bệnh tuy cô lập để khỏi rầy rà cho người quyến thuộc nhưng những oán thù chồng chất do cách xử thế lẫn áp

tàn nhẫn của ông Tư Thới cứ còn nguyên vẹn đó, chờ dịp là trỗi dậy. Dịp ấy đến. Số là cái chòi tranh ông Tư Thới cất cho đứa con nằm trên một miếng vườn đất cao của dân tạm cư bị phá sản, phải tha phương cầu thực. Ông Tư Thới mua lại miếng đất đó với một mủng gạo đỏ. Giá có rẻ đấy, nhưng chủ quyền miếng đất ấy hợp thức. Ông Tư Thới có đủ giấy tờ cần thiết. Thế nhưng, từ lúc con ông Tư Thới ra ở riêng trong cái chòi nát cạnh mấy gốc mít cỗi, trong làng không ai dám lai vãng tới gần đó nữa. Người ta đồn đại rằng đêm đến nhất là những hôm có trăng, sâu cùi bỏ cái thân còm cỗi co quắp của người bệnh, bò đi ăn sương sáng cả một quãng đồng. Hậu quả tâm lý dây chuyền diễn ra sau đó cũng dễ hiểu: cả một vạt đồng quanh cái chòi tranh bị bỏ hoang. Thợ cày không dám lừa trâu đến, thợ cấy không dám cấy. Lúa chín không ai dám

gặt. Chuyện kiện tụng đưa đến tổng, rồi đến huyện, đến phủ. Vợ chồng Hai Nhiều mất dần bốn khoảnh ruộng thuộc loại nhất đẳng điền để bồi thường cho người ta. Thói thường khi dậu đổ thì bìm leo. Từ đó về sau, cái chòi tranh lẩn khuất và lặng lẽ ấy trở thành cái cớ nổi giận của cả làng. Vì giữa biết bao tai ương, bất trắc, người ta giận ai, oán ai đây? Giận trời ư? Trời xa không thấu! Giận mình? Mình có tội gì! Dân làng cần tìm ra một kẻ chịu trách nhiệm, kẻ tội lỗi đã làm hại lây đến những người lân cận. Thì đâu ai khác hơn ông Tư Thới. Và bằng chứng sự trừng phạt của Trời Chí Tôn, hãy nhìn cái ánh đèn leo lét mỗi đêm trong cái chòi tranh ấy, hãy nghe tiếng rên xót buốt phát ra từ cái chòi tranh ấy!

Người con bất hạnh chết trước người cha bất hạnh. Dù vậy mãi cho đến lúc ông

Từ Thới chết đi, nghĩa là đến năm năm sau, khu vườn của người cùi, lần bốn, năm khoảnh ruộng quanh đấy vẫn còn bị bỏ hoang. Vài năm sau, một gia đình xiêu tán từ Tân Quang vào, bắt chấp những lời đe dọa của dân làng, xin Hai Nhiều cho cấy thuê mấy khoảnh ruộng đó. Đất hoang hóa quá lâu, nên hai mùa đầu coi như mất. Đến mùa thứ ba chưa kịp thu hoạch, người chồng trong gia đình bị trúng gió chết ngay dưới gốc mít. Người vợ lại dắt lũ con nheo nhóc trôi giạt đói khát. Năm đó, trời hạn, lại có nạn dịch tả giết chết gần một nửa dân số. Hai Nhiều phải mất thêm hai đám ruộng tốt: một đám dùng hoa lợi cúng kỳ yên, một đám bán đi để xây một cái miếu ngay trên nền cái chòi tranh của người cậu, để cho oan hồn người bất hạnh siêu thoát khỏi gây họa cho người còn ở lại.

Từ đó đến nay, cái miếu hoang chìm khuất giữa một vùng cây cối hoang dại, gai góc um tùm, chim chóc tìm về đó làm tổ, mùa lụt rần rít trôi dạt vướng vào đó rồi sinh thành đàn, dần dần thành một vùng cấm địa. Người ta quên mất chuyện người cùi, nhờ thế vợ chồng Hai Nhiều rồi rảnh được ít năm. Con cái họ lớn lên. Hai đứa con gái đầu đã đến tuổi lấy chồng. So với những cô gái khác trong vùng, con gái của Hai Nhiều khá đẹp. Cả hai cô đều khỏe mạnh, làm lụng giỏi, đặc biệt cô Ba Lý mỗi khi cười má có lúm đồng tiền thật xinh xắn. Khi có một vài đám bắn tiếng dạm hỏi, thì cái chòi tranh đã mất dấu dưới nền miếu lại hiện về, gây rắc rối cho gia đình Hai Nhiều. Người ta lại được dịp bàn ra tán vào về đôi má đỏ hây hây của cô chị, về “vẻ đẹp khác thường” của cô em. Người ta nói đến căn bệnh di truyền. Người ta bịa bao

nhiều điều có thể bịa được để cột chặt số phận mấy đứa con Hai Nhiều vào gốc mít cối còn sót lại trước miếu cô hồn.

Năm kia, họ gả được người con gái đầu lòng cho một anh thợ rèn bên Trường Định. Năm ngoái họ lại vừa đưa cô Ba Lý về làm dâu trên Xuân Huê. Vợ chồng Hai Nhiều đã lạng lẽ và can đảm chống chọi nghịch cảnh với hết sức của mình. Cả hai cô con gái đẹp đẽ đã lấy chồng ở hạng cổ cùng, vợ chồng Hai Nhiều xót xa về điều ấy lắm. Nhưng biết làm sao? Than thở với ai đây? Mà oán trách ai đây!

Đúng lúc họ muốn thu nhỏ cuộc đời mình lại để tránh sóng gió, lấm lét nhìn ra bên ngoài hàng rào tre, dò trước những tai bay vạ gió, thì gia đình ông giáo đến.

✱

Ít lâu sau, ông giáo mới hiểu một phần cuộc đời của cha vợ, và cái miếu hoang vắng ngoài đồng kia, đã trở thành hai mặt chủ yếu của một huyền thoại phổ biến tại An Thái. Trăng là của chung mười phương, nên soi cả đến những vùng hẻo lánh. Sự sống xây dựng bằng hơi thở hùng hực của ý chí phấn đấu, bằng sức mạnh của can đảm và kiên nhẫn, nhưng có một mặt khác cũng là thành phần của sự sống: mặt yên nghỉ, mặt buông thả, lẳng đọng. Cho nên cuộc đời càng cam go, càng dễ phát sinh những huyền thoại. Làm sao tưởng tượng nổi một cuộc sống hùng hực ánh nắng mà thiếu những tối quây quần dưới trăng, mắt sáng long lanh theo dõi những tình tiết của chuyện đời xưa.

Mấy đời lập nghiệp ở cái bến hiền An Thái này, cũng tạm đủ cho dân ở đây dựng cho mình một chuyện riêng. Già kể cho trẻ, kẻ văn vẻ tô điểm những thiếu sót, người cả thẹn gạn lọc những điều thô lỗ. Phần còn lại của “tấn tuồng Tàu” vùng An Thái, như lời Lợi thuật lại cho ông giáo, là phần được chắt lọc qua những nguyên tắc đạo đức phổ biến: sự đấu tranh giữa cái tốt và cái xấu, giữa kẻ cô thế và kẻ bạo tàn, sự tất thắng của lẽ thiện. Kẻ cô thế chiếm trọn cảm tình của người dân An Thái bao nhiêu năm nay, chính là chàng rể bất đắc dĩ đã phải bỏ vợ trốn đi vào một đêm “mưa sa gió lạnh”. Bây giờ chính con gái, rể, cháu của “kẻ cô thế” đây trở về An Thái! Hóa ra chuyện đời xưa có thực chẳng? Dân An Thái thích thú tiếp đón gia đình ông giáo như họ sẽ thích thú khi gặp cô Tấm trong truyện cổ tích lấy từ hũ xương cá bống

nào hài cườm, xiêm lụa, yếm đào, ngay dưới gốc cây gạo ở chợ An Thái này cho họ xem!

Thiện cảm của đám đông dồn dập đến như sóng. Gần như cả gia đình ông giáo đều choáng váng trước một may mắn bất ngờ và lãng mạn như vậy. Người ta bất mãn khi thấy bà Hai Nhiều chậm hiểu nghĩ mãi chưa ra tại sao những kẻ nói giọng trọ trẹ xa lạ lại tìm đến tận cái xó xa xôi này làm gì. Người ta nhắc nhở Hai Nhiều điều này điều nọ. Tội nghiệp ông Hai Nhiều! Bị tứ phía thúc giục, trách móc, cười cợt, ông đâm quỳnh. Ông chạy đi chạy lại, làm theo lời người chung quanh như một cái máy ngoan ngoãn.

Rồi mọi việc đâu cũng vào đó! Người ta vục bà giáo vào nằm trên một cái chõng tre. Con gái út của ông Hai Nhiều

lo thổi cơm, luộc trứng dầm mắm của đãi khách. Bác Năm đã thương lượng thuê tiếp một người phu ở Nước Mặn chuyển gánh thai bài của Lợi lên Kiên Thành. Để kịp hẹn với ông biện, và nhân thể báo gấp ông biện tìm cách gỡ Lợi ra khỏi gông dãi của bọn lính phủ, họ từ chối không dám nghỉ đêm ở An Thái.

Đêm về khuya. Những kẻ hiếu sự cũng thấm mệt, dần dần về nhà. Chỉ còn lại hai gia đình ruột thịt mà xa lạ. Lúc đó, ông giáo mới căn kê kể ngọn ngành gốc gác của gia đình mình. Vợ chồng Hai Nhiều và hai đứa con nhỏ ngồi chồm hổm gần bên cây đèn chai lắng nghe từng tiếng của ông giáo. Đứa con trai em kể cô Ba Lý, nét mặt hơi ngờ nghệch, miệng há hốc càng thêm vẻ đần độn. Cô gái út thì khá linh hoạt, đến ngồi bên An vuốt tóc An làm quen. Nghe ông giáo kể

xong. Hai Nhiều đăm chiêu. Còn vợ Hai Nhiều thì hô hoán lên;

– Đã đành như vậy, nhưng chúng tôi tình cảnh thế này, giúp được gì cho các người. Tại sao các người không tìm về quê nội!

✱

Cảm tình bỗng bột lãng mạn của dân An Thái cứu gia đình ông giáo qua cơn bối rối buổi buổi đầu, chẳng hạn nó thúc giục, hoặc nói đúng hơn, ép buộc chị Hai Nhiều chấp nhận lạng lẽ những điều đáng lý chị vừa chấp nhận vừa cảm râm.

Thuở sinh thời, ông Tư Thới có nhiều mộng ước ngang tàng. Ông muốn ruộng vườn rộng thêm ra. Ông đã mãi nguyện.

Muốn cả một dọc bờ nam con sông Côn, không ai đảm lược hơn ông. Ông đã măn nguyện. Nhưng đến việc dựng nhà lập trại, ông bị nhiều điều ràng buộc. Dù có thừa tiền lắm của, ông cũng không thể xây một căn nhà đúng mơ ước của mình. Cho nên, lúc ông giáo Hiến về An Thái, cảnh tượng căn nhà tranh nhỏ và thấp hơn nhiều so với nhà cửa dinh thự ở Thuận Hóa khiến ông giáo ngao ngán. Ngoài kiểu nhà lá mái hơi lạ, ông giáo không thấy dấu vết nào chứng tỏ sự giàu sang, dư dật. Trái lại, cách bài trí luộm thuộm, cách chạm trổ những hình hoa văn thô kệch ở đầu tường và trước bàn thờ tổ tiên, càng khiến kẻ sành sỏi dễ thấy óc thẩm mỹ lệch lạc và vụng về của chủ nhân. Đã thế, bao nhiêu công phu dồn cả cho phần trình diễn khoe khoang nên phần dành cho sinh hoạt thiết yếu như nơi ăn nơi ngủ trong nhà hết sức chật

hẹp, bất tiện. Chái phía đông che đầy sơ sài bằng vài bức phen tre không ngăn nổi nước mưa tạt từng cơn vào lưng khách. Khoảng nhà ngang hẹp gần cái sân cát lại quá tối tăm, hai bên đều có vách đất kín mít, chỉ có một cái cửa sổ nhỏ trở ra hướng gió bắc, nên đám đàn bà con gái ốm yếu thà chịu ngọt không dám mở cửa đương đầu với gió độc. Quanh cái sân nhỏ gần bếp, bên trên đều có mái che cả đấy. Nhưng cái giếng đào ngay giữa sân làm cho nền đất chung quanh thường xuyên lầy lội. Mùi hôi hám từ cái chuồng heo bên trái nhà bếp bao phủ khắp nhà, và nếu không có đồng hành tởm đổ đầy góc phòng ngủ, có lẽ mùi khăm khăm khen khét sẽ vượt nhà ngang, len lỏi đến tận bàn thờ tổ tiên.

Chị Hai Nhiều gắn bó đời mình với khung cảnh ấy đã bao nhiêu năm. Chị đã

thuộc lòng từng cái vết bẩn trên tường, từng mô đất nhỏ cộm dưới lòng bàn chân mỗi khi chị đi lại trên nền nhà ẩm. Chị có thể nhắm mắt lại đi vài bước đưa tay là tìm ra cây kim trong rổ may, việc gì phải khó chịu vì cái cửa sổ phòng ngủ hướng ra phía gió bắc cứ đóng im ỉm suốt năm. Âm thanh, màu sắc, mùi vị trong cái căn nhà thân thiết này là những phần tử thiết yếu của cuộc đời chị, là bộ phận của chính thân thể chị. Nhiều lần về quê bên kia sông thăm mẹ một bữa, hai bữa chị chưa cảm thấy gì. Lâu hơn nữa lòng chị bồn chồn. Chị nôn nao vu vơ. Cho đến khi ngửi thấy mùi cháo heo um trấu từ bên kia vườn, chua chua và khét, ngậy nồng vì cám cháy dưới đáy chiếc nồi đất, chị không bình tĩnh được nữa. Chị nhớ đàn heo của chị, nhớ mùi ôi của nước cơm thừa, mùi khai của nước tiểu, mùi khét của khói bếp. Chị cương quyết dứt

áo ra về, dù mẹ và em chị có năn nỉ, giễu cợt. Không nói ra, chị hãnh diện vì cái mùi ôi và khắm chung quanh nhà bếp y như ông Hai Nhiều hãnh diện về những hình hoa văn chạm trổ trên tấm ván lim che ngang trước bàn thờ gia tiên.

Vì vậy, thấy ông giáo nhăn mặt xoa trán vì vô ý va đầu vào khuôn cửa nhà ngang, hoặc thấy Chinh đưa ngón tay quệt nhiều lần lên đầu mũi khi xuống bếp múc cho bà giáo chén nước, chị Hai Nhiều đâm bực bội. Lòng tự ái của chị bị xúc phạm một cách thô bạo và vô hình, Phải! Nếu họ có tình thì họ phải giữ ý tứ chút. Mình có mời họ đến đây đâu, mà họ chê cửa thấp bếp hôi! Chị nói thầm như vậy. Mặt chị dầu dàu, suốt thời gian hai gia đình chịu đựng cảnh “ăn chung ở chạ”.

Gia đình người “em chồng bất ngờ”

của Hai Nhiều quá đông. Những bảy người. Lại thêm hai điều phiền phức từ lâu chị tưởng không bao giờ gặp lại, hai điều mà chị sợ nhất, đó là tiếng con nít khóc và tiếng người bệnh rên rỉ. Ban ngày, mười mấy con người chen chúc nhau trong gian nhà hẹp, thấp, tối, đi ra đi vào đụng đầu, chạm vai, chị không tìm ra lấy chỗ để dựa tạm cái lưng mỏi. Đêm đến, đám đàn bà con gái chen nhau sắp lớp trong chái nhà ngang. Thằng Út lâu lâu khóc thét lên, khi kêu chị, khi đòi mẹ. Bà giáo từ lúc ghé bến Gò Bồi, cứ chìm mãi trong trạng thái mông muội, hoặc rên nho nhỏ như lâm râm đọc kinh, hoặc đột ngột nói huyền thiên những điều mâu thuẫn, rời rạc, phí lý. Chen vào đó, tiếng khóc thút thít của An. Sống trong tình cảnh ấy, chị Hai Nhiều cảm thấy cân não căng thẳng, dường như cả người chị bị trương lên, sắp phải nổ tung.

Nếu hai vợ chồng chị không từng chịu đựng được một cách khắc kỷ mọi tai họa trong bao lâu nay, thì chị đã nổ tung lên rồi, Chị chịu đựng lặng lẽ!

Trong lúc đó, hàng xóm láng giềng của chị lại quá ồn ào, xốc nổi. Sáng hôm sau, người ta kéo đến nhà chị Hai Nhiều còn đông hơn tối hôm trước. Người ta bắt buộc ông giáo kể lai lịch bà giáo nhiều lần. Giới phụ nữ đi xa hơn, vào tận buồng trong xem mặt cho được cô em gái ông Hai Nhiều, “người con gái lưu lạc” của “chàng rể bất hạnh”. Người nào đưa ý kiến sửa giúp cái chuồng bò đã bỏ hoang của Hai Nhiều thành căn nhà tạm cho gia đình ông giáo, sau này không ai nhớ được. Ý kiến đó được mọi người hoan nghênh. Hai Nhiều cũng đồng ý vì không có cách nào khác. Hai vợ chồng đã mua được đôi trâu khỏe,

nên cái chuồng bò cũ ở góc vườn phía tây trở nên quá hẹp. Họ đã bỏ cái chuồng ấy, cất một cái chuồng trâu khác ở mé đồng, gần giếng và đồng rơm, tiện cho việc ủ phân bón. Họ định qua mùa sẽ dỡ cái chuồng bò đi, lấy tre và tranh cũ che thêm cái chái chuồng heo để nuôi thêm hai con heo nái, phần tre thừa dành rào kín cái cổng dành cho bò đi lâu nay bỏ trống. Hai Nhiều rấp tạm bằng một nùi gai dại. Nhưng nay cả làng gợi ý như thế, cũng tiện đôi đường. Tuy chịu đựng cũng giỏi như vợ mọi điều không được như ý, Hai Nhiều cảm thấy không thể kéo dài cái cảnh sống chung chạ này lâu hơn.

Thế là trong vòng có năm ngày, cả làng An Thái, (kẻ góp công người góp vật liệu) đã lợp xong cho gia đình ông giáo một căn nhà mới. Phần cột trụ căn bản vẫn là cột trụ cái chuồng bò, nhưng nhờ

tranh, tre, nứa, rơm nhồi đất trét vách, do của thập phương góp lại nên căn nhà thật khang trang. Cửa chính hai cánh ghép bằng tre đập dập, khuôn cột căn thận bằng mây già. Hai cái cửa sổ nhỏ hai bên hình vuông che kín bằng hai tấm phen đan hình mắt cáo, lúc chống ng-hiêng bằng hai thanh tre cật, trông từ xa, giống y như hai mí mắt mơ màng nhìn về phía hoàng hôn. Bên trong, những người hảo tâm cẩn thận dựng dọc một tấm bình phong bằng tranh, chia đôi căn nhà từ xế cửa lớn, dành phần bên trái làm nhà cầu và nhà bếp. Nền đất nện không được kỹ, nhưng so với mặt đất vườn Hai Nhiều như vậy là khá cao ráo. Những người có tuổi đoán chắc với ông giáo là dù nước lụt có to đến đâu, cũng không thể vào nhà được.

Ông giáo đứng từ ngoài nhìn thẳng

vào căn nhà mới. Với hai cửa sổ mở hé và cửa lớn mở rộng, ông thấy căn nhà đang nhìn xuống và cười mỉm trong trầm tư. Gió thổi vào mái tóc tranh lòa xòa chưa kịp cắt bằng, ánh sáng vàng chói của mặt trời sắp lặn rơi thẳng vào nụ cười trầm tư ấy. Ông giáo đột nhiên cảm thấy lòng rộng rãi vu vơ, y như buổi sáng hôm ông đứng trên ngọn đồi Ngãi Lanh nhìn về đồng và biển bao la của phương Nam.

✱

Đêm đã khuya. Bên ngọn đèn chai chỉ có hai cha con. Ông giáo lấy cái que cời bớt những mụn chai đã cháy hết ở đầu cây đèn cho bớt khói. Ông cời lạm qua phần cháy dở, từng giọt lửa rỏ xuống đất ẩm, cháy ráng được một lúc rồi tàn lụn trong hơi khói. An ngược lên, thấy

cha nhìn chăm chăm vào ngọn đèn mà nét mặt thất thần. Rõ ràng ông giáo không chú ý mình đang làm gì, tay cầm cái que đưa đi đưa lại như làm thuộc lòng theo trí nhớ. Cô bé nhìn đôi mắt sâu nỗi lo âu, nhìn mái tóc thưa và rối của cha. Cô bé muốn ôm lấy cha mà khóc, nhưng lúc ấy nét mặt ông giáo nghiêm nghị quá. An không dám. Ông giáo bỏ cái que xuống cạnh cái giá đèn, hỏi An:

– Con đã xong trấu chưa?

An lo sợ đáp:

– Con quên mất. Thằng Út của quạ mãi không chịu ngủ. Mẹ đã bớt nói mê hơn hôm qua. Con chờ cho mẹ và em ngủ xong mới ra đây được.

Giọng ông giáo vẫn đều đều, không tỏ chút nào trách móc:

– Nhà mình mới cất, gần bụi tre rậm, nhiều muỗi lắm. Buổi sáng cha thấy khắp người anh Kiên đầy những nốt lấm tẩm đỏ. Ngủ gì mà say như chết.

An nói hộ anh:

– Anh Hai mệt quá đấy cha! Khu đó bỏ hoang bao nhiêu năm nay, gai góc nhiều. Anh Hai nói cả buổi chiều đào không xong cái gốc táo như to tướng.

Ông giáo quay nhìn phía sau lưng. Trên cái phản gỗ tạp bà Hai Nhiều cho mượn, Kiên nằm ngủ mê mê, một chân còn bỏ thõng xuống đất, một chân trên phản nên dáng nằm có vẻ khổ sở mệt mỏi. Hai tuần nay, ba cha con cùng nhau khai hoang mấy miếng ruộng quanh miếu, hy vọng sang tháng mưa có thể bắt đầu gieo cấy mùa lúa đầu. Nhẩm tính lại số tiền dành dụm, ông tháo mồ hôi. Dù

tiện tặn đến thế nào chẳng nữa, số tiền ấy không thể nuôi nổi gia đình ông được một năm, với điều kiện không tính đến các chi tiêu bất thường. Nhưng không tính sao được! Bà giáo còn nằm một chỗ, hết rên rỉ lại nói xàm!

Từ hơn một tháng về đây, ông đã phải bốn lần đi bổ thuốc cho bà. Ở nơi xa xôi này, giá thuốc bắc quá đắt. Đáng buồn hơn nữa là những món thuốc quý và cần thiết không thể tìm đâu có. Ông giáo viết toa sai Chỉnh đi bổ thuốc, hiệu bán thuốc bắc gần chợ An Thái chỉ có không đầy một nửa số thuốc kê trong toa. Nhẩm tính lại, thang thuốc không còn hiệu quả gì. Về sau chính ông giáo phải ra hiệu thuốc thăm dò xem họ còn những loại thuốc nào, rồi mới về kê đơn. Bệnh bà giáo chỉ dừng lại, giảm đi chút ít, nhưng không bớt, không có hy vọng

gì bớt. Số tiền dành dụm đã ít, tiền thuốc thang theo cái đà này... ông giáo không dám nghĩ đến nữa. Công việc đã gấp lắm rồi! Không chần chờ được. Ông đã sang thương lượng với ông bà Hai Nhiều. Chị vợ lúc nào cũng mau mắn hơn chồng. Chị nói:

– Dạ, cô chú về đây là phải. Dù sao cũng là máu mủ với nhau, không giúp nhau lúc hoạn nạn thì còn chờ đến lúc nào. Nghiệt một điều là ruộng đất miếng to miếng nhỏ đâu đâu cũng có sổ sách hết. Có giấy tờ phân minh mới được giữ tư điền, không có giấy thì phải nhập làm của công, chia cho dân đình cày cấy mà nộp thuế. Hồi trước cha bỏ nhà đi, đến nổi nhà tôi mở mắt ra đời còn chưa biết mặt. Thành ra ông ngoại có muốn công bằng chia cho các cháu, cũng không biết tên cô ở nhà là gì mà ghi vô phân thơ...

Ông giáo quá biết chị Hai Nhiều muốn dẫn câu chuyện về phía nào. Ông định nói, nhưng Hai Nhiều đã tiếp lời vợ:

– Phải, cô chú không về thì chúng tôi làm sao biết mấy mươi năm trước, cha bỏ đây rồi là về Thuận Hóa, rồi lại lấy vợ, sinh em. Nói điều này nếu không phải chú bỏ lỗi, nếu có kẻ vô lại nghe được chuyện nhà của mình, ở đâu về đây tự xưng là... là em trai em gái của cô, để đòi này đòi nọ, thì chúng tôi phải xử làm sao?

Ông giáo giận đến ngột thở. May lúc ấy về đêm nên Hai Nhiều không nhận ra được gương mặt đỏ bừng của ông giáo. Có lẽ cả hai vợ chồng Hai Nhiều đều nghĩ mình đã nói đủ, chẳng những thế, đã đi quá cái mức cần thiết, nên sau đó hai vợ chồng đều im lặng để đợi ý kiến của ông giáo. Ông giáo dần dần nguôi giận, ông

nói thật chậm để vừa trấn tĩnh mình vừa lưu ý người nghe:

– Xin anh chị yên tâm. Chúng tôi về đây không có cái ý ấy đâu. Không nói ngoa, nếu anh chị thấy ở gần gũi thế này bất tiện, nội ngày mai chúng tôi sẵn sàng đi nơi khác.

Cả ông lẫn bà Hai Nhiều cùng cất tiếng cắt lời ông giáo:

– Không phải thế. Chú hiểu lầm rồi!

– Không phải thế. Ý của chúng tôi chỉ muốn nói...

Ông giáo nói lớn hơn để át giọng hai người:

– Đây là tôi chỉ nói thế thôi, cho anh chị yên lòng. Của cải vườn ruộng của anh chị, là công lao mồ hôi nước mắt bao

nằm đào từng gốc cây, nhặt từng hòn đá, khai mương đắp đập khổ cực mới có, chú đầu phải của trời rơi xuống. Anh chị đang cày cấy, dù có nhượng lại, chúng tôi cũng không dám lấy. Tôi chỉ xin anh chị nghĩ tình máu mủ giúp cho điều này.

Ông giáo ngừng lại. Cả hai vợ chồng Hai Nhiều không ngồi yên được nữa. Quên giữ ý, họ chồm đến phía trước, mắt lom lom nhìn miệng ông giáo. Ông giáo chán chường nhận ra trong lối nhìn ấy, có điều gì thô bỉ đến tội nghiệp. Ông cười nhẹ rồi nói:

– Chúng tôi nghe bà con mách rằng: ngày trước vì cậu không may bị bệnh nan y, mà mấy miếng ruộng quanh miếu không ai dám cày. Lâu ngày cỏ dại, gai góc um tùm. Ba cha con chúng tôi định xin phép anh chị phát hoang, may ra còn trồng tía gì được chẳng.

Anh chị Hai Nhiều cùng ồ lên vui sướng. Họ vừa thoát khỏi một đe dọa ghê gớm mà dù quen chịu đựng, lần này, họ vẫn nghĩ không có cách nào tránh khỏi tai ương. Chị Hai Nhiều vỗ vập bảo:

– Sao chú không nói ngay từ đầu! Được. Được lắm. Tưởng gì nhiều chứ mấy miếng miến, chú cứ tùy ý làm gì thì làm.

Ông Hai Nhiều đi xa hơn vợ, hứa sẽ đem trâu đến cày giúp khi cha con ông giáo phát cỏ và khai hoang xong. Ông cẩn thận kèm thêm điều kiện: miễn là đất không cứng quá. Trâu của tôi độ này kém ăn!

Họ bắt tay ngay vào việc khai hoang. Tuổi ông giáo đã ngoài 45, việc lao động chân tay sau mấy mươi năm rông theo đòi nghiên bút, tất nhiên thật

vất vả. Kiên nhìn cha cuốc đất, tự nhiên thấy cay nóng nơi đầu mũi. Anh không dám nhìn lâu nữa. Phần Chinh thì chưa qua khỏi cái tuổi bạc bẽo, chỉ mong làm qua loa cho xong để chạy ra chợ đàn đúm. Cho nên Kiên nhận lãnh trách nhiệm chủ yếu. Anh dành phần nặng nhọc vất vả nhất cho mình. Tối tối vừa cơm nước xong, Kiên nằm vật lên phản thiếp đi lúc nào không hay. Nhiều hôm An quên, ông giáo đã chợp mắt một lúc, chợt nhớ một mình thức dậy un muối, sửa thể nằm cho con, gài lại một hạt nút, lau sạch một vết bùn trên trán Kiên. Nếu Kiên còn bé, hoặc nếu ông bỏ được thói quen cư xử nghiêm cần với con cái, ông giáo đã ôm lấy Kiên rồi. Ngay lúc này đây, thấy dáng ngủ khổ sở của Kiên, ông giáo đã xúc động mãnh liệt. Ông muốn diễn tả niềm thương yêu tràn đầy đối với các đứa con ngoan của ông. Nhưng

ông không biểu lộ tình cảm chan chứa ấy được. Ông đâm lúng túng trước mặt con gái. Ông cảm thấy An đang trách móc ông, vì ông đã không thấy được công lao khó nhọc và sự tận tụy của anh Hai. Ông giáo tìm chuyện lảng tránh. Ông hỏi con gái:

– Chinh đâu rồi?

An nhìn quanh, giả vờ tìm kiếm, rồi đáp – Anh ấy mới chạy đi đâu đó. Chắc qua nhà cậu mợ.

Ông giáo lại hỏi:

– Tối hôm qua nó về lúc nào?

An nhìn cha, ngập ngừng. Cuối cùng, cô bé nói dối:

– Lúc cha vừa ngủ xong, con dậy mở cửa cho anh ấy, em Út giật mình khóc to, cha không nghe sao!

Sự thực suốt đêm qua, Chinh không về nhà. Ăn cơm tối xong, Chinh bỏ đi đâu suốt cả đêm, gà gáy mới mò về, len lén vào giường, giả vờ ngủ. Có lẽ chỉ có An lưu ý điều đó. Cô bé sợ cha phiền lòng, nên giấu đi. Ông giáo không chú ý thái độ bối rối của con, nói với con gái:

– An này!

An giật thót người, lo sợ hỏi:

– Cha gọi gì con?

Ông giáo ngập ngừng:

– Ban đêm con có dám qua nhà cậu mợ không?

An đáp:

– Con không sợ ma đâu! Hôm trước...

An định nói tiếp, chợt nhớ tối hôm

ấy mình nín thở chạy một mạch từ nhà cậu mợ về nhà mình, suýt vấp phải cái rễ cây duối, then thùng không dám nói tiếp. Ông giáo nói:

– Nhà mình... cha muốn nói... nhà mình độ này túng lắm, con biết không. Tiền thuốc thang, tiền gạo mắm. Khi chiều Kiên vừa cho cha biết, mình chỉ còn... Mà thôi, con còn bé, chưa nên biết vội. Cha tính mãi chưa biết thế nào... Hay con qua bên nhà cậu mợ...

An lo sợ công việc cha định sai mình. Cô bé nghĩ đến nét mặt bà Hai Nhiều. Ông giáo nói tiếp:

– Cha đàn ông không biết hỏi ai. May ra nhờ mợ Hai giúp cho. Con lấy cái áo lụa của mẹ, sang nhờ mợ tìm người nào muốn mua, bán gấp cho. Bao nhiêu cũng được. Cái áo còn tốt, chắc được giá. Con

đem biếu cho mợ cái lược ngà, bảo hôm kia mẹ tỉnh lại có dặn cha, nhưng cha quên mất!

*

Ông giáo không ngờ việc bán vài thứ hàng ngoại, cùng vài món kỷ niệm xinh xinh vốn là quà biếu của quan nội hữu lại có thể gây nhiều xao động lớn lao như vậy cho thôn ấp hẻo lánh này. Ban đầu ông hơi kinh ngạc, pha lẫn đôi chút tự mãn khinh mạn kín đáo. Về sau, các sự kiện ra ngoài dự liệu của ông, ông đâm hoảng.

Chiếc áo lụa, bà Hai Nhiều đổi giúp cho ông giáo được mười thùng thóc. Cái giá một chiếc áo đã cũ mà được thế thật bất ngờ đối với gia đình ông. Mà cũng

bất ngờ đối với chị Bảy Chìa. Cả đời chị quen mặc vải thanh cát dày cứng như mo cau, chị không tưởng tượng nổi trên đời này lại có thứ vải vừa mềm mịn, vừa trơn mặt như thế này! Chị ôm cái áo vào lòng, mùi băng phiến thơm tho đến ngậy ngất. Chị mặc áo vào, cởi ra, rồi lại mặc vào. Chị định sang nhà cô em nhờ ngắm xem chiếc áo có vừa với thân hình hơi gầy ốm vì luống tuổi của chị không. Đến ngõ, nghĩ sao chị lại trở vào, cởi áo gói vào cái khăn đội đầu. Cả ngày hôm ấy, chiếc áo lụa được chuyển từ nhà này sang nhà khác. Chị Bảy Chìa phải bay theo nó, mặt giả vờ phụng phịu nhăn nhó nhưng thực lòng hết sức hãnh diện. Nhờ thế, cái áo ấm may bằng nhung Tàu đã bắt đầu ngả màu và rụng lông của ông giáo được leo lên cái giá hai mươi thương. Một cái lược đôi mỗi giá năm thương. Cái quạt giấy có vẽ cảnh sơn thủy và đề thêm một bài thơ

tứ tuyệt của Lý Bạch, do chữ nghĩa nghèo
nghèo nhắng nhít, bị bớt còn ba thưng.

Nhà chị Hai Nhiều khách khứa đông
hản lên. Phần lớn là khách phụ nữ đến
nhờ chị sang ông giáo hỏi mua dùm khi
thì một loại nút áo, khi thì cái gương
kiểu Tàu lạ mắt. Có người còn muốn
mua những thứ giống y như của chị này,
bà kia. Khổ cho bà Hai Nhiều mà cũng
khổ cho ông giáo! Ông đâu giàu có đến
nỗi sắm một loạt năm bảy cái lược ngà,
ba bốn cái gương soi mặt để bây giờ bán
cho khách ái mộ. Ông bảo toàn là những
thứ lắm cấm bặt ông quen với giới
buôn bán ở cửa Hội, đem về biếu vợ con
ông, bây giờ túng quẫn phải đem bán lấy
thóc mà ăn. Người ta không chịu tin, cho
rằng ông muốn neo giá. Người ta thêm
lên một hai thúng thóc, chê món hàng
mình đang tìm không được mới nên chỉ

có thể thêm bấy nhiêu đó thôi! Ông giáo không bao giờ nghĩ có lúc mình phải ở vào một hoàn cảnh trái khoáy như vậy. Ban đầu ông cố nhịn nhục, phân trần, về sau ông nổi cáu đáp lại dấm dẳng. Lại thêm một cái cớ nữa để dân An Thái hối hận đã đến cất giùm nhà cho ông giáo!

Rồi đến đám khách đàn ông!

Một hôm có một ông khách ăn mặc chững chạc, chân mang guốc, tay cắp dù, theo sau có một tiểu đồng ôm tráp trầu. Ông khách đi thẳng vào nhà ông giáo, không cần mời đã tự động kéo ghế ra ngồi. Yên vị xong, ông khách nhìn quanh nhà một lượt, đầu gật gù. Ông giáo bắt mắt trước vẻ tự thị của người khách lạ, nhưng cố bình tĩnh để xem hấn định giờ trò gì. Ông khách gật gù một lúc rồi khen:

– Nhà cửa khéo lắm. Nhỏ nhưng mà ngăn nắp, chứng tỏ con người có học.

Ông giáo chưa kịp nói gì, hần hỏi độp chát:

– Một người như ông thì về trốn ở cái xứ man mợ này làm gì cho phí người đi! Tôi đã nghĩ ông muốn ẩn thân để chờ cơ hội làm chuyện vá trời lấp biển đây!

Ông giáo hoảng hốt. Hần là ai mà đến đây tra vấn gốc gác của mình? Hần muốn gì? Ông giáo làm nhũn, ra vẻ khiêm nhường nhận mình chỉ là một thầy đồ rách ở kinh đô.

Người khách có vẻ thỏa mãn vì đã làm cho ông giáo nhũn lại. Hần đổi ra giọng tâm sự. Chỉ một khắc sau, ông giáo biết được điều muốn biết. Hần là ai ư? Một tên xã trưởng trong vùng, chuyên lo

thúc ốp tiền sai dư và giúp cai tổng, duyệt lại lập sổ đinh. Hấn muốn gì ư? Muốn được mua rẻ, hoặc biểu không càng tốt, một cái quạt Tàu.

Hôm khác lại có một xã trưởng đến. Ông giáo khỏi phải hồi hộp, thắc mắc như lần trước, vì tên xã trưởng này tính tình bộp chộp, ưa khoe khoang hơn tên kia. Nhờ hấn ông giáo biết hiện ở đây có tất cả bốn xã trưởng và năm tướng thân, tất cả chín người đều được làm việc, nhưng phải cử thêm một viên tri ấp làm đầu mục. Ông giáo biết đây là một cái tề đã có từ lâu, nhiều lần chính quan nội hữu bạn ông có dâng sớ xin sửa đổi để thống nhất hành chính, nhưng không được kết quả gì. Từ lâu, tướng thân ở hai xứ Thuận Quảng cũng như khán thủ ở bốn trấn được cùng với xã trưởng thu thúc phú dịch. Năm Bảo Thái Ất Tỵ,

vương phủ định rõ lệ thu các lễ:

– Tướng thần phải nộp thượng lễ (dâng lên chúa) 35 quan, tiền lễ (nộp vào nội cung) 7 quan, tiền lĩnh bằng và tiền ngụ lộc các quan cộng 7 quan, tất cả 49 quan.

– Xã trưởng phải nộp thượng lễ 30 quan, nội lễ 6 quan, tiền lĩnh bằng, tiền ngụ lộc các quan 5 quan, tất cả 41 quan [Theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, trang 183-184.].

Do đó, mọi người tranh nhau nộp tiền để lãnh chức tướng thần hay xã trưởng. Có nơi một xã có đến 16 hay 17 tướng thần, hơn 20 xã trưởng. Ông giáo lắm bầm một mình: như vậy là mình đã hân hạnh tiếp chuyện với 2 trong 4 ông xã trưởng của miền đất này rồi. Thật mỗi người một vẻ! Tự giới thiệu xong, tên xã

trưởng, không quanh co, đòi mua một cáo áo đoạn. Ông giáo từ chối, bảo mình chỉ còn một cái đã cũ. Tên xã trưởng nhìn quanh quất, như muốn chính mắt xác nhận xem cái áo nó như thế nào, có cũ kỹ như lời thối thác của ông giáo không. Hắn không tìm được cái áo đoạn móc quanh hắn. Và hắn nổi giận. Hắn hỏi:

– Tôi nghe nói thầy có mấy đứa con trai lớn, phải không?

Ông giáo đáp:

– Vâng. Đứa con cả của tôi năm nay 21. Đứa thứ nhì mới 15. Đứa thứ ba con gái. Đứa thứ tư mới 11 tuổi, nó đứng kia kia. Cháu nhỏ nhất còn bé, lên 3.

Tên xã trưởng lăm nhăm tính:

– Con trai đến 18 tuổi thì đã phải theo lệ biên tên ngay vào sổ tuyển binh.

Người nào có con mà ẩn lậu, hoặc chức sắc nào biết ẩn lậu mà không cáo gian đều bị tội, bắt làm lính cắt cỏ voi⁴. Đứa 21 tuổi đã vào sổ xã binh chưa? Còn cái đứa khai 15, có phải đã hạ mất 3 tuổi để ẩn lậu không?

Ông giáo giận quá, môi mím lại. Giá ông nói được tự do, ông đã đọc cho hẵn nghe điều lệ thứ hai trong quân chế. “Hễ là dân mới về hay mới đến thì được chước miễn 3 năm cho yên nghiệp làm ăn, bản xã không được ức bắt thế lính, hết hạn mới thế cấp”. Vả lại gia đình ông vốn là dân nội phủ được miễn lính. Nhưng nói những điều ấy ra lúc này chỉ tổ hại cho gia đình ông thôi! Cho nên ông đành một mực kêu oan, vừa tự kể khổ vừa vuốt ve tự ái của tên xã trưởng. Hẳn bằng lòng không nghi ngờ gì nữa,

4 Theo Phủ Biên Lạp Tục, Lê Quý Đôn, trang 183-184.

nếu ông giáo bằng lòng bán cái áo đoạn cho hẳn. Ông mất thêm cái áo đoạn sau khi mất cái quạt trầm hương.

Sau đó bốn hôm, Lợi dẫn đến nhà ông giáo một ông khách nữa. Nhìn qua vẻ trầm tĩnh, bệ vệ, từ cách đi cách ngồi, ông giáo đoán chức vị người này còn cao hơn hai tên xã trưởng. Lợi rất mừng rỡ được gặp lại gia đình ông giáo. Bằng cái giọng liến thoắng quen thuộc, cậu kể mình bị dẫn lên phủ thế nào, kêu oan thế nào, ông biện Nhạc cuối cùng can thiệp ra làm sao. Theo Lợi kể thì thế lực của ông biện khá lớn, mấy lần trước ông can thiệp vụ nào được vụ đó. Lần này gặp trường hợp Lợi, ông biện gặp khó. Tri huyện cứ tra vấn mãi: mua côn thai bài nhiều như vậy để làm gì? Muốn làm giặc phòng? Buôn nguồn mấy đời rồi còn sợ ai nữa, mà sắm lao để tự vệ? Phải

chịu mất một gánh thai bài, bốn gánh trâu nguồn và hai mươi cân mật ong, ông biện mới cứu Lợi ra được. Ông giáo không tin lắm ở những con số Lợi kể. Ông cười dễ dàng, tha thứ cho cái tính ba hoa của cậu. Lợi cho ông biết người khách cậu dẫn đến là ông cai tổng. Ông giáo biết mình phải đối phó với một vụ cướp cạn nữa. Không biết hấn đòi thứ gì? Hấn không đòi. Chính quan tri huyện đòi. Sở dĩ quan tri huyện đòi, là vì lũ lính có phận sự đi sai ộp xã binh mách lẻo, kể cho quan huyện nghe vì sao mình mới nhìn cái chẵn nhiều lục sang trọng đã vội tưởng sắp chạm đoàn hầu cận của một phu nhân. Từ đó bà huyện không ăn không ngủ nổi, nếu không thấy được cái chẵn nhiều lục nó đẹp nó sang đến mức nào. Ông cai tổng xác nhận mình chỉ là cấp thừa hành. Ông thông cảm hoàn cảnh ông giáo, thương bà giáo lưu

lạc một thời đến lúc về được quê ngoại thì lâm trọng bệnh, thương ông giáo phải vất vả mưu sinh... Ông giáo thà mất đứt cái chăn nhiều lộc còn hơn phải ngồi nghe tiếp những lời giả dối ấy. Ông giáo không mất đứt, vì cuối cùng, còn được ông cai tổng gửi lại một lời hứa:

– Khi nào gặp khó khăn, thầy cứ qua tôi. Không có gì đâu, đừng ngại. Chúng nó không dám làm phiền thầy đâu! Tôi bảo đảm từ nay về sau, không ai dám làm gì thầy đâu. Vâng, từ nay trở đi... vâng, nếu có thứ gì gói lại cho cẩn thận, càng tốt. Đường xa sợ bụi bặm, nó dơ đi!

✱

Có một đêm Chinh dẫn Lãng ra mấy đám ruộng miếu. Lãng sợ đêm tối, dùng dằng không muốn đi. Chinh bảo em:

– Mày con trai mà nhát như cáy. Đi với tao, sợ gì. Ra tao cho xem cái này hay lắm!

Sự tò mò cuối cùng đã thắng nỗi sợ hãi. Lãng nắm chặt lấy vạt áo anh, từ nhà ra đến bờ ruộng không dám thả. Đêm tối mịt mùng. Mùa tháng tư lúa vừa gặt xong, cả cánh đồng bằng phẳng chỉ còn trơ những gốc rạ. Chinh thông thạo đường đi nước bước, dẫn em băng đồng đi về phía miếu. Lãng sợ, níu anh dừng lại hỏi:

– Anh đi đâu đấy?

Chinh cười nhỏ, giọng chế giễu:

– Bạo lên chút, chú thả mặt xanh. Không tụi nó cười cho.

Lãng đành lẻo đẻo theo bước anh, tâm trí cứ thắc mắc không hiểu ngoài hai

anh em ra, còn “tụi nó” nào nữa.

Sắp đến mấy đám ruộng ba cha con vừa phát quang. Chinh dừng lại, đưa tay lên miệng huýt còi. Từ phía trước, có tiếng huýt còi đáp lại. Gió thổi còi bật về phía triền núi xa, âm thanh ban đầu nghe như tiếng rần lục rít lên, rồi yếu đuối tan loãng trong đêm tối. Chinh định hướng rồi đi về phía bắc. Lãng hoang mang không chú ý chân bước, vấp phải một bờ ruộng thấp. Cậu bé ngã chúi xuống, trán va vào một mặt ruộng đất cứng lờm chớm gốc rạ. Cậu muốn khóc, nhưng tiếng Chinh cười làm cho cậu nổi lòng tự ái. Cậu bặm môi lại, ráng thở nhiên phui quần áo. Môi trên cậu rát, và cậu thấy vị nước miếng trong miệng hơi mặn. Mặc kệ! Nhất định không cho anh ấy biết mình sắp khóc. Sao mà giọng cười anh ấy đáng ghét quá, còn đáng ghét hơn

cả những lời cảm rằm của chị An nữa!

Ba bóng đèn chờ hai anh em Chinh, Lãng từ lúc nào. Một người ngồi chồm hổm trên mặt ruộng, hai người kia ngồi trên một thân táo như gác nghiêng lên bờ cao. Cỏ bị phát quang nằm rải rác, nắng đã làm cho cỏ khô nên dưới bước chân hai anh em, tiếng lá cỏ gãy lộp rộp. Lãng dẫm phải một chùm gai mắc cỡ. Cậu dừng lại. Chinh để mặc em ngồi xuống gỡ gai, tiến thêm vài bước hỏi lớn:

– Ra đây lâu chưa?

Có tiếng trả lời:

– Mới đây thôi. Cứ tưởng mày sợ, bỏ cuộc.

Chinh cười thật to, cổ phóng đại sự ngạo nghễ, khinh mạn. Lãng nhận ra được ba cậu thiếu niên cùng trang lứa

với Chinh, nhưng không biết mặt. Giọng nói cả ba là giọng An Thái. Một cậu có giọng rè vỡ như tiếng ngỗng đực hỏi:

– Mày đã nghĩ kỹ chưa?

Chinh quả quyết đáp:

– Hỏi như vậy là xem thường tao đấy. Rồi tụi mày sẽ thấy. Có nhớ đèn đèn không?

Một người khác đáp:

– Có đây. Tao lén lấy được trong buồng mẹ tao một thỏi đèn chai. Mày quên đá lửa rồi phỏng?

Chinh cười:

– Tao mà quên! Có cả bụi nhùi nữa. Đưa cả cho anh, Lãng.

Bây giờ Lãng mới biết cái bọc hơi

nặng từ nãy đến giờ Chinh nhờ cậu giữ hộ, là bọc đá lửa. Sự tò mò giúp cậu can đảm một cách thất thường. Cậu đưa đá lửa và bụi nhùi cho anh, nóng lòng chờ đợi những điều bí mật lạ lùng chưa từng nghĩ tới.

Cậu thiếu niên lạ mặt từ nãy đến giờ ngồi chồm hổm trên mặt ruộng và im lặng, bây giờ mới chậm rãi bảo Chinh:

– Tụi tao báo trước là nếu mày chết, tụi tao không chịu trách nhiệm đâu. Mày mang thằng nhỏ này theo làm chứng hả? Em ruột mày à? Nó bé tí teo, nhưng thôi cũng tạm được. Phía tụi tao thì có hai đứa này. Thằng Sửu là một, thằng Thìn là hai. Bắt đầu được chưa?

Chinh quả quyết trả lời:

– Tao sẵn sàng. Bắt đầu đi.

Cậu thiếu niên vừa nói chậm rãi đứng dậy. Cả đám tụ lại quanh cậu ta. Bằng một giọng cố ý làm ra vẻ nghiêm trọng, phát chậm và dần từng lúc, cậu tuyên bố.

– Ba người làm chúng có mặt đêm nay xác nhận rằng: không ai được kiện tụng, đòi bồi thường, nếu có người bị ma cùì vật chết trong miếu. Nếu không chết nhưng bị lây bệnh đến nổi ngón tay rụng, chân co quắp, mũi xẹp, mắt lòa cũng không được khiếu nại. Phải một mình vào trong miếu, bật lửa đốt đèn hương tròn ba lần làm hiệu cho người ngoài biết mình đã vào đến nơi. Phải tắt đèn ngồi trong miếu cho đến lúc trăng lên, và phải mang ra đây một cái chân đèn thờ trong miếu. Qua được thử thách này, mới xứng đáng là người đởm lược, và mới được truyền

bài võ nhập môn. Lê Trọng Chinh, mày nghe rõ chưa?

- Thừa rõ.
- Mày có muốn rút lui không?
- Thừa không.
- Mày có sợ chết không?
- Không.
- Bắt đầu!

Lăng vội chụp áo Chinh, giọng hốt hoảng: «Đừng, anh», nhưng Chinh đã một mình tiến về phía cái miếu. Mọi người hồi hộp nhìn theo bóng Chinh, ban đầu còn lơ mờ hiện trên nền đồng trống nhờ nhờ, về sau chìm khuất hẳn vào bóng cây rậm. Chim chóc khua động, sợ hãi bay ra. Tiếng kêu xao xác, bầu trời vẫn đen ngịt. Gió thổi lớn thêm, cả bốn

người cùng nhận ra tiếng gió hú đe dọa.
Cậu bé có tiếng ngỗng đục thì thảo:

– Lỡ nó bị răn thì sao!

Cậu đầu tiêu gạt đi:

– Đừng nói bậy. Hãy yên lặng nào!

Từ đó không ai bảo ai, mọi người hồi hộp dán mắt về phía miếu, chờ đợi. Lại có người thắc mắc:

– Sao lâu quá! Hay nó không biết đánh lửa? Đèn chai của mày có tốt không?

– Tao đã đốt thử rồi. Nhảy lắm. Có lẽ bụi nhùi xấu không chừng!

Lặng bậm môi lại. Máu trong miệng cậu cứ ri rỉ chảy, nhưng vì mãi lo âu cho anh, cậu quên cả rút buốt. Cậu muốn khóc to, muốn gọi Chinh hãy trở lại.

Thấy ba người lạ mặt lăm lì, cậu không dám thở mạnh. Cậu sợ quá!

Đột nhiên, ba người lạ cùng reo lên. Từ đám đèn quanh miếu, một chấm đèn di động thật chậm theo hình tròn, đúng ba vòng theo như luật định. Cậu đầu tiên thở phào vui mừng, nói với ba người:

– Xong, nó đến nơi rồi. Phải nói là tội bây không bằng được nó. Tội bây chỉ nói dóc!

Một đứa chống chế:

– Nhưng hãy chờ thêm đã! Trăng chưa lên mà! Người ta bảo khi trăng lên, sâu cũi mới bò ra sáng cả một quãng đồng.

Chúng kiên nhẫn chờ trăng. Thời gian như dừng lại, phía đông bầu trời giữ nguyên một màu mực xạ. Từ phía tối âm

u, có lẽ Chinh cũng nôn nả không ngồi yên được. Cậu phá luật, hay nói đúng hơn là làm quá cả yêu cầu. Cậu đem đèn ra ngoài miếu, huơ tròn hai lần nữa. Rồi cuối cùng điều mọi người mong đợi đã cũng đến. Cả bọn không đứa nào thạo thiên văn địa lý, nên không ngờ đêm ấy mãi tận lúc gà sắp gáy trắng mới nhú lên. Chinh cầm đèn trở ra, ánh sáng bập bùng giữa khuya đủ soi một nụ cười ngạo nghễ. chưa bao giờ Lãng trông thấy anh hùng vĩ và lẫm liệt như vậy. Vừa mệt nhọc vừa bị kích động cực độ, cậu ôm chầm lấy anh mà khóc

✱

Chỉ còn khoảng nửa tháng nữa thôi là trời là bắt đầu mưa. Ông giáo bàn tính với Kiên, gắng làm sao vỡ xong khu đất

miếu cho kịp gieo bắp thử trong mùa đầu. Kiên làm việc quá sức, hôm qua ngủ dậy bị sốt, cố gượng húp chén cháo dần bụng đi làm nhưng không được. Anh nằm mê man suốt hai ngày. Ông giáo chẩn bệnh cho con, bảo Kiên bị bệnh sốt rét ngã nước. Ông Hai Nhiều khuyên nên uống thuốc nam, tìm xin cho Kiên một lá dây leo màu xanh cọng phơn phớt tím. Giã lấy ước rồi đun sôi, bát thuốc trở thành màu nâu và đắng nghét. Kiên nín hơi uống cạn hai bát thuốc nóng, mồ hôi vã như tắm. Có vẻ như anh bớt sốt, vì từ trưa đến giờ, An thấy anh cả nằm yên, không rên khe khẽ từng hồi như đêm hôm trước.

Ông giáo và Chinh đã ra khu đất miếu. Cả Lãng cũng đòi theo cha. An nhận thấy mấy hôm gần đây, Lãng có nhiều biến đổi khác thường. Ban đêm,

Lãng cứ trần trọc hết lần bên này lại xoay bên kia. Một tối chợt thức giấc không thấy em nằm bên cạnh, An tưởng em xuống bếp đi tiểu. Chờ mãi không thấy Lãng lên, An trở dậy, thấy Lãng đứng bên cửa sổ nhìn mông lung ra đêm tối. Cặp mắt Lãng tự nhiên sáng lên khác thường, thứ ánh sáng tỏa chiếu từ những biến chuyển âm u phức tạp của ý nghĩ, của mơ tưởng chứ không bắt nguồn từ thực tại bên ngoài. An quen thuộc với thứ ánh sáng đó, vì mỗi lần cha đọc được một cuốn sách hay, viết được một câu thơ đẹp, nói được với bạn bè một giấc mộng ấp ủ, An lại thấy mắt ông giáo bùng lên niềm thỏa thích kỳ lạ này. Có điều ở ông giáo mắt rạng rỡ phát tiết, thì ở Lãng, An mơ hồ nhận ra sự kích động đam mê. An đâm sợ, hoang mang không hiểu nổi em.

Mũi kim đâm vào ngón tay giữa của

cô bé. An giặt mình. Cô bé lúng túng nhìn quanh sợ có người thấy mình lơ đãng. Thay vì chít ống tay áo lại cho hẹp, An lại may ống rộng theo thói quen. Gia đình ông giáo mau chóng nhận ra rằng kiểu quần áo khác thường họ mang từ kinh về đã chia cách họ với dân làng, từ cái cổ đứng, ống tay áo rộng và dài, cho đến cách kết khuy, xẻ nách. Những quần áo đã cũ, sờn ở cổ và vai, họ giữ lại để mặc trong nhà. Nhưng khi ra ngoài, nhất là đi làm lụng, phải có quần áo thích hợp. Ông giáo nhờ bà Hai Nhiều mua cho một ít vải nhuộm chàm loại dày. Kiên có tài vặt trong việc nội trợ của đàn bà nhờ tính tỉ mỉ, cần cù. Chính Kiên phụ trách việc cắt áo. An lo may. Áo đàn ông may rộng, cổ tròn, tay ngắn và hẹp, vạt trước quàng kín ngực và cột vào ba dải dài kết dọc hông phải. Riêng chiếc áo của An, cô bé chăm chút kỹ hơn. An tự tay cắt áo

hơi hẹp, ống tay áo dài, cửa ống tay rộng. Chỉ thiếu cái cổ đứng viền nhiều xanh và những hàng khuy hình con bướm, An đã ăn mặc gần giống như thuở trước ở kinh đô.

An đang may áo cho Lãng, chợt nhớ lời anh dặn, vội vào buồng trong tìm lại cái áo của Kiên. Mẹ và em đang ngủ. An thấy bà giáo nằm nghiêng, nước dãi chảy thành dòng xuống má, xuống gối. An đau thắt cả lòng: Gần như càng ngày, bà giáo càng mất dần ý thức tham dự vào sự sống, dù là những thói quen sơ đẳng như đưa thức ăn vào miệng, nhắm mắt ngủ lúc tối trời, kéo vạt áo che thân thể. Trước đây bà giáo còn giật mình ngơ ngác hoặc tỏ dấu lo lắng khi nghe tiếng thằng Út khóc. Mấy hôm nay, những phản ứng theo thói quen ấy không còn nữa. Hình như những sợi dây đã từng ràng buộc

tâm trí bà với thực tại, từ sợi tơ mềm như tình mẫu tử cho đến những dây oan nghiệt như cơm áo, những sợi dây chẳng chịt đó dần dần nói lỏng. Bây giờ bà như con rối sau cuộc diễn trò, nằm bất động vô tình giữa mớ dây nợ rối rắm đã trở thành vô dụng. An lấy khăn lau nước dãi cho mẹ, đắp ngực cho Út, rồi cầm cái áo Kiên trở ra phòng ngoài.

Kiên rên khe khẽ rồi trở mình, mặt quay về phía An. Mới đau có mấy hôm, khuôn mặt Kiên đã khác. Cằm của Kiên nhọn thêm, hai xương hàm bạnh ra. Thấy anh mở mắt lơ lơ như đang nhìn mình, An định đưa cái áo lên khoe. Nhưng Kiên nhắm mắt lại. An nghĩ: lần đầu tiên từ ngày về An Thái anh ấy ngã bệnh lâu như vậy. chỉ tại anh ấy phí sức quá. Từ sáng đến chiều võ ruộng đã nhọc, gặp người thuê gánh hàng xuống chợ Mới

với giá hai quan, anh nhận ngay. Tiền anh đem về đủ đi chợ vài tuần thật đấy, nhưng anh ngã bệnh liền. Thế là dự định anh giúp em làm hàng xáo để kiếm thêm chút ít không thành rồi!

✱

Buổi chiều Lãng về mang theo một bộ mặt dầu dàu. Quá quen các trái chứng của em, An không để ý. Anh Chinh thì cười nói luôn miệng, cơm vừa chín đã tự lấy bát xúc ăn trước rồi chạy ra chợ như mọi hôm. Chờ anh đi xong, Lãng kéo chị ra phía sau đồng rơm nói:

– Em sẽ mách cha. Lần này dù có năn nỉ, em cũng mách cha cho xem.

An hỏi:

– Nhưng mà mách cái gì?

Lãng ngược lên nhìn chị, kinh ngạc:

– Chị không biết gì hết à?

An lơ mờ hiểu ý em nhưng giả vờ hỏi:

– Thì chị có biết đâu. Có cần mách cha không?

Lãng bậm môi lại, giọng nói giận dữ:

– Sao lại không. Hồi trưa cha đã hỏi ban đêm làm gì mà ban ngày cái mặt cứ lừ nhừ vậy. Em mà biết được ảnh mọi rợ, em đã nói liền hồi trưa rồi!

An nghe hai chữ “mọi rợ” em dùng khá lạ tai. Có lẽ là một loại từ mới Lãng học được của Chinh. An hỏi em:

– Anh Chinh đánh Lãng hả? Có đau không?

Lãng nói:

– Không. Anh nói dối em. Ảnh hứa nếu em chịu đi làm chứng, ảnh sẽ tìm bắt cho nguyên một tổ sáo nhỏ. Hôm qua ảnh có sáo, lại đem cho thằng Thìn.

An vội hỏi:

– Làm chứng? Làm chứng cho ai? Về chuyện gì?

Đến lượt Lãng thắc mắc:

– Anh Chinh không kể cho chị nghe à?

– Có kể gì đâu. Nhưng chuyện gì mà quanh co mãi!

Lãng nói trong hoang mang, như người vừa dần dần tỉnh ngộ:

– Như vậy là ảnh lại nói dối. Em dọa

sẽ kể hết cho chị An. Anh cười bảo An đã nghe tao kể lại từ đầu chí cuối, từ hồi đập lên mình con rắn cho đến lúc đốt đèn làm hiệu, mà kể cũng vô ích. Em tưởng thật. Đồ mọi rợ!

Rồi Lãng kể cho chị mọi chuyện xảy ra tối hôm ấy, hôm Chinh phải qua một đêm thử thách trong miếu cô hồn để được công nhận là đủ đởm lược học võ. Vì tự ái, Lãng dấu bớt nỗi sợ hãi nhút nhát của mình, tự mô tả như một kẻ tự nguyện đi làm chứng vì sự nghiệp võ nghệ của anh, chứ không phải là một kẻ bị đưa đẩy vì tò mò và yếu đuối. An vô lễ, nói nhỏ với em:

– Hóa ra thế! Thấy tối nào anh cũng đi đến khuya, chị biết anh đi học võ với lũ trẻ ngoài chợ. Nhưng không biết chuyện cái miếu. Đêm hôm tối tăm, lỗ gạo rần rít cắn cho thì làm sao hờ trời!

Lãng giải thích thêm:

– Ảnh cố học cho mau để dự đồ giàn vào lễ cô hồn rằm tháng bảy. Nghe nói cả hai đám An Thái và An Vinh đều đua nhau chuẩn bị ráo riết. Năm ngoái phe An Vinh giành được con heo quay, mà chỉ bị thương có bảy người. Năm nay An Thái quyết phục thù đấy!

Càng nghe chuyện, An càng sợ hãi. Từ lâu, An đã dõi mắt theo những điều Chinh làm với lòng cảm phục pha lẫn lo âu. Giữa ai anh, thực tình mà nói, An cảm phục Chinh hơn. Anh Kiên cần cù và chân thực, nhưng An vẫn thấy ở người anh cả có cái gì lạnh lẽo, phẳng lặng quá. Ở Chinh, sự táo tợn, gan góc có làm cho An tê điếng vì sợ hãi, nhưng sau đó, cô bé còn lại được cảm giác thích thú phiêu lưu. An nhớ một lần hai anh em đi chơi với bọn trẻ hàng xóm, An và một đứa

con gái nhỏ cùng tuổi gây gỗ nhau, hai thằng anh vì tự ái và vì thương em, cùng ra tay can thiệp. Chinh nhỏ thó hơn thằng bé kia, chắc chắn lấy lực mà đấu thì không ăn thua gì. Chinh quay sang ngón sở trường của mình, là đấu sự liêu lĩnh. Chinh tìm bắt hai con sâu, một con lớn bằng ngón tay út, một con nhỏ hơn. Con sâu mập tròn, cái bụng xanh căng lên, ở đầu có hai cái sừng trông kỳ dị, ghê tởm. Chinh thách thằng bé, có dám cầm con sâu bỏ vào miệng nuốt hay không. Trong lúc thằng bé dè dặt thủ của Chinh còn ngần ngại chưa dám tin ở tai mình, thì Chinh đã đưa hai ngón tay nhón lấy con sâu lớn, bỏ vào miệng nhai nuốt ngon lành. Lũ con gái rú lên bỏ chạy. Thằng bé sợ quá, chân run không chạy được. Chinh túm lấy nó, cầm con sâu dí dí dọa nhét vào mồm nó. Thằng bé sau đó bị đau suốt một tuần lễ vì cơn sốt sợ

hãi, còn mấy anh em Chinh thì trở thành những kẻ bất khả xâm phạm, muốn thứ gì chỉ việc ra lệnh chứ không cần xin xỏ.

Nuốt một con sâu! chuyện đó có thể tưởng ra được, nổi nguy hiểm nếu có cũng chỉ một cơn ói mửa. Nhưng một mình trong cái miếu thờ người cùi, giữa đêm khuya! Dự tính học vài miếng võ để tranh giành với dân An Vinh! Càng nghĩ An càng sợ. Cha phải biết chuyện này! Không thể giấu được! An gắt với em:

– Chuyện tây trời như vậy mà mày dám giấu. Lỡ đêm đó rắn cắn ảnh chết thì sao? Mày thích thú lắm hả! Mày mê mấy con sáo nhỏ, xem thường tính mệnh của anh mày. Tao sẽ mách cha, để cha xử.

Lãng không ngờ tình thế biến chuyển bất ngờ như vậy. Cậu ngó người ra một lúc, rồi bật khóc. Tối hôm đó, Lãng không

ăn cơm. An giận em cứng cổ, không thềm gọi. Lãng nghĩ: như vậy là cả nhà ghét bỏ mình. Chỉ có mẹ thương mình, nhưng mẹ đã mê đi không còn hiểu mình khóc vì sao nữa! Cha không thương mình, vì nếu thương mình tại sao mình bỏ cơm tối mà cha không thắc mắc tìm hiểu. Anh Kiêm thì lạnh lẽo quá, chắc không thương ai. Anh Chinh và chị An, rõ ràng họ ghét mình hơn ai hết. Ngồi khóc thút thít một mình ngoài bờ tre, Lãng nhìn vào nhà chờ một tiếng gọi. Cửa sổ đóng, nhưng cửa lớn mở. Ánh đèn bên trong vẫn còn, tiếng nói chuyện lao xao từ nhà mợ Hai Nhiều và nhà Lãng vẫn còn nghe được “Họ” vẫn còn đó, nhưng “họ” không thềm biết mình đang chờ họ gọi vào, họ an ủi, họ vỗ về. Họ quên hẳn Lãng rồi. Ý nghĩ đó mạnh ghê gớm quá, Lãng bật khóc, nước mắt càng chảy cậu

càng thấy cuộc đời mình khổ sở. Không đáng sống nữa. Lãng lại nhìn vào nhà. Cửa lớn khép, cửa sổ phía giường mẹ còn mở. Không ai chờ đón Lãng về để xin lỗi cả. Chỉ vì Lãng chưa chết đi, nên “họ” còn xem thường Lãng. Cậu bé nghĩ vậy, và quyết chí đi tìm cái chết. Cậu lững thững đi về phía mấy đám ruộng miếu. Cậu vấp ngã, cậu do dự, nhưng chân vẫn tiến về cái phía bí nhiệm đó. Chỉ phía đó mới tìm ra cái chết. Chết vì rắn độc, hay chết vì sâu cùi thân hình tê dại co quắp càng tốt. Thi thể càng thảm thương, “họ” càng thương tiếc, hối hận.

Lãng đã trốn nhà đi tìm cái miếu hoang đêm hôm đó và về sau, đã trở lại thao thức cả đêm trong miếu nhiều lần, mỗi lần một lý do khác nhau. Có thể nói tâm hồn cậu đã trải qua nhiều chặng biến chuyển phức tạp và cái mốc trên

quãng đường chập chồng nguy hiểm này
là những đêm dừng chân cô độc trong
miếu hoang.

Chương 4

Từ bụi tre trước nhà ông giáo nhìn về hướng bắc, có thể thấy được hai ngọn gạo cao ngất vượt lên trên những lũy tre um tùm trong làng. Hoa gạo nở, mùi thổi theo gió bắc thổi bay đến tận đây. Cho nên mùa hoa gạo đầu tiên, cả nhà ông giáo mất công nhìn nhau nghi ngờ, nói bóng nói gió đến những kẻ vo ý tứ. Khi tìm ra được cái mùi hoa đặc biệt từ khu chợ, không ai bảo ai, cả nhà cùng cười xòa. Hai dãy lều tranh cất song song dưới bóng mát của hai cây gạo, ngang trên miếng đất trống cạnh bờ

sông, là nơi họp chợ. Địa điểm mua bán thuận lợi, một bên là con đường đá lên núi, một, bên kia là bến sông. Chuyên chở hàng nguồn xuống biển, hay chuyên chở hàng biển lên nguồn, dù đi bằng thuyền hay thồ ngựa, An Thái là trạm nghỉ đêm. Nhờ vậy, chợ An Thái mau chóng trở nên phồn thịnh. Hai dãy lều trước còn lụp xụp cột tre mái lá sơ sài, càng về sau càng được xây cất vững chãi đẹp đẽ hơn.

Lúc gia đình ông giáo về, các cột chợ đều bằng gỗ, sườn nhà bằng tre cột mây, mái tranh dày hai năm mới phải thay một lần. Bên cạnh chợ, có thêm một tiệm thuốc bắc, hai tiệm buôn nông sản và đồ tạp hóa, một quán ăn và một nhà trọ đêm. Ngay dưới gốc cây gạo lớn, chủ quán trọ che tạm một chuồng ngựa cho các tay chở thồ. Chình thường dẫn Lãng ra đây

say sưa ngắm những con ngựa cao lớn, lông mượt, của khách buôn, tự nguyện mang cỏ đem bỏ vào máng, hoặc vốc lúa vào lòng hai bàn tay đưa đến tận mõm từng con ngựa một. Lãng thích nhất là được vuốt ve bờm và lông kỳ của các chú ngựa ham ăn. Cậu vốc một nắm lúa vào trong tay trái đưa tận mõm ngựa. Mấy con ngựa khỏe háu ăn di di cái mõm ướt và nóng vào tay Lãng, cậu cảm thấy nhột nhột, ấm áp một cách thích thú. Chinh thì thích ngắm những vó ngựa khỏe, những bộ yên sờn cũ ghi dấu bao chặng đường xa. Anh lân la trò chuyện với các khách buôn, hỏi họ về những con đường đá, những dốc núi, những đêm thâu lóc cóc vó ngựa thổ trên các vùng heo hút, những bọn cướp cạn, những dã thú gặp trên đường rừng. Để đánh đổi các mẩu chuyện phiêu lưu bịa đặt ấy, Chinh mất khá nhiều công sức. Anh tự nguyện đi

cắt cỏ giúp thẳng khờ, tự nguyện xuống sông mức nước cho ngựa uống. Và mỗi khi một đoàn ngựa thồ ra đi, bỏ lại máng cỏ héo và nền chuồng hôi hám vương vãi phân và nước tiểu, Chinh có cảm giác một phần ý nghĩa cuộc đời mình bị mang đi mất. Anh dắt Lãng về nhà, lòng băng khuâng.

Lòng đam mê các cuộc phiêu lưu của hai anh em, lâu lâu cũng được đền đáp chút đỉnh. Thẳng khờ bị lão chủ quán trọ lợi dụng, sai đi cắt cỏ để đổi lấy hai bữa cơm hẩm. Nó chỉ mặc độc một cái quần đùi cũ, màu đen đã ngả sang màu xám mốc. Tóc dài và bấn, hai con mắt dáo dác như đang tìm kiếm trí nhớ đã đánh mất. Được cái tính ưa hát nghêu ngao luôn miệng, và dễ bảo, nên con người đã ngoài ba mươi trôi giạt đến đây không biết từ lúc nào, trở thành kẻ tội tở chung

của mọi người. Chủ quán trọ cho nó một góc bếp để ngủ và ngồi tần mẩn nhổ từng sợi râu, nên tự nhiên được mọi người chấp thuận dành quyền ưu tiên. Thằng khờ chuyên lo cắt cỏ cho ngựa. Nhưng gặp những phiên chợ lớn vào mồng một hoặc rằm, ngựa thồ về nhiều, sức thằng khờ không lo cỏ đủ. Trong trường hợp ấy, Chinh sẵn sàng giúp sức, và được trả công nhiều ít tùy theo vui buồn của chủ quán.

Chinh trở thành nhân vật quan trọng của chợ An Thái là do vậy. Cũng do vậy mà từ khi An theo lời khuyên của mợ, bắt đầu nghề hàng xáo, cô bé gặp mọi điều may mắn. An dành được một chỗ bày hàng thuận lợi nhất. An còn được thằng khờ phục vụ tận tụy, có lẽ còn tận tụy hơn cả đối với người chủ quán trọ. Đôi mắt thằng khờ không còn đảo dác

tìm kiếm nữa. Hình như nó tìm thấy ở cái dáng nhỏ nhắn của An, ở chiếc áo đen tay dài bị rách ở bả vai, ở ánh mắt tinh nghịch và hai cái răng cửa hơi lớn của cô bé, một hình ảnh thân thiết từ lâu nó lạc dấu, nhập nhòa trong mộng lung, ẩn hiện bất thường trong trí nhớ bệnh hoạn.

An đi bán gạo lúc Chinh phải ra đồng với anh và cha, Lãng ở nhà canh chừng săn sóc bà giáo. Cô bé cảm thấy lo âu, cô đơn. Bữa đầu, An đòi Chinh phải ngồi bên cạnh mình cho đến lúc chợ vắng. Phiên chợ sau, Chinh mãi ngắm đàn ngựa không chịu ngồi bó gối bên cạnh em. Cô bé không hiểu nổi anh, không hiểu thứ sức mạnh nào đủ lôi cuốn Chinh vào những công việc vô nghĩa vô ích như ôm cỏ cho vào máng, khệ nệ xách cả gàu nước nặng từ dưới

bến sông xa lên gốc gạo, rờ rẫm những cái yên cũ. Cho đến ngày An bắt gặp đôi mắt trù mẫn ngưỡng mộ của thằng khờ nhìn mình. An thấy lạnh ở xương sống vì cái nhìn mê dại ấy, nhưng sau đó nghĩ đến sự cách biệt tuổi tác, sự cách biệt của hoàn cảnh, và thái độ hiền từ, ngoan ngoãn của thằng khờ, An yên lòng. Từ đó về sau, An có thêm một người anh mới. Cô bé yên tâm ra chợ một mình, trả Chỉnh cho mấy đám ruộng miếu.

*

Hoa gạo rụng đầy trên các mái chợ nên mùi thối cũng loãng bớt. Đoàn ngựa thồ lên đường từ đêm hôm trước, thuyền chở cá lược giao hàng xong đã về xuôi, nên buổi chợ hôm nay vắng vẻ. An bày hàng đã khá lâu mà chưa ai đến đong gạo.

Thằng khờ rồi việc, dựa vào cái máng cỏ nhìn về phía An, buồn rầu không có việc gì giúp đỡ cho cô bé để đổi lấy một cái cười biết ơn.

An đang định thu dọn quang gánh về sớm, thì Lãng hốt hải chạy ra chỗ gốc cây gạo. Cậu vừa nói vừa thở:

– Chị về ngay. Mẹ...

Lãng không nói hết câu, òa lên khóc. An chợt hiểu. Cô bé cảm thấy đau nhói trong lòng, nhưng An bình tĩnh hơn mình tưởng. An không khóc, chỉ thấy cảnh vật lao xao, chập chờn. An không buộc được sợi dây dừa vào đầu đòn gánh. Tay cô run quá. Vừa nhấc gánh lên vai, cái đòn bật, suýt tí nữa cả hai thúng gạo đổ ụp xuống đất ướt. Trong lúc đó, Lãng vẫn khóc. Gã khờ đến gánh gạo giúp cho An lúc nào An không biết. Bằng chút trí

khôn ít ỏi còn lại, gã cũng đủ hiểu An đang có chuyện buồn. Hai chị em chạy lúp xúp theo gã khờ, không ai dám nói gì. An sợ phải biết sự thực, Lãng tâm trí rỗng không. Gần đến nhà rồi, An mới hỏi em:

– Cha đã về chưa?

– Rồi. Em chạy ra miếu, rồi ra cho chị hay.

– Mẹ.. mẹ bị hồi nào?

Lãng ấp úng, vừa nói vừa run:

– Em không biết. Mẹ... mẹ lạ lắm. Em sợ, chạy tìm cha liền.

Chị em đến nhà, thấy cậu mợ Hai Nhiều và vài người hàng xóm đã đến. Ngoài cửa, mấy đứa nhỏ tùm lại tò mò nhìn vào. Ông giáo, Kiên và Chinh đều

ngồi quanh giường bà giáo. An thấy mẹ ngồi dựa vào cái gối lớn kê sát vách đất, khuôn mặt trắng bệch nhưng vẫn còn phảng phất dáng dấp một người đang ngồi nghĩ ngợi mông lung, nhắm mắt trầm ngâm. Chưa có ai khóc. An len vào gần sát mẹ, và đúng lúc đó, ngã xuống ôm chầm lấy bà giáo khóc òa.

Bà giáo mở mắt nhìn đôi vai con gái run run. An ngổ ngàng cảm thấy có một bàn tay nhẹ nhẹ vuốt tóc mình. Cô bé ngược nhìn lên, bắt gặp đôi mắt nhòe lệ của mẹ. An chưa kịp kinh ngạc đã nghe bà giáo nói:

– An của mẹ!

An mừng quá, khóc to hơn, vừa khóc vừa nói rồi rít:

– Hóa ra mẹ chưa mất. Mẹ đừng bỏ

chúng con, mẹ. Mẹ có hiểu con nói gì không. Mẹ ở lại với chúng con.

Bà giáo run run đáp:

– Mẹ mệt lắm. Mẹ không bỏ con đâu. Con ráng lo chăm sóc cho Út. Đừng la rầy thằng Lãng. Tính nó như vậy, đừng gây gổ với nó, tội nghiệp.

Ông giáo can vợ:

– Mình nằm nghỉ cho khỏe đi. Thấy mình tỉnh trở lại, thằng Lãng sợ, tưởng... Báo hại ai cũng hoảng hồn. Có anh chị Hai Nhiều lại thăm, mình có nhận ra không?

Bà giáo hiểu lời chồng, đưa mắt nhìn quanh tìm kiếm. Ông giáo quên rằng bà giáo đã mê muội ngay từ lúc ghé Gò Bồi, không biết ông bà Hai Nhiều là ai. Bà

Hai Nhiều tiến tới gần bà giáo, cầm tay người bệnh hỏi:

– Cô có còn cảm thấy mệt không? Mấy tháng nay thấy cô cứ mê mải, vợ chồng tôi lo quá.

Bà giáo hơi bần khoản một chút, cuối cùng cũng biết người vừa nói chuyện với mình. Bà giáo hỏi:

– Thế anh Hai của tôi đâu?

Hai Nhiều đến gần vợ, tự giới thiệu:

– Tôi đây. Anh em với nhau mà từ lâu không biết mặt nhau. May quá, đến nay cô đã tỉnh.

Đột nhiên bà giáo bật khóc, vừa khóc vừa nói:

– Trăm sự nhờ anh chị. Em có mệnh hệ nào, anh chị can nhà tôi đừng lấy vợ,

khổ cho lũ nhỏ. Em đã bắt nhà em hứa rồi, nhưng em chưa yên lòng.

Càng lúc bà giáo khóc càng lớn hơn. Và càng khóc bà càng nói nhỏ đi, tiếng được tiếng mất, ý nghĩa lan man từ chuyện nọ nhảy sang chuyện kia. Mọi người ủa nhau lại khuyên can bà giáo bình tĩnh, ông giáo cũng lớn tiếng hứa hẹn theo ý vợ. Nhưng bà giáo không nghe được gì nữa, hai tay ôm lấy đầu khóc lớn. Có vẻ mỗi lúc bà giáo càng mệt hơn, Kiên nhắc mọi người ra bớt phòng ngoài cho gian buồng bà giáo nằm được thoáng khí. Chỉ còn lại ông giáo, An và Lãng trong phòng. Tiếng khóc nhỏ dần, thưa dần. Bà giáo nhắm mắt, đầu lắc qua lắc lại trên gối, thân thể xiêu ngả mệt nhọc. Ông giáo biết vợ đã mê trở lại, tuy giờ phút tỉnh trí vừa qua không phải là dấu hiệu báo trước giờ lâm tử như ngọn

đèn hết dầu lóe lên lần cuối trước khi tắt lịm.

✱

Bà giáo mất hôm mười bốn tháng bảy. Trong những tháng cuối cùng, các cơ năng nuôi thân thể bà dần dần lãng quên mất nhịp sống quen thuộc. Bà gầy xọp nhanh chóng, nằm dán lên cái chõng tre lót chiếu, không động đậy. Kiên phải tìm một cái mo cau cắt tròn để lót hứng phân. Nước tiểu rỉ ra ướt hết cả vạt chiếu. Lưng bà giáo nổi sần, rồi lở lói phía thắt lưng. An thương mẹ quá, lấy cái gối nhỏ chèn phía dưới mông để xơ chiếu khỏi chạm vào mảng thịt đỏ lây, cuối cùng nước tiểu thấm cả vào bông gối. Mùi khai nồng tỏa khắp phòng. Tháng cuối cùng, An đút cháo cho mẹ, bà giáo không nuốt

ngay. Các bắp thịt thực quản dường như mất liên lạc với ý chí sinh tồn. Sợ mẹ bị ngột, An phải múc từng muỗng nhỏ đưa vào tận cuống họng mẹ. Thức ăn rơi vào trong sâu, và do một phản xạ nào đó, lâu lắm, bà giáo mới nuốt. Không khí trong nhà luôn luôn ủ dột, người nào cũng có một nỗi buồn canh cánh bên lòng. Chỉ khi nào quá mệt nhọc ngủ vùi hoặc bận ra chợ ra đồng khuất mặt, họ mới cảm thấy đôi chút an tâm.

Cho đến lúc Lãng khám phá ra mẹ đã chết, tay chân lạnh, mắt trợn ngược lên đỉnh mùng, cảm giác đầu tiên của mọi người trong gia đình là sự nhẹ nhõm, như vừa được cất đi một gánh nặng. Ngay cả Lãng, vốn tính mẫn cảm và lần đầu tận mắt thấy hình ảnh cái chết, cậu bé không sợ hãi thái quá. Lãng chạy ra sau bếp gọi chị:

– Lên nhanh chị An ơi.

Giọng nói của Lãng và nét mặt của cậu khá bình thản, đến nỗi An không biết Lãng báo một tin dữ, quay ra gay gắt:

– Chỉ việc xếp mền mây không làm được hay sao mà nặng lên thế. Để yên cho mẹ ngủ.

Lãng đến bên chị, thì thào:

– Hình như... hình như mẹ chết rồi. Tay mẹ lạnh ngắt.

An bỏ rổ khoai chạy lên buồng mẹ. Và cũng như lần trước, cô bé kinh ngạc cho sự điềm tĩnh kỳ lạ của mình. Nhưng sau đó, tình cảm từng người mon men quanh co theo từng lối khác nhau. Tin dữ truyền cho nhau qua tiếng thì thào. Từ ông giáo đến các con đứng lặng quanh xác bà giáo, nhìn trần trời lên

thân thể gầy ốm xanh xao và nhỏ nhắn như thân thể một bé gái 11, 12 tuổi. Sự nhẹ nhõm ban đầu nhường chỗ cho nỗi hoang mang, lơ lảo. Mọi người như đột ngột bị lạc hướng, mắt còn trông thấy đấy nhưng tâm trí quờ quạng. Thằng Út giật mình tỉnh dậy không thấy chị bên cạnh, khóc ré. Đúng lúc đó, Lãng bật khóc nức nở. Cái cổ của Lãng nhỏ và cao, khi khóc cậu ngược mặt lên trời nên mấy đường gân càng nổi rõ trên cái cổ ấy. Tóc dài phủ cả lên mắt, dán lên má vào thái dương, trông cậu giống như một con bê non ăn lúa của một chủ ruộng hung bạo, bị lão lấy rựa chặt gãy chân nên quỵ tại chỗ, rướn cổ thét lên thống thiết. Khúc rốn vô hình nối liền thân thể cậu với mẹ, khúc rốn giúp cậu tiếp được của mẹ sức xúc động nhảy bén đối với thời tiết; lòng đam mê cây cỏ, đồi núi, sông biển, chim chóc; sự vụng dại đáng thương hại trước

những sự việc cụ thể thực tế; trí tưởng tượng lãng mạn muốn cái gì cũng tới cùng đỉnh; khúc rốn ấy đứt lìa đột ngột nên cậu không thấy đau đớn. Rồi dần dà, cậu cảm thấy trong tâm hồn cậu, trong thân thể cậu, một đoạn ruột đã đứt. Và cậu nức nở khóc, không ai dỗ được.

Chinh khó chịu, gắt lớn y như mọi lần:

– Có im đi không. Đồ mít ướt!

Lãng ngừng khóc, cậu nhìn anh với đôi mắt hận thù. Cậu nghĩ: Anh ấy có còn chút tình cảm nào không? Anh ấy không phải là con của mẹ sao? À, phải rồi. Hôm nay mười bốn tháng bảy. Như vậy là công phu luyện tập khó nhọc bao lâu nay của anh ấy, bây giờ kể như bỏ. Ngày mai là ngày cúng cô hồn. Anh ấy không dự đồ giàn được nên đâm ra tức

tối, giận lây đến mình. Mẹ mất, mà anh ấy còn nghĩ đến chuyện đấu võ được ư? Anh ấy có thương mẹ không? Đáng giận thực, biết thế mình không nên đứng ra làm chứng cho anh ấy học võ.

Lãng càng nghĩ càng giận, càng giận cậu càng tỉnh táo. Cậu không khóc nữa, đưa mắt nhìn cha xem cha có khám phá ra đứa con bất hiếu hay không. Ông giáo đến ngồi bên mép giường, nắm lấy cánh tay lạnh của vợ. Mấy ngón tay trắng đã cứng, đầu ngón tay đã móp. Cảm giác lạnh lẽo truyền vào bàn tay ông, thấm vào máu, len đến sống lưng. Ông giáo đặt nhẹ bàn tay vợ xuống mền. Đôi mắt mở của bà giáo đục lại, nhưng ông giáo tưởng như vợ đang nhìn ông trách móc. Bất giác ông đưa bàn tay lên vuốt mắt vợ. Con bên tả nhắm lại ngay, nhưng con mắt bên hữu chỉ khép kín khi ông vuốt

đến lần thứ năm. Kiên đến bên ông hỏi nhỏ:

– Mình nên đi khai báo nay với xã trưởng hờ cha ?

Ông giáo quay lại hỏi:

– Con nói gì?

Kiên chậm rãi nói:

– Con định đi khai tử cho mẹ. Sẵn tiện hỏi cậu Hai phải làm những gì.

Ông giáo cảm động nhìn con:

– Được. Con lo giùm cha. Hỏi cậu thủ tục ở đây như thế nào. Xin đất lập mộ ở đâu. Con giúp cha đi! Cha không còn nghĩ gì được nữa!

Kiên sẽ sàng bước ra khỏi buồng. Chính định theo anh, nhưng Kiên ngăn

lại, nói nhỏ gì đó. Chỉnh gập gù, trở vào nhẹ rút cái mo cau đựng phân đem đi ra vườn. Một lúc sau, Chỉnh lại vào đem cái gối thấm nước tiểu, cùng mở quần áo bẩn thay từ hôm trước của bà giáo ra ngoài. Lãng bỏ ra nằm sắp trên phản gỗ khóc thút thít. Trong phòng, chỉ còn lại An và ông giáo.

An thấy cha ngược lên nhìn mình, ngân ngai. Ông ngồi thừ một lúc, rồi chống hai tay qua vai vợ, nhìn đăm đăm lên khuôn mặt bà. Lòng ông chùng xuống, yếu đuối. Ông bắt đầu khóc. Giọng của ông khàn, tiếng khóc nghẹn lại nơi cổ họng khao khao, nghe tiếng được, tiếng mất. Hai vai và cánh tay ông run. Nước mắt chảy lặng lẽ trên má, qua 45 năm thăng trầm lặn lội với bao hệ lụy ở đời, những giọt đau khổ còn sót lại rỏ lên ngực áo vợ, không đủ sức ấm hồi

sinh. Ông khóc vì hối hận. Phải, dù cuộc tình duyên giữa hai ông bà không do những vô vập hấp tấp hoặc toan tính so đo, nhưng thành thực mà nói, những lời qua tiếng lại xung quanh có ảnh hưởng đến cách cư xử của ông đối với vợ.

Trong đời sống vợ chồng, đôi lúc ông xem thường bà. Có những lời cầu nhàu vô cớ, giận dữ quá đáng vì những chuyện cỏn con. Nếu gia thế của bà khá hơn, ông giáo phải dè dặt nhiều trước khi nói điều gì với vợ. Tính bà quen nhẫn nhục, chịu đựng lạng lẽ mọi lời rầy rà. Ở chỗ giao tế, bị ràng ruộc tứ bề vì những sự tế nhị rào đón, nường nhẹ, nể nang, ông giáo không phát lộ được hết cá tính. Về nhà, ông được dịp trút mọi bức bối lên gia đình. Ông được cầu nhàu tự do. Ông được mạnh dạn xỏ hết những gì bức dọc, đến độ còn tìm thấy ở sự phóng

túng đó một thứ lạc thú bệnh hoạn. Lúc trước ông không thấy tất cả những điều ấy. Bây giờ, ông giáo thấy hết.

Trên gương mặt im lìm của vợ, ông soi được những xấu xa tàn nhẫn của cả đời ông. Ông nhớ lại đôi mắt lo âu thảng thốt của vợ những năm đầu tiên mới lấy nhau, những lúc ông không chịu đựng được nhục nhã của nghèo đói, trút hết lòng hận đời lên đầu cô gái nhút nhát, ốm yếu là vợ ông. Ông nhớ cái khuôn mặt trầm tư những năm về sau, đôi lông mày thường nhíu ở sống mũi, môi trên chúm lại cố chặn một tiếng nấc.

Ông nhớ những ý nghĩ bạc bẽo tàn ác của ông, những khi một mình ngồi canh bệnh bên giường bà. Sau bao dày vò, kết cuộc lại, vợ ông nằm đây. Mắt sâu. Má hóp. Thân thể da bọc xương. Cánh tay gầy guộc. Bàn tay co quắp, nhăn móp

ở đầu năm ngón. Vợ ông có tội tình gì? Ông đã làm được gì để bà nở được nụ cười hiếm hoi?

Nếu không có An ở đây, ông đã ôm chầm lấy xác bà mà van xin, năn nỉ bà tha tội cho ông. Ông giáo quay nhìn con gái. Mắt An buồn rầu, có ý hỏi cha muốn sai bảo điều gì. Có tiếng nhiều người nói chuyện, hỏi han lao xao ở cửa ngoài. Được dịp chạy trốn cái nhìn tra hỏi của con, ông giáo đưa ống tay áo chùi nước mắt, đi ra nhà ngoài.

*

Trong gia đình ông giáo, chỉ có Kiên và Chinh là đủ bình tĩnh lo liệu việc tang ma. Ông giáo như người mất hồn, ngồi thừ một chỗ, trả lời giống một các câu

chia buồn của thân quyến và hàng xóm. Ai đến thăm cũng tìm cho được ông, hỏi qua tuổi tác, căn bệnh của bà giáo. Ông trả lời dăm dẳng, ba phải. Người nghe không lấy đấy làm điều, và quả thật, cũng không mấy chờ đợi những câu trả lời rõ ràng, dứt khoát. Họ hỏi vì bốn phận phải hỏi, chứ không phải để nghe trả lời. Như một cái máy, ông vái chào khi có ai đến, gật đầu khi họ chia buồn xong, rồi lại vái chào khi họ về.

An và Lãng ngồi bên xác mẹ, bây giờ đã được tắm rửa và thay quần áo mới, Kiên và ông hai Nhiều đã giúp An luộc hai quả trứng và vắt ba nắm cơm đặt vào một cái đĩa sành, cắm ba nén nhang để lên đầu giường người chết. Cửa sổ được chống lên, căn nhà từ lâu kín gió và tắm tối đã thoáng khí hơn trước. Mùi hôi thối theo gió loãng đi. Nhang cháy liên

tiếp từ nén này sang nén khác, hơi khói mỏng mang theo mùi trầm đậm ngọt. Hai chị em thần trí căng thẳng vì xúc động, cảm giác bây giờ tê dại. Gần như cả An lẫn Lăng không còn ý thứ được những gì thuộc về thực tế, sống trong trạng thái lơ ngơ ngẩn mù mờ. An chỉ ghi nhận được chung quanh có người vào người ra, tiếng nói thì thảo, cử động sẽ sàng.

Một vài người đàn bà đến vuốt tóc An, hỏi An điều gì đó. An trả lời những gì ít ai nghe rõ, lời nói buột miệng vô tình. Có điều khi có tiếng sụt sịt khóc nhắc nhở, thì An nhớ ngay đến cái chết của mẹ. Cô bé quay nhìn mẹ đang nằm in trên giường, hai bàn tay gầy guộc đặt dài trên mép chăn, mặt xanh tái, mắt nhắm nghiền. Rồi chỉ trong khoảnh khắc, An ý

thức trọn vẹn thân phận cô gái từ đây, nghĩ đến những ngày sắp tới vô định và cô độc trên đường đời. An bật lên khóc, Lãng cũng khóc theo chị, tiếng khóc thiết dai dẳng. Bà Hai Nhiều thấy ngay tình trạng mất cảm của hai cháu, nên dẫn An và Lãng sang nhà mình.

Công việc ma chay như vậy do gia đình hai Nhiều và bà con hàng xóm quán xuyến cả. Vợ chồng cô Ba Lý trên Xuân Huê cùng với Lợi có xuống chia buồn. Vợ chồng cô Hai Nhõn bên Trường Định cũng về. Thêm một số bạn võ của Chinh. Gã khờ ngoài chợ. Đám đàn ông lo việc xin đất, đào huyệt, đóng áo quan. Ông Hai Nhiều cùng với Kiên và Lợi lo đi báo cho các chức sắc trong xã và làm giấy tờ khai tử. Người ra vào đông đúc, nhờ ai nấy đều giữ gìn cử chỉ và lời nói cho hợp

với đòi hỏi một đám tang, nên suốt buổi sáng chuẩn bị tắm liệm và tang lễ tiến hành lặng lẽ và điều hòa.

Đến trưa, đám đàn bà con gái lo thổi cơm dọn ăn cho những kẻ hảo tâm đến giúp không công. Người lo chạy đi mượn thêm bàn ghế, mâm bát. Nhà chật chội. Phải làm thêm một nhà rạp ở hiên trước. Lũ trẻ hiếu kỳ bu đến ngày càng đông. Thợ mộc đóng áo quan, tiếng đục đẽo nghe vui tai rộn rịp. Thêm tiếng bàn ghế va chạm, tiếng bát đĩa loảng xoảng.

Thực khách dần dần quên mất sự ràng buộc, cười nói tự nhiên. Câu chuyện hào hứng vì xoay quanh cụ cướp giàn truyền thống giữa dân An Vinh và An Thái trong dịp lễ vu lan hằng năm. Heo quay, gà vịt, gạo muối, hoa quả dùng để cúng cô hồn được đặt trên một giàn tre cao, dựng ngang trên bãi sông.

Trong thời gian hành lễ, các tay võ giỏi hai bên đã chia nhau mai phục quanh giàn. Kinh giải oan dứt. Hối chuông thông thả từng tiếng, gõ vào không gian căng thẳng. Những đôi mắt đăm đăm. Nhịp tim đập mạnh. Những bàn tay nắm lại, gân nổi trên thớ thịt sần cứng. Những cái liếc mắt âm mưu hoặc nghi kỵ. Giờ phút chờ đợi kéo dài theo ba hồi chuông chậm. Tiếng chuông cuối cùng vừa điểm, thì võ sĩ của hai làng có quyền dùng bất cứ thế võ hiểm độc nào để hạ đối phương, giành cho được con heo quay về phần mình.

Cuộc loạn đả truyền thống luôn luôn có máu đổ, có quả phụ và con cô. Nhưng con heo quay đem về bên này sông hay bên kia sông đã trở thành tiêu chuẩn đặt định niềm vinh dự may mắn cho cả cộng đồng suốt một năm. Cho nên phép vua

thua lệ làng, cái trò chết người năm nay vẫn tiếp diễn, và số cô hồn cần giải oan tăng theo năm tháng.

Trong lúc những người thân thuộc của ông giáo giúp ông lo việc mai táng, thì các võ sĩ An Thái đã vất vả lắm mới mang được con heo quay về bên này sông Côn. Hai xác chết nằm vắt lên mép nước vô tình, một bị dập lá lách và một bị vỡ đầu. Câu chuyện hào hứng, bàn cãi ồn ào là vì vậy. Bữa cơm trưa nay có nhiều tiếng cười hể hả, và đám đàn bà sống giữa vùng đất chuộng võ từ tấm bé không hiểu nổi sự quyến rũ của bạo lực, nhìn đám mâm chén ngả nghiêng với đôi mắt chịu đựng, khoan thứ.

Người ta lo việc mai táng ngay buổi chiều hôm ấy, và theo lời khuyên của bà Hai Nhiều, ông giáo không cho An và

Lãng đi theo quan tài. Cô Ba Lý nói dối với hai chị em là mãi sáng mai, mới có giờ tốt thích hợp việc chôn cất. An yên tâm ngủ được một giấc ngắn. Gần nửa đêm, cô bé thức dậy, thấy mình nằm trên giường lạ. Mãi một lúc lâu, An mới biết mình đang ở nhà cậu mợ. Cửa lớn đóng, cửa sổ nhìn sang nhà An mở. Cô bé len lén ngồi dậy đến gần cửa sổ nhìn sang nhà mình. Thấy có ánh đèn leo lét ẩn hiện sau mấy lớp lá chuối, An yên tâm. Mẹ vẫn còn đó. Mẹ vẫn còn ở trên trần gian với mình. Cô bé nghĩ như vậy. Đột nhiên, An cảm thấy trong thân thể mình có điều gì khác thường. Đầu cô nhức, tay chân rã rời. Chỉ vì mình vật vã khóc cả ngày đấy thôi. Nhưng... nhưng sao mình tẻ thế này? Thằng Út mới lên ba còn có thể đái dầm, Lãng những hôm bệnh có thể... Nhưng mình chừng này tuổi đầu?

Chao ôi, nếu mấy chị biết được! An lo sợ nhìn trước nhìn sau, tưởng như mọi người đã nhìn rõ cái cảm giác nhớp nháp nóng ướt đang lăn chậm hai bên vế An. Không dám bước nhanh, An vịn vách nhè nhẹ lần xuống nhà bếp. Trấu un cháo heo đang ngùn đỏ, phát ra một vùng ánh sáng mờ mờ. Cảm giác nóng ướt lan xuống gối, rồi xuống bắp chân. Đến gần vùng ánh sáng, An vén ống quần lên định chùi vội dòng nước tiểu. Và đúng lúc đó, An hãi hùng đến líu lưỡi, quên cả việc thả ống quần xuống. An ngột thở vì sợ. Trên ống chân trắng, An vừa nhìn thấy một dòng máu. Tại sao lại thế này? Mình mắc bệnh quái gở gì đây? Cả ống chân kia cũng có máu. Máu trên hai vế... Mẹ ơi, mẹ cứu con. Chỉ có mẹ mới cứu được con thôi, vì ngoài mẹ ra, không bao giờ con dám thổ lộ cho ai biết

là con đã mắc một thứ bệnh khủng khiếp ở một nơi xấu hổ. Nhưng mẹ bỏ con rồi còn đâu. Làm thế nào bây giờ? Có ai cứu tôi nữa không?

An ngồi xuống bên bếp trấu, gục mặt vào hai đầu gối nhóp nháp khóc ầm ức. Nước mắt càng chảy, cô bé càng thấy nỗi thống khổ đậm thêm, mệnh mông. Vì xấu hổ cô không dám khóc lớn nên sự đau đớn càng tăng. An chịu đựng một mình, trong âm thầm, cái kinh nghiệm dậy thì của đời con gái. Sáng hôm sau, cùng với Lãng và các anh ra thăm mộ mẹ, An đã thành một người lớn. Cái chết của bà giáo, kinh nghiệm một đêm có kinh nguyệt lần đầu đã quá đủ để tạo một vết đau buốt đến tê dại lên tâm hồn cô bé. Và An đã mất tuổi thơ!

Chương 5

Nhà ông giáo chật chội quá, nên tiệc dọn ngay trong nhà rạp cất tạm hôm làm đám ma bà giáo. Đến ngày mở cửa mả nghĩa là ba hôm sau bữa mai táng, ông giáo vẫn chưa ra khỏi tâm trạng lơ lửng, hụt hẫng. Một phần không nhỏ tâm trí ông bị chôn sâu xuống ba thước đất, phần còn lại lan man vô định. Cái ý nên làm một bữa cơm thết tạ ơn những người đã giúp đỡ nhiều hôm làm đám ma là của An. Ông giáo ngạc nhiên khi nghe con gái nhắc nhở, cứ nhìn An dăm dăm. Và đấy là lần đầu, ông giáo thấy con

gái mình đã trưởng thành. Nét ngây thơ và vô tư trên khuôn mặt bầu bĩnh của An không còn. Đôi mắt con gái buồn và nghiêm hơn. Môi trên thường mọng và bị cái mũi dọc dừa kéo xếch lên một chút, để lộ hai cái răng cửa hóm hỉnh, nghịch ngợm, bây giờ mỏng lại, mím chặt xuống môi dưới. Khuôn mặt trở nên trầm tĩnh, và như có một hòa điệu tự nhiên, cử chỉ lời lẽ cũng trở nên chững chạc, khoan thai hơn.

Ông giáo yên tâm phó thác việc nấu nướng cho con. Có Kiên và Chinh giúp, An tự tin khỏi phải chạy qua nhờ mợ. Ông giáo và Kiên lo xếp đặt bàn ghế. Cái bàn đọc nhất lâu nay ông giáo vẫn dùng làm bàn đọc được khiêng ra dọn tiệc. Mặt bàn gỗ mộc lồi lõm, thô sơ, mực xạ loang lổ. Kiên phải tìm một tấm chăn cũ màu xám phủ lên. Nhắm tính

số người phải mời, Kiên thấy thiếu bàn. Ông Hai Nhiều cho mượn thêm một cái bàn tròn xếp, đủ rộng cho mười người. Mọi việc tạm ổn, ông giáo mới mặc áo dài chỉnh tề đi mời viên tri áp và ông xã trưởng đã giúp đỡ ông làm thủ tục khai tử và chôn cất. Trên đường về, ông tạt qua nhà Hai Nhiều để chính thức mời anh chị và Thận, chồng cô Hai Nhõ.

Viên tri áp và xã trưởng đến sớm hơn ông giáo tưởng. Vừa bước chân qua khỏi cổng, viên tri áp đi thẳng đến chỗ bàn tiệc, nhìn qua một lượt các đĩa thức ăn nấu nướng và bày biện kiểu cách theo lối kinh đô, xoa hai tay vào nhau lắc đầu:

– Chu cha! Thế mà nhà thầy nói với tôi chỉ có một bữa cơm xoàng. Tôi đã dọn rồi mà thầy không chịu nghe. Bày vẽ chi cho tốn kém, nhất là nhà lại vừa gặp chuyện buồn. Tính tôi dễ dãi, ai có

giỗ tiệc mời thì đến góp vui vậy thôi, ăn uống qua loa thế nào cũng xong. Thầy bày vẽ thế này lần sau tôi không dám tới nữa đâu. Hì hì. Phải thế không anh xã. Vâng, tôi ngồi đây được rồi. Thầy để mặc tôi. Anh xã ngồi xuống đi. Được, thầy cứ ngồi. Cái đĩa rau sống xếp lạ thật. Anh xã thấy chưa, người thành thị có khác. Cách xếp mấy miếng chuối chát, miếng khế, rau húng, rau răm, trông đẹp chưa. Tôi phải cho con gái đến đây học mới được. Sao! Con bé kia à? Nó chừng ấy tuổi mà nấu nướng được tất. Hà hà, tôi không tin.

Ông giáo ghét cay ghét đắng cái vẻ tự đắc của viên tri áp, nhưng ông cũng không làm ra vẻ rụt rè, ngồi xuống ghé một lúc rồi lại đứng dậy để tiếp chuyện. Viên tri áp kêu hãnh cho phép ông giáo ngồi mà thưa chuyện, ông giáo cứ đứng

bên ghế. Ông xã trưởng bảo:

– Thầy tri áp đã cho phép ông cứ ngồi. Tánh ông ấy vẫn xuề xòa bình dân thế, đừng ngại.

Viên tri áp cười tít mắt, bộ mặt thỏa mãn:

– Đó, nhà thầy đã tin tôi chưa. Thầy mới về đây chưa biết tính tôi, chứ ở lâu thì chắc biết cái tính dễ dãi của tôi rồi. Ai cần giúp đỡ điều gì, nếu được, tôi giúp ngay.

Ông giáo lấy giọng nhún nhường xen vào:

– Vâng, hôm đám ma tôi mục người đi, không còn làm gì được. Nếu không có hai vị giúp đỡ, chắc chuyện giấy tờ thủ tục không dễ dàng mau chóng như thế đâu.

Viên tri áp vội xua tay can:

– Không. Ba cái chuyện vặt ấy, có đáng gì! Bỏn phận mà. Thấy cho tôi mượn cái ống nhổ. À, đây rồi. Chậc, trâu bà nhà tôi mua kỳ này không được cay, ăn nó nhạt nhẽo thế nào. Không phải chính loại trâu nguồn.

Rồi hình như miếng bã trâu đã nhổ đi mang theo cái hứng liến thoắng, từ đó về sau, viên tri áp bớt lời. Ông ta tìm chỗ đặt cái ống nhổ, sợ đặt vào chỗ cũ mình sẽ vô ý đạp ngã, đổ vương vãi trên đất. Lúc ngược lên, viên tri áp chú ý cái ng-
hiên đá hoa Chình đã lấy ra chặn lên tấm chắn xám. Bỏ chỗ ngồi, ông ta đến cái bàn mộc cầm ngiên lên sẫm soi:

– Cha! Cái ngiên hay thật. Vân đá trông như là vảy rồng. Da mát lạnh. Chắc của nhà thầy?

Ông giáo trầm trách con vô ý, đáp miễn cưỡng:

– Dạ, của một người bạn, tôi mượn đã lâu.

Viên tri áp nghiêm mặt, đặt cái ng-
hiên lại chỗ cũ, quay về chỗ ngồi. Chinh
đến gần thừa nhỏ với cha:

– Cậu Hai bảo con thừa lại với cha
đã sang được chưa?

Ông giáo hỏi:

– Cậu có tìm mời mấy bác thợ mộc
không?

– Thừa có. Cả chú ba Vận và anh Lợi
nữa. Sợ sớm quá, các chú các bác còn
ngồi uống nước bên nhà cậu mợ.

Ông giáo được dịp lấy lòng viên tri
áp:

– Thế à! Con phải sang mời ngay cậu mợ và các bác. Thưa với cậu các vị đây đang bận việc nước, ít thì giờ lắm. Để các vị chờ, không tiện đâu.

✱

Các thức ăn ngon với trước, sự no nê khiến đà ăn uống chậm lại. Bánh tráng cũng hết, nơi góc bàn chỉ còn lại những mảnh bị cháy khét hoặc còn sống. Mọi người trên bàn người lớn đều cảm thấy áy náy, muốn nói cái gì cho không khí bàn tiệc bớt nhạt nhẽo. Giá không có viên tri áp hay ông xã trưởng, lúc ấy có thể là chuyện mùa màng, chuyện thời tiết. Chú Ba Vận có thể hỏi thăm ông giáo chuyện vỡ hoang mấy đám miếu. Ông Hai Nhiều hỏi thăm giá gỗ. Bác thợ mộc hỏi Thận giá rèn lưỡi cày. Nhưng mọi chuyện làm

ăn hào hứng ấy không mấy thích hợp vào trường hợp này, trước mặt các chức sắc. Ông giáo không thể thoái thác trách nhiệm chủ nhà, tìm cách gợi chuyện. Ông hỏi viên tri áp:

– Tôi nghe nói năm nay phủ ta đúng kỳ tuyển trường. Hạn tháng sáu thì duyệt tuyển. Khai xét sổ đình thêm bớt trong xã, chắc là bận rộn phiền phức lắm.

Viên tri áp đáp lơ lửng:

– Vâng, phiền phức!

Ông xã trưởng có nhiều thiện chí hơn:

– Mỗi lần duyệt tuyển là mỗi lần khó nhọc. Nào chính hộ, khách hộ, lại thêm mấy ông hạng cùng, hạng đào [Theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, trang 152.]. Kiện tụng, xin xỏ đủ thứ chuyện. Quan trên không

nạt, đến rằm tháng bảy chắc chưa xong đâu. À này, không có tôi với ông tri, nhà thầy không được xếp vào chính hộ đâu nhé. Tôi phải nói mãi, nhấn mạnh thầy là chỗ bà con với ông Hai đây...

Viên tri áp tiếp lời ông xã:

– Nhưng chuyện cậu cả thì rắc rối đấy. Quan trên cứ tra vấn mãi là tại sao chừng ấy tuổi đầu lại chưa có tên trong sổ xã binh. Tôi đã cố, nhưng chữ nghĩa ít, đơn từ lời lẽ không được rõ mấy. Sợ rồi ra không được việc thầy buồn!

Ông giáo hối hận đã gợi một chuyện gay go. Ông muốn xoay sang câu chuyện khác, nhưng không khí bàn tiệc trở nên khó thở. Ông lúng túng không biết phải làm thế nào. Chú Ba Vận cứu ông đúng lúc. Chú hỏi Thận:

– Bên đó bàn tán chuyện thua giàn ra sao?

Thận liếc nhìn hai chức sắc, do dự không biết trả lời thế nào cho phải. Anh ậm ừ:

– Buồn lắm. Như có đám ma.

Viên tri áp lại được dịp tỏ uy quyền:

– Cả cái tục đồ giàn nữa, quan huyện quở nặng lắm. Quan đe sang năm nếu không bỏ, sẽ khép tội những người đầu sỏ. Đánh chết người phải thường mạng!

Câu chuyện hoàn toàn tắc tị. Cho đến lúc hai chức sắc lấy cớ bận việc quan về trước, chỉ còn những câu trao đổi nhát gừng, khách sáo, rời rạc, vô nghĩa. Cười lạt lẽo, nói ậm ờ, nghe lơ đãng hay gật gù không đúng lúc. Cái không khí buồn tẻ ấy vẫn còn lan man vương vất

trên bàn tiệc sau đó, đến nỗi tuy thức ăn còn khá nhiều, vài người đã lóng ngóng muốn về. Ông giáo và cả ông Hai Nhiều, cố giữ chú Ba Vận và hai ông thợ mộc lại. Không còn các quan chức, nên bàn phái trẻ trở nên náo hoạt hẳn. Tiếng cười vô tư lan truyền sang bàn bên này. Bác thợ mộc đứng tuổi cười nhẹ, rồi nói:

– Có mặt hai cái lão đó, ăn mất ngon!

Chú Ba Vận chưa nguôi tức, giọng bực bội:

– Hở một chút là dọa. Dân chỉ có cái khổ rách sợ gì nữa mà dọa với nạt. Xếp hạng cùng hay hạng đào cũng thế thôi.

Ông giáo nói:

– Tôi về đây chưa quen nước quen cái, thế nào rồi cũng chịu lép mới mong yên được. Khi nãy ý ông tri áp có vẻ thích

cái nghiên đá hoa. Nhưng cái bộ điệu lão tự thị lộ liễu quá, tôi ghét. Mà lúc đó đưa ngay cũng kỳ.

Ông Hai Nhiều nhớ lại cái kinh nghiệm cay đắng của mình, lắc đầu chậm chạp bảo:

– Cá mè một lứa cả. Bên ngoài mập ốm cao thấp có khác, nhưng trong ruột như nhau thôi. Vừa muốn chop ngay lấy, lại vừa muốn giữ thể diện. Cho nên không chop mà chỉ nhón.

Ông Hai Nhiều vừa nói vừa đưa tay làm điệu. Ít khi thấy ông khôi hài chua chát khác thường như vậy. Có lẽ chút rượu đã giúp ông bạo lên, bớt rụt rè. Cả bàn cười lớn. Ông Hai Nhiều đỏ mặt thích thú, đứng lên định nói điều gì vừa nảy sinh trong đầu, nhưng phút xuất thần hiếm hoi đã qua, ông lúng túng ậm

ờ không tìm ra lời. Ông giáo nhớ chuyện cái chân bò khô đọc được trong sách, kể làm quà cho bữa tiệc tan bột không khí nhạt nhẽo u ám:

– Anh Hai làm tôi nhớ lại một chuyện vui trong sách [Theo Phủ Biên Tạp Lục, Lê Quý Đôn, trang 465.]. Chuyện như thế này. Khoảng niên hiệu Cảnh Trị, cũng có lệnh duyệt xét sổ hộ tịch để cấp đất công và định thuế. Pháp lệnh nghiêm lắm, các quan lo việc xét sổ không ai dám tư vị. Có một viên thừa hành tính rất nghiêm khắc, hễ thấy ai xin hạ bậc hoặc giảm nhẹ thì lớn tiếng quát mắng. Một hôm hắn đi nhà xí, thấy ngoài tường có ai ném vật gì đánh thịch một cái. Tò mò đến xem thì ra một cái cẳng bò khô, trên đầu cái cẳng bò có buộc một hốt vàng tốt. Hắn lo sợ nhìn quanh, thấy không có ai, mừng rỡ nhặt vàng đút vào túi, trở vào hội nghị

tiếp tục duyệt sổ. Lúc ấy các xã trưởng lần lượt lên trình bày sổ đình. Một người khai rằng: “Xã tôi tiếng là xã lớn nhưng thực là nghèo khổ, nhiều người phải xiêu tán, chẳng khác nào cái chân bò khô chỉ có da bọc xương mà không có lấy tí thịt. Nếu theo thể lệ nặng, làm sao gánh vác nổi. Xin rủ lòng thương mà châm chước cho”. Người ấy cứ lải nhải như thế ba lần. Trong bụng hắn đã hiểu, bèn vừa cười vừa nói với bạn đồng liêu rằng: Người kia nói có lý đấy, nên thể tất cho họ.

Cả bàn nghe chuyện cười ồ. Ông Hai Nhiều gật gù, da mặt hồng vì rượu, tùm tùm cười một mình. Chú Ba Vận khen:

– Giỏi lắm. Hồi lộ như thế mới thật là cừ. Các quan “nhón” được kín đáo, nhất định xin gì cũng cho.

✱

Chờ khách khứa về hết, ông giáo và Hai Nhiều gọi Lợi ra chỗ ngõ vắng có việc. Lợi lo lắng không hiểu chuyện gì. Ông giáo hiểu nỗi lo của Lợi, vội bảo cậu:

– Bác Hai Nhiều vừa cho tôi hay cậu có giúp cho Lê khỏi phải có tên trong sổ binh.

Lợi mau mắn đáp:

– Dạ nhờ anh cháu có quen với ông cai tổng. Chỗ ơn nghĩa qua lại lâu năm.

Ông giáo vỗ vai Lợi cố tỏ dấu thân mật, rồi nói:

– Tôi cũng có chuyện cần cậu giúp đây. Cậu biết đấy, thằng Kiên nhà tôi đang bị rắc rối chuyện vào xã binh. Họ đánh tiếng đe dọa nhiều lần rồi, không lần lữa mãi được. Cậu liệu xem có cách nào không?

Lợi im lặng suy nghĩ. Ông giáo không khỏi lo âu khi thấy nét mặt Lợi đăm chiêu bối rối. Chờ một lúc lâu, ông giáo hỏi:

– Có thể nhờ anh cậu liệu giúp như trường hợp của Lê không?

Ông Hai Nhiều chen vào nói:

– Bảo thằng chồng con Lý gắng nài nỉ lão cai tổng. Tốn chút ít cũng được.

Lợi nói:

– Trường hợp anh Lê dễ, vì chưa khai vào sổ đinh. Chỉ việc lập khai sinh hạ tuổi là xong. Còn trường hợp này, ai cũng biết cả, khai trệt làm sao được. Hay là... hay là có cách này.

Ông giáo mừng rỡ:

– Cách nào khác cũng được, miễn là

yên năm nay. Sang năm việc làm ăn ổn định, nó có đi cũng được.

Lợi chậm rãi trình bày:

– Theo cách này thì anh Kiên cũng phải đi xa, nhưng không phải đi sung quân. Bác gửi anh Kiên lên làm tạm cho ông biện Kiên Thành. Ông ấy quen biết nhiều, chắc che chở được.

Ông giáo hơi thất vọng, mặt dầu dàu. Lợi thấy thế cố giải thích:

– Từ đây lên Tây Sơn Thượng không xa, đi không quá một ngày là tới. Lâu lâu anh ấy về thăm nhà cũng tiện.

Ông giáo phân bua:

– Nó đi thì ai lo chuyện ruộng nương. Cả nhà trông cậy cả vào nó.

Lợi nói:

– Biết làm sao được, bác. Cháu thấy nhiều người bị làng xã ức hiếp, lên nương nấu trên trại Tây Sơn Thượng một thời gian, về sau được bác biện giúp đỡ bảo bọc, cũng sinh sống được.

Ông giáo thắc mắc hỏi:

– Trại nào của ai trên Tây Sơn Thượng?

– Thừa trại của ông biện. Trước đây tổ tiên ông biện lập nghiệp trên đó. Gần đây mới dời xuống Kiên Thành. Trên cái nền nhà cũ, ông biện cất một cái trại làm trạm thu mua trâu không và hàng nguồn. Đất quanh đó tốt lắm, làm rẫy trấu bắp và lúa núi tốt lắm.

– Mấy người ẩn nấu trên trại có bị tróc nã không?

– Thừa không. Ông biện cho nhập

vào dân nậu nguồn. Thuế má thu trên đó đưa thẳng vào nội phủ, nên dân đình đờ phải bận tâm việc sổ binh. Hiện trên trại có đến mấy mươi trai tráng.

– Họ sống bằng nghề gì?

– Coi như họ lo việc buôn bán cho ông biện. Lúa bắp trồng tủa dư ăn. Cá mằm, đồ dùng thì theo ngựa thồ chở từ Kiên Thành lên. Lâu lâu săn được nai, mễn, thịt ăn không hết phải phơi khô.

Ông giáo cảm thấy đau nhói trong lòng khi nghĩ phải xa con. Ông cố nài nỉ:

– Không còn cách nào khác ư?

Lợi đáp chậm rãi, cân nhắc từng lời sợ ông giáo buồn:

– Cháu nghĩ không còn cách nào khác. Trong vùng này, chỉ có ông biện là

đủ thể lực và tiền bạc giúp đỡ kẻ thất thế. Mấy năm nay ông biện giúp cho nhiều người rồi, bây giờ bác có lên nhờ cũng không ngại. Vả lại, ông biện cũng cần người trai tráng mạnh khỏe để làm rẫy, chuyển hàng.

Ông giáo im lặng hồi lâu. Lợi tưởng ông không đồng ý, lí nhí chào ông ra về, ông giáo vội giữ cậu lại, giọng khẩn khoản:

– Chỉ còn cách ấy thôi! Cậu giúp cho chúng tôi. Cậu về thưa trước với ông biện. Nếu ông biện nhận lời, cậu xuống đây cho tôi hay, tôi với thằng Kiên sẽ lên Kiên Thành. Mai cậu về chứ?

– Dạ. Gặp anh Thận đây cháu khỏi qua Trường Định. Cháu sẽ gắng. Nội ngày mốt hay chậm lắm là bữa kia, cháu sẽ xuống đây cho bác hay tin.

Ba ngày sau, ông giáo trông mãi không thấy Lợi xuống An Thái. Rồi một tuần lễ trôi qua. Ông giáo nghĩ: Mình ngây thơ thật. Đã biết tính hẩn ba hoa bán trời không văn tự, còn cả tin, hồi hộp trông chờ hẩn trở lại. Hơn nữa, bọn chức sắc chỉ mới dọa dẫm chứ chưa chắc đã đệ nộp sổ binh. Có thể họ sẽ nghĩ lại, xét trường hợp chước giảm cho dân mới nhập cư được có thì giờ lập nghiệp. Sợ một điều chưa chắc xảy ra, để phiêu lưu vào một giải pháp chắc chắn cha xa con, anh xa em, mình quần trí mất rồi!

Ông giáo yên tâm, bỏ qua không nghĩ đến chuyện lính tráng của Kiên nữa. Cho đến cuối tháng 7, vào lúc ông giáo không chờ đợi nhất. Lợi lại đến. Mà không đến

một mình. Lợi dẫn đến nhà ông giáo một người đàn ông trạc khoảng trên 30 tuổi, thân hình ốm, da mặt hơi tái. Ông giáo chú ý ngay đến đôi mắt của người lạ. Dưới cặp lông mày thưa, đôi mắt xếch quá mức bình thường khiến ánh nhìn đầy vẻ nghi kỵ, giấu cợt và khinh bạc.

Ông giáo lúng túng không biết phải xưng hô thế nào với khách lạ. Không chờ Lợi giới thiệu, người khách nói:

– Tôi là biện Nhạc, ở Kiên Thành. Chắc cậu Lợi có nói với thầy nhiều về tôi. Phần tôi cũng vậy. Chưa gặp thầy nhưng tôi đã được biết nhiều về thầy.

Ông giáo hơi bối rối khi biết người khách lạ là biện Nhạc. Ông chờ đợi một ông biện lại khác hẳn. Lợi thường dùng chữ “bác” với cái giọng kính cẩn thán phục khi nhắc đến biện Nhạc. Vì

vậy ông giáo đã lắm. Ông tưởng biện Nhạc đã đứng tuổi, ít ra là phải trên 40 hoặc 50 như ông. Do cái nghề xông pha nguy hiểm từ đầu nguồn đến cuối sông, do trách vụ phức tạp khó nhọc của một chức sắc thu thuế, khổ người phải đẩy đà, nước da rám nắng, cử chỉ nghiêm túc đỉnh đặc. Ông giáo gặp một thanh niên mặt trắng! Lại thêm sự bất ngờ do ông giáo đoán sai về cá tính của ông biện. Ông không chờ đợi một cách tự giới thiệu gãy gọn, dứt khoát và tự tin như vậy. Bao nhiêu lần trong đời lúng ta lúng túng khi gặp một người lạ, ông ao ước được có cái phong thái tự nhiên thoải mái ấy. Không có gì phải rụt rè tìm hiểu, chọn chữ lựa lời. Phải có một cá tính mạnh mẽ chủ động mới có thể tự mình mạnh bạo nói về mình, và đặt người khác trước một sự đã rồi. Phút ngỡ ngàng qua mau, ông giáo cảm thấy giữa hai người không cần

có những ràng buộc kiểu cách nữa. Ông dễ chịu thoải mái như đang tiếp một người bạn thân. Cho nên ông vừa ngồi xuống ghế vừa kéo một cái ghế khác ra mời biện Nhạc ngồi, tay trái không bỏ cái cán rựa ông đang sửa. Ông giáo cười bảo ông biện:

– Ban đầu tôi hơi ngỡ, vì thấy ông còn trẻ tuổi. Vâng, Lợi vẫn thường nhắc đến ông luôn. Chuyến này xuống ghé đây, chắc là có việc quan.

Biện Nhạc lắc đầu, chậm rãi nói:

– Không, tôi bảo Lợi dẫn thẳng tới đây gặp thầy.

Ông giáo lại bối rối. Ông nghĩ nhanh: như vậy là Lợi đã trình bày với ông biện trường hợp rắc rối của Kiên. Ông biện đích thân xuống đây tức là đã thuận cho

Kiên lên Tây Sơn Thượng làm việc. Cha con sắp xa nhau rồi ư? Có thật cần thiết không? Làm thế nào từ chối mà khỏi mất lòng người ta? Ông giáo ấp úng bảo:

– Hôm trước tôi rối trí quá, mới nghĩ đến chuyện làm phiền ông.

Biện Nhạc gạt đi:

– Chính tôi làm phiền thầy trước. Lợi nó bảo để nó đi cho, nhưng tôi sợ nó trình bày với thầy không rõ, hỏng việc mất.

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

– Tôi có làm được gì để giúp ông đâu?

Biện Nhạc ngả người tới trước, thuật lại rành rẽ:

– Ở đây, như thầy thấy đó, là đất

rừng rú. Dân lo làm ăn không thì giờ học chữ, đọc sách. Cho nên nhiều khi khổ sở vì mớ chữ nghĩa của mấy ông duyên lại, ký phủ. Người ta thì tìm cách dành dụm tiền bạc nộp vào phủ mua cho được cái chức xã trưởng, tướng thần. Không phải để chia chút quyền hành nhỏ mọn mà cốt để khỏi bị ai ăn hiếp. Tôi không làm như vậy. Mấy anh em tôi tự phá rẫy mà sống, hoặc xông pha trèo non lội suối buôn nguồn để kiếm cái ăn. Cái chức đốc ộp thuế ở Vân Đồn, không ai kham nổi nên phải quàng cho tôi, chứ riêng tôi, tôi không thiết. Thế mà có kẻ xấu miệng còn đặt điều, lấy bút mực bôi nhem nhuốc lên thanh danh tôi. Nếu là ai khác, chỉ cần một cái tát tai, hoặc quất cho một roi là xong. Nhưng chúng nó ỷ chữ nghĩa dùng đến bút mực. Không nhờ đến thầy, không xong.

Yêu cầu đặt ra rõ ràng quá, ông giáo không có cách nào thoái thác. Ông không muốn dính vào những chuyện rắc rối. Việc của gia đình đã rắc rối lắm rồi. Ông chỉ muốn yên thân, sống lẩn quất vô danh không ai biết đến. Nhưng làm sao từ chối đây? Ông giáo đã cẩn thận che giấu mối liên hệ giữa mình với Ý đức hầu, nhưng chính ông đã phủ nhận mình là một thầy đồ lỗ vận, tìm về đây để học cày. Ông biện lại ngồi ngay trên ghế, nhìn thẳng vào ông giáo chờ đợi ông gật đầu với tất cả lòng tin tưởng. Ông giáo chỉ có một cách là hoãn binh. Ông hỏi:

– Không biết sức học võ vẽ của tôi có giúp gì được cho ông không. Nhưng sự việc ra làm sao?

Biện Nhạc vẫn giữ nụ cười bình tĩnh và cách nói chậm rãi, tiếp lời:

– Mấu chốt chỉ là chuyện tranh ăn. Gần đây việc buôn nguồn của tôi phát đạt. Nhất là trâu không, măng le và muối. Mấy đứa em tôi lo không xuể phải nhờ đến người ngoài. Một số như cậu Lợi đây ở Kiên Thành. Một số nữa ở trên Tây Sơn thượng. Thành thực mà nói, vài người có học vài miếng võ phòng khi gặp cướp. Có người vì không chịu nổi cảnh hiếp đáp của cai tổng, xã trưởng mà trốn. Chúng nó vin vào đó, làm đơn tố giác tôi ẩn lậu che chở bọn vong mạng, trộm cướp. Đây, sự việc chỉ có vậy!

– Ông định làm gì?

– Tôi cũng định hỏi thầy câu ấy. Thầy học rộng biết nhiều, am hiểu việc đời hơn chúng tôi. Thầy đã từng ở kinh đô, quen biết giới chữ nghĩa nên thông suốt luật lệ. Xin thầy giúp cho một lời khuyên. Chúng nó khinh tôi ít chữ nên dùng chữ

để hại tôi. Tôi phải làm gì đây?

Ông giáo boăn khoăn không biết phải trả lời như thế nào. Theo lẽ thường, ông chỉ cần chỉ đáp gọn là nên làm một tờ khiếu oan. Nhưng ông biết một câu trả lời như vậy tất nhiên dẫn đến chuyện ông biên nhờ ông thảo cho tờ khiếu oan ấy. Mà thật tình ông không muốn chữ nghĩa gây họa cho mình lúc này.

Biện Nhạc nhìn thấy nét mặt ông giáo trầm ngâm, do dự. Hai lần ông giáo lấỵ hơi định nói điều gì, nhưng lại thôi. Biện Nhạc nói:

– Trước khi xuống đây, tôi cũng ngần ngại, sợ vì chưa từng quen nhau mà nhờ nhõi như thế, có quá đường đột chẳng. Sau đó, tôi nghĩ chín, thấy không đáng ngại nữa. là vì An Thái với Kiên Thành cách nhau một con sông, nhìn thì gần

nhưng ở khác tổng. cái chuyện vặt chỉ lên tới tổng thôi, chưa lên đến huyện, phủ như mấy lần trước. Hơn nữa là trong trường hợp chú Kiên bị bọn chức sắc ở đây bắt sung quân lên tạm trên trại với chúng tôi, thì trại thuộc nậu nguồn, ở ngoài quyền bọn tri phủ, tri huyện,

Ông giáo đỏ mặt vì thấy biện Nhạc đã biết rõ hoàn cảnh của mình. Ông đành thú thực:

– Ông biện nói thế là đã hiểu cả lòng tôi rồi. Một đời phí cho nghiên bút, làm khổ vợ con, tôi chán mớ sách cũ nên mới về đây nương nhờ bà con. Nước chảy xuống chỗ thấp, ý muốn của tôi là vậy.

– Nhưng người ta có chịu để cho thầy yên ổn không? Chưa chi chú Kiên đã bị dọa sung quân. Biết đâu cả thầy nữa, đã chắc gì thầy được nấp yên chỗ

thấp. Chữ nghĩa ở cái xó rừng này như cây kim trong túi, trước sau gì cũng ló ra ngoài thôi!

Càng ngày ông giáo càng có cảm giác khó chịu là mình bị lôi cuốn vào một vùng sôi động, có gió bão và tiếng va chạm vũ khí, mà không có cách nào cưỡng lại được. Cảm giác an toàn lúc đầu biến mất. Ông lo âu cho ông, sợ không đủ ý chí cưỡng nổi khối sức mạnh kết hợp nào lòng tự tín, sự hợp lý, óc thực tiễn và hiếu thắng. Biện Nhạc vẫn trầm tĩnh ngồi đó, chờ đợi quyết định của ông. Ông giáo trả lời thế nào đây? Ông biết những gì biên Nhạc nói đều là sự thật, dù ông có muốn quên đi, tự lừa dối mình bằng cách gạt sang một bên, thì sự thực vẫn rành rành. Gia đình ông khó lòng ở yên được ở An Thái, nếu...Nếu thế nào? Ông có quá ít giải pháp để lựa chọn. Biện

Nhạc vẫn kiên nhẫn chờ ông. Giáo Hiến chán nản, nói:

– Tôi cũng không biết vậy, nên có ý định gửi cháu Kiên lên Tây Sơn thượng, nhờ ông bảo bọc che chở cho một thời gian. Phần tôi già rồi, không ngại. Được ông giúp cho, gia đình tôi không dám quên ơn. Còn chuyện rắc rối của ông, tôi nghĩ nên thảo cái đơn khiếu nại. Lúc ở Phú Xuân, đôi khi tôi cũng có làm giúp cho người ta vài cái đơn xin nhập hộ hoặc giảm ngạch thuế. Ông cần, tôi có thể thảo được.

Ông biện Nhạc mừng rỡ đến nỗi đứng hần dậy, đến nắm lấy tay ông giáo lắc lắc. Ông biện reo lên:

– May quá. Tôi biết thế nào thầy cũng giúp tôi. Thế là từ nay tôi đỡ một mối lo. Thú thực với thầy, đôi khi cái điều thắc

mắc, không biết chạy hỏi ai. Hỏi bọn ký lục áo dài khăn đóng à? Hỏi bọn quan quyền hồng hách à? Tôi thà chịu chết chứ không mở miệng nhờ vả chúng nó. Năm nay thấy được bao nhiêu tuổi?

Ông giáo bị lây cái cuồng nhiệt mừng rỡ của biện Nhạc, vui vẻ đáp:

– Tôi thuộc hạng đáng xua về vườn đuổi gà rồi. Tôi tuổi canh tý.

Biện Nhạc nói:

– Như vậy thầy hơn tôi một giáp. Theo chữ nghĩa học vấn, chắc hẳn thầy xứng đáng làm thầy của tôi. Theo tuổi tác, thầy là anh cả của tôi.

Ông giáo xua tay từ chối, giọng ngậm ngùi:

– Tôi học hành dang dở, kiến thức

sơ sài đâu dám nhận lời khen lao của ông biện. Mới gặp nhau, ông biện đã thấy được cả tâm can tôi. Tôi phục lắm. Nhưng tiếc là tôi già rồi! Đến nỗi, vui buồn thất thường, muốn giữ lòng đơn sơ vô tư cũng không được nữa.

– Thầy chỉ nói nhún đó thôi! Nhưng bỏ qua việc ấy đi. Ta trở lại chuyện trước mắt. Chú Kiên lúc nào lên trên tôi là tùy thầy. Tôi nghĩ không nên trễ nải vì đợt gia hạn sau cùng để nộp sổ đinh là rằm tháng chín. Tôi cũng có một điều nữa mong thầy giúp đỡ. Nói ra xấu hổ, chúng tôi ở đây mãi lo làm ăn không ai có đủ được một năm chữ. Tôi lớn rồi, coi như xong. Riêng hai thằng em, thằng Lũ với thằng Huệ tuổi còn nhỏ, chắc đi học còn được. Mong thầy bỏ chút thì giờ dạy bảo cho.

Ông giáo lo lắng hỏi:

– Mở trường dạy học ư? Mới chân ướt chân ráo về đây đã mở trường, sợ quan trên có làm khó dễ gì không?

Ông biện xua tay nói:

– Thầy đừng lo. Nhiều gia đình khá giả ở đây muốn cho con cái học năm ba chữ cho khỏi bị tiếng dốt, mà không tìm ra thầy. Năm ngoái có một thầy đồ ở Trường Định, không may bị trúng gió chết. Năm năm trước có một thầy đồ giả ở An Vinh, phải, thầy đồ giả. hắn không biết lấy một chữ, túng thế giả làm thầy đồ để lường gạt. Thầy có mở trường, chắc học trò đông lắm. Biết đâu nhờ vậy mà bớt vất vả. Tôi thấy thầy ốm yếu sợ làm ruộng không hợp.

Ông giáo bắn khoả, ngồi thừ suy nghĩ. Điều lâu nay ông không dám nghĩ đến là cảnh túng quẫn. Số tiền dành dụm

bao năm nay đã tiêu hết vào khoảng thuốc thang cho bà giáo. Hy vọng của gia đình đặt cả vào sự tháo vát cần cù của Kiên. Gánh hàng xáo của An đủ kiếm thêm chút ít tiền chợ. Kiên đi xa, gia đình như nhà mất cột. Không sẽ ngã về hướng nào. Ông giáo có nghĩ đến lối kiếm sống quen thuộc của những nhà nho lỡ vận là làm thầy đồ. Nhưng ông về đây mới được hai tháng. Dân tình xem ra chuộng võ hơn là chuộng văn. Ý kiến chúc sắc địa phương thế nào, ông chưa hiểu. Cũng chưa có ai ngỏ ý hay tỏ ra mong muốn được học hỏi chữ nghĩa thánh hiền. Đi đâu cũng chỉ nghe bàn chuyện luyện roi, đi quyền, cưỡi ngựa, tranh đua võ nghệ. Cho nên mấy lời của biện Nhạc như nguồn sáng mới chiếu rọi vào khúc quanh tối tăm của đời ông. Ông giáo nhìn biện Nhạc với đôi mắt biết ơn. Ông nói:

– Cảm ơn ông biện. Chữ nghĩa vô dụng, tôi tưởng không còn làm gì được nữa, ai ngờ lại có lúc cần thiết. Vâng, ông biện cứ gửi các cậu ấy xuống đây. Chỉ sợ nhà cửa chật chội...

Biện Nhạc vội cắt lời ông giáo:

– Thầy khỏi lo. Học trò đông, tôi sẽ giúp thầy cất thêm cái chái bằng hai cái chái tạm này để có chỗ học hành, và học trò ở tạm. Việc ăn uống chúng nó tự lo lấy. Chúng nó con trai, nhưng làm hết được mọi chuyện.

– Hai cậu em đã bao nhiêu tuổi rồi?

– Thằng Lữ tuổi Mùi, thằng Huệ tuổi Dậu [Tân Mùi: 1751, Quý Dậu: 1753.]. Trước đây tôi có cho đi học, cả hai viết chữ đã ngay ngắn. Thằng Huệ sáng trí hơn, lâu lâu có làm được cái đơn, giúp tôi sổ sách thu

thuế. Nhưng mấy thầy đồ chúng học chỉ võ vẽ được năm ba chữ, nên sức học hai đứa chưa đi đến đâu. Nhờ thầy cố dạy gấp cho, chúng cũng đã lớn rồi. Sợ không có thì giờ ngồi đó học cho sâu được. Chú Kiên lên trên ấy thay cho thằng Lũ, tôi yên tâm lắm.

*

Kiên phải lên Tây Sơn thượng trước rằm tháng chín. Chỉ còn ba ngày nữa thôi, anh không nấn ná được nữa. Kiên muốn làm cho xong cỏ ở mấy đám bắp, lên luống trong vườn cho Chinh trồng rau lang, dựng cho An cái chuồng nuôi heo. Công việc cứ lở dần ra, hơn mười ngày mà chưa ra đâu vào đâu cả. Ông giáo phải ấn định ngày Kiên ra đi, ngày 12 tháng chín để khởi lữ công việc chung.

Đêm trước gió lại thổi ào ào. Ông giáo vừa lim dim mắt một lúc, gió đã ủa tới thổi tung cả mái tranh. Phên cửa sổ bị gió thổi đập va vào tường rầm rầm. Bụi trên mái tranh rơi xuống. Gió làm cho mọi người phờ phạc, bụi cát bám vào chân tay, chui vào cổ áo, ở đâu cũng cảm thấy nham nháp, ngứa ngáy. Tung hoành một lúc, gió lại im. Cái gáo múc nước bị hất văng xuống va vào mấy tảng đá rửa chân kêu lóc cóc. Cây sào phơi quần áo đu đưa, dây mây kịt kịt, cuối cùng không chịu nổi sức gió, đứt tung. Cái nong phơi lúa bị đẩy tấp vào bờ rào... Vì thế, cả đêm ông giáo cứ chập chờn trăn trở trong mấy mươi giấc ngủ không trọn. Ông uể oải dật dờ cho đến gần sáng.

Kiên dậy muộn, thấy cha còn ngủ, len lén ngồi dậy ra sau bếp rửa mặt. Các em của anh đã dậy cả rồi. An và Lãng

đang ngồi ở buồng trong xếp soạn quần áo cho anh. Kiên thấy lòng nao nao, vào ngồi xem các em lo lắng chuẩn bị cho mình. An ngược lên hỏi anh:

– Em xếp ba bộ quần áo, đã đủ chưa anh.

Kiên thấy An chọn hai bộ loại vải dày màu chàm Kiên thường mặc ra đồng, và một bộ vải sa tàu may từ thời còn ở Thuận Hóa. Kiên lấy bộ quần áo sang trọng đặt sang một bên, nói với em:

– Anh chỉ cần hai bộ này thôi. Bộ này để lại nhà, nếu túng thì... à, cái áo và quàng ở vai đâu rồi?

An tìm cái áo cũ, giơ lên cho anh xem chỗ vải mục vì mồ hôi ở lưng. Cô bé nói với anh:

– Em thấy đã rách nên để lại.

Kiên nói:

– Đưa cho anh. Có cái vai dày, khuôn vác tiện.

An e dè nhìn anh, rồi khe khẽ nói:

– Xa nhà, anh cả nhớ chăm lo sức khỏe. Em nghe nói khí núi độc lắm. Anh mà cứ ham việc như ở nhà, ngã xuống đau không ai lo được. Em có bỏ vào túi cái áo chàm tay ngắn, cái áo này này, kim chỉ và mấy miếng quế.

Kiên nghe em nói, chợt nhớ ra điều gì, vội đứng dậy ra nhà ngoài. An và Lãng nghe anh lục soạn một hồi. Có tiếng kéo hộc tủ, tiếng va chạm các đồ vật lặt vặt linh kính trong rổ may. Có cả tiếng anh cả làu nhàu. Một lúc lâu, Kiên trở vào, ôm trong người một đống đồ vật linh tinh. Kiên đưa từng món ra cho An:

– Em không nhắc, anh quên thì bận lắm. Mấy thứ lặt vặt này không nên xem thường. Lúc không cần bỏ lẩn lóc tú tung, lúc cần tìm không ra, mua cũng không được. Đây, em cất đâu đó để dùng. Cuộn này là vải cũ còn khá bền, dùng vá quần áo. Hộp tăm em cất ở chỗ cao, cái thằng Lãng này hay lấy tăm chơi phí lắm. Ăn cơm xong tìm mãi không ra. Lâu nay anh giấu trên khuôn cửa lớn. Em thấp với không tới, tìm chỗ khác. Khoan đã. Đưa cho anh một ít. Hộp thuốc lá này cũng nên cất kỹ, chỉ khi nào có khách hút thuốc hay ăn trầu mới đem ra mời thôi. Cấm tuyệt không cho thằng Chinh đụng tới. Còn cuốn sổ này ghi chi tiêu hàng tháng. Phần bên này anh ghi các khoản thu. Phần này anh ghi các khoản chi. Phần này anh ghi nợ. Cuối tháng cộng dồn lại, nếu chi nhiều hơn thu, mình trừ đi rồi so với phần nợ là thấy ngay.

Tháng chín anh đã gặt xong rồi, em cứ ghi tiếp. Các tháng sau cũng theo mẫu đó mà ghi. Để anh xem nào, cho đến nay, mình còn nợ mợ Hai Nhiều năm thúng thóc và một thúng nếp. Nhưng trước hôm mẹ mất, em có trả dôi cho mợ tiền hai thúng thóc, như vậy mình chỉ còn nợ ba thúng thóc, một thúng nếp mà thôi. Phần vỡ hoang đám miếu, mình còn nợ công cày của chú Ba Vận.

An không thể ngồi nghe anh giải thích hết các khoản thu chi trong cuốn sổ nhỏ. Kiên tiếp tục giải thích. Cho đến lúc anh nhận ra rằng Lãng đã bỏ xuống bếp và An ngồi nghe một cách lơ đãng, anh dừng lại, ngơ ngác. Anh không hiểu nổi các em. Ngày thường, anh đã la rầy cho chúng một hồi. Nhưng hôm nay, ngày anh lên đường, Kiên tự nhủ nên dịu dàng vui vẻ. Kiên nói:

– Anh đi, chuyện tính toán chỉ tiêu An phải lo. Em chưa thấy cuốn sổ ghi chép này quan trọng đến mức nào. Không có nó, em không thể nhớ hết. Mà tiền bạc dễ gây cãi vã phiền phức lắm. Cho đến hôm nay, anh còn lại được năm quan bảy đồng. Cha có giữ một ít, không biết là bao nhiêu. Đây, em cất lấy.

An nhận mấy xâu tiền anh đưa, lần đầu cảm thấy sức nặng của công việc quán xuyên tài chánh. An hỏi:

– Anh không đem tiền theo để tiêu ư?

Kiên đáp:

– Anh đi làm thuê cho người ta. Cơm nước họ chu cấp. Đau, họ lo thuốc thang. Ở trên rừng, có gì đâu mà cần tiêu.

An cảm động mắt rơm rớm đỏ. Cô

thương anh, không nói được tiếng nào. Cổ dâng nổi xúc động làm nghẹn lời, An nói:

– Anh phải giữ lấy vài quan để phòng trường hợp bất trắc. Em còn gánh hàng xáo, cha còn giữ một ít tiền nữa. Đừng lo ở nhà túng thiếu. Anh nhớ lo sức khỏe của anh.

Kiên cầm râu tiền trên tay, không nói được lời nào. Lần đầu tiên, anh thấy An đã lớn. Lớn từ cách ăn nói, sự chín chắn của suy nghĩ. Rồi anh nhìn đến ánh mắt trầm tĩnh đỉnh đạc, mái tóc lò xo của một người nội trợ. Anh cảm thấy yên tâm trước khi ra đi. Những ý nghĩ rắc rối ấy, Kiên không đủ khả năng nói hết với em. Ngay cả lòng thương mến khôn cùng đối với gia đình, cả đêm thao thức với ý nghĩ sắp xa nhà, trăm trở quuyến luyến từng tiếng côn trùng giữa khuya, tiếng

cán gáo chạm vào thành ang nước lọc, anh biết mình không đủ ý đủ lời diễn tả hết. Sự bất lực luống cuống ấy khiến anh không muốn ai nhìn mình lúc này.

Kiên ra nhà ngoài. Ông giáo đã thức dậy. Kiên tưởng trong lối nhìn của ông giáo, cha mình đang hiểu tại sao mình luống cuống. Anh nói trớ:

– Hôm qua gió dữ quá, cha có ngủ được không?

Ông giáo nói:

– Hôm nay đã 12 tháng chín rồi.

Hai cha con cùng ngồi lên cái phản gỗ mộc, im lặng bồi hồi. Kiên nói:

– Con mượn dẫn nước úng chỗ gần miếu con đào dở. Cha sai em Chinh làm tiếp cho xong, sợ bấp nó hư.

Ông giáo gật đầu, ngồi im lặng một lúc lâu. Kiên chờ cha dặn dò. Ông giáo trầm ngâm một lúc nữa, rồi nói:

– Hơn hai mươi năm nay có lúc nhà mình nghèo túng cơ cực, nhưng vợ chồng cha con có nhau. Vào đây mấy tháng thôi, mẹ con mất, còn con...

Ông giáo không nói tiếp được. Ông không muốn Kiên thấy ông khóc. Ông gắng bảo Kiên:

– Khi hôm gió quá, cha không ngủ được. Chắc bị cảm rồi. Bắt đầu sổ mũi, choáng váng.

Kiên thưa:

– Để con đi lấy dầu.

Ông giáo vội ngăn:

– Không cần. Quần áo đồ đạc con đã xong cả chưa?

– Thưa cha, em An đã lo cả rồi.

– Thằng Chinh đâu?

– Con không thấy. Chắc đi ra vườn. Lâu nay Chinh nó lên học võ. Con sợ cha giận, không dám mách.

Ông giáo trầm ngâm, khác hẳn dự đoán của Kiên. Ông chậm rãi bảo con:

– Cha biết. Trước kia khi còn ở Phú Xuân, chắc cha giận lắm. Nhưng vào đây, đời sống khác. Văn chương, chữ nghĩa... không ích gì. Lâu nay các con có giở đến mấy cuốn sách không?

Kiên nói:

– Thỉnh thoảng con cũng có đọc lại.

– Lên trên đó khí hậu độc. Con gắng giữ gìn sức khỏe. Tối ngủ nhớ đốt lửa. Đừng uống nước suối chưa nấu. Nhớ chưa?

– Thưa cha, con nhớ.

– Cha tin ở tính cẩn thận của con. Nhưng cha cứ dặn trước cho yên lòng. Ông biện định giao việc sổ sách trên trạm Tây Sơn thượng cho con. Cơ nghiệp buôn nguồn của họ chắc là lớn. Tiền bạc thu vào chi ra nhiều. Con nên cẩn thận. Một đồng, một tiền không phải của mình, không lấy. Của phi nghĩa như giọt mưa rơi vào kẽ tay, không giữ được đâu! Con nhớ chưa?

Kiên lặp lại:

– Thưa cha, con nhớ!

Chương 6

Tổ chức buổi lễ khai tâm long trọng như thế này không phải là ý muốn của ông giáo. Tất cả đều do ông biện Kiên Thành lo liệu. Cho nên có nhiều điều vượt ra ngoài tầm tay của ông.

Trước tiên là cái ý định tổ chức. Mới nghe biện Nhạc ngỏ lời xin chọn ngày, ông giáo ngỡ ngàng. Hai cậu học trò đã xuống đây rồi, cái nhà tạm một nửa làm chỗ ở, một nửa làm chỗ dạy học đã dựng xong rồi, dạy lúc nào chả được. Chỉ bày

vẽ thêm lắm chuyện! Nhưng sau đó ông giáo mới thấy mình chưa hiểu hết tầm mức quan trọng của vấn đề. Dĩ là quan trọng theo lối nhìn của ông biện. Ông giáo hẹn một tuần nữa sẽ bắt đầu dạy, vì nghĩ đến cái rạch nước phải khơi để cứu mấy khóm bắp bị úng thủy, cái chuồng heo Kiên làm lở dở, đóng sách vở bữa bọn chất đống nơi gác tối từ hôm đám ma chưa kịp xếp đặt... Một tuần... Một tuần có thể là chưa đủ để làm cho xong những việc Kiên bỏ lại. Nhưng học trò đã “tự trường” rồi, không nấn ná lâu hơn được. Phải hẹn ngày dạy gấp cho ông anh yên lòng mà về lo chuyện nhà! Ông giáo nghĩ vậy. Rồi ông giáo ngó người khi nghe “ông anh” gật gù tán đồng:

– Phải. Một tuần mới kịp chuẩn bị. Ở dưới phủ, có một chỗ quay heo ngon có tiếng. Cho người xuống đặt trước

phải vài ba ngày. Rượu ngon dưới Mỹ Cang thì lên theo ghe chở muối. Hôm nay mồng hai, mồng năm tới An Thái. Phải mời cho được các ông duyet lại, cai tổng, đốc trưng, xã trưởng. Không cần mời hết, chỉ mấy người lo chuyện đốc ộp tiền thuế mà thôi. Gặp hết bảy, tám ông cũng mất vài ngày. Phải! Một tuần mới kịp!

Sau đó, “ông anh” không về lo chuyện nhà, mà ở lại An Thái đích thân chuẩn bị lễ khai tâm cho hai em. Ông giáo bị đặt vào một hoàn cảnh bất ngờ, lúng túng không biết phải làm thế nào cho phải. Để tìm cho ra cái lý thích đáng giải thích điều bất ngờ, ông giáo nghĩ: Ôi thôi, chẳng qua như người ta nói “cũ người mới ta” chứ có gì đâu. Ba cái chữ phù phiếm đeo đẳng quấy rầy suốt cuộc đời ta, ta muốn vứt đi mà không được. Thế

mà có người còn tưởng nhờ nó mà được võng đào lộng tía! Không dám mở miệng thổ lộ cho lớp sau. Về phía ông, ông giáo tự thấy phải tỏ ra đôi chút lo lắng cho phải phép. Ông nhờ người nhà ông biện tiện đường xuống phủ đặt heo quay, tìm giùm cho ông một cuốn sơ học vấn tân, vài thoi mực và bốn cây bút hạn thường.

Điều bất ngờ sau chót là tấm mức long trọng của buổi lễ. Ông biện xuống An Thái ở cả tuần lễ, nhưng thấy nhà ông giáo chật chội, hơn nữa trong buổi sơ giao không tiện ở lại đây. Ông ở nhà một thầy tàu quen biết cũ, đảm nhiệm việc dạy võ cho hai cậu Lữ và Huệ. Mọi đồ lễ và các món thết tiệc cũng được sửa soạn từ nhà người thầy võ này. Thành thử gần tới giờ qui định, thấy ông biện và ông thầy võ khăn áo chỉnh tề, dẫn theo một đoàn bốn người lực lưỡng khiêng gánh

đầy đủ, từ con heo quay đến miếng trầu têm sẵn, trịnh trọng bước vào nhà học, ông giáo phải vội quơ cái áo đoạn cũ mặc vào, đội thêm cái khăn xếp bám bụi bấy lâu gác trên nóc tủ, chạy ra tiếp khách. Một người lực điền lấy trong gánh của mình hai cái mâm đồng sáng choang, loại có ba chân nai chạm trổ khá công phu. Anh ta xếp nguyên con heo vàng lườm lên một mâm. Trên cái mâm kia, anh đặt nguyên một chỗ xôi lớn. Một người lo bày biện bộ ngũ sự gồm hai đế đèn, một bộ lư trầm, một bát hương và một cái đài rượu. Hai cặp rượu ngon đặt ngay phía sau đĩa trầu không têm sẵn xếp tròn. Đặc biệt hình như ông biện Nhạc muốn khoe cây nhà lá vườn, trên cái bàn đã chập nệm đồ lễ, giữa hai chân nến còn có thêm một đĩa lớn xếp một chồng trầu không tươi xanh. Lá trầu to bằng cả một bàn tay xòe xanh lặc lìa, cuống màu xanh

non xếp tròn theo hình tròn ốc trông đẹp mắt.

Khách khứa đến đông đủ cả. Ông giáo biết mặt được ba người trong đó có ông cai tổng, tên xã trưởng đã mua của ông cái áo đoạn mới, và viên tri áp. Bốn người kia gồm ông duyên lại có thói quen hay nháy con mắt phải, ông cai tổng vùng bên kia sông, ông biện lại vùng An Thái và một người có dáng dấp nhanh nhẹn bật thiệp của một con buôn. Ông biện Nhạc bận điều khiển bọn người nhà bày biện bàn ghế, nên ông giáo phải lo tiếp khách. Ông không quen ai nhiều, nên câu chuyện chỉ nhát gừng, gượng gạo. Sau rồi các ông khách quay sang nói chuyện với nhau, đỡ gánh lo và bức cho ông giáo. Biện Nhạc soát xét lần cuối mọi thứ, rồi vào chỗ khách đang ngồi trịnh trọng nói với ông giáo:

– Thưa thầy, bắt đầu hành lễ được rồi.

Khách khứa vội đứng cả lên, bao quanh cái bàn thờ. Biện Nhạc lấy thẻ tre thắp hai cây sáp vàng lớn. Ngọn nến ban đầu còn lung linh, nhọt nhọt. Khi lửa bén sâu vào hai đầu bấc, ánh sáng vàng tỏa ra, chiếu lên bộ ngũ sự và hai cái mâm đồng, khiến các đồ lễ trở nên rực rỡ.

Ông giáo đến trước bàn thờ, rút trong bao giấy điều một nắm hương. Ông châm đầu nắm hương vào ngọn nến phía trái. Tay ông hơi run nên có mấy đầu hương chưa kịp cháy. Ông kê sát vào ngọn nến hơn. Khói tỏa ra, mùi hương đất tiền đậm đà lảng đảng khắp nhà học. Ông thổi nhẹ cho tắt lửa ngọn trên mấy nén hương nhạy, rồi đứng nghiêm trang một lúc trước bàn thờ, nắm hương đưa cao trước trán. Lòng ông tự nhiên

hồi hộp. Ông nhớ đến cảm giác khinh khoái rộn rã những lần ông đứng như thế này trong đời. Lòng tin ở Đấng Văn An Thế Sư Biểu mạnh mẽ đến nỗi ông nghĩ vào giờ phút khai tâm thiêng liêng ấy, cửa minh đức sẽ mở, đời có thêm vài bậc quân tử và bớt đi vài tên tiểu nhân. Cảm giác ấy không còn trong lòng ông, phút hồi hộp do kích động của kỷ niệm qua đi, chỉ còn lại niềm bồi hồi. Ông giáo đứng yên như thế khá lâu. Có tiếng ho nhỏ sau lưng ông. Ông giật mình, tiến tới cầm nắm hương vào cái bát sứ đầy gạo, rồi lui về chỗ cũ. Ông sửa khăn, đưa tay vuốt lại áo. Đoạn ông lạy đủ bốn lạy. Ông lại đứng thẳng trước bàn thờ, để lẩm nhẩm khẩn xin khai tâm cho hai cậu học trò mới. Ông đọc nhỏ lời khẩn quen thuộc, nhưng đến giữa chừng, lại cảm thấy một cách chua chát cái bất lực của chữ nghĩa. Những cậu học trò ông khai

tâm hôm nay sẽ đi theo con đường ông đã đi, sẽ học những sách ông đã học. Mà ông đã đi đến đâu? Mê sách thánh hiền như bạn Ngô Thế Lân của ông mà cuối cùng làm được gì ngoài việc dâng một bản thái bình sách không ai thèm đọc. Mắt ông lạc thần, ông lạy thêm bốn lạy, lui ra.

Ông biện Nhạc và đám khách khứa có vẻ cảm phục, hân hoan nhường chỗ cho ông giáo đứng bên trái bàn thờ. Nét mặt ông giáo buồn, càng thêm vẻ nghiêm túc thành kính. Biện Nhạc tiến đến trước bàn thờ, chậm rãi lạy bốn lạy. Ông giáo nhận thấy cách lạy ở vùng này đơn giản hơn ở kinh. Sau khi vái, biện Nhạc quỳ hai gối rồi phủ phục xuống trán chạm mặt chiếu, không phải vịn vào đầu gối phải, vái lần nữa rồi mới phục lạy như ông. Do đó cử chỉ bớt vẻ khoan thai,

nhịp tiến lui, lối ngừng lên phục xuống thiếu uyển chuyển. Cử động đơn giản và mạnh mẽ hơn.

Sau khi Lữ và Huệ lạy nhập môn, ông giáo bảo cả Chinh và Lãng vào làm lễ. Ông muốn nhân tiện chỉ dạy thêm cho hai con, để làm gì, ông không biết. Nhưng không làm thế thì không coi được. Ông giáo nghĩ vậy.

✱

Buổi lễ khai tâm mau chóng trở thành câu chuyện thời sự của An Thái. Và một lần nữa, những kẻ hiếu sự được dịp tô điểm cho không khí trang nghiêm hiem hoi ở cái xứ xa xôi quanh quẽ này trở thành thiêng liêng. Có lẽ Khổng Phu Tử có trở lại trần thế cũng không thể

ngờ tên tuổi của mình đột nhiên được nhắc nhở trang trọng như thế ở một chỗ xó rừng. Ngài sẽ mỉm cười tạm quên cơn khốn đốn ở đất Trần. Những chuyện bàn ra tán vào, từ con heo quay cho đến kiểu lạy lạ mắt của một ông đồ từ “kinh sư qui ẩn”, theo đường ngựa thồ lên núi và đường ghe muối xuống đồng bằng. Nhờ thế, ông đồ bắt đắc dĩ thu nhận thêm ba môn sinh trong vòng một tuần lễ: một là cậu con trai ông biện An Thái, một là con ông chánh tổng, Thìn bạn Chinh con viên tri áp khó tính. Như vậy đám học trò ông giáo gồm có Lũ, Huệ, Chinh, Lãng, Thìn con ông tri áp và hai cậu con các chức sắc. Lớn tuổi nhất, xứng đáng làm trưởng tràng là Lũ 17, nhỏ nhất là Lãng lên 12. Theo thứ tự từ lớn đến nhỏ: Chinh 16, Huệ và Thìn 15. Tiến con ông chánh tổng và Khải con ông biện An Thái 14. Lứa tuổi đám học trò sàng sàng như

nhau. Ông giáo yên tâm không lo phải gặp những lớp chệch choạc tuổi tác như đã gặp thời trước. Về trình độ, ngoài hai con, ông không biết sức học của năm cậu học trò mới được đến đâu. Ngay hôm đầu ông đem mấy trang trong cuốn “Sơ học vấn tâm” ra hỏi, các cậu học trò chỉ trả lời lồm bồm, Sự hiểu biết phần lớn chấp vá, vụn vặt, do cái học đầu Ngô mình Sở tùy hứng, tùy thời. Thử chữ viết, ông mừng, đứa nào viết chữ cũng tạm được. Ông quyết định dạy lại từ đầu rồi tùy trình độ tiến nhanh hay chậm mà giảng mỗi đứa khác nhau. Lâu nay ông vẫn phục Đứa Khổng phụ tử ở cái khả năng sư phạm quán chung của Ngài, hiểu tường tận cái giỏi, cái dở của từng đứa học trò, tùy theo đó mà lựa cách giáo dục thích hợp. Nhưng đó là chuyện về sau. Từ đầu, ông định cho tập viết trở lại. Làm quen với cây bút xong, ông bắt đầu giải nghĩa

cho học trò học ôn, làm quen mặt chữ. Đến lúc chúng có thể viết ám tả được thì ông bắt chước Khổng phu tử. Ông sẽ tùy tâm tính từng đứa, chỉ hướng từng đứa mà dạy những điều thực dụng. Ông giáo không quên lời ông biện. Chúng đã lớn tuổi rồi. Sợ không còn nhiều thì giờ quanh co với những phù phiếm của văn chương cử nghiệp. Hơn nữa, sách vở ông đang có cũng không nhiều nhồi gì. Mấy cuốn Sử kí. Tập Đường thi. Quyển Truyền kỳ mạn lục. Ông không quên bộ Tứ thư Ngũ kinh, nhưng ông giáo e dè chưa dám chắc là ông có nên dạy những kinh truyện trong bộ thánh thư ấy không. Dù sao, chuyện ấy còn xa lắm!

✱

Hôm nay ngày rằm, đến kỳ học ôn nên buổi học có vẻ nghiêm trọng khác thường. Nét mặt các cậu học trò đảm chiêu, lo âu hiện rõ trên nét lông mày. Với cái áo đoạn màu đen, ông giáo cũng trở nên nghiêm khắc hơn. Đến nổi Chinh, tính tình bộc tuệch vô tư như vậy mà buổi sáng hôm ấy cũng dậy từ lúc tinh mơ, một mình ra sau vườn chuối lẩm nhẩm đọc lại mấy trang sách cha đã chỉ từ kỳ học trước.

Trong nhà học, ông giáo ngồi xếp bằng ngay ngắn trên cái phản rộng, hai tay thu vào vạt áo đoạn. Bên cạnh ông, đặt một khay trà và một nghiên mực. Lũ kính cẩn đến trước mặt thầy, khom người xuống lấy một nhúm trà cánh nhỏ ướp sen bỏ vào cái bình da lươn, rồi đứng lên quay về phía trái nơi vẫn thường đặt lò than nấu nước sôi. Cậu

không thấy ấm nước đâu cả, đưa mắt ngăm hỏi em. Huệ gạt đầu tỏ dấu hiệu anh muốn nói gì, bỏ lớp học đi về phía nhà bếp ông giáo. Cậu gặp An đang lui cui nhóm lại lửa trong bếp, cái ống trúc thổi lửa vẫn còn cầm ở tay phải, tro bay vương cả lên mái tóc rối. Đôi mắt An lo âu gần như xấu hổ bị Huệ bắt gặp trong hình dáng xốc xếch đầu bù tóc rối thế này. Cả Huệ cũng không ngờ phải gặp con gái thầy giáo ở nhà bếp. Hằng ngày, việc nấu nước pha trà và cơm nước, Huệ phải lo. Điều đó tự nhiên, vì Huệ là em. Vả lại cũng không có gì nặng nhọc. Hai anh em có mua ngoài chợ An Thái một cái lò đất nung. Gạo, than, thức ăn, ông biện gửi đều theo các chuyến thuyền chở muối, cá từ biển lên, và các chuyến ngựa thồ từ Tây Sơn Thượng xuống. Số lượng thực phẩm quá nhiều vì ông biện nhân cơ tiếp tế cho hai anh em, gửi thêm gạo,

muối, cá mắm thừa đủ cho gia đình ông giáo chi dùng.

Ông giáo có ý muốn Lữ, Huệ cùng ăn chung với gia đình ông cho đỡ chuyện bếp núc phiền phức, nhưng ông biện nhất định không chịu. Ông biện có cái lý của mình. Thứ nhất theo ông, học trò không được phép ăn chung mâm với thầy giáo. Hơn nữa gia đình ông chỉ có bốn anh em, ông biện anh cả đã trưởng thành. Mấy người em kế tiếp của ông biện khó nuôi, đã mất từ nhỏ hay ngay từ khi lọt lòng mẹ. Mười mấy năm sau mới nuôi được. Lữ, rồi Huệ và đứa em gái út. Gia đình anh em trai đông, nên con trai vừa lo việc cày bừa vừa lo chuyện bếp núc. Ông biện bảo chúng nó đi học thế này sướng gấp mấy ở nhà, không nấu bếp thì giờ để làm gì? Đi xa hơn, ông biện còn xem đó là một lối giáo dục hợp lý. Ông

giáo không có cách nào khác hơn là để mặc cho hai cậu học trò tự nấu ăn lấy, chỉ lâu lâu, thỉnh thoảng sai Chinh hoặc Lãng đem qua cho hoặc một nải chuối mật, hoặc một gói kẹo.

Hôm qua Lũ vô ý vấp chân vào cái lò làm vỡ đi, nên sáng hôm nay, nhờ phận sự mình, Huệ sang bếp nhà thầy nấu nhờ ấm nước sôi từ sáng sớm. Cậu sợ làm phiền gia đình thầy. Cậu cũng sợ gặp con gái thầy ở nhà bếp. Cái gì đã khiến cậu dè dặt như vậy? Huệ đã nhiều lần tự hỏi và chưa tìm ra câu trả lời đích xác. Cậu không phải là người nhút nhát trước phụ nữ. Cậu cũng không vụng về trong cách gợi chuyện, bắt chuyện như Lũ. Dĩ nhiên cậu cảm phục cái tài lợi khẩu của anh cả, nhưng trong thâm tâm, cậu thấy anh cả nói nhiều quá, và trong những điều anh cả nói với người khác trước mặt cậu, có

nhiều điều không đáng nói hoặc chưa nên nói. Cậu chỉ muốn nói vừa đủ và đúng lúc. Cho nên cậu cũng không ưa Lợi. Tuy đôi lúc hơi ghen tức trước sự thành công dễ dãi của Lợi đối với phụ nữ, Huệ không thấy các câu pha trò của Lợi có chút ý vị gì, thế mà chỗ nào có Lợi là có tiếng cười. Đám đàn bà con gái vốn e dè kín đáo là thế, mà gặp Lợi là bạo dạn bốn cợt, cười nói tíu tít. Rồi từ đó Huệ xem thường luôn cả đám đàn bà con gái.

Cho đến ngày Huệ gặp An. Điều ghi dấu sâu đậm vào cảm quan của cậu khiến cậu gần như sững sờ, là cái dáng điệu uyển chuyển, nhịp nhàng, linh động của An. Từ cách đưa ngón tay út lên vén nhẹ một mảng tóc lò xoà, cho đến cách đưa lưỡi liếm nhẹ lên môi trên, cách rót một tách nước trà, cách gật đầu nhận một lời chỉ bảo, tất cả đều vừa độ cần thiết. Cử

chỉ biểu lộ sự thân mật dịu dàng, đồng thời cũng giữ riêng cho An một sự bí mật tôn nghiêm. Huệ chưa từng bao giờ gặp sự hòa điệu như vậy giữa hai đòi hỏi gần như mâu thuẫn là sự cởi mở thân tình và sự gói ghém kiêu hãnh, nơi một người con gái. Cậu cũng ngạc nhiên khi thấy cô gái có dáng điệu trang nhã thân mật ấy còn giữ nguyên nét trẻ thơ trên khuôn mặt. Nước da ửng sáng trên đôi má bầu bĩnh. Cái môi trên mọng. Chỉ trừ đôi mắt buồn trước tuổi. Huệ nghĩ có lẽ nhờ đôi mắt ấy mà khuôn mặt và cử chỉ của An hòa hợp nhau, tiết ra một sức hấp dẫn lạ lùng. Cậu đau khổ công nhận giữa cái đẹp xa lạ ấy và mình có một hố cách biệt trang nghiêm; cậu không thể nói gì thêm, không thể phác một cử chỉ nhỏ, vì bất cứ hành động nào của cậu cũng trở thành vụng về, thừa thãi trước vẻ đẹp toàn bích ấy. Và lần đầu tiên trong

đời, cậu thấy lúng túng, thất vọng cho sự vụng dại của mình.

Suốt mấy tháng trọ học ở nhà thầy, Huệ chưa có lần nào nói chuyện tự nhiên với riêng An. Khám phá ra điểm yếu đuối của mình, cậu khổ sở. Lòng tự ái kiêu hãnh của người con trai bị âm thầm động chạm. Cậu ngại gặp An, như ngại soi gương thấy vài vết mụn trên da mặt dậy thì của mình. Thế mà buổi sáng nay, cậu không có lối thoát nào khác. Ấm nước sôi của cậu, An đã vùn sang bên cạnh để bắc nồi nấu cháo cho thằng Út. Hơi nước còn bốc lên trên cái vôi ấm. Tình trạng nhì nhằng bất ngờ kéo dài, cho đến khi An cất lời trước. An đưa lưng bàn tay gạt mồ hôi trên trán và đùa mấy sợi tóc ướt qua thái dương, hỏi Huệ:

– Ấm nước đã sôi rồi. Anh cần lấy chưa?

Huệ không ngờ mọi sự tưởng như bế tắc lại có thể giải quyết một cách nhẹ nhàng tự nhiên như vậy. Huệ trả lời nhanh:

– Cho tôi xin cái ấm.

An bỏ cái ống thổi lửa xuống, dùng tay phải nhắc cái ấm ra khỏi bếp. Khi chuyển quai ấm qua tay Huệ, An cười mỉm không nói gì. Huệ lí nhí cảm ơn, trở về nhà học. Cậu lẩm bẩm: hóa ra mọi sự vốn đơn giản như vậy. Không có gì ghê gớm đến nỗi phải e ngại. Cậu cảm thấy lòng nhẹ nhõm. Lũ nhận cái ấm nước từ tay cậu mà không thấy cậu vui. Huệ nghĩ: anh ấy sống hiu quạnh lạnh lẽ quá, chắc chưa bao giờ rắc rối như mình. Anh ấy cũng không nhận ra đột nhiên mình hơn hở đâu. Lũ rót nước sôi vào bình trà đặt nắp lại, đứng chấp tay bên cạnh ông giáo chờ cho trà đậm. Trong lúc đó, Lãng

lo phận sự mài thổi son vào cái nghiên. Màu mực đỏ thắm, in đậm trên nền đá có vân màu xám nhạt. Lữ cho là đã đủ thì giờ để nước đậm trà, cúi xuống rót thử vào cái chén sứ nhỏ bằng quả cau. Nước trà còn nhạt. Lữ cẩn thận dùng tí nước sôi đã rót sớm ấy tráng qua ba cái chén khác, rồi lại nghiêm chỉnh chờ. Ông giáo nhìn quanh một lượt, thấy đám học trò đã đủ mặt. Ông bảo:

– Các anh ngồi xuống cả đi.

Học trò ngồi xuống hai cái ghế dài bằng gỗ đóng vôi vừa tầm để kê giấy lên mặt phản mà tập viết. Lữ pha trà xong, bưng một chén đến đặt trước mặt ông giáo. Ông gật đầu nói:

– Anh để đấy. Hôm nay ngày vọng, ta học ôn khỏi phải học nghĩa. Các anh đã nhớ và hiểu hết chưa?

Đám học trò ngại, không dám trả lời dứt khoát. Chỉ có Huệ trong cơn hớn hở tự tin, mạnh dạn đáp:

– Dạ đã hiểu hết!

Ông giáo mỉm cười nhìn Huệ. Ông thích thái độ dứt khoát ấy, thái độ mà suốt cuộc đời ông, ông giáo không bao giờ biểu lộ đúng mức. Nhưng ông không gọi Huệ lên ôn bài ngay. Đầu tiên ông gọi Thìn. Nét mặt Thìn thay đổi, mắt lấm lét, bộ dạng lổm thổm khó coi. Cả lớp học cười ồ. Ông giáo làm mặt nghiêm để giữ trật tự, điểm tĩnh nhận cuốn sách từ đôi bàn tay run run của Thìn. Ông lật lại các trang cũ, tìm chỗ ông đã phê mấy chữ “y vọng kỳ”. Biết rõ sức học của Thìn, ông đã chọn một đoạn dễ. Ông giáo đọc một câu trong sách, đoạn ngừng lên chờ Thìn đọc tiếp. Thìn nhắc lại câu vừa đọc, áp úng vài chữ, lại nhắc câu vừa đọc. Cuối

cùng, Thìn đứng trôn giữa lớp chờ đợi. Bàn tay hết đưa lên mũi quệt quệt lại mân mê cái chéo áo chàm. Ông giáo lật qua trang khác, suy nghĩ, đọc thêm một câu nữa. Thìn lại không nhớ bài. Ông giáo trách:

– Cả tuần làm gì mà không chịu ôn bài?

Thìn im lặng không trả lời được. Ông giáo than:

– Anh học hành thế này thì tôi mang tiếng với ông tri áp. Cha anh dặn tôi phải buộc anh học hành đàng hoàng.

Thìn chợt nhớ một lý lẽ để biện hộ, vội đáp:

– Thưa thầy, cha con hỏi bao giờ thì học cách làm đơn được. Học chữ nghĩa

trong sách khó quá. Cha con cũng không hiểu.

Ông giáo vỡ lẽ, hiểu vì sao ông tri áp gửi con đến nhờ ông dạy dỗ. Ông đam giện, nhưng không để lộ ra nét mặt. Ông lấy bút quệt mạnh vào nghiên son. Không cần di di lẫn tròn đầu bút lên mặt nghiên cho nét chữ thanh nhỏ, ông phê một chữ “liệt” to tướng vào sách của Thìn. Vết son loe ra nhem nhuốc như một vết ô nhục.

Ông giáo gọi đến Lũ. Lũ thuộc lâu lâu, giọng đọc ê a như đọc kệ. Sau khi Lũ đọc hết đoạn thứ ba, ông giáo lật ngược về phía trước, hỏi đoạn kế trên đoạn Lũ vừa đọc. Bị lật ngược thứ tự, Lũ lúng túng. cố gắng mãi, anh vẫn chưa tìm ra mạch văn. Anh lập lại câu ông giáo vừa đọc, mon men đọc thử một vài chữ dò đường. Thấy nét mặt ông giáo không

biểu lộ tán đồng hay là bất mãn, anh đọc ngắc ngư một lúc nữa, rồi tịt luôn. Ông giáo phê cho Lữ một chữ «thứ» dài.

Sau khi dò bài Chinh, Tiến, Khả xong, ông giáo gọi Huệ. Huệ đứng dậy, trình lên ông quyển sử ký. Ông giáo cầm cuốn sách tần ngần hồi lâu. Ông tự hỏi: vì sao ta giao cho cậu bé chén đắng này? Nỗi hận chất chứa trong lòng ông thái sử trở thành máu lệ đầm trang giấy, đến lứa tuổi ta chắc gì đã hiểu hết! Cái họa Lý Lăng, hai năm tủ nhục ở nhà tằm, mấy nghìn trang sách để lại cho đời sau như một thứ thừa tự, tâm tình gói ghém trong lời thư gửi Nhậm Thiếu Khanh, chỉ mới là nguồn gốc phát khởi của ngòi bút. Còn cái học vấn uyên bác, kết quả của kinh lịch, khiếu thẩm thức cái đẹp, lối nhìn về mọi điều thị phi, khả năng phân biệt tốt xấu, tài văn chương tinh tế... bao nhiêu

điều phức tạp ấy phải chờ đến tuổi chín chắn mới nên cho đọc. Thế mà ông giáo vội giao cho một cậu bé mười lăm tuổi! Nhưng phải hiểu cho ông. Trừ những phụ huynh như ông tri áp, ông chánh tổng, gửi con đến học vì một lý do rõ rệt là muốn chỉ dạy cách làm một số đơn từ, văn khế, còn ông biện Kiên Thành tuy chủ động tổ chức lớp học, chịu hết phí tổn, nhưng không nói rõ cho ông giáo yêu cầu của mình. Ông xin dạy cho em cách làm đơn khiếu oan ư? Thì chính lá đơn khiếu oan ông biện nhờ ông giáo thảo độ nọ, về sau ông biện có nhắc nhở gì đâu. Ông giáo không nhiệt tâm lắm khi thảo lá đơn nên khi biện Nhạc quên đi, ông giáo lấy làm lạ và mừng. Về sau ông đoán có thể đấy là một cái cớ để biện Nhạc nhờ ông dạy dỗ hai em. Xem cách giao thiệp của ông biện, lối giải quyết gọn ghẽ và hữu hiệu mọi khúc mắc như

vụ của Lợi, đủ biết ông biện không quen khúm núm cầm đơn vào hầu các quan lớn. Vì thế, ông giáo nghĩ không bao giờ các em trai ông biện bỏ công phu lặn lội từ Kiên Thành xuống đây để học làm đơn.

Thế thì học cho đủ các thứ văn bát cổ để kiếm chút danh mọn khoe khoang với bà con hàng xóm ư? Con đường lều chõng gian nan lắm, chắc ông biện biết rõ, mà chút danh mọn của một anh ký lục kể chẳng bõ bèn gì. Trong lối nói chuyện, ông giáo nhận thấy biện Nhạc khinh bỉ đám ký lục chuyên dùng chữ nghĩa vôi vĩnh tiền bạc đám dân đen. Chắc hẳn ông ta không muốn hai em của mình ngồi chung chiếu với đám người ấy đâu!

Rốt cuộc, ông giáo khai trương mà vẫn chưa hiểu rõ biện Nhạc cần gì. Xem công phu ông biện bỏ ra để tổ chức trọng

thể lễ khai tâm, ông giáo lơ mờ hiểu rằng sự khoa trường ấy có thể ảnh hưởng tốt đến thanh thế của ông, hoặc phía công việc đốc ộp tiền thuế, hoặc phía buôn bán làm ăn. Tuy thế, nếu mục đích ông biện chỉ đến đó thôi, thì cần gì phải khó nhọc tìm người cáng đáng công việc của hai em, rồi gửi họ đến một nơi xa xôi học hành một thời gian lâu như vậy. Một lần, hình như ngay sau lễ khai tâm, ông giáo có hỏi qua ông biện về sức học của Lũ và Huệ, ông biện có nói:

– Trăm sự nhờ thầy, làm sao cho người ta khỏi khinh chúng tôi dốt nát mà hiếp đáp là được!

Ông giáo xem câu nói đó là mục đích giáo dục của mình, nên qua mấy tháng dò được sức học trò, ông dạy tùy hứng. Thấy Huệ thích hỏi chuyện sinh hoạt, cách sống của bọn quan lại vua chúa ở

kinh đô, đôi lúc ông giáo quên dè dặt kể lại một số kinh nghiệm của đời ông. Cậu học trò bạo dạn và ham hiểu biết hết hỏi chuyện này đến chuyện khác, và chuyện nào cũng muốn biết rõ ráo, tường tận. Do đó mà từ các mẩu chuyện vặt, hai thầy trò nhảy qua địa hạt sử. Nhìn ánh mắt sáng mừng rỡ, cách lắng nghe trân trọng của Huệ, ông giáo khắp khởi trong lòng vì tìm được một người tri âm nhỏ tuổi. Cái giấc mộng được dự vào sử quán chỉ là bước chùng của một người hiếu động mà không gặp thời. Cho đến khi gặp được Ý đức hầu, ông có tìm cách thực hiện một số suy nghĩ của mình về cách trị nước. Ý đức hầu bạn ông có nghe theo lời ông giáo, nhưng mọi kế sách đều bị quan quốc phó Trương Phúc Loan bác bỏ cả. Họ không dám tiến xa hơn nữa. Uy thế của quốc phó lớn quá, tiền tài và thế lực át cả Chúa. Vậy mà cuối cùng bạn

ông cũng bị hại, và ông phải trốn vào cái xó An Thái này. Những điều éo le đó, từ bao lâu nay, ông không biết san sẻ cho ai. Các con của ông? Kiên đơn giản quá, ngoan ngoãn theo đường thẳng, không thể đi cùng cha vào những chuyện phức tạp quanh co. Chinh hời hợt quá, bao nhiêu tâm trí dồn cả lên bắt thịt. An và Lãng mãi cảm quá, ông chỉ thấy chúng thích thơ. Mãi đến nay, ông mới gặp được Huệ. Và vì mừng rỡ, ông giáo quên cả giới hạn của tuổi tác và kinh nghiệm sống của Huệ. Ông bắt Huệ đọc sử ký.

✱

Ông giáo không mở sách ngay, ngược lên nhìn thái độ của Huệ. Ông thấy Huệ vẫn đứng điềm tĩnh bên cạnh ông, hai tay xếp thẳng hai bên hông một cách thoải

mái, tự nhiên. Huệ có cái tự tin của một học trò được thầy thương yêu và tin cậy. Đôi mắt sáng rõ nhìn thẳng vào ông giáo chờ đợi. Trên má, mấy nốt mụn thâm tím hiện lò mờ lên làn da nâu. Một mảng tóc quăn phủ xuống cái trán rộng. Nhìn chung, Huệ rất giống hai anh, nhưng có những phần trên khuôn mặt Huệ đậm lên một chút, đẩy lên một chút, khiến từ khuôn mặt ấy, toát ra một sự cân đối linh động không có trên khuôn mặt Lữ, và niềm tin căn vững vàng khó tìm trên khuôn mặt biền Nhạc.

Ông giáo lật cuốn sử ký, tìm trang ông đã ghi hai chữ vi chí bằng mực son kỳ trước. Ông mỉm cười. Ông giáo khéo chọn đoạn thích hợp tâm tình của ông lúc này! Và biết đâu cũng thích hợp với cậu học trò của ông! Ông giáo đã bắt Huệ học ôn bài Tựa Truyện du hiệp

trong Sử ký. Ông lật ngược lại hai trang trước. Ông kinh ngạc cho cái ngông của mình, ngược nhìn Huệ lần nữa. Vẫn thái độ trầm tĩnh và ánh nhìn tự tin ấy. Ông giáo đọc:

– «Ông Thái sử nói: Ngày xưa Ngu Thuấn quần ở kho, giếng...» rồi dừng lại chờ. Huệ không lớn tiếng ê a theo lối bình văn như Lữ, dừng lối nói tự nhiên đọc tiếp cả đoạn thầy vừa gọi:

“Y Doãn nấp bên vạc, thốt. Phó Duyệt nấu mình ở Phó Nham. Lã Thượng khốn khổ ở Cúc tân. Di Ngô mang gông, Bách Lý chần trâu, Trọng Ni sợ hãi ở Khuông, xanh xao ở Trần, Sái.... Y đều là những người mà kẻ học giả gọi là hạng nhân nhân có đạo đức đấy! Vậy mà còn gặp những tai nạn ấy. Huống chi lấy hạng trung tài mà ở vào dòng cuối đời loạn, bị hại biết là bao nhiêu! Người nhà quê

có câu rằng: “Biết đâu nhân nghĩa, làm lợi cho ta là kẻ có ơn”. Cho nên Bá Di cho nhà Chu là xấu chịu chết đói ở núi Thú Dương. Vậy mà Văn, Vũ chẳng vì có đó mà kém vẻ vang. Chích, Cựơc ngang ngược mà đồ đệ nhớ nghĩa vô cùng. Do đó mà nói: Ăn trộm lười câu thì chết chém... Ăn trộm nước người thì phong hầu. Cửa nhà hầu, nhân nghĩa thiếu gì đâu...”[Sử ký, Tư Mã Thiên, Tựa Truyện du hiệp.].

Ông giáo đưa tay ra dấu cho Huệ dừng lại. Ông không dám nghe tiếp lời ông Thái Sử. Cái giọng phẫn nộ khinh bạc ấy, đã bao lần trong đời ông giáo thốt lên một mình, cho mình, đến nỗi từng tiếng vang vọng thống thiết và quen thuộc như chính tai ông nghe miệng ông nói ra. Vào những lúc bị đời dằn xóc, chua chát nhận ra sự bất lực của đạo

đức, ông lại tìm đọc bài Tựa Truyện du hiệp. Nhưng đây là lần đầu trong đời ông nghe giọng ông Thái Sử đổi khác. Giọng đọc của Huệ chậm, sang sảng. Điều bi thiết bất lực không còn. Tiếng nói của Huệ mạnh mẽ, đanh thép như một lời kết tội. Nhất là câu cuối cùng: "Của nhà hầu, nhân nghĩa thiếu gì đâu!». Hóa ra bao nhiêu Tú thư, Ngũ kinh ông thuộc lòng từ thời trẻ, lấy đó làm nền cho chí hướng và hành động, chẳng qua là thứ bài trí hoa hòe nơi dinh thự bọn quyền thế. Tựa chỉ điều cốt nơi chuôi kiếm vấy máu của kẻ cướp lớn. Hạt trân châu dính trên mũi của kẻ ngồi kiệu. Cái quạt hoa che dấu những cái liếc mắt đi thỏa... Còn gì nữa... Trời hỡi! Cái gì đẩy ta đến tận bờ vực của phạm thượng thế này! Không giật mình dừng lại kịp, ta sẽ lạc về đâu? Chỉ vì giận tên Trương Tần Cối, uất cho cái chết thảm của bạn và cuộc đời long

đong bấy lâu mà ta nghi ngờ đến cả chân lý vĩnh cửu, quật đổ nhân nghĩa hay sao?

Lớp học im phăng phắc. Bọn học trò nín thở theo dõi các biến đổi khác thường trên khuôn mặt thầy, hoang mang chưa hiểu vì sao bỗng nhiên ông giáo vui, rồi bỗng nhiên ông ưu tư. Cả Huệ cũng boăn khoăn, thầm ôn lại những câu vừa đọc xem có thiếu sót gì không. Một lúc sau, ông giáo lại ngược nhìn Huệ. Bên ngoài, một cơn gió thổi mạnh làm rung rinh cả mái tranh. Mảng tóc quăn trên trán Huệ bị hất ngược lên, để lộ một vết tím bầm phía trên con mắt trái. Ông giáo muốn thay đổi câu chuyện, lấy giọng nghiêm nghị hỏi Huệ:

– Hôm qua các anh lại gây chuyện đánh nhau phải không?

Huệ bình tĩnh đáp:

– Thừa thầy không phải. Chúng con luyện roi, vô ý nhằm phải trán.

Ông giáo biết là đêm đêm hai anh em Lũ, Huệ phải ra học võ ở nhà người thầy Tàu. Có một thế giới khác không thuộc ảnh hưởng của ông, cái thế giới quyến rũ của những ngọn roi, đường quyền. Cánh tay nhà nho của ông không với tới nổi. Ông phải rút tay về. Dừng lại ở chỗ phải dừng. Sáng hôm đó ông giáo không định kỳ học ôn sau, và cho học trò nghỉ sớm hơn thường lệ.

*

Cả năm Tuất (1766), vùng Tuy Viễn được mùa, nhờ thế gia đình ông giáo tạm qua được cơn chật vật. An thôi nghề hàng xáo nặng nhọc, ở nhà trông nhà giữ em.

Qua hai mùa bắp và trỉa đậu, mấy đám đất miếu đã thuần lại. Có thể bảo lòng đất chai lì khô kiệt nguồn sống sau một thời gian dài bỏ hoang, bây giờ đã bắt đầu hồi sinh. Mồ hôi đổ xuống đấy thật lắm mới đủ biến mặt đất trắng thành mận mòi. Trước hết, là mồ hôi của ba cha con ông giáo. Từ lúc mở trường, ông chỉ dạy học vào buổi sáng, buổi chiều dành để làm ruộng. Nhờ Hai Nhiều chỉ vẽ, ông đã biết dùng lá cây đậu làm phân xanh. Đám học trò của ông cũng chia nhau đi thu góp biết bao là phân chuồng để bón vào mấy đám miếu, hằng hái nhất là Lũ, Huệ và Thìn.

Ba cậu học trò tham dự vào công chuyện canh nông của gia đình thấy do những động cơ hoàn toàn khác nhau.

Có thể nói trong ba buổi: sáng, chiều, tối, mỗi ngày Lũ sống hào hứng và trọn

ven nhất vào buổi chiều. Buổi sang ở nhà học, anh không tìm ra anh. Không phải Lữ xem thường những lời dạy dỗ của ông giáo. Ngược lại là khác. Anh tin ngay những điều có sẵn trong sách vở, dễ dàng chấp nhận rằng lời thầy giáo – bảo đảm bằng học vấn và tuổi tác – luôn luôn phải có lý. Khổ nỗi giữa cái bề học mệnh mông và rục rở ấy, anh cảm thấy lúng túng ngượng ngập quá. Anh bị lạc vào những điều lạ hoắc, lũ chữ nghĩa kiêu kỳ cứ quây lấy anh, vướng víu vào chân, đầu óc đảo điên giữa không biết cơ man nào là những tia sáng chói lòa rọi thẳng vào đôi mắt lo sợ của anh không chút thương xót. Ở vào địa vị trưởng tràng, anh lại không muốn cho lũ em nhỏ tuổi hơn khinh nhờn. Do đó, dù không thích, anh cứ ráng. Mỗi ngày tự hện phải ráng lấy được một cái “ưu cộc” cho phải phép. Thằng Huệ được thầy phê

“ưu mác” liên tiếp, lý nào ta là anh nó lại là trưởng tràng mà chỉ được vọn vẹn một chữ “bình dài”! Ý nghĩ ấy thúc ép anh, quấy nhiễu anh. Cuối cùng cả buổi sáng ở nhà học đè nặng lên tâm hồn Lữ. Anh cảm thấy khó thở, nặng nề. May thay còn có những buổi chiều rộng rãi và ngán ngủi ra đồng giúp thầy làm ruộng! Cả An ít có dịp quan sát phong thái của từng người học trò trong lớp học của cha, chỉ quen thấy nét mặt hiu hiu buồn phiền của Lữ hằng ngày, mà cũng nhận ra được vẻ hớn hở khác thường của Lữ mỗi chiều ra đồng. Anh tung tăng như con cá mắc cạn vừa tìm được dòng nước lành. Anh trở nên nhanh nhẹn, hoạt bát hẳn lên. Anh nói, nói nhiều, không còn nữa cái giọng ngập ngừng và lối nói bở lửng ở lưng chừng câu. Gần như anh sợ không nói đủ những điều muốn nói, nên cách phát âm liên lấu, tiếng sau đè lấp

mất tiếng trước. Một chiều An có việc cần ra gặp cha, Lũ quên hết dè dặt, dẫn An đến cạnh khu đất miếu bảo:

– Tôi chưa dám thưa với thầy, nhưng ý tôi phải làm thế này. Chỗ kia, cái chỗ đất cao có ổ mối đấy mà, mình dành để chắt rơm rạ. Đáng lý lằm lúa cũng nên cất ở đó, vì không bao giờ nước lụt lên cao đến mực ấy. Nhưng làm thế, , một là che mất một góc miếu, không tốt, hai là sẽ hứng gió bắc, mùa mưa lúa sẽ bị ẩm. Nhà ở, mình phải kỹ lưỡng về phương hướng. Chỗ gốc mít, tôi nghĩ tốt hơn hết. Ở đây tuy hơi xa cách với xóm trong, nhưng lại được thuận lợi ở giữa sông và rừng, ra chợ cũng không xa hơn lên rừng lấy củi. Phải tính cả đường lên rừng chứ, vì mình còn phải đốn cho đủ cây làm một vòng rào thật dày. Không, không phải sợ cướp đầu. Cọp thì lâu lâu mới về,

nó sợ mình chứ mình không sợ nó, vì nó xuống đồng. Hàng rào đóng chéo theo lối cánh chả như bên vườn chú Thung... Chú Thung là chú Thung chớ còn ai nữa. Cái chú hôm lễ khai tâm anh cả tôi có mời tới dự đó. Xem thế nhưng không phải thế. Chú ấy chỉ mới tập tò đi buôn sau này cho vui bạn vui bè thôi. Khu vườn chú ấy, phải biết! Nhìn cái cổng lá chè cắt xén khéo léo thành mái thành cột, không bỏ đi được. Ước gì được có một cái nhà lá mái và khu vườn như của chú.

Lữ nói một thôi dài, không cho An không kịp xen vào lời nào. Chỉ cần thấy An lấy hơi, nháy nháy đôi mắt định hỏi điều gì. Lữ đã đoán được ý và giải thích ngay. Hình như Lữ sợ không còn cơ hội nào nữa để nói hết ước vọng của đời mình, hoặc sợ nếu bị cắt nửa chừng, bị

hụt hẫng, anh sẽ không đủ phần khích
nhen nhóm lại niềm hứng khởi đang có.
An bạo dạn cắt lời Lữ vì tò mò:

– Em chưa biết nhà và vườn của chú
Thung đẹp thế nào, nhưng em biết nhà
anh bên Kiên thành có kém gì đâu!

Lữ mất đà, phải mất một lúc lâu mới
trả lời lấp bắp:

– Nhà nào? Nhà của tôi ấy à? Bên
Kiên thành hay trên Tây Sơn thượng?.

– Cả hai. Anh cả của anh có thua gì
chú... chú Thung hôm trước.

Lữ ra vẻ chán nản, bỏ thông hai tay
xuống, vai hơi nhún:

– Tại chưa biết nên An mới tưởng
thế. Tôi không nói láo đâu, chẳng khác
nào cái nhà hoang, à không, chẳng khác
nào cái lều chợ An Thái. Cả ngày người

ra kẻ vào, tôi vừa dọn dẹp cho được mắt một chút xong, đã có ông khách mới mang cả đôi chân bùn vào nhà. Sau một cuộc rượu, bàn ghế không còn cái nào có đủ bốn chân. Chẳng bao giờ tôi thích được cái nghề ngược xuôi ồn ào của anh cả. Nếu anh cả chịu giao hẳn cái trại trên Tây Sơn thượng cho tôi toàn quyền muốn làm gì thì làm, phải biết!

An vui lây với cái vui hiếm hoi của Lữ, đùa nghịch hỏi:

– Anh được toàn quyền đấy. Sẽ làm gì nào?

Lữ quả quyết đáp:

– Tôi sẽ tổng cổ ngay bọn ăn hại lâu nay tụ tập trên trại xuống núi. Đứa nào siêng năng chăm chỉ mới giữ lại làm tá điền.

An cười hỏi tiếp:

– Thế anh có tổng cổ anh Kiên không?

Lữ không ngờ trước câu hỏi hóc búa của cô bé, bối rối nhìn An, dò xem mình có nói điều gì phật ý con gái thấy hay không. Thấy nét mặt An tinh nghịch, Lữ yên tâm. Anh nói:

– Không bao giờ. Tôi mới gặp anh Kiên vài ngày đã tâm đầu ý hợp ngay. Ảnh cũng ghét cái thói cầu thả, bừa bãi. Anh cả tôi đưa anh Kiên lên đây là phải. Không cẩn thận chúng nó ăn trên đầu trên cổ mình, rồi còn cười mình ngu. Mới được tôi giao sổ sách có hai hôm, ảnh đã ví thằng Lợi một trận không kịp vuốt mặt. Đáng kiếp cho thằng láu!

★

An chưa kịp hỏi kỹ về mối bất hòa giữa Kiên và Lợi, thì ông giáo đã gọi Lữ đến giúp ông búng gốc một khóm dưa gai, gắp con mường tiêu úng. An thấy tính tình của Kiên và Lữ thật giống nhau, nhất là cái tính thờ phượng sự ngăn nắp, thù ghét cảnh thay đổi buông tuồng. An chưa từng bao giờ nghe Kiên nói rõ những mơ ước riêng tư của mình. Có lẽ trước mắt Kiên, An còn bé quá chưa đến lúc nghe những điều quan trọng bậc ấy. Hoặc cả đời chỉ lo đối phó với các nghịch cảnh bất ngờ, trầm lặng nhẫn nại chịu đựng phần mũi của biến cố, Kiên không còn dám mơ ước nữa. Nghĩ như vậy, cô bé xúc động đến rơm rớm nước mắt.

Lúc đó, từ nơi xa, phía có lũy tre xanh in đậm trên nền trời vàng úng,

có tiếng đứa trẻ chăn bò gọi những con nghé nhỏ:” Hoe... hoe. Nghé con bò mỡ lạc bầy... hoe ... hoe...”. Tiếng kêu của đứa trẻ kéo dài giữa mênh mông, chơi với lẻ loi như một cuộc sống không có ngày mai.

Chương 7

Trong khi Lữ dùng những buổi chiều năm Tuất để mơ tưởng gây dựng một “tràng-trại-y-như-của-chú-Thung” trên mấy đám đất cao quanh miếu, thì Huệ cũng dùng những buổi lao động ấy để quấy rầy ông giáo.

Thực vậy, chưa bao giờ ông giáo bị quấy rầy nhiều như thế này. Ông đã ngồi dạy học ở nhiều nơi, học trò thuộc nhiều thành phần khác nhau. Bất cứ ở đâu, thời nào ông cũng được lắng nghe một cách trân trọng, gần như thành kính.

Vào những lúc chủ nhà vì keo kiệt đối xử với ông tệ bạc quá, ông có thể chua chát nghĩ chữ nghĩa chẳng qua là cái cần câu cơm của anh nhà nho lỡ vận. Ông chán nghiên mực khô, đầu bút xơ, nhưng khi ngồi trước đám học trò trân trọng nắn nót từng nét ngang nét sổ, ê a đọc lời thánh hiền, tự nhiên ông trở nên tự tin. Đời sống như được nâng lên bậc cao hơn những nhu cầu tầm thường của ăn uống, ngủ nghỉ, bài tiết. Cả đến nỗi gian khổ mà bất đắc dĩ ông phải chịu đựng, tiếng bác tiếng chì của những bà chủ nhà so đo từng đồng tiền kẽm, cũng trở nên siêu nhiên. Cái vòng hoa dối trá đó dù sao cũng xông chút hương giả lên nhiều nỗi hăm hiu của đời ông. Ông can rắng chịu đựng và tiếp tục bước.

Chưa bao giờ ông ngờ đến lúc gặp được một nơi dạy học lý tưởng, lại là lúc

ông không có quyền giả trá nữa. Ông phải nhìn thẳng, trả lời không quanh co những vấn nạn mà tầm quan trọng có thể làm lung lay chân đế của cả đời ông. Cái chân đế đó, ngay từ trước, không lấy gì làm vững. Thời còn là môn khách của Ý đức hầu, thấy những kế sách của mình bị vất bỏ không thương xót, niềm tin của ông vào đạo nho đã bắt đầu lung lay. Ý đức hầu bị giết, gia đình ông chạy trốn ở chốn thâm sơn cùng cốc này, ông thì ngày ngày giao thiệp với những người mộc mạc và cần cù, chuộng một thể võ hiểm để phòng thân hơn là một câu trong Khổng Tử gia ngữ. Đã đến lúc dẹp quách mớ sách vở vô dụng kia đi! Chỉ cần một mối lửa bếp, là xong hết! Trong lúc ông còn do dự, vu vơ, biện Nhạc lại xin ông mở trường dạy học. Thì dạy! Vả lại không ai đòi hỏi ông phải sản xuất ra những ông tú, ông cử, nên thích gì, ông

dạy nấy. Những thầy đồ cùng thế hệ với ông không thể mơ ước chỗ dạy học nào thoả mái hơn!

Chính vào lúc đó, chân đế của đời ông gần như sắp rạn nứt, sụp đổ. Không phải trong nhà học, mà sụp đổ trong những buổi chiều làm ruộng như hôm nay.

Thông thường, ít có anh học trò nào thích làm việc bên cạnh thầy. Khép nép, làm ra dáng cần mẫn, ráng tỏ ra đứng đắn trong từng lời nói, cử chỉ, đóng bao nhiêu cái trò kịch ấy trong buổi sáng ở nhà học, đủ rồi! Buổi chiều mệnh mang trên cánh đồng xanh, ao ước của mọi người là được thở tự do, cười nói thoả mái. Cho nên khi nào ông giáo gọi đến, sai bảo việc gì, học trò mới đến gần. Đến anh trưởng tràng đạo mạo mà cũng thích tìm một chỗ khuất mắt thầy, ngồi

nhìn lên những gò đất, luống cày, gốc mít cổ, bụi xương rồng, trên cách đồng hoang dại dường tượng ra cảnh vườn tược xinh đẹp, um tùm, lẫm lúa cao ráo, đụn rơm chất ngất, tá điền đông đúc... Chỉ trừ một anh học trò đặc biệt là Huệ.

Từ hôm đọc bài Tựa Truyện du hiệp, hình như giữa ông giáo và Huệ có một thứ ràng buộc vô hình khiến ông giáo cảm thấy vương vীu, muốn tháo gỡ mà không được, còn Huệ thì tự dẫn sâu vào những rắc rối với niềm say sưa mạo hiểm và khoái cảm phạm thượng. Huệ tìm chỗ làm việc cạnh thầy, nhanh nhẹn làm giúp ông giáo những phần việc nặng nhọc. Ông giáo khen:

– Anh khỏe lắm. Lại không quá cẩn thận như anh Lũ. Vậy dễ trở thành một người hiệp!

Huệ ngừng tay lại, ngừng lên nhìn thầy. Mồ hôi ướt cả trán Huệ. Cậu đưa lưng bàn tay phải gạt mớ tóc quần đang phủ mất một bên mắt. Cả đôi mắt long lanh tươi vui. Huệ nháy mắt vài lần, cục xương yết hầu di động. Ông giáo biết người học trò sắp hỏi điều gì, chuẩn bị lắng nghe, vì chiều nay gió thổi ào ào từng cơn lấp mất mọi tiếng nói. Nhưng Huệ không thu được đầy đủ can đảm, sau một lúc bối rối, lại cầm cán rửa chắt nốt gốc mù u xù xì. Ông giáo tiếp tục công việc của mình, Huệ làm xong công việc, đứng nghỉ lấy hơi phía sau lưng thầy. Ông giáo nghe Huệ hỏi trong nhịp thở hỗn hển:

– Thưa thầy!

Ông giáo dừng việc, quay lại nhìn người học trò. Áo chàm của Huệ đầm mồ hôi, vạt trước dán vào khuôn ngực

nở. Thấy Huệ mệt nhọc vì mình, ông xúc động. Giọng ông thân mật, trù mẩn:

– Anh hỏi gì hử Huệ?

Huệ do dự một lúc rồi đánh bạo nói nhanh:

– Con đọc mãi bài học hôm qua. Có vài điều con chưa hiểu hết. Như... thế nào mới là người hiệp?

Ông giáo đáp:

– Phải khỏe để làm người không biết sợ. Phải không quá cẩn thận để dám làm. Phải rộng rãi để giúp người mà không so đo hơn thiệt. Nếu cần dám quên mình mà giúp người.

– Quên cả sự chết xông vào cứu một thằng ăn cướp ngay ban ngày, giữa chợ, có phải là hiệp không thưa thầy?

Ông giáo khó chịu vì cái giọng chất vấn bất ngờ của Huệ, trả lời cộc lốc:

– Không.

– Nhảy xuống sông cứu một người sắp chết đuối dù không biết bơi, đã được gọi là hiệp chưa?

Ông giáo càng khó chịu hơn, chau mày đăm đăm nhìn Huệ. Ông thấy làm mặt nghiêm, Huệ không dám cười nữa. Cậu đứng ngay ngắn trở lại, nhưng vẫn nhìn thẳng về phía thầy, chờ câu trả lời. Ông giáo không có cách nào khác, đáp:

– Chưa thể gọi là hiệp. Thêm một người chết nữa, phí đi!

Huệ cười tiếng nhỏ, thưa với ông giáo:

– Vậy là con biết phải làm gì rồi. Gặp

một tên thu thuế hống hách và tham lam đang bị bọn cướp đường hành hung, ta không nên can thiệp vào làm gì. Để bọn cướp thanh toán với nhau. Thấy một anh học trò thức khuya, dậy sớm, học thuộc lầu lầu thi phú để thi đậu ra làm ký phủ, duệ lại, mình phải cứu anh ta, không thì anh ta chết đuối mất.

Ông giáo sững sờ, không ngờ bị cậu học trò nhỏ tuổi dẫn đến chỗ lắt léo đó của luận lý. Ông muốn khuyên Huệ vài điều, nhưng không tìm ra được lời. Cuối cùng ông phải cầu viện đến tuổi tác:

– Chuyện đời có nhiều điều phức tạp. Anh suy ra như vậy có khi đúng, có khi sai. Anh còn trẻ, chưa hiểu hết mọi sự ở đời đâu. Làm việc hiệp nghĩa chỉ trong một khoảnh khắc, suy tính do dự thì không làm được. Nhưng xem xét, quyết đoán việc ấy có đúng là “hiệp

nghĩa” hay không, không thể vô vậ. Phải so đo, cân trọng. Ngày xưa vì phần đời mà ông Tử Trường chép truyện du hiệp. Anh còn trẻ quá. Tôi quên mất điều đó. Làm được một du hiệp đã khó. Định được đâu là người hiệp, càng khó hơn. Thôi, ta bỏ qua chuyện rắc rối đó đi. Kìa sao cánh mũi anh sưng lên như vậy?

Huệ ngượng ngịu đưa tay lên sờ mũi mình, đáp lời:

– Dạ, chỉ là cái mụn.

Ông giáo cố lấy giọng thân mật khuyên:

– Phải cẩn thận. Đưa tay dơ rờ lên hoài, nó làm độc. Có người bị phong đòn gánh, chết co quắp đau đớn, chỉ vì cái mụn nhỏ.

Huệ rút tay về, hai bàn tay bối rối

thêm, không biết giấu vào đâu. Ông giáo không nhận ra được cậu học trò vừa chất vấn mình lúc này. Huệ than:

– Ở cái tuổi con, đứa nào cũng bị cái nạn này. Cái mụn này vừa lặn, hai ba cái khác đã nổi cộm lên. Khó chịu lắm. Không hiểu sao con lại bị nhiều hơn anh Chinh và thằng Thìn.

*

Một buổi chiều khác, Huệ lại đột ngột hỏi thầy:

– Cái câu:» Ăn trộm lưỡi câu thì chết chém. Ăn trộm nước người thì phong hầu. Cửa nhà hầu nhân nghĩa thiếu gì đâu!», con đoán hình như không phải lời ông thái sử. Thưa thầy có đúng thế không?

Ông giáo giật mình quay nhìn Huệ, xua tay gạt đi:

– Anh đừng thắc mắc bài đó nữa, không đáng gì đâu.

Huệ nhất định tiến tới, nói tiếp:

– Nếu chính là lời ông thái sử, thì đã không có câu:»Thiệt không phải là nói ngoa» ngay phía dưới.

Ông giáo đành phải giải thích:

– Ông Tử Trường dẫn lời của thầy Trang trong sách Nam Hoa. Anh đừng hỏi thêm thầy Trang là ai và sách Nam Hoa nói gì. Chỉ nên biết cả bài Tựa Truyện du hiệp chỉ là lời nói phẫn. Lúc đó ông thái sử không đủ bình tĩnh và sáng suốt nên bị người đời sau chê không ít.

Huệ lại hỏi:

– Bọn dám chê ông thái sử thuộc hạng nào, thưa thầy? Hạng trộm lưỡì câu thì chết chém cả rồi, chỉ còn hạng ăn trộm nước. Trộm được nước rồi thì tự nhiên nhân nghĩa tìm tới. Hạng ăn trộm lớn đem nhân nghĩa làm cục kê, như bọn đàn bà kê thớt mà đánh vảy cá. Nghĩ tội nghiệp cho hạng cướp nhỏ, thêm ăn cá mà chỉ dám ăn trộm cái lưỡì câu.

Ông giáo lo âu, sợ lại bị Huệ dẫn vào lối bí như hôm trước. Ông cố trấn tĩnh, thân mật vỗ vai Huệ bảo:

– Sách của Tử Trường phức tạp lắm, người chưa hiểu đời khó thấy cái tinh túy. Anh thích sử. Thôi được rồi, tháng sau tôi giảng cho anh nghe sử Nam. Tôi còn giữ được bộ Toàn Thư.

Nét mặt Huệ rạng rỡ hẳn lên. Xúc cảm hân hoan làm cho giọng nói của cậu lấp bắp khác thường. Cậu nói:

– Con chỉ mong có vậy. Nhiều lần con muốn hỏi thầy, nhưng sợ thầy giận. Tại sao ta không học sử nước mình mà lại tụng lâu lâu Bắc sử? Tại sao không học chữ nước mình? Cái loại chữ thường gọi là «chữ ta», thừa thầy, thật ra đâu phải là chữ ta. Đọc lên phải diễn nghĩa ta mới hiểu, đâu được rõ ràng như mình nói «hột muối, lá trầu, con cá, cây măng».

Ông giáo vội nói lấp cho qua chuyện:

– Trước hết, hãy học chữ ta cho thông đã. Sau đó mới học cho biết thêm chữ nôm. Nhưng sách nôm không có nghĩa lý gì cao thâm đâu. Toàn những chuyện phong tình, ngâm vịnh cho qua thì giờ đó thôi!

Lũ từ nhà ông giáo trở lại nhà học, nói với biện Nhạc:

– Thầy mời anh tối nay ăn cơm.

Biện Nhạc dợm phản đối, nhưng ngưng lại kịp. Giọng của ông biện lấp lửng:

– Thôi cũng được. Thế nào cũng phải ăn cơm một lần, không thì ông ấy giận. Tao định tối nay ra ngoài ông thầy Tàu, xem tụi bây học hành ra sao?

Lũ nhìn lên phía nhà thầy giáo. Sau một lúc ngập ngừng, Lũ đến gần anh nói nhỏ:

– Em nghĩ... em nghĩ... hay là ta dẹp quách chuyện học chữ. Mấy tháng nay rồi, có được gì đâu. Mà tốn kém quá.

Biện Nhạc đang nhai trầu, vội nhả miếng trầu nhai dở ra khỏi miệng, ngạc nhiên hỏi:

– Hả? Mà nói cái gì?

Lữ sợ, im lặng không đáp. một lúc lâu, anh mới nói:

– Em xuống dưới này học, anh phải mất công thuê người trông coi trại Tây Sơn Thượng. Anh chọn đúng người đấy, nhưng người dưng nước lã làm sao lo công chuyện nhà mình chu đáo được. Thằng Huệ xuống đây, anh đi nữa, Kiên Thành coi như cái nhà hoang. Bù lại, chỉ được mấy miếng võ, và ba cái chữ nát.

Nhạc vút miếng trầu đi, nghiêm nghị bảo Lữ:

– Mà chỉ được thấy cái tấm mản, mà không thấy được hòn Một. Mà tưởng

người ta để yên cho mình làm ăn hay sao? Mày không được chữ nào thì thằng Huệ cũng được vài ba chữ. Thằng Huệ không được chữ nào, thì cái bụng chữ của thầy còn đó, nhờ vả lúc nào không được. Lũ ký lục hết mùa bút làm đơn thuê phá mình như lâu nay. Chuyện gì cần tốn, phải biết tốn.

Lũ im lặng nghe lời anh, nét mặt dầu dầu không mấy thỏa mãn. Nhạc chờ em đáp, nhưng không thấy Lũ nói gì. Ông biện biết không thể thuyết phục nổi Lũ, vì nếu có nói gì thêm, thì điều đó đòi hỏi tầm nhìn còn xa hơn cả điều vừa nói. Cho nên ông biện cũng im lặng. Hai anh em cùng chờ nghe lời nhau. Sau cùng, Lũ nói:

– Mấy tháng nay em xuống dưới này, chắc lũ nó mừng lắm.

Nhạc hỏi:

– Lũ nào?

– Tụi trên Tây Sơn Thượng. Anh coi chừng, không để mắt tới, chúng nó bán luôn cả anh lúc nào không biết. Nào là pha trầu loại hai vào trầu loại nhất để tính tiền cao. Nào là đổ thừa trời mưa để ăn bớt muối. Tụi nó ranh, nhưng làm sao qua được mắt em. Chỉ cần nhìn xuống là biết trầu loại nào.

– Kiên nó được việc lắm. Được cái tính thẳng, tuy có hơi chậm chạp. Nghề dạy nghề, cần có thời gian, miễn là...

Lũ chợt nhớ điều quan trọng, vội cắt lời anh:

– Trên trại cho tụi nó ăn lúc nào?

Nhạc không hiểu ý em, hỏi lại:

– Lúc nào là thế nào?

– Em hỏi buổi sáng có cho ăn gì không?

– Thì cho ăn bắp hầm trước khi đi làm việc như thường lệ. hôm vừa rồi tao lên, có cho thêm đường làm kẹo.

Lũ đưa hai tay bứt tóc, tỏ dấu bực bội:

– Vậy là bao nhiêu công phu của em đổ sông đổ biển hết. Em đã tập cho tụi nó quen ăn hai bữa, bây giờ lại thêm bữa sáng. Của đâu chịu cho nổi.

Đến lượt Nhạc ngạc nhiên:

– Không ăn sáng sức đâu chúng nó lên rầy, lên nguồn.

Lũ đáp:

– Còn cho ăn sáng thì sức đâu mà chịu nổi. Tụi nó dậy sớm hầm bắp, nấu nước pha trà, tốn dầu đèn. Ăn no xong, ngồi uống trà cả buổi chờ mặt trời lên khỏi núi mới chịu vác gánh ra đi. Chưa được nửa bước, đã lo về nấu cơm ăn trưa. Ngủ một giấc. Chiều tối lúc nào không hay. Phía trên núi, phía dưới núi. Mặt trời mọc đó rồi lặn đó, chỉ đủ thời giờ nấu ba bữa ăn. Núi cũng lở chứ đừng nói cái trường trâu!

Nhạc đã biết tính em, nhưng đây là lần đầu tiên chính miệng Lữ nói thật và đủ những suy tính của mình. Ông biện không khỏi lo âu cho cái tính tũn mủn tội nghiệp đó. Mà nói cho vỡ lẽ cũng khó. Chỉ còn một cách. Ông biện nói:

– Tụi trên trại năm cha bảy mẹ, sai được chúng nó đi không phải dễ. Chúng nó không phục, là nuôi ong tay áo. Đã

có khỉ dòm nhà rồi đó. Mà có nhớ lão Thung không?

Nét mặt Lũ trở nên rạng rỡ. Lũ đáp nhanh:

– Anh quên sao? Hôm lễ khai tâm, chú ấy có đến đây mà.

Nhạc nói:

– Ấy, chính lão Thung đó. Hắn ý có tiền, định tranh nguồn hàng của mình. Chưa, chưa dám tranh nguồn trâu. Chỉ mới dòm ngó nguồn lợi chở muối lên rừng thôi. Tháng trước, lão giả vờ leo đèo lên trại thăm tao, tuy biết rõ là tao đang ở Kiên Thành. Hắn hỏi thăm đủ chuyện. May hôm đó có thằng Lợi trên trường trâu, không thì hư việc hết.

Mẫu người lý tưởng của Lũ bị phỉ báng, nên anh im lặng, bần khoản. Chắc

chắn những điều anh cả nói đều đúng. Lâu nay, do không động chạm đến lợi của nhau, mối quan hệ giữa hai người thật tốt đẹp. Anh cả nổi giận, phải có lý do chính đáng. Tại sao chú Thung làm vậy? Cái nhà như thế, cái vườn như thế, ruộng đất, gia sản như thế, còn ước muốn gì nữa? Hay gì cuộc sống chìm nổi, long đong, buông tuồng nơi đầu đường cuối chợ!

Lúc đó, Huệ vừa đi tắm sông về. Lũ được dịp thuận lợi, ôm mối hồ nghi ra vườn sau một mình. Biện Nhạc nói đùa với Huệ:

– Mà mày không về sớm nhìn cái mặt thẳng Lũ. Tại tao chạm đến chú Thung của nó.

Huệ hỏi anh:

– Có phải chú Thung có cái vườn sum suê đẹp đẽ không? Anh Lũ mê cái vườn, chứ không phải mê ông chủ.

Nhạc cười, giọng giễu cợt:

– Bây giờ thì ông chủ chán cái vườn đẹp của mình rồi. Hắn định đi buôn nguồn. Chưa hết. Còn định ve vãn tụi trên trại nữa. Lão ý có nhiều tiền hơn mình. Nhưng tao đã có cách.

Huệ chậm rãi nói:

– Lũ du thủ du thực của anh, giá cao hơn một chút là mua được. Lâu nay em nghe tụi nó than phiền anh Lũ hẹp lượng, không biết bữa nay thế nào?

– Tao biết. Chuyển vừa rồi có thổ lên đầy đủ nào muối, mắm, đường, dậu ăn. Tao còn định mượn tiền thuế trả trước cho nậu nguồn, mua non cũ trâu sắp tới.

Mua măng le cũng làm như vậy. Hoặc bao nhiêu tiền đem mua muối hết, thồ lên cho các buôn.

Huệ nói:

– Em nghĩ không nên động đến tiền thuế Vân Đồn.

Nhạc kinh ngạc hỏi:

– Sợ thâm à? Trầu và măng le mình nắm trong tay, chắc chắn hơn là đồng tiền kẽm. Người ta trữ lúa chứ không chiu cất tiền, mình trữ trầu và măng cũng vậy. Tiền thuế còn lâu mới nộp phủ, mình mượn đỡ trong thời gian ngắn.

Huệ thấy anh không hiểu mình, vội giải thích:

– Ý em không phải vậy. Em nghĩ bọn cai tổng, duyên lại bóp họng dân lấy thuế

nộp lên phủ, phủ chở ra kinh. Đồng tiền thuế vấy đờm vấy máu của nhiều người, không sạch, không nên động đến.

Biết tính Huệ thẳng thắn đến độ rần mắt, nhưng Nhạc không ngờ em nghĩ như vậy. Ông biện trở mắt nhìn em, cuối cùng cười to, vỗ vào vai Huệ bảo:

– Té ra mấy tháng nay mày học được bao nhiêu đó. Khá lắm. Mày hơn thằng Lũ, còn nhớ được vài ba chữ trong sách. Được lắm. Miễn đừng có học thuộc lòng. Tao ghét mấy thằng nho hủ!

*

Sau bữa cơm, ông giáo mời biện Nhạc ra sân trước ngồi uống nước trà. Bụng đầy các thức ăn béo và ngậy gia vị, cả hai đều muốn tìm một chỗ nằm nào

đó để tận hưởng cảm giác no đủ, buông thả lưỡi linh. Phép cư xử buộc họ, ngồi lại, cho nên sau khi uống cạn mấy tách trà, câu chuyện qua lại vẫn cứ còn ngắc ngứ. Họ mon men tìm mãi một đề tài chung, nhưng tìm chưa ra. Biện Nhạc ngại ngừng trước cửa ngõ của chữ nghĩa, còn giáo Hiến lại vụng về trong các chuyện làm ăn. Thời tiết tốt không có gì đáng bàn. Sức khỏe của mọi người trong cả hai gia đình, đã thăm hỏi ngay từ đầu bữa. Ông giáo hiểu trách nhiệm ràng buộc của chủ nhà, bạo dạn hỏi thăm ông biện:

– Kỳ này ghé đây, chắc là ông có việc quan?

Biện Nhạc vội cải chính:

– Thừa không. Chuyện riêng thôi. Có một chuyến muối bị trạm canh giữ

lại không cho đi. Tôi phải xuống nói qua một tiếng.

Giáo Hiến ngạc nhiên hỏi:

– Mình nộp đủ thuế, sao lại bị giữ?

Biện Nhạc cười, vừa bao dung thông cảm cho kinh nghiệm ít ỏi của ông giáo về trường đời, vừa có ý mỉa mai:

– Có nghìn cách để làm khó dễ, thầy không biết sao! Thuế chuyên chở đường sông, thuế bến, thuế muối. Nếu mọi thứ thuế đã nộp đủ thì hỏi thuế đình. Thuế đình đóng đủ, thì bảo có đứa tố cáo ghe muối có chứa hàng quốc cấm, phải mở từng bao ra để kiểm soát. Một con dao bổ cau có thể là vũ khí của bọn làm loạn. Lôi thôi dài dòng lắm. Tốt hơn hết là phải biết điều.

Ông giáo thắc mắc hỏi:

– Chúng nó loạn thế, quan trên có biết không?

Biện Nhạc đang đưa chén nước lên uống, ngưng lại nửa chừng, quay nhìn ông giáo, không tin một người từng trải như ông lại có thể hỏi như vậy. Thấy nét mặt ông giáo có vẻ thắc mắc thật tình, ông biện nói:

– Thầy tính, quan trên của chúng của chúng ta là ai? Là quan phủ chăng? Hoặc cao hơn nữa là triều đình chăng? Tôi nghe nói quyền hành ở Phú Xuân đều nằm trong tay quan quốc phó. Ở phủ Qui Nhơn này, hai nguồn Trà Dinh, Trà Vân tiền thuế được chúa cấp cho quan quốc phó làm bổng lộc. Hằng năm thuế trên 2.500 quan, chưa kể bạc tốt và đèn nhựa trám. Của ở đâu mà lắm vậy, nếu không có bọn lính kiểm tra các trạm thuế.

Nghe biện Nhạc kể xấu bọn đàn em của Trương Phúc Loan, ông giáo thấy lòng khấp khởi. Nhưng ông giấu không để lộ niềm vui ra nét mặt, giả vờ hỏi:

– Làm sao ông biết rõ thế?

Biện Nhạc nóng nảy nói:

– Làm sao ư? Vì chính tôi cũng là một tên chuyên nghề bóp hầu bóp họng dân đen nộp cho quan quốc phó. Chỉ cần nghe chúng đằng hắng một tiếng, tôi đã biết trước chúng định nói gì. Chỉ có điều đáng thương là chúng nắm đồng tiền chưa nóng tay, quan trên đã chụp lấy, rồi lại nộp lên quan quốc phó. Nghe nói, biệt thự ở Phấn Dương càng ngày càng rộng, nguy nga thêm, nên tốn nhiều của. Thừa thầy, có đúng như thế không?

Ông giáo dè dặt đáp:

– Tôi ở kinh nhưng ít đi đâu xa. Vâng, nghe nói đồ sộ lắm. Chẳng kém gì vương phủ.

Mắt biện Nhạc sáng lên, ông biện tò mò hỏi:

– Thế thầy đã được thấy cung điện nhà vua chưa?

Ông giáo ngại ngùng một lúc, rồi ồm ờ đáp:

– Thỉnh thoảng tôi có qua đó.

Ông biện nôn nóng hỏi:

– Có rộng bằng thành Đồ Bàn ở đây không thầy?

– Tôi chưa thấy tận mắt thành Đồ Bàn, chỉ nhìn qui mô các ngọn tháp thì chắc lớn lắm. Còn thành Phú Xuân cũng đồ sộ. Thành xây dọc theo sông Hương,

hình vuông, từ ngoài vào đến cấm thành có ba lớp. Có tất cả bảy cửa vào. Cửa ngo môn trông thẳng ra bờ sông.

– Nhà vua thiết triều ở đâu, thưa thầy?

– Ngay ở điện phía trong Ngọ Môn. Mỗi tuần thiết triều hai lần. Quan võ tùy cao thấp mà đứng hầu thứ tự ở bên tả. Quan văn bên hữu.

– Ngai vàng đặt ở giữa, phải thế không?

– Vâng, chiếc ngai thếp vàng được đặt trước một cái bàn, trên bàn thường có ống sứ quý cầm bút, một hộp ấn, một nghiên son.

– Còn cấm thành?

– Đó là chỗ nhà vua ở, gồm năm tòa,

tòa chính cao nhất ở trên có một vọng lâu có thể quan sát được cả kinh thành và quang cảnh sông núi quanh đó. Đặc biệt nội cung không xây bằng vôi, gạch, mà dựng toàn bằng gỗ, chạm trổ công phu. Cột nhà bằng gỗ quý màu cam, tường phủ màn gấm. Các thời trước cung điện còn đơn sơ. Nhưng từ thời Hiếu Võ Hương, hoàng thành được xây dựng công phu tráng lệ như ta thấy ngày nay. Có người cho rằng cảnh phú quý ở kinh đô không thua Giang Nam mấy.

Biện Nhạc chợt hỏi:

– Mà sao thầy biết tường tận thế?

Giáo Hiến giật mình, vội nói:

– Tôi không đồ đạt gì, nhưng có nhiều bạn bè thành danh, làm quan trong triều. Những kẻ có lòng không sợ

giao du với người thất thế vẫn đến thăm nom tôi luôn. Biết võ vẽ vài chuyện vặt trong cung sâu là nhờ thế!

Ông giáo tự đặt điều để giấu tông tích mình, rồi chính những lời bào chữa bất đắc dĩ ấy, thấm dần vào tâm não ông. Lòng ông lâng lâng cái buồn của kẻ thất chí. Ông im lặng hồi lâu không nói tiếp được, trong khi biện Nhạc trân trọng chờ ông kể tiếp. Đột nhiên, ông giáo ngậm ngùi bảo:

– Tôi trôi dạt về đây, may mà gặp ông. Không thì... Nhưng có đi đến đâu! Chẳng khác gì Đỗ Phủ gặp Lý Quí Niên ở Giang Nam, viết tặng bạn tri kỷ hai câu thơ:

Chính trị Giang Nam hảo phong cảnh

Lạc hoa thời tiết hựu phùng quân.

Nghĩa là:

Chính lúc phong cảnh Giang Nam đang
đẹp

Giữa mùa hoa rụng, lại gặp anh!

Gặp ông giữa mùa hoa rụng, tôi hết
thời, còn làm gì được!

Biện Nhạc không hiểu hết ý nghĩa hai
câu thơ ông giáo vừa đọc, nhưng nét mặt
ông giáo, giọng thơ buồn, những chữ vô
nghĩa nhưng âm hưởng lê thê như tiếng
vọng râm rì từ những tiếng sấm xa trong
núi, đã giúp ông biện hiểu thẳng tâm
sự người thầy dạy học của hai em. Biện
Nhạc chồm người tới phía trước, hai tay
nắm bàn tay phải của ông giáo đặc đặc,
kính cần nói:

– Thầy chưa hết thời đâu. Bọn dân
núi chúng tôi đây, tuy không hay chữ,

nhưng biết kính trọng người có chữ. Thầy sẽ giúp cho chúng tôi nhiều việc. Chúng tôi biết quý người tài. Chuyển xuống Mỹ Cang vừa rồi, tôi có gặp một người bạn buôn tù của Hội vào. Anh ta nói có biết thầy. Tôi nghe mừng lắm. Thầy chưa hết thời đâu!

Ông giáo giật mình, ngừng lên nhìn đăm đăm vào mặt biện Nhạc dò xét. Ông biện mỉm cười, giữ vẻ thản nhiên tự tin. Từ đó cho đến lúc chia tay về nghỉ đêm, câu chuyện giữa hai người trở lại ngắt ngứ, quanh co, nhạt nhẽo.

Chương 8

C ho đến cuối mùa đông năm Tuất (1766), gia đình ông giáo về An Thái được gần một năm rưỡi. Nhẩm tính lại khoảng thời gian ngắn ngủi đó, ông giáo mừng đã vượt qua được một chặng đường gian truân, tuy có chịu nhiều mất mát chua xót. Ông mất người bạn đường đã cùng ông thăng trầm trên hai mươi năm. Nắp áo quan đã đóng. Những năm đất của người ở lại rơi trên tấm ván thiên dội những tiếng đục. Dù đã được chuẩn bị thật lâu để chịu đựng một cuộc phân ly, cái chết của bà giáo cũng để lại thật

lâu trong lòng ông giáo một cảm giác trở trọi hoang mang. Có nhiều buổi chiều, khi lũ học trò và các con đã về hết, ông ở nán lại trong khu đất miếu, ngồi nhìn những đám mây thay đổi màu sắc vờ vẩn trôi giạt trên bầu trời ngả tối. Ông đứng dậy, chân bước không nghĩ ngợi, không chọn hướng tới. Và hôm nào cũng vậy, lúc ý thức được toàn vẹn điều đang làm, ông mới nhận ra mình đang đi về phía mộ bà giáo.

Ông cũng phải xa một đứa con. Tết năm Dậu, Kiên có về thăm nhà một lần, mang về cho các em một gói măng khô và đậu phộng. Vốn ít nói, Kiên chỉ kể sơ lược đời sống hiu quạnh của mình trên Tây Sơn Thượng. Những câu trả lời giống một của Kiên khiến An mỉm lòng, cay cay ở khóe mắt. Chỉnh tò mò muốn hiểu rõ sinh hoạt của dân miền ngược, bắt anh

kể đi kể lại mãi về những cuộc săn nai, những chuyến leo núi, những lần len lỏi trên đường rừng đem muối đổi trâu và măng le tận các buôn thượng. Riêng ông giáo, ông lấy làm ái ngại cho con. Ông biết Kiên không tìm được một đời sống như ý. Cái nhiệm vụ quản lý buôn bán, trông coi một đám đông trai tráng ô hợp giữa một thung lũng vây bọc những núi là núi, mà người nào cũng có một mối hận với đời hoặc canh cánh nỗi khao khát được vượt đèo nhìn trở lại đồng bằng, biển cả, công việc ấy vượt quá sức của Kiên. Nhưng biết làm thế nào khác được! Kiên lười viết thư, có chuyến thổ nào về xuôi chỉ gửi ít măng, đậu, bắp về cho gia đình kèm thêm một lời nhắn «văn mạnh». Thế thôi!

Phần may mắn của gia đình ông, không nhỏ. Gần như các thứ gạo, mắm,

trà, thuốc, ông biện sai người đem biếu đều đều theo các chuyến hàng đã đủ cho cả nhà ông chi dùng. Phần dư dả là quà cáp của các phụ huynh học sinh khác, hai mùa bắp và một mùa lúa gieo của các đám miếu. An đỡ vất vả vì thôi làm hàng xáo, ở nhà trông nom thằng Út tươm tất hơn. Khoảng vườn nhỏ phía sau nhà xanh um những rau, cà, ớt. Chinh tiếp tay Kiên dựng tạm một chuồng nuôi heo, gà. Nói tóm lại, đời sống của gia đình ông có thể tạm gọi là “an cư lạc nghiệp”.

Nhưng cũng chính vì phần may mắn này mà giữa hai gia đình ông giáo và Hai Nhiều càng ngày càng có nhiều mối bất hòa. Bắt đầu luôn luôn là những chuyện lật vật: thằng Út nghịch ném đá vào con gà trống của nhà Hai nhiều, làm lộ hết một con mắt; An un lá tre vô ý quên xem hướng gió, để khói giạt cả vào nhà cậu

mợ giữa bữa cơm chiều; một con heo bị sống chuồng, một cái rác tấp qua tấp lại... ôi thôi biết bao nhiêu cái tủn mủn từng góp thành mỗi buồn phiền cho những kẻ lảng giềng bất đắc dĩ. Và như nhiều trường hợp khác, mỗi bất hòa giữa hai nhà có từ phía đàn bà trước. Như hôm cái An un lá tre. Thấy khói bốc cao rồi ùn ùn giạt cả sang phía nhà cậu mợ, chưa kịp lấy nước dập tắt lửa thì từ phía bên kia, giọng Kiên đã vọng sang:

– Ai đốt rác làm ơ làm phước chờ cho người ta ăn xong bữa đã. Trời đánh còn tránh bữa ăn, nghe không?

An chưa kịp xin lỗi, thì bà Hai Nhiều đã phụ họa:

– Thôi con. Ráng chịu một chút không sao. Người ta quen biết lớn, nói làm chi cho thêm rầy rà.

Kiên cao giọng đáp lời mẹ:

– Quen ai mặc kệ, sống nhờ trên đất người ta thì phải nể chủ nhà. Không dùng rước hạng trôi sông lạc chợ! Bây giờ mẹ đã thấy chưa!

Có tiếng ông Hai Nhiều cầu nhàu những gì không rõ. Rồi bà Hai Nhiều quay sang xía xói chồng:

– Ông có sợ thì qua bến mà năn nỉ họ. Phải mà. Mẹ con tôi hàng tôm hàng cá mà! Họ hàng nhà ông toàn người chữ nghĩa, văn hay chữ tốt, muốn làm gì ai không được!

Hôm đó Chinh giận quá, muốn qua nhà cậu mợ trả đũa cho hả, nhưng ông giáo ngăn lại. An dập tắt đống lá tre, đứng bên này nhìn qua bên kia chờ có ai ra vườn giải thích vài điều vừa để xin lỗi,

vừa để tìm lời bóng gió nói kháy. Nhưng không có ai bên vườn Hai Nhiều cả. Từ đó, một thứ ngăn cách trầm lặng, lạnh lẽo dựng lên giữa hai gia đình. Người bên này tránh gặp mặt bên kia, có nói chuyện gì cũng phải có sự hiện diện của một người thứ ba. Tình trạng ngày càng trầm trọng, và không còn cách nào cứu vãn được khi đàn gà Chình nuôi sang bươi nát đám cải của nhà cậu mợ.

Ngay hôm sau, Hai Nhiều dựng một hàng rào dày bằng một thân cau, ngăn cách hẳn hai khu vực, quyền định ranh giới dĩ nhiên thuộc Hai Nhiều. Ranh giới ấy cắt làm đôi mấy vồng lang của Chình, và nếu không có chút nể tình lân lý vào phút chót có lẽ đã đâm ngang vào hông cái chuồng gà của ông giáo. Thấy chồng có phần nào mạnh dạn sử dụng quyền chủ đất, bà Hai Nhiều nhổ phăng

đám rau lang ở về phía vườn mình vút ra đường cái. Điều đó vượt quá mức chịu đựng của Chinh. Không nói năng nhiều lời, anh ta xắn tay áo lên, ra nhổ phẳng cả cái hàng rào, đem vút trước nhà cậu mợ.

Đến lúc đó thì đám đàn ông mới vào cuộc. Vì số người ít hơn, tài ứng đối kém hơn, cha con Hai Nhiều hậm hực nuốt sự thất bại. Vả lại cuộc tranh chấp cũng đã kéo dài tới quá khuya rồi. Cả hai bên đều mệt nhoài. Ông giáo vẫn ngồi uống nước trà phía bên này, ráng hết sức nhẫn nhục để đứng ngoài, đứng trên những chuyện có thể làm giảm thế giá của mình. Rõ ràng ông ngồi trên lửa, nhưng thà lửa thiêu cháy cuộc đời ông còn hơn ông ra vườn sau đối đáp lời một lời hai với Hai Nhiều. Thế mà sáng hôm sau, khi thức dậy, men chiến thắng còn lâng lâng, gia

đình ông giáo đã thấy người ta dựng lại cái hàng rào từ lúc nào rồi. Ranh giới mới lấn sâu về phía bên này thêm hai thước!

*

Lợi xuống An Thái báo tin chị dâu mình là Ba Lý bị đau nặng cho vợ chồng Hai Nhiều biết, đúng vào lúc đang có không khí căng thẳng ấy. Không am tường tình thế, vô tình Lợi đổ thêm dầu vào lửa. Vừa vào nhà Hai Nhiều báo tin dữ xong, Lợi đã khệ nệ ôm xách đủ thứ chai lọ qua nhà ông giáo. Anh thấy cái hàng rào, bước chân khựng lại. Nhìn đám cỏ non xơ xác, Lợi đoán: Phải rồi. Chỉ tại ba con gà. Rào là phải. Không rào, làm gì có cái ăn tết. Lợi đi vòng ra đường, vào nhà ông giáo bằng cổng chính, ngang qua nhà học. Thấy cả lớp đang lắng nghe ông giáo giảng nghĩa, Lợi hơi e ngại không dám bước tiếp. Có một sức mạnh

nào đó thôi thúc sau lưng Lợi, mạnh hơn cả nỗi e dè. Lợi bậm môi, cầm cúi đi qua nhà học, thẳng xuống phía bếp nhà ông giáo. An đang ngồi vá cái áo cho cha. Lợi cúi xuống đặt các thứ linh kinh trước mặt An, thờ phào một cái khoa trương sự mệt nhọc, rồi cười nói rất tự nhiên:

– Thế nào cô Răng Rúa! Thường chú! Lần này nhất định không quên như mấy lần trước, để khỏi bị chê là anh chàng cuội. Đáng lý chuyển ghe tháng trước tôi ghé đây rồi, nhưng sau nghĩ lại chưa mua giùm dầu phộng cho An. Thành ra đi luôn. Chuyển này đem xuống đủ cả. Đây này, hai cái tĩn này đựng nước mắt, cái có chữ thập vôi trắng là nước mắt nhĩ, ngon lắm. Cái có vòng tròn là nước mắt thường, dùng để nêm. An nhớ nhé, đừng dùng nước mắt nhĩ nấu canh, kho cá phí đi. Nhất đấy. Giã ớt tỏi rồi thêm

vài muống nước mắm nhĩ, chan vào cơm nóng, ăn quên no. Nhớ cái tĩn có vòng tròn là nước mắm nhĩ... à quên, cái tĩn có chữ thập mới là nước mắm...

Lợi ngưng lại, không dám tin trí nhớ của mình. An nhìn nét mặt ngô nghê của Lợi, cười xòa. Lợi vẫn chưa nhớ ra ý nghĩa các ký hiệu, An nói:

– Kỳ trước em chỉ hỏi qua cho biết thế nào là nước mắm nhĩ, chứ có dám làm phiền anh đâu. Cha em dễ tính, ăn uống không cầu kỳ. Việc gì anh phải khổ nhọc thế!

Lợi giận mình lơ đãng, đưa bàn tay đập đập vào trán như để lay trí nhớ dậy. Lay mãi không được, nhưng Lợi tìm ra được cách giải quyết:

– Thôi thế này. An có con dao nào

không? À, nó đây rồi. Chao! Cái mũi dao tà quá. Để tôi cạy nắp cái tĩn này lên là biết ngon dở ngay.

Lợi ấn mũi dao nạy lớp vôi trét quanh nắp tĩn, cẩn thận phui hết các mỗn vôi trắng trước khi lật nắp. Mùi nước mắm hơi nồng. Lợi không e ngại gì cả, tự nhiên vào bếp nhà An lục sòng chén lấy một cái chén nhỏ và một cái muỗng con. Anh nghiêng tĩn, múc một muỗng nước mắm màu nước trà đậm ra chén. Còn một chút nước mắm trên muỗng, Lợi đưa lên môi, le lưỡi liếm nhẹ, chấp chấp, mắt lim dim chú hết tinh thần định vị. An chờ Lợi nói, nhưng anh ta chưa dám quyết đoán vội, đưa muỗng lên nếm lần nữa, lặng lẽ chờ cho đầu lưỡi thấm hết hương vị chất nước thiêng, mắt thôi lim dim nhưng nhìn thẳng ra phía trước, mông lung. Một lúc sau, Lợi mới gật gù:

– Tuyệt hảo. Thật là tuyệt hảo... không thể tìm đâu ra nước mắm ngon hơn. Phải rồi. Cái tĩn... có vòng tròn là nước mắm nhĩ. Còn cái chữ thập là nước mắm thường.

Lợi đưa chén nước mắm cho An nếm thử. An thấy mùi hơi ngậy, nhưng khi nếm xong, có vị ngon ngọt lắng tăng thấm lâu trên đầu lưỡi. Không chờ cho An ý kiến, Lợi xếp cái tĩn vừa khui lại gần cái tĩn có dấu chữ thập, rồi đến mở tiếp hai cái chai có bọc lá chuối khô và cột dây gai cẩn thận. Lợi định mở từng nút dây, nhưng vì vội, mở mãi không ra. Cuối cùng, anh dùng dao cắt phăng mấy mối dây, lôi ra từ lớp lá dày một cái chai đựng dầu. Lợi khoe:

– Dầu phộng hạng nhất đấy nhé! Phải dọn trước, không thì chúng nó lại bán loại dầu phàm, ăn hôi ngòi. Thằng

cha bán dầu nó hận tôi lắm, nhưng buôn bán mà, khôn sống mống chết.

An thấy Lợi dừng lại, biết anh ta chờ một câu hỏi tò mò của An rồi mới kể tiếp. Cô tinh nghịch, giữ im lặng làm như không biết ý Lợi. Cho nên Lợi đành phải tiếp:

– An biết không, đối với bọn buôn bán phải cao tay mới được. Tôi dặn đặt mua một lần mười hai chai. Thằng chả y hẹn đem đến đủ mười. Tôi tìm cách chê, để cuối cùng chọn hai chai dầu ngon nhất, còn trả lại hết. Mua dầu phộng mà không sành, tụi nó pha thêm dầu dừa vào. Thà chịu mua cao một chút mà được ăn dầu nguyên chất.

An hơi ngại ngùng khi sắp nói đến chuyện tiền. Cô nghĩ: nhân lúc này ta

phải hỏi ngay, không còn lúc nào thuận lợi hơn. An hỏi:

– Cả hai chai dầu này nữa, An có nhớ, nhưng không ngờ việc chọn lựa rắc rối như vậy. Biết một lần, lần sau không dám phiền anh nữa đâu. Anh Lợi này, cho An xin gởi lại tiền mua dầu và nước mắm. Công phu anh mang xách xuống tận đây, quý hóa lắm rồi, không dám...

Lợi gạt ngang lời An xua tay nói mau:

– Không, không. Tôi chỉ có cái công mua và mang xuống đây thôi. Còn tiền là của bác biện. Nói thật đấy. Ông biện dặn bạn hàng dưới Gò Bồi đem nước mắm lên, và dặn đoàn thổ mang dầu xuống. Tiền nong không biết bao nhiêu, giữa bạn hàng với nhau, chắc không cao đâu. Đừng ngại.

An biết Lợi nói dối nhưng không tìm ra cách buộc Lợi nói giá cả hai món nước mắm và dầu. Có tiếng gọi Lợi từ phía nhà Hai Nhiều, hình như tiếng bà vợ. Lợi chớp ngay cơ hội, dấn dò lần nữa cho An phân biệt hai tĩn nước mắm, rồi trở về nhà bên kia. An đang băn khoăn không biết xử trí thế nào cho phải, thì Lợi trở lại. Anh lấy trong bọc một gói giấy nhỏ đưa cho An:

– Tí nữa lại quên. Chuyển đi Mỹ Cang vừa rồi, thấy kim và chỉ may loại tốt, tôi có mua cho An. Có cả chỉ màu để An tập thêu. Thôi về nhé. Chắc thế nào bác Nhiều gái cũng theo tôi lên thăm chị Lý. Nay, tôi nói riêng cho nghe đừng kể cho ai nhé, chị Lý đau vì bỏ ăn mấy ngày liền. Mà bỏ ăn vì bị anh tôi đánh cho mấy bạt tai. Dâu con mà chanh chua, dám hỗn với mẹ chồng. Lần này mẹ tôi triệu cho

được bác Nhiều gái lên để mắng vốn. Vui không?

Chưa quên những lời bóng gió xác xược của mợ, An gật đầu vừa cười, vừa nói như reo:

– Vui quá. Thật thế à!

✱

An ngồi mân mê cái gói kim chỉ Lợi tặng, lòng dừ dừ. Cảm giác thoải mái, thân mật, mơn trớn, còn bàng bạc. Không khí đầm ấm tự nhiên Lợi mang đến vẫn còn phảng phất. Cô suy nghĩ mãi chưa hiểu vì sao mình có thể tiếp Lợi ngay trong cái bếp ám khói và lụp xụp này, quần áo xốc xếch, đầu tóc rối. Cô cũng không cần vén lại mái tóc cho gọn ghẽ, quên cả việc đơn giản là rút

một tách nước trà loãng ra mời khách. Minh khinh thường anh ấy chẳng? Không phải. Đối với lũ bạn trai cùng học võ với Chinh, rõ ràng An xem họ như không có, rẻ rúng đến nỗi không thềm nói với họ một lời. Minh kính trọng anh ấy chẳng? Cũng không. Niềm tôn kính có những dấu hiệu của nó, như sự ràng buộc hạn chế ở một mức độ vừa phải cách ăn nói, cử chỉ. Phải nói những câu không thật sự muốn nói, phải đi đứng theo một cung cách gò bó khó chịu làm mất hết vẻ tự nhiên, phải vờ vui mừng hay lo âu những điều ta không thực sự vui mừng lo âu, miễn là không động chạm đến nhân cách ưu việt và tri thức khả kính của người trước mặt. Đối với Lợi, An không cảm thấy mình bị chút ràng buộc hay hạn chế nào. Cô nói những điều mình nghĩ, giữ nguyên cái thể ngồi thoải mái, được buông thả trong cách biểu lộ tình

cảm. Cô yên ổn được nguyên vẹn là cô, và bằng lòng hoàn toàn về mình. An trở nên linh hoạt, tự tin trước Lợi. An không phải giữ ý, dè dặt từng lời nói đến cử chỉ. Hơn thế nữa, gần như An còn cảm thấy mình trở nên quan trọng, được cái bình thường của Lợi đưa lên cao hơn, đến một chỗ trang trọng tươi sáng mà An có thể cúi nhìn trở xuống với đôi mắt bao dung. Vừa được thoải mái khỏi phải cố gắng rướn lên một bậc cao quá tầm tay, vừa được cái thú vị thấy mình quý giá hơn kẻ khác, đó là những món quà vô hình Lợi mang lại cho cô bé. Những điều phức tạp này, An chỉ cảm thấy, chứ không thể tách bạch rõ ràng. Cho đến lúc Lãng xuống bếp uống nước, thấy chị ngồi mân mê gói kim chỉ, cậu kinh ngạc không hiểu vì sao nét mặt chị rạng rỡ hẳn lên, niềm vui sướng mơ màng hiện rõ trong đôi mắt, và cái miệng mỉm cười.

Lãng nhìn chị, rồi nhìn gói kim chỉ, hỏi
An:

– Của ai thế?

An trả lời:

– Hả? à, của anh Lợi mua giúp chị
đấy!

Lãng vừa thấy thêm hai tĩn nước
mắm và hai chai dầu đặt gần cái cối đá,
hỏi chị:

– Còn những thứ này?

An nói dối em:

– Của ông biện nhờ anh Lợi mang
xuống biếu mình.

Lãng gật gù, suy nghĩ một chập rồi
đột nhiên nói:

– Sao em ghét cái bản mặt ấy thế!

An bị bất ngờ, nhìn em trân trân, đăm tức giận:

– Ở cái thằng này! Anh ấy có làm gì mày đâu mà ghét người ta!

Lãng nói chậm rãi, giọng bức bối:

– Chẳng làm gì cả! Nhưng em không ưa!

– Mày không ưa người ta cái gì? Có tát tai mày như anh Chinh không? Có nhại cái giọng eo éo của mày như anh Thìn không?

Bị chị đem khuyết điểm của mình ra bêu riếu một cách bất công, Lãng nóng bừng cả mặt. Giọng cậu trở nên lắp bắp:

– Thế chị “mê” hẳn ở chỗ nào? Ở cái giọng lải nhải bép xép động gì cũng nói, chỗ nào cũng xen vào phải không? Hay là

tại hần chịu xách dép, cầm nón cho chị, mua kim chỉ cho chị mà chị “mê” hần. Chị có biết anh Huệ nói thế nào không?

– Nói cái gì?

– Nói về cái anh bép xép của chị đấy.

An bị chạm tự ái, quát em:

– Mày câm miệng lại.

Lớn tiếng với Lãng xong, An ngạc nhiên về chính mình. Hóa ra mấy tiếng “anh bép xép của chị” đối với An, An xem như một lời xúc phạm nặng nề. Không phải xúc phạm đến Lợi, vì quả thực Lợi vốn tính ba hoa, nhiều lời. Xúc phạm ở chỗ Lãng đã ghép đôi An với Lợi, ở hai tiếng “của chị” đầy mỉa mai và phẫn nộ. Thấy chị có vẻ buồn khổ vì mình, Lãng hối hận, cậu tìm cách nói nhỏ lại, giọng tâm tình:

– Em xin lỗi đã làm chị giận. Nhưng cả trường không ai ưa cái tính lảm mồm lảm mép của anh ấy cả. Anh Huệ bảo, nếu cắt cái lưỡi vứt đi, thì anh ấy không đáng một đồng tiền kẽm rí!

An ngồi im, nghiền ngẫm lời em vừa nói, lòng khổ sở đến tuyệt vọng vì sự chính xác của nó.

✱

An nghĩ đến điểm đáng ghét của Huệ chính là sự thông minh chuẩn xác đó. Đứng trước mặt Huệ, nói chuyện với Huệ, cô bé cảm thấy mình bị mất mát quá nhiều. Đôi mắt sáng rực lúc nào cũng chứa một ánh nhìn soi mói và giễu cợt ấy khiến An lúng túng, như bất ngờ bị bắt gặp vừa vươn vai ngáp dài sau giấc

ngủ dật dờ, đầu bù rối và mặt mũi đờ đẫn. Không có thể giấu gì được trước đôi mắt ấy. An mất cả niềm an lạc, mất luôn cả lòng tự tin. Cô bé phải lo đối phó, che bớt điều này, căng phồng trí tuệ để trả lời cho được điều kia, rán ngoi lên một chút cho khỏi hụt hẫng. May cho An là hình như Huệ cũng muốn tránh các cuộc gặp mặt hay nói chuyện tay đôi với An. Những cuộc nói chuyện hiếm hoi ấy, đến lúc này vẫn còn để lại cảm giác khó chịu, gần như bẽ bàng. Một lần Huệ bắt gặp An đang ngồi may áo, và hoàn cảnh lúc đó không cho phép một trong hai người giả lơ tránh mặt nhau, vì làm như vậy là đi quá giới hạn cần thiết. Vốn thích ứng rất nhanh với các hoàn cảnh bất ngờ, Huệ nói với An một cách tự nhiên:

– Hôm nay mới rằm tháng mười, An may áo tết hơi sớm đấy!

An bối rối kéo chéo vải về phía mình, rồi đáp:

– Vì rồi nên em may cho xong đi. Đã hện lần lửa mấy lần rồi còn gì!

– An may cho thầy chưa?

– Cha em bảo khỏi cần. Cha em bảo đến cái tuổi này, tuổi tác là cái nợ đáng lo hơn là điều đáng mừng. Hết từ lâu cái rạo rục mặc áo mới mùa xuân rồi!

– Còn An thì sao?

– Em ấy à? Gia đình em sắp ăn cái Tết thứ nhì ở đây. Em thành dân Qui Nhơn rồi. Các anh thế nào thì em thế ấy.

Huệ mỉm cười, ngập ngừng một lúc, rồi nói:

– Giống nhau thế nào được!

An cúi xuống dùng răng cắn đứt sợi chỉ thừa trên cánh tay áo mới, nên không hỏi ngay lý do được. Cô nhìn lên thấy nụ cười giấu cợt còn nguyên trên môi Huệ. An hỏi:

– Sao anh lại cười?

– Tôi cười vì An bảo giống chúng tôi. Chưa giống được đâu!

An bực, giọng gắt gỏng:

– Chưa giống thì đã sao.

– Chẳng sao cả.

– Thế tại sao anh cười?

– Tôi cười vì thấy chẳng những An mà cả nhà thầy cứ lúng ta lúng túng. Vừa muốn sống y như chúng tôi, lại vừa muốn người ta nhìn ra cái gì đặc biệt hơn

chúng tôi. Không muốn lằm lẩn ra “dân núi”!

An bắt đầu ngờ ngợ trong lời của Huệ có những nhận xét vượt quá bình thường. An hỏi:

– Anh nói gì An chưa hiểu?

Huệ cầm cái áo của An vừa đặt trên ổ may đưa lên cho An xem rồi giải thích:

– Như cái áo này chẳng hạn. An may y theo kiểu ở đây. Thân rộng. Tay ngắn. Ống tay áo rộng cho thuận lợi việc đồng áng. Kiểu kinh vạt dài tha thướt hơn. Tay áo hẹp và dài. Nhưng cứ xem cách cắt áo của An đủ thấy. Ống không rộng quá. Cổ cao lên một chút không giống hần kiểu kinh mà cũng không giống hần kiểu núi. Tay áo dài quá cùi chỏ nửa gang tay. Mặc áo vào không nói nhưng

người ta phải hiểu An muốn nói: “Hãy nhìn cho kỹ nhé. Tuy tôi mặc theo kiểu dân núi nhưng tôi không phải dân núi. Chúng tôi tới đây chưa được hai cái Tết. Nếu không vì hoàn cảnh bắt buộc, thì ở kinh, chúng tôi đã...”

An đỏ mặt lên vì xấu hổ và tức giận. Cô hần học nhìn Huệ, giọng nói run run:

– Mặc kệ chúng tôi. Không việc gì đến anh. Không hiểu tại sao cha tôi lại tán tụng anh quá lời như vậy. Anh độc ác, không biết thương hại ai cả!

Huệ hối hận đã làm cho An giận dữ, dịu lời lại:

– Thôi, cho tôi xin lỗi. Tưởng An không để tâm đến những cái lật vạt tôi ba hoa cho vui, không ngờ...

An cướp lời Huệ:

– Không ngờ cái gì. Không ngờ tôi lật vạt nhỏ nhen chứ gì?

– Không phải thế. Sao tôi thấy anh chàng Lợi ba hoa toàn những chuyện không đầu vào đầu hết.

An lại thú vị cười khúc khích mãi.

Nhận xét của Huệ như rót thêm dầu vào lửa. An giận tràn hông, không nói được nữa. Còn Huệ thì bờ ngỡ, không hiểu trong câu nói đó có gì xúc phạm mà nét mặt An tự nhiên tái đi, mắt đỏ căm giận, Huệ vội nói:

– Tôi chịu thua không hiểu nổi An. Không hiểu nổi đàn bà. Thôi bỏ qua mọi chuyện đi. Cái áo này may xong chưa? Phải nhận An may đẹp thật.

An buông gọn hai tiếng cộc lốc:

– Cảm ơn!

Bà Hai Nhiều theo Lợi lên Xuân Huê hôm trước, thì hôm sau đã về lại An Thái. An tò mò đứng từ bên này rào, kín đáo núp sau một khóm chuối rậm quan sát động tĩnh nhà bên kia, nhưng không thấy gì lạ. Cửa ngang nhà Hai Nhiều đóng im ỉm. Không có cả tiếng chuyện trò của hai vợ chồng, tiếng giã gạo hay tiếng rửa chén bát phía sau giếng. An chờ đợi dấu hiệu phản nộ của mợ. Cô thất vọng. Không có gì khác thường phía bên kia rào. Nếu có là sự lạnh lẽ, căng thẳng như những thời khắc báo bão.

An đem chuyện Lợi kể thuật lại với Lãng. Lãng nói:

– Khi sáng em dậy sớm, ra vườn đi

tiểu, nghe bên phía nhà mợ có tiếng khóc
tỉ tê. Hình như tiếng mợ.

An chưa tin em, hỏi lại:

– Có chắc không?

– Chắc chứ.

– Mợ về hồi nào chị không hay?

– Em nghe chị Kiên bảo về tối hôm
trước. Lúc có tiếng chó sủa, chị nhớ
không? Thế mà chị cứ cằn nhằn mãi,
trách em cài cổng không kỹ, tội trộm
mới đến rình.

– Chị Kiên có kể gì thêm không?

– Không. Em nghe chị Kiên trả lời
chú Ba Vận. Gặp em, chị tránh đi, làm
như không thấy em nữa.

– Trăm sự chỉ tại anh Chinh hết. Cậu

mợ rào ở đâu là quyền của họ. Vườn nhà người ta mà. Nhổ làm chi cho xào xáo.

Lãng cãi:

– Ưc quá nhịn làm sao được. Không có anh Chinh, cậu mợ đã rào đến chỗ này rồi. Cả con đường đi xách nước nữa, chắc cũng rào luôn. À quên, ang nước đã cạn chưa, để em đi xách cho.

An ngăn em:

– Thôi, thôi. Còn nhiều lắm. Để dùng cho hết rồi chùi lại đáy ang một thể. Hôm qua chị thấy rong đóng một lớp dày. Ủa, Lãng này. Em nhìn kìa. Có cái áo xanh của ai phơi trên dây cạnh giếng vậy? Không phải áo chị Kiên hay áo mợ.

Lãng nheo mắt nhìn theo hướng chị chỉ, rồi đáp lơ lửng:

– Ờ, ờ. Không phải áo mợ. Áo chị Kiền màu chàm kia!

An càng nhìn kỹ, càng có điều hồ nghi. Cô dè dặt hỏi em:

– Hình như cái áo xanh của mẹ, Lãng ạ.

Lãng không tin, quay nhìn chị, rồi nhìn về phía chiếc áo, Lãng nói:

– Ừ... hình như... đúng rồi. Cái áo lục xanh của mẹ.

An nhớ lại hết, cô nói:

– Chị nhớ rồi. Đây là cái áo năm ngoài mợ Hai mua cho chị Ba Lý. Lãng, khi sáng em nghe có tiếng khóc phải không? Thế là rõ: Mợ lên Xuân Huê dẫn chị Ba về đây không cho ở nhà chồng nữa. Hèn gì hai ngày nay, cửa đóng im ỉm.

Chuyện nhà của Hai Nhiều mau chóng thành chuyện hào hứng của lớp học. Chinh mang nó ra trường võ. Thìn mang nó đi chợ. Cả làng hay tin, những kẻ vô công hiếu sự chộp lấy như một trò vui phù phiếm, tạm quên cuộc sống vô vị. Nỗi hận tưởng đã phai của đám con cháu nạn nhân ông Tư Thới lại được dịp trở dậy. Các lời bàn tán đều độc địa, đến nỗi một người vô tâm như Chinh mà cũng bất nhẫn, tức quá tát tai một tên xấu mồm nhỏ tuổi sau giờ học võ.

Vợ chồng Hai Nhiều thì ủ rũ, gần như hoảng hốt. Một tối ông giáo ngạc nhiên khi thấy Hai Nhiều rụt rè đứng trước cửa, e ngại không dám lên tiếng hay tự tiện vào nhà như trước đây. Ông giáo vui mừng ra cửa mời Hai Nhiều vào nhà, giả vờ xem như lâu nay chưa từng có chuyện xích mích giữa hai gia đình.

Hai Nhiều ngần ngại, nói quanh co thật lâu, rồi mới hỏi:

– Chú có biết chừng nào ông biện xuống đây không?

Ông giáo chưa hiểu ý ông Hai Nhiều, nhưng cũng trả lời:

– Nghe Lũ với Huệ bảo khoảng mồng một tháng chạp có một chuyến muối lên. Chắc ông biện xuống vào khoảng đó.

– Như vậy là còn bốn ngày nữa.

– Vâng, khoảng bốn ngày.

– Mới đây mà lại gần tết rồi. Thật mau quá.

– Vâng mau. Anh chị đã làm gì chưa?

– Làm gì? Ờ, ờ có làm. Chậm chậm thôi. Năm nay nhà tôi lo sơ sơ vài thứ

cúng tổ tiên ông bà rồi thôi. Vui vẻ gì mà tết với nhất!

Hai Nhiều thôi ngược mặt nhìn lên trần nhà, nhận thấy đã quanh co đủ để vào chuyện:

– Năm nay tưởng qua được một năm yên ổn, không ngờ tháng cuối cùng lại xảy ra chuyện vợ chồng con Ba Lý. Mấy ngày nay chắc chú đã nghe thiên hạ đồn đãi. Đừng vội tin bọn bép xép. Vợ chồng nó ăn ở với nhau đã lâu không con cái, nên bà mẹ chồng tìm chuyện làm găng với con Ba. Bà nhà tôi lại không dẫn được cơn giận. Lâu nay tôi để ý, thấy ông biện nể chú. Hôm nào ổng xuống, chú nói cho một lời.

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

– Sao lại dính tới ông biện, anh?

Hai Nhiều ngồi im một lúc, do dự không biết có nên nói hay không. Nhưng đã tốn công phu qua đây làm lành, ông không còn con đường nào khác là phải chịu lép nhờ đến ông giáo vậy. Hai Nhiều chậm rãi giải thích:

– Số là sau chuyện gia đình xục rục, thằng chồng con Ba bỏ nhà lên Tây Sơn thượng với ông biện. Thế mới rắc rối. Con gái gả đi lấy chồng là con dâu nhà người ta rồi, dẫn về đây luôn coi sao được. Mà về trên đó, không có thằng chồng thì sống làm sao. Chú làm ơn nói với ông biện, nhờ ông biện khuyên thằng chồng con Lý một lời.

Ông giáo mau mắn đáp:

– Dạ được. Tôi sẽ cố. Vợ chồng đầu gối tay ấp mặn nồng còn hơn cả tình ruột thịt, láng giềng. Anh chị còn bỏ lỗi cho

các cháu mà qua đây, hưởng chi là...

Ông giáo ngừng lại ở lưng chừng cầu, vì thấy vẻ bối rối của Hai Nhiều. Không khí trở nên oi bức hơn vì cả hai đều không dám nói thẳng những điều đang nghĩ. Mãi đến lúc không thể ngồi im lặng được nữa, đứng dậy chào chủ nhà ra về, Hai Nhiều mới bảo ông giáo:

– Mai chú bảo cháu Chinh nó sang bên tôi nhổ một ít cải non về cấy. Tết sắp đến rồi, lo làm dưa cải ăn với bánh tét chứ. Thiếu đất thì phá quách cái hàng rào đi. Tôi trồng cau đã mục hết cả, đồ lúc nào không hay!

Chương 9

Vừa bước qua năm Mậu Tý được một tuần, gia đình ông giáo nhận được tin dữ: Kiên bị một tên vô lại hành hung đến trọng thương. Người đưa tin ở trong đoàn ngựa thồ chở mặng le về xuôi, vì vội chỉ ghé An Thái được một chốc rồi lại tiếp tục hành trình. Đúng lúc đó chỉ có một mình Lãng ở nhà, tin dữ trở nên khủng khiếp hơn vì sự mơ hồ. Ông giáo phát tức, đánh cho Lãng một bạt tai. Lãng run lên, ăm ức muốn khóc mà không dám khóc. Mặt cậu đỏ, đầu mũi phập phồng, cổ rướn cao như

sắp rống lên thống thiết. Thấy dấu hiệu những kích động thái quá quen thuộc của em, An đánh bạo thưa với ông giáo:

– Cha để con hỏi nó cho. Cha giận, nó không nói gì được.

Ông giáo đã hơi nguôi, hơi thấy hối hận khi thấy dấu năm ngón tay còn in đủ trên má xanh tái của Lãng. Ông không nói gì, để mặc An dẫn Lãng vào phòng sau. Ông nghe tiếng Lãng khóc hức hức, tiếng kể lể ướt nước mắt chen giữa những tiếng nấc. An dỗ:

– Thôi, đừng khóc nữa. Đây khăn đây, chùi cho sạch cái má cho chị coi. Đừng vất ở đó. Cái thành giường đầy cả bụi không thấy sao. Cần uống nước không, chị rót cho. Từ từ nào, không lại sặc! Đấy, em thấy chưa, cái gì cũng cần phải bình tĩnh. Em cứ ấp úng nói chẳng

đâu ra đâu cả, làm sao cha không giận. Bây giờ kể rõ cho chị nghe. Người ta đến đây lúc nào?

Tiếng Lãng vừa thút thít vừa trả lời:

– Lúc chị vừa qua bên nhà mợ. Em đã định đóng cửa, nhưng cái cái then mãi không được. Cái cửa đã xệ rồi. Với lại...

An ngắt lời em:

– Thôi được rồi. Đừng dài dòng. Bác ấy có quen với nhà mình không, đã đến đây lần nào chưa?

– Bác nào?

– Thì bác đến báo tin anh Kiên bị...

– Không, cái anh còn trẻ. Chỉ bằng tuổi anh Chinh là cùng.

– Ảnh hỏi đây có phải là nhà ông

giáo Hiến không, em hỏi ảnh hỏi như vậy để làm gì, ảnh nói...

An phát bực, ngắt lời Lãng lần nữa:

– Nói gọn gọn một chút. Cha đang chờ ngoài kia. Người ta báo tin anh Kiên ra sao?

Lãng im lặng một chập, rồi nói:

– Ảnh nói anh Kiên chết giấc, mọi người tưởng không cứu được nữa, nhưng...

– Nhưng làm sao?

– Nhưng về sau, ảnh tỉnh lại... Thằng du côn lén đập vào đầu ảnh, may anh Kiên nghe có tiếng gió vội nghiêng đầu, nên khỏi phải vỡ sọ.

– Anh Kiên bị thương ở đâu?

– Ở vai, cái đầu gậy đập vào ót nên ảnh chết giấc. Máu ra nhiều, nhưng vết thương không sâu lắm.

– Vết thương chỗ nào?

– Em không hỏi.

Ông giáo nóng ruột, không dần được nữa, chạy vào trong phòng quát:

– Thằng ngu. Quan trọng là bị thương ở đâu, nặng nhẹ thế nào lại không hỏi. Thế có hỏi sau đó anh mày ra sao không?

Lãng rụt rè, liếc nhìn cha, rồi nhìn chị, không dám trả lời. Sợ cha giận trở lại, An phải hỏi gấp em:

– Người ta có nói sau khi bị đánh anh Kiên thế nào không?

– Ảnh nói khi tỉnh lại, anh Kiên bảo bị nhức đầu. Khiêng về trại, ảnh bị ói.

Ông giáo chen vào hỏi:

– Anh mày bị hành hung hôm nào?

Lãng lăm lét nhìn cha, trả lời nhỏ:

– Con không hỏi.

Vốn có biết qua nghề thuốc, ông giáo hết sức lo lắng cho tính mệnh của Kiên. Bị đánh trúng ót đến ói mửa, điều đó thật nguy hiểm. Ông giận con ở điểm đã không hỏi kỹ từ hôm Kiên bị đả thương cho đến hôm báo tin tại An Thái, khoảng cách thời gian là bao lâu. Đây là điểm then chốt. Không có cách nào khác hơn là lên ngay Tây Sơn thượng. Ngay đêm ấy, ông dặn lại qua loa việc nhà cho An nhớ, rồi cùng với Chinh đi thăm con. Lữ cũng nóng lòng muốn biết tình hình thực sự của trường trâu, nên xin theo thầy.

✱

Dù mượn được những con ngựa thực khỏe, phải mất một ngày hai đêm họ mới tới Tây Sơn thượng. Ngựa chạy không nghỉ nên mồ hôi tiết ra ướt đầm bộ lông mượt. Lũ là một người quen thuộc đường đi lối về, nhưng từ lúc vó ngựa mỗi uể oải bước lên đèo, anh mất dần sự hăng hái. Đường gập ghềnh và vắng, hai bên cây cối rậm rạp, rình rập, đe dọa từng bước tiến của ba người. Bọn cướp đường, từ vụ mất mùa năm trước, hoạt động táo tợn hơn ở các truông hẹp, nạn nhân thường thường là các đoàn ngựa thồ. Lũ gợi ý nên ghé qua đêm ở một buôn thượng Lũ quen nhờ nhiều lần đến đổi măng le trước đây, ông giáo gạt đi. Ông không thể yên tâm nghỉ ngơi được, cho tới khi biết đích xác tình trạng sức khỏe của con.

Khoảng gà gáy thì họ tới trại. Trời còn tối mịt, dù sương núi phủ khắp thung lũng che lấp hết cảnh vật nhưng cũng chính nhờ màu trắng âm u đó ấp ủ chút ánh sáng lạng lẽ mà ông giáo còn phân biệt được cáo cổng nặng nề ghép bằng những thân cây không tô chuốt, hàng rào dày bằng thân le vót nhọn đan chéo nhau và xa hơn nữa, chìm khuất giữa bể sương là một mái nhà cao giống kiểu nhà người thượng. Lữ chạy đến tìm cái gì đó ở cánh cổng im lìm, có lẽ không thấy nên anh càu nhàu:

– Tụi này quá lắm. Không biết vất đâu rồi!

Chinh hỏi:

– Anh tìm gì đó?

Lữ sờ soạn tìm kiếm một lúc nữa, mới trả lời:

– Cái mõ. Trước đây tôi đã dặn, hễ muốn vào thì lấy mõ đánh nhịp hai để cho bên trong biết. Mỗi ngày đổi ám hiệu một lần, để đề phòng bọn cướp.

Ông giáo lo lắng hỏi:

– Làm thế nào bây giờ? Liệu có ai còn thức không?

Lũ đáp lơ lửng:

– Không có ánh đèn. Hoặc là sương dày quá...

Chinh đề nghị:

– Hay ta lấy cây đập vào cửa cổng thay mõ vậy.

Lũ làm theo ý Chinh. Một lúc lâu, mới nghe tiếng lao xao bàn tán bên trong, và tiếng chân người đến gần. Lũ hỏi lớn:

– Ai bên trong đó?

Tiếng Lữ chìm vào lớp sương đêm, rồi va vào các vách núi dội thành một thứ âm thanh mù mờ như tiếng sấm động. Bên trong có tiếng hỏi:

– Ai đó?

Lữ mừng rỡ đáp:

– Tôi đây. Bảy Lữ đây. Có nghe thấy không?

Có tiếng bàn tán rù rì ngay đằng sau tấm cửa nặng. Chờ mãi không thấy gì, Lữ nhắc lại:

– Tôi là Bảy Lữ đây. Mở cửa nhanh lên.

Bên trong có tiếng hỏi:

– Anh Bảy Lữ nào lại lên đây vào giờ này. Đừng có nói láo. Tụi bây muốn chết

hay sao mà còn đến đây chọc phá. Khôn hồn hãy tìm chỗ khác làm ăn.

Lũ tức quá, lấy tay đập thành thành vào cửa:

– Tôi là Bảy Lũ thật mà! Đã nhận ra tiếng tôi chưa? Ai phía trong đó?

Lại có tiếng rù rì bàn tán. Và tiếng chân người từ bên trong vừa ra cổng. Lại bàn tán thêm. Cuối cùng, cánh cổng mở hé vừa đủ một người lách qua, tiếng dây mây già cọ vào trục cửa kéo kẹt. Lũ mừng quá, tiến đến chỗ cửa hé. Chưa kịp đưa tay đẩy cánh cổng mở rộng thêm đủ cả người và ngựa, Lũ đã bị hai ngọn giáo kề sát hai bên hông. Lúc đó, cửa mới mở lớn. Ngoài hai người cầm giáo đang uy hiếp Lũ, còn có một người thứ ba đang cầm cung hờm sẵn. Phút lo sợ bất ngờ qua đi, Lũ nói to:

– Bây giờ đã tin chưa? Đã có ai thức dậy không?

Ba người giữ cổng mừng rỡ reo lên một lúc: “A, anh Bảy”. Lữ lấy giọng kẻ cả bảo:

– Có thầy tôi và anh bạn kia kia. Dẫn ngựa vào. Cho uống nước và cho một mủng lúa.

Ông giáo để mặc Lữ căn dặn bọn người ở trại, ra dấu cho Chinh cùng đi với ông vào thẳng trại trong. Phút chốc người ta mau chóng hiểu ông giáo là ai và lên đây làm gì. Hai cha con ông giáo được dẫn ngay tới chỗ Kiên nằm. Ông giáo không dám hỏi anh thanh niên đã dẫn đường, sợ phải nghe tin đau đớn. Nhưng thấy nét mặt anh ta bình thường, gần như mừng rỡ khi gặp khách lạ, nên ông giáo yên lòng. Ông hỏi:

– Anh quen thân với cháu nó không?

Người dẫn đường không hiểu lối nói kiểu cách của ông giáo, dừng lại chờ ông giải thích. Ánh đuốc khi mờ khi tỏ chiếu lên khuôn mặt xương xương, hai hố mắt sâu và một nụ cười hiền. Ông giáo hỏi câu khác:

– Kiên nó dậy chưa anh?

Người thanh niên đáp:

– Dạ, cháu không biết. Đêm rồi ảnh ngủ được. Chắc chưa dậy.

Ông giáo lo lắng hỏi:

– Thế nó bị nặng không?

– Cháu không rõ. Đêm trước ảnh rên suốt đêm. Đêm trước nữa lại ngủ yên.

Hóa ra nét mặt vui vẻ của người dẫn

đường không liên gì đến tình trạng của Kiên. Ông giáo đâm lo.

✱

Những gì Lãng thuật lại chỉ đúng có một phần. Tên vô lại đã dồn hết hận thù vào đòn bất ngờ đầu tiên. Kiên không kịp nghe cả hơi gió của thanh củi xù xì đang vụt xuống đầu mình, làm sao né tránh được. May cho Kiên, thanh củi khô giòn nên dễ gãy. Kiên bị mất cây xẻ một vết thương dài hơn một phân trên đỉnh đầu, máu phun ra nhuộm đỏ cả hai vạt áo. Thấy đòn đầu tiên bị hỏng, tên vô lại vụt thêm một đòn nữa bằng thanh củi cụt. Lần này Kiên né được như lời Lãng thuật. Tên vô lại bỏ trốn vào rừng, không biết Kiên có vẻ bình thường được một lúc, rồi ngã lăn ra bất tỉnh. Ai cũng

tưởng là Kiên chết vì vết thương ở đỉnh đầu. Người đưa tin cũng ái ngại, giấu không cho gia đình biết có vết thương đó. Họ không ngờ vết thương đâm máu trên đầu lại không đáng sợ bằng một vết bầm đẳng sau ót. Cho đến hôm ông giáo đến Tây Sơn thượng, nghĩa là một tuần sau ngày Kiên bị hành hung, Kiên vẫn chưa qua khỏi cơn chấn động thần kinh. Lúc thì anh bình thường, có thể đi đứng, nói chuyện, làm việc như mọi người. Lúc thì anh cảm thấy vạn vật quay cuồng, đất dưới chân anh chao qua chao lại như là dậy sóng. Anh chơi với muốn tìm một chỗ bú, nhưng dường như bất cứ thứ gì anh vừa đưa tay ôm được cũng đều tan thành một hơi khói. Nỗi sợ hãi khủng khiếp ào ào đến như giông bão. Anh muốn hét lên, muốn kêu cứu nhưng hai hàm răng anh run lập cập, tiếng nói thành ra một tràng âm thanh ú ớ vô nghĩa. Ông

giáo đầu khổ nhìn con bị hành hạ bởi cơn chấn động vô hình ấy, tuyệt vọng không biết phải làm thế nào. Trong thâm tâm, ông lo sợ Kiên đã bị cùng thứ bệnh của mẹ.

Ông ở lại Tây Sơn thượng chăm sóc Kiên một tuần. Sang tuần thứ hai, thứ thuốc quét nhuễn bằng lá cây của người thượng đã làm cho vết thương trên đầu khô lại. Mủ thôi mưng quanh, da non đã kéo. Và kỳ diệu làm sao, dường như cái vết thương xoàng ấy có liên hệ kín đáo và phức tạp với cái vết bầm sau ót Kiên. Càng ngày anh càng bớt chóng mặt thất thường. Đầu óc anh vượt qua được những xáo trộn bất ngờ. Anh ngủ được, giấc ngủ êm hơn. Các chao đảo thưa dần. Sự sợ hãi, nỗi buồn vẫn vơ do những ám ảnh mơ hồ tàn dần, rồi mất hẳn. Kiên lấy lại được nếp suy nghĩ, mơ ước đơn

giản và chậm chạp y như trước. Nhờ thế, sang tuần lễ thứ hai, ông giáo tự hẹn là sẽ trở về An Thái vào cuối tháng giêng. Ông bắt đầu một nỗi lo khác, không biết ở An Thái, An quán xuyên chuyện nhà như thế nào. Dù ông cũng chưa dám chắc Kiên đã hoàn toàn bình phục.

Những ngày còn lại, ông đã đủ bình tâm, dạo quanh vùng Tây Sơn thượng xem xét cảnh vật, lối sống của người Bana, nhất là sinh hoạt ở trại canh tác và buôn bán hàng nguồn của biện Nhạc. Chính Phúc, chồng của cô Ba Lý, anh của Lợi làm người hướng dẫn cho ông. Vụ rắc rối đáng tiếc trong gia đình hồi đó, cuối cùng được dàn xếp ổn thỏa. Mẹ chồng lẫn nàng dâu đều nhận thấy không thể thiếu Phúc, nên cả hai đành bằng lòng với cái phần chiếm hữu tình cảm không được trọn vẹn của mình.

Hồi đó, sau khi nghe ông giáo trình bày tình cảnh ông bà Hai Nhiều, biện Nhạc cho người lên ngay Tây Sơn thượng gọi Phúc về. Phúc vâng lời trở lại Xuân Huê, nhưng hơn một tháng sống cuộc đời khác hẳn cuộc đời phẳng lặng anh sống lâu nay, Phúc biến đổi không ngờ. Anh thấy trong sự mơn trớn âu yếm của vợ, sự lo lắng của mẹ, có điều gì vướng víu ràng buộc. Có lẽ những ngọn núi, thung lũng, rừng già đã quyến rũ anh. Phúc bắt đầu hiểu vì sao Lợi không chịu ở nhà lấy hai ngày liền, xem thường lời khuyên của anh và mẹ, bôn ba quanh năm suốt tháng nơi đầu chợ, cuối sông. Cho nên tuy bằng lòng không ở hẳn trên Tây Sơn thượng, Phúc lại xin được gia nhập vào đoàn ngựa thồ của biện Nhạc, chở hàng từ An Thái, vượt đèo lên nguồn và ngược lại.

Ông giáo lên Tây Sơn thượng được hai hôm thì đoàn ngựa thồ chở muối của Phúc cũng đến. Nếu gặp ông giáo ở An Thái, có lẽ Phúc không mừng rỡ và vỗn vã với ông như gặp ở nơi thung lũng vây quanh những núi là núi này. Ở nơi xa xôi cuối trời, sự quen biết cũ tự nhiên quý giá hơn, như một bức tường chung cả hai cùng dựa vào đó để chống chọi sự xa lạ. Khác hẳn với lối nói chùng mực, rụt rè lâu nay, Phúc cuống quýt:

– Trời ơi, dưỡng giáo! Dưỡng lên hôm nào vậy! Thế mà mấy ngày nay con cứ lo mãi, không biết có ai đã tin cho dưỡng hay chưa.

Ông giáo cũng mừng rỡ đáp:

– Cháu Phúc! Độ này cháu mập và

đen ra. Đừng lo, con Ba Lý không chê đâu. Rắn rỏi thế là tốt. Cháu có ghé qua An Thái trước khi lên đây không? Mấy em bên nhà dưỡng có chuyện gì không?

– Xin lỗi dưỡng giáo. Chuyến này gấp quá con không ghé được. Dưỡng thấy sức khỏe Kiên thế nào? Con lu bu quá, từ nãy đến giờ chưa vào thăm được.

Ông giáo buồn rầu đáp:

– Khi hôm nó kêu nhức đầu. Ăn uống thì khá hơn, bớt ỏi hơn trước. Thật là quân vô lại! Không biết nó là người hay là thú mà tàn nhẫn vậy.

Trong cơn hăng hái, Phúc dõm nói thật ý nghĩ của mình. May mắn là anh ngưng kịp lúc. Phúc đáp:

– Câu chuyện bên trong chắc có nhiều điều phức tạp. Không phải vô

cớ mà nó dám. Nhưng dưỡng biết đấy, những người lên đây chịu đựng được cảnh rừng sâu nước độc đều là những kẻ bất đắc chí. Kiên chịu đựng được một năm trường đã là điều phi thường lắm rồi. Năm ngoài lên đây vài ngày con đã muốn về. Nhưng về thì còn mặt mũi nào nữa, nói làm sao với con Ba cho khỏi bẽ mặt. May nhờ có dưỡng...

Ông giáo nóng lòng muốn biết sự thật, ngắt lời Phúc:

– Theo cháu thì tên vô lại đó có thù hằn gì với thằng Kiên không?

Phúc dè dặt đáp:

– Dưỡng giáo tính, anh Kiên hiền thế thì ai nổi giận.

– Thế do đâu có chuyện này?

– Cháu nghĩ... cháu nghĩ có thể là... hình như có chuyện hiểu lầm sao đó. Chuyện sổ sách, chi tiêu ở trường trầu phức tạp lắm. Giao muối cho anh em đem đi để đem trầu về. Hoặc giữa đường gặp mưa, hoặc lội suối bị ướt, trầu đem về có khi không đúng loại. Bỏ qua thì sau này nói làm sao với ông biện, mà ghim gút thì mất lòng anh em. Vả lại không phải trong anh em ở đây ai cũng chơn chất. Ở cho vừa lòng mọi người, khó lắm dựng!

Ông giáo bắt đầu hiểu lơ mờ nguyên do cuộc hành hung. Điều ông lo lâu nay đã thành sự thực. Nhưng ông thắc mắc:

– Tính thẳng Kiên nhà tôi, giống giống với tính cậu Lữ, em ông biện. Cẩn thận tỉ mỉ quá, ít chịu quyền biến. Nhưng lúc cậu Lữ ở trên này thì không việc gì. Tại sao thế?

Phúc trả lời liền không suy nghĩ:

– Vị thế của hai người khác nhau mà, dưỡng giáo! Cậu Lũ nhỏ tuổi hơn anh Kiên, nói cho ngay thẳng, đối xử với anh em còn hẹp lượng hơn anh Kiên nhiều. Nhưng cậu ấy là em ông biện!

– Vậy cháu có biết cái tên... cái tên côn đồ nó hành hung thằng Kiên là ai không? Quê quán nó ở đâu? Già hay trẻ?

– Ông Năm Ngãng hử dưỡng? Lớn tuổi rồi. Chắc chừng khoảng bốn mươi. Có thể ít tuổi hơn chút ít, vì cơ cực quá ai cũng già trước tuổi. Lần đầu con lên đây kêu ông Năm bằng cụ, bọn nó cười ầm lên.

– Chừng đó tuổi sao còn lên trốn trên này làm gì?

– Hơn hai mươi người cái trại này

ai cũng có thảm cảnh riêng. Lên đây là cái thế chẳng đặng đừng mà dựng. Nếu chẳng vậy thì chỉ hô lên một tiếng, ai nấy đều bỏ trại mà chạy bộ xuống đèo. Dựng chưa thấy cái cảnh mấy mươi người đứng tụ trước cổng nhìn theo đoàn ngựa thồ sắp về xuôi. Hình như đoàn ngựa khỏe chở hồn của họ xuống núi mất rồi. Còn lại trại chỉ là mấy cái xác vờ. Phải mất hai ba ngày sau, họ mới trở lại bình thường. Dựng nghĩ mà xem, công việc của anh Kiên khó khăn biết chừng nào!

– Cháu có biết thằng Kiên nó đối đãi với ông Năm... ông Năm gì đó, dựng quên mất rồi?

– Năm Ngãng, thừa dựng.

– Đúng rồi, ông Năm Ngãng. Không ai hiểu tính con hơn cha mẹ. Dựng biết tính thằng Kiên. Dù ở hoàn cảnh nào,

thằng Kiên không bao giờ dám vô phép nặng lời với người có tuổi. Đến là em nó ở nhà nó còn không nỡ nặng lời, huống hồ là đối với bác Năm... bác Năm Ngãng. Cái tên lạ, khó nhớ quá!

Phúc cười đáp:

– Dạ, không phải tên thật của ông đâu. Tại cái tính nghễnh ngãng làm đâu quên đó như người mất hồn nên tụi cháu mới đặt cái tên bác Năm Nghễnh Ngãng. Về sau gọi gọn là Năm Ngãng.

Ông giáo nhớ lại điều mình thắc mắc, quay lại hỏi Phúc:

– Thế riêng ông Năm... ông Năm Ngãng thì vì sao phải lên đây?

– Không trốn lên đây thì ở tù một gông sao được!

– À ra thế! Dân đầu trộm đuôi cướp chứ gì!

Phúc vội xua tay cải chính:

– Không phải đâu dượng. Dượng gặp bác Năm, thấy cái bộ lù khù nghếch ngãng của bác, chắc dượng không khỏi kinh ngạc. Ai dè một người như vậy mà đã từng làm những việc động trời.

Ông giáo không kiên nhẫn được nữa, nồn nóng hỏi:

– Nhưng ông ta làm cái gì mới được chứ?

– Bác Năm đốt rụi cả nhà người ta.

– Nhà của ai?

– Của người chủ điền. Dượng có nhớ vụ đói năm Hợi ngoài Phù Ly không? Đấy, ông ta là người huyện Phù Ly, miệt

Đồng Hậu. Gia đình gồm hai vợ chồng và ba đứa con nhỏ. Mấy đứa đầu khó nuôi nên chỉ còn chùng đó, vậy mà nuôi không nổi. Phần lúa nộp cho chủ điền, phần lúa thuế. Năm được mùa chỉ đủ ăn giáp hạt, mất mùa như năm ngoái thì chỉ còn nước chịu đói. Đã thế tiền kẽm lại sụt giá, nhà giàu không dám trữ tiền, chỉ lo trữ lúa, bán hết mọi thứ lặt vặt còn lại, bác mang mấy quan tiền kẽm đến năn nỉ chủ điền bán cho mủng lúa về nấu cháo cầm hơi. Lão chủ điền nhất định không bán. Lời qua tiếng lại một hồi, bác giận quá cầm cái con cúi dúi ngay bên mái lằm thóc tên nhà giàu. Gặp mái tranh mùa hạn, lúa chỉ liếm qua một chốc là tiêu tan cả gia nghiệp.

– Rồi vợ con bác ta ra sao?

– Chẳng ai rõ họ trôi giạt đằng nào. Bác Năm chạy về nhà, vợ con mếu máo

van bác hãy trốn mau đi. Bác dùng dằng nhưng thấy có bọn lính tuần vây bủa, bác trốn lên đây. Vợ con bác cũng nhân đêm tối dắt díu nhau trốn biệt tăm. Không ai còn biết họ ra làm sao nữa. Nỗi khổ tâm của bác chính là ở chỗ đó. Lần nào có đoàn thổ về xuôi, bác cũng nhờ dò hỏi tin tức gia đình. Anh em thương bác cũng chịu khó hỏi thăm mọi nơi, nhưng không được kết quả gì. Bác khổ tâm lắm, nghĩ chỉ vì mình làm ăn không ra gì nên mới gây vạ cho vợ con. Rồi bác mắc chứng nghẽn ngãng, và cái tật hể thấy gạo ở đâu là mắt sáng rỡ, len lén xúc một bát, vốc một nắm đem thu giấu vào chỗ kín đáo. Giấu lần trước thì lần sau quên. Cuối cùng chỗ xó xỉnh nào cũng có gạo mốc. Kiên bực quá phải nặng lời. Mấy lần trước bác Năm chỉ lầu bầu trong miệng, rồi thui thui bỏ đi. Không ngờ lần cuối, bác nổi máu bạo...

Nghe Phúc kể xong, ông giáo bồi hồi một lúc, cảm thấy nghèn nghẹn nơi cổ họng. Sau đó ông hỏi:

– Có cách nào tìm bác Năm... bác Năm Ngãng không?

Phúc trả lời:

– Chắc hơi khó, dượng. Quanh đây toàn núi rừng, và thú dữ. Không biết bác đã gặp lại vợ con “ở dưới đó” chưa!

Ông giáo ngược lên nhìn Phúc, đón hiểu được nỗi lo sợ thâm kín của anh!

✱

Đêm ở miền núi ập đến đột ngột khác thường. Mặt trời vừa khuất sau Hòn Cong là sương bắt đầu nghi ngút tỏa, như đã chờ đợi khắc khoải từ lâu để

cướp chỗ của ánh nắng. Vạn vật chìm trong một thứ ánh sáng âm u màu đục. Khí lạnh làm thâm tím những đôi môi, cảm giác bải hoải râm ran trên bả vai và dọc theo sống lưng.

Lâu nay quên sống nơi bình nguyên, ông giáo không ngờ mấy cái chữ đầu môi “sơn lam chứng khí” lại có cái lõi nghĩa chính xác như vậy. Ở trại, người ta lo cơm chiều lúc còn mặt trời, cho nên khi từng đám sương buốt lạnh ủa vào mấy dãy lán cỏ tranh, gần như đời sống chỉ còn nhịp thở ở khoảng quanh ngọn đèn chai lù mù.

Mỗi người từ trẻ đến già đều phì phèo trên môi một điếu thuốc lớn bằng ngón tay cái. Ngồi bó gối quanh ngọn đèn, họ vừa hút thuốc, khạc nhổ vừa nói chuyện dăm dảng rời rạc. Tiếng nói râm rì đôi lúc mất hút trong tiếng gió hú, và thấp

thoáng khi mờ khi tỏ dưới ánh đèn lắt lay, là những khuôn mặt râu rĩ. Ông giáo nhớ lời của Phúc, bảo cả ý tưởng, mơ ước cả tâm hồn họ đã theo đoàn ngựa thồ về xuôi mất rồi, chỉ còn lại đây cái xác vờ cử động mệt mỏi, thừa thãi.

Qua nhiều đêm ở Tây Sơn thượng hơn, ông giáo nhận thấy sinh hoạt về đêm trong trại không đơn sơ, âm đảm như đã tưởng ban đầu. Vượt khỏi được những bờ ngõ dè dặt nhiều người tìm đến bắt chuyện với ông. Họ mời ông đến ngồi bên đèn hoặc bên đống lửa un muối, “cho nó ấm”. Rồi để cho nó ấm hơn nữa, họ mời ông uống tí rượu cần theo phong tục của người thượng. Rượu cất bằng một loại lá rừng nồng độ cao, đựng trong những cái hũ sành thân bầu và cổ nhỏ, không rót ra bát mà hút chung bằng cái ống trúc dài. Vị rượu nồng thật nồng,

càng về sau càng nhạt, do có thêm nước vào.

Đêm nào cũng vậy, chưa uống rượu thì mặt mày ai nấy cũng rầu rĩ đăm chiêu. Tộp vài ngụm rượu vào, lời chân tình bắt đầu ra cửa miệng. Thoạt tiên là chuyện đổi hàng ở các buôn thượng. Chuyện một con suối dâng nước bất ngờ đến nỗi vừa trông thấy lũ đá lớn nhỏ vương vãi dưới lòng suối cạn đó, một thoáng sau quay lại đã thấy nước suối đục ngầu cuộn cuộn mấp mé bờ.

Chuyện khôi hài quanh nếp suy nghĩ, nhận thức đơn giản của người thượng. Loại chuyện này bao giờ cũng hào hứng, người kể thêm mắm thêm muối cho câu chuyện trở thành ngây ngô đến phi lý, người nghe cười quên cả rét đêm dù họ đã thuộc lòng từng chi tiết nhỏ của câu chuyện. Nhưng gây hào hứng nhất cho

đám trai tráng sống lạc giữa rừng già, là các chuyện tiểu lâm. Họ nói thẳng về bộ phận sinh dục, không quanh co, không trang điểm bằng những từ ngữ hoa hòe. Chẳng những thế, họ còn ưa dùng hai bàn tay diễn tả công việc giao hợp để phụ họa lời kể. Sự tục tằn pha lẫn thô bạo khiến ông giáo bở ngỡ. Thấy vẻ lúng túng của ông, họ càng thú vị, ồn ào chất vấn, đùa cợt với tuổi tác và tư cách nhà nho của ông. Thật khó xử cho ông giáo, vì những kẻ bị châm biếm trong các chuyện tục tĩu ấy, hoặc là nhà sư, hoặc là thầy đồ vờ vĩnh làm mặt đạo đức.

Ông giáo khó chịu vì cảm thấy bị lôi vào một trò trêu chọc quái ác bất ngờ, nhưng ông không giận họ vì hiểu đời sống dồn nén sinh dục bất thường của họ ở góc núi này.

Chương 10

Từ hôm lên Tây Sơn Thượng, ông giáo có thói quen dậy sớm hơn mọi người. Ở miền xuôi, ông quen thức dậy lúc mặt trời vừa mọc. Ở đây mặt trời mỗi sáng phải khó nhọc lắm mới vượt qua được Hòn Lớn, nên sau khoảnh khắc tinh sương ngán ngủ, khí hậu bỗng chốc trở nên oi ả. Đêm mù sương và khí núi tan nhanh dưới ánh mặt trời, đến nỗi cây cối, chim chóc, côn trùng không có thì giờ ngái ngủ. Trong khoảng thời gian nằm một mình mỗi sáng đó, ông cứ loay hoay với cảm giác

lạc lõng, lạ lẫm nó vương víu tâm hồn ông bao lâu nay.

Xa đồng bằng, cách biệt với đồng sách vở vốn là chỗ dựa của đời ông từ trước đến giờ, ông cảm thấy trống trải, không còn biết làm gì, nghĩ gì. Ông hụt hẫng như bị rơi vào một khoảng sâu, hay chờm ngợp vì không quen với những đỉnh chon von cô độc. Những cuộc rượu ồn ào, những đêm nghe chuyện tiếu lâm, sự biểu lộ tình cảm mạnh bạo và sỗ sàng của nhiều người trong trại, đặc biệt là sự thờ ơ gần như khinh thị của họ đối với chữ nghĩa, đã khiến ông giáo ngổ ngàng. Ông bắt đầu nhận thấy có nhiều vấn đề để ông quan tâm thực ra chỉ là những điều không có thực.

Cái thực sự cần thiết cho nhiều người quanh ông, trước hết là sống. Phải sống trước đã, và muốn giữ cho được cái

quyền sơ đẳng tất yếu đó, quyền được hai bữa ăn no mỗi ngày, uống nước lúc khát, quyền được che thân thể cho khỏi chết cóng, quyền được thở, những con người ông đang sống chung ở nơi xó rừng này bắt buộc phải dấn lên trên một số khôn mầu mà lâu nay ông đã buộc đám học trò ngoan ngoãn của ông học thuộc lòng.

Họ dấn lên mớ khuôn mầu ấy với lòng thanh thản, như dấn lên một đám cỏ dại để tiến đến một dòng suối uống được. Họ không chọn đất trước khi bước, sửa mũ áo ngay ngắn trước khi ra đường, lựa lời trước khi nói. Lựa chọn cái này, tránh xa cái nọ, lấy gì làm chuẩn cho các quyết định quan trọng như vậy?

Không có gì hết ngoài sự sống.

Đốt nhà một tên điền chủ ích kỷ, bỏ làng trốn lên núi sâu làm dân phiêu bạt

vì không còn lấy một đồng tiền kẽm nộp thuế, chém ngã một tên xã trưởng cướp đất bằng luật lệ triều đình; bấy nhiêu trường hợp ông giáo nghe kể đều đẩy ông giáo vào ngõ cụt.

Nếu ở vào hoàn cảnh của họ, ông sẽ làm gì với một lý thuyết trung quân của ông? Ông có dám làm những điều họ đã làm không, và nếu không làm như họ, ông có tìm được giải pháp nào khác vừa bảo toàn được sống, vừa không động chạm mảy may đến những nguyên tắc đức lý học thuộc từ buổi khai tâm? Có lúc ông đã nghĩ, ôi dào, chỉ vì họ ít học nên sống đơn giản, chỉ lo sống chứ không đủ sức suy xét, chiêm nghiệm. Ông không giữ được cái lý luận hàm hồ ấy lâu! Vì quả thực ông giáo thấy rõ những người ở trường trầu Tây Sơn Thượng không đơn giản. Niềm vui, nỗi buồn, sự

cô độc, mơ ước, nhớ nhung của họ chỉ lặng lẽ hơn một chút, biểu lộ ít ỏi hơn một chút, hoặc lúc tụ họp bên ánh đuốc, quanh vò rượu, thì thường ồn ào táo bạo quá mức thường, nhưng dù ở hoàn cảnh nào, phần đời sống tâm linh chìm lắng bên trong luôn luôn phức tạp và sôi động.

Chính ông mới là người đơn giản, thu mình trong khuôn khổ của đức lý, lúc nào cũng nem nép sợ hãi, rón rén đi quanh trong vòng phần vô hình của đạo nho và vương quyền. Hoặc chỉ vì ông chưa bao giờ chết khát trên đường dẫn đến dòng suối, ông dò xét từng mô đất, tránh né từng ngọn cỏ. Ông chưa đích thực giáp mặt với đời sống nghiệt ngã, nên quanh quẩn với những khuôn mẫu dung thường!

Cho nên cái gì xảy ra ở đây đều thành chuyện lạ đối với ông.

*

Khác với lệ thường, một sáng, ông thức dậy trễ. Đêm trước Kiên kêu nhức đầu, về khuya nổi cơn mê sáng, ông giáo lo âu không ngủ được, chong đèn canh giấc cho con đến quá nửa đêm. Tiếng cãi vã ồn ào đã đánh thức ông dậy. Kiên đã dậy trước ông, và khi thấy cha định xuống sân trước xem chuyện gì đã xảy ra, anh cản ông giáo lại:

– Cha đừng xuống đó. Để xem họ xử trí thế nào?

Ông giáo hỏi con:

– Chuyện gì ồn ào vậy?

Kiên nghiêng người nhìn xuống sân một lần nữa, mới quay lại trả lời:

– Bây giờ họ mới vỡ lẽ ra. Thử xem còn oán con eo hẹp nữa thôi!

Ông giáo gắt:

– Nhưng chuyện gì vậy?

Kiên thấy cha giận, vội ngồi ngay ngắn trở lại, kể chậm rãi và rành rẽ hơn:

– Từ ngày con lên trông coi cái trại này, giờ giấc có dễ dãi hơn trước. Thấy bắp khô năm nào cũng thừa thãi, con cho họ ăn lót lòng bằng bắp hầm trước khi ra rẫy hoặc lên buôn. Cậu Lũ lên đây, cần nhằn bảo phí của, phí thì giờ. Sáng nay cậu ta bắt bỏ lệ ăn sáng, nên họ làm ồn ào lên!

Ông giáo đến bên cửa sổ nhà sàn

nhìn xuống. Đám đông còn tụ họp dưới sân, dụng cụ làm rầy lằn quang gánh còn vất bừa bãi khắp đây đó. Ba người trẻ tuổi đang đứng gần Lữ. Cậu thanh niên có khuôn mặt xương hòm đầu hướng dẫn ông giáo đến chỗ Kiên, đang huơ tay tranh luận với Lữ. Khoảng cách từ chỗ hai cha con ông giáo đến chỗ đám đông tụ họp khá xa, nên cả ông giáo lẫn Kiên không nghe rõ họ nói những gì. Ông giáo xem cử chỉ người thanh niên biết anh ta đang giận dữ, quyết không chịu nhường cho cậu em ông biện lấy một tấc đất. Ông lại quan sát Lữ, không nhận ra cậu học trò thụ động, kín đáo và hơi nhút nhát của mình. Ngược lại, Lữ có vẻ tự tin, bình tĩnh, linh hoạt hẳn lên. Một tay Lữ giắt vào cái thắt lưng vải xanh, một tay chống nạnh. Khuôn mặt anh hơi ngược lên phía cao, đón nghe một cách khinh thị những lời của cậu thanh niên.

Cậu thanh niên hung hăng một lúc, rồi đến phiên Lũ nói. Đám đông tụ lại quanh Lũ. Hình như anh ta nói khéo, nên cả những người bất mãn cố ý đứng xa chỗ Lũ đứng, dần dần cũng đến bao quanh Lũ để nghe chuyện.

Một lúc sau, có tiếng cười ồn ào, tiếng nói chuyện lao xao. Khoảng bảy, tám người đến nhặt rựa, cuốc vác lên vai, đi về phía cổng. Kiên ngạc nhiên nói:

– Không hiểu anh ta nói thế nào mà họ chịu nghe.

Ông giáo hỏi con:

– Họ đi đâu đấy? Sao còn một nhóm chưa đi?

Kiên đáp:

– Số vác rựa, cuốc đi lên rẫy. Số còn

lại sẽ đem muối lên các buôn đổi măng và trâu đem về.

– Họ chịu đi làm với cái bụng đói à?

– Con cũng không hiểu, chắc anh ta có hứa hẹn điều gì đó.

Hai cha con xuống thang, thấy Chinh đã nhập vào đám trai tráng sắp về các buôn đổi hàng, cùng tranh luận sôi nổi với họ như một người trong bọn. Lữ đang vỗ vai một người mặc áo chàm vá ở vai trái, đầu quấn cái khăn vải đen hai dải rút rũ xuống trán, điệu bộ như đang cố phân trần, dỗ dành. Thấy ông giáo đến, Lữ vội cầu cứu thầy:

– Đây, có thầy tôi đây, chú hỏi xem tôi giải quyết như vậy có thiệt cho anh em không. Anh tôi đã nói với chú là không ai tự dưng lên đây làm gì. Cái thế nó

buộc thì phải chịu. Có khổ mới thương nhau. Làm rầy được gì, anh em chia nhau mà sống, có ít chia ít, có nhiều chia nhiều. Không lo để dành lỡ mất mùa, lấy gì mà sống cho đến ngày về xuôi tìm lại vợ con.

Người mặc áo chàm nói:

– Đã biết vậy nhưng còn chuyện...

Ông không tìm được gì để nói thêm. Có ông giáo, ông ta đâm ngại, không nói tiếp. Lũ tự thấy phải giải thích cho ông giáo hiểu rõ chuyện:

– Thưa thầy, công chuyện sáng nay có chút trở ngại, do hiểu lầm thôi. Bây giờ đã thông rồi. Con thấy cái lệ ăn lót lòng làm trễ nải công chuyện, hôm nào cũng tối mịt các đoàn mới về tới trại, nguy hiểm lắm. Thà làm sớm cho xong đi, để còn về sớm.

– Thế bây giờ anh định thế nào?

– Con định hể mặt trời lên là bắt đầu công việc. Toán ở nhà chia nhau luân phiên lo cơm nước đem ra rẫy khỏi phải đi về vất vả. Toán lên buôn thì dỡ cơm theo. Ai yếu sức hay lên cơn sốt rét thì ở nhà lo chuyện bếp. Bây giờ chỉ còn lại chuyện nạnh nhau, không ai chịu đi các buôn xa cả. Chú Bốn đây bảo bọn trẻ trâu lười cứ đẩy cho chú phần nặng, chú không phải thân trâu mà chịu thiệt mãi.

Chú Bốn được dịp phân trần:

– Một hai lần còn được. Tôi quen đường rừng, có tuổi nên các ông ké họ nể. Nhưng bọn nó khỏe mạnh lại lười.

Lũ cắt lời chú Bốn:

– Thôi được, chú cứ yên tâm. Tôi sẽ có cách giải quyết. chú nói với anh em cứ

ngủ ngơi thoải mái đi. Khi nào nhà bếp lo xong phần cơm dõ, sẽ có một hồi mõ. Nhắc anh em đừng đi xa nhé!

Người mặc áo choàng tạm thỏa mãn, đi về phía hai dãy lán. Ông giáo hỏi Kiên:

– Trước đây có tình trạng so bì như thế này không?

Kiên đáp:

– Con khổ sở vì chuyện này còn hơn chuyện sổ sách nữa. Đáng lý ra bọn trẻ phải gánh vác việc nặng, việc đi xa.

Ông giáo hỏi Lữ:

– Bây giờ anh định phân công thế nào?

Lữ mỉm cười không đáp ngay. Anh quay hỏi Kiên:

– Mấy lâu nay anh phân việc thế nào?

– Tôi chia luân phiên, nhưng những kẻ trây lười luôn tìm ra cớ để lánh nặng. Cuối cùng những kẻ thiệt thà luôn luôn chịu thua lỗ, như chú Bốn vừa rồi. Để rồi anh xem, chốc nữa có hồi mõ, họ sẽ cãi ầm lên về chuyện đi xa đi gần.

Lữ bí mật nói:

– Tôi đã có cách. Họ không phân bì với nhau được nữa.

Thấy thầy có ý định hỏi, Lữ đáp trước:

– Con chờ nhà bếp chuẩn bị cơm dĩa xong xuôi, sẽ cho đánh mõ báo. Ai tới chậm phải đi các buôn xa. Thưa thầy, bọn trẻ thường ham chơi, được một lúc rảnh là chạy ra suối. Các bác, các chú có tuổi thì chỉ thích ngồi gần bếp lửa hút

thuốc, nhổ râu. Tất nhiên phần nặng phải về bọn trẻ, phần nhẹ phần gần về những người có tuổi.

Ông giáo nhìn Lữ, không còn dám tin ở khả năng xét đoán tính tình đám học trò nhỏ của mình. Ông bắt đầu thấy ảnh hưởng quan trọng của khung cảnh sống đối với hành vi thái độ của con người.

✱

Chinh không còn tâm trí đâu nghe lời cha dặn nữa. Nghe các bạn dọa cái nạn vắt, anh tìm dây buộc chặt hai ống quần và ống tay áo. Chinh còn tình nguyện gánh phần nặng nhọc nhất đi đến chỗ xa nhất. Cách chuẩn bị kỹ lưỡng và sự hăng hái lộ liễu thiếu suy nghĩ đó

không có ở phong thái của những “tay nghề”. Chinh không giống ai, và dễ hiểu là anh trở thành cái đích chiêm biếm của cả trại. Một người đùa:

– Phải cột thật chặt cái cổ lại. Không vắt nó vào.

Một người khác nhắc:

– Chịu khó nhé! Đi qua làng Plây-đê-chơ-găng, thế nào các cô gái Ba Na cũng đua nhau vây bắt chú em về làm chồng đấy. Chú em tranh mất chỗ thằng Bảy Mắm là cái chắc.

Có nhiều tiếng cười thích thú. Một người khác thêm:

– Thằng Bảy chịu thua chú em đây là phải. Chú em mạnh khỏe, vạm vỡ. Thằng Bảy độ rày xanh mét. Ủa nó đâu rồi?

Đám người đi buôn, đến lúc ấy mới chú ý sự vắng mặt của Mắm. Họ đảo dác nhìn quanh, hỏi nhau, không trả lời cho nhau được rồi quay qua quay lại tìm Mắm. Chú Bốn nói:

– Nó vừa mới đứng đây mà. Nó đến trễ, đáng lý phải qua bên kia núi Kan Krúi.

Một thanh niên nước da đen, có cái sẹo dài nửa gang tay bên má trái gọi lớn:

– Mắm ơi! Bớ Mắm.

Có tiếng ai kêu “ơi” phía sau dãy lán tranh. Thanh niên vừa nói gọi:

– Nó đây rồi. Mắm nó đi đâu thế? Toán nào chưa đủ người?

Chú Bốn nhìn quanh một lượt đáp:

– Đủ cả rồi. Tất cả mười bảy người.

Ừa vậy thằng Mắm thuộc toán nào?

– Toán đi Kan Krúi chứ toán nào nữa?

– Toán hai đầu, đã đủ người chưa? Đây rồi. Họ đủ năm người rồi mà.

Một người nói:

– Có gì đâu. Hôm nay có chú em đây nên dư ra một người.

Vừa lúc đó, Mắm đi từ phía sau lán tiến về phía sân. Ông giáo mới biết chàng thanh niên có khuôn mặt xương xương vừa tranh luận sôi nổi với Lữ lúc sáng là Mắm. Có điều lạ là lúc Mắm đi qua trước mặt ông giáo, ông thấy khuôn mặt anh có vẻ thất sắc, cử chỉ, cách bước thiếu hẳn sự cương quyết, dứt khoát. Chú Bốn hỏi:

– Đi đâu từ nãy đến giờ? Chú ở toán

nào đây?

Mầm mím môi lại, giọng hơi vỡ:

– Đáng lẽ cháu theo toán hai.
Nhưng...

– Nhưng sao?

– Rủi quá cháu lại lên cơn.

Người có cái sẹo nơi má buột miệng
nói:

– May quá chứ rủi ro gì! Lên cơn
đúng lúc nhỉ!

Một vài tiếng cười ngẩn phụ họa, sau
đó là giây phút im lặng nặng nề. Nhìn
qua sắc mặt và dáng điệu mệt nọc uể oải
của Mầm, càng ngày mọi người càng thấy
sự nghi ngờ trong câu nói buột miệng ấy
quá độc ác và hẹp hòi. Mầm giận quá,
giọng nói đánh lại:

– Anh nghi tôi giả bộ lên cơn sốt rét à?

Thấy câu chuyện gây gổ trở nên trầm trọng, chú Bốn giảng hòa:

– Thôi nó nói giỡn, để tâm làm gì, Bậy! Có đau thì ở nhà. Vả lại không có mày cũng đã đủ người rồi. Khi nào hết cơn lại đi.

Tuy vậy, sự xúc phạm không dễ gì tan ngay sau khi các toán đã gánh muối tủa lên các nguồn trâu quanh trại. Mắm khổ sở ngồi rũ giữa sân nắng, hai tay ôm lấy đầu. Ông giáo càng có thiện cảm với Mắm thêm lên, đến gần đặt tay lên vai, lay Mắm dậy. Thân Mắm nóng quá. Ông giáo nói:

– Bị bệnh ngã nước mà phơi nắng thế này không tốt đâu. Nên vào tìm chăn

hay chiếu đắp kín lại cho ra mồ hôi. Có bị đẳng miệng không?

Mắm tỏ vẻ cảm động, gắng đứng dậy, môi vẫn mím để cố giấu hai hàm răng run lập cập. Anh nói:

– Thấy đừng lo. Cháu bị lên cơn bất thường như thế này đã lâu. Chùng một chốc là dứt. Ai không hiểu tưởng cháu giả bộ lánh việc nặng.

– Anh lên đây lâu chưa?

– Thấy hỏi gì ạ?

– Anh lên đây bao lâu rồi?

Mắm đưa tay áo lên gạt mồ hôi trên trán, rồi dùng hai bàn tay ụp vài lần lên hai vành tai đỏ, nói chừa thẹn:

– Xin lỗi thầy, mỗi lần lên cơn là bị ù tai. Cháu mới lên đây chưa đầy nửa năm.

– Nghe giọng anh, tôi đoán chắc không phải người Tuy Viễn.

– Dạ, cháu người huyện Hoài Nhơn
ạ.

– Anh đứng xịch vào trong này, không lại nằng. Hoài Nhơn? Hèn gì giọng nói cứng hơn. Bị tội gì mà lặn lội lên tận đây thế?

Mắm không trả lời ngay, nhìn ông giáo một lúc rồi cúi xuống ngẫm nghĩ. Ông giáo kiên nhẫn chờ. Mắm ngược lên, chân phải di di trên một hòn sỏi:

– Cháu nói thế này chắc thầy không tin được. Ở trại đa số đều vì hoàn cảnh bắt buộc mới lên trốn trên này, nhờ ông biện che chở. Cháu thì khác. Cháu tự ý tìm lên đây, vì nghe người ta đồn đãi nhiều về ông biện.

Ông giáo tò mò hỏi:

– Anh nghe người ta đồn thế nào?

Mắm dè dặt không đáp ngay, chân lại di di trên hòn sỏi. Một lúc lâu, Mắm hỏi:

– Thấy quen ông biện lâu chưa?

– Khá lâu rồi. Tôi về quê vợ ở An Thái từ năm Dậu. Năm Tuất thì quen ông biện. Nghe tôi có làm thầy đồ, ông ấy nhờ tôi dạy cho hai cậu Lũ và Huệ. Mà tất cả những điều đó, chắc anh đã nghe Kiên nó kể rồi chứ gì?

– Dạ, cháu với anh Kiên quý nhau lắm, nên tuy chưa gặp thầy, cháu đã quý thầy. Thế nào rồi lúc đất nước bình yên, cháu cũng đến xin thầy dạy dỗ thêm.

Ông giáo ngạc nhiên hỏi:

– Lúc đất nước bình yên? Thế bây giờ là lúc loạn sao?

Mầm chậm rãi đáp:

– Không biết cháu nhìn có rõ không, nhưng đi đâu cháu cũng thấy cảnh đói khát, cảnh bất công. Gia đình cháu toàn anh em trai lực lưỡng, lo làm ăn lương thiện, không có thì giờ nghĩ đến cái gì khác hơn miếng cơm, manh áo. Thế mà... anh em cháu có được yên đâu. Bao nhiêu là sưu thuế đổ lên đầu, nào tiền sai dư, nào gạo Tết, nào tiền cơm mới, nào sưu dịch. Các anh cháu thì cắn răng chịu đựng tất. Riêng cháu, có lẽ vì tính rắn mắt, cháu nghĩ: chẳng lẽ sinh ra ở đời rồi từ bé đến chết không được ngừng đầu lên, không được cười hay sao? Sống kiếp như thế thì sống làm gì? Cháu nghe ông biện giao du rộng, không câu nệ trong cách đãi người, nên tìm lên đây.

Ông giáo nghe Mắm nói một thôi dài, và bất ngờ vì không chuẩn bị trước để đón một lối nhìn, lối nghĩ khác thường như vậy, ông gật gù trầm tư một lúc, rồi hỏi:

– Anh đã tìm thấy gì chưa?

– Có cái cháu tìm chưa được. Có cái cháu chưa hiểu, bây giờ mới hiểu.

Ông giáo biết Mắm chưa muốn nói thật những suy nghĩ của mình. Ông không muốn đi xa hơn, nên không hỏi tiếp. Thấy ông giáo im lặng, Mắm tự nhận thấy phải nói thêm điều gì trước khi vào nằm trong lán. Mắm nói:

– Như số anh em nhỏ tuổi và các chú ở trại này. Mới đầu cháu sợ, thấy họ dữ dằn quá. Nhưng càng ở lâu, cháu càng thấy họ hơn hẳn những người “mặt

trắng” cháu gắp dưới xuôi. Họ phá rừng làm rẫy, mà nhiều lúc không nổi động đến một bụi cây dại đang trở hoa, chịu khó lấy đá ghép lại thành một cái bồn bảo vệ cái gốc. Thật giống với cái tính yêu hoa của ông anh thứ ba của cháu. Mẹ cháu bảo anh cháu: Mày như thế về sau chỉ chết đói thôi con ạ. Cầm sao nổi cái cuốc cái cày. Hay lại phải ra chợ hát rong mà làm thằng ăn mày! Anh cháu không đi ăn xin như mẹ cháu đoán, nhưng quả thật không theo nổi nghề nông. Anh cháu bỏ nhà đi hát rong. Thầy đứng xích vào trong không lại nắng. Cháu à? Không sao. Cháu thấy ấm hơn trước. Sắp qua khỏi cơn rồi! Để cháu vào bếp phụ người ta sửa soạn bữa ăn trưa cho toán làm rẫy.

✱

Buổi xế hôm đó, toán làm rẫy ăn cơm xong vừa vác rựa, cuốc đi làm việc trở lại, thì có một toán buôn nguồn trở về. Điều bất thường, vì không có một toán nào, dù là đến buôn thượng gần nhất, có thể về trại trước lúc chạng vạng tối. Lữ đoán họ không vượt qua suối được, vì cái nạn nước dâng bất ngờ thường gặp ở vùng này. Vả lại, từ xa, Lữ đã nhận ra được cái dáng đi chậm rãi, trầm trọng của những người gánh muối. Nếu đổi được trâu hoặc mặng le, quang gánh nhẹ hơn, dáng đi cách bước tất phải khác.

Toán buôn nguồn vào cổng. Lữ tò mò chăm chú nhìn những điểm khác thường đến gần: người gánh muối nhận thêm phần của bạn nên cái đòn tre oằn cong xuống. Hai người còn lại dùng khúc cây rừng khá dài khiêng một cái bao nhỏ và nhẹ, Lữ đoán họ gặp may vớ được

một món thịt rừng, và quen thói sống ngang tàng bất chấp mọi sự, họ không tiếp tục đi nữa, quay về trại đánh chén. Toán buôn nguồn vào sân. Lữ kinh ngạc khi thấy cả ba người đều dùng khăn đội đầu bịt miệng và mũi lại. Gió đưa vào nhà ngang một mùi thối và tanh nồng. Lữ hiểu ngay trong cái bao lát hai người trai tráng vừa khom lưng sẽ sàng hạ đòn khiêng xuống đặt nhẹ giữa sân nắng, có một thứ gì đã thối rữa. Mùi thối càng lúc càng đậm. Lữ cảm thấy lợm, muốn nôn mửa. Sự tò mò dần được cảm giác khó chịu đó lại. Lữ chạy vội ra sân. Cũng lúc đó, Mắm, hai người nấu bếp và ông giáo cũng đến. Không chờ hỏi, người gánh muối nói trước:

– Tìm thấy ở bên kia suối Cái, gần chỗ có cây cây lớn.

Anh ta quên chưa tháo cái khăn ra khỏi miệng nên tiếng nói bị biến dạng, nghe tiếng được tiếng mất. Hai người kia bình tĩnh tháo cái khăn ra, kéo Lữ tránh xa cái bao lát rồi giải thích:

– Không có thằng nhỏ người Ba Na thì không ai biết đâu! Thường thường tại tôi lợi qua suối ở quãng trên, chỗ có khúc quanh nước cạn.

Mắm nóng ruột hỏi:

– Thứ gì trong đó vậy?

Người gánh muối đáp cộc lốc:

– Ông Năm Ngãng!

Người nghe sững sờ, nửa tin nửa nghi. Sự im lặng hãi hùng đè nặng lên đỉnh đầu mọi người, đến nỗi không ai còn nghe thấy tiếng gió vi vút trên ngọn

cây, tiếng mái tranh rừng mình từng cơn. Bảy người bao quanh lấy cái bao cát, đứng sững như những hình nộm đuổi chim trên rẫy. Sau một hồi do dự, Mẫn tiến tới một bước, rồi dừng lại không dám làm theo ý định. Một trong hai người buôn nguồn vừa khiêng cái bao lát về, có lẽ đã dạn tay, tiến tới, cúi xuống mở một dây mây cột nơi cổ bao.

Tự nhiên mọi người lùi lại một bước. Vòng người mở rộng theo sức tỏa của hơi thổi. Trước những đôi mắt thao láo của mọi người, trên tấm bao lát hoen ố vàng xỉn, có một đống màu đen không hình thù. Hiểu được thắc mắc của đám đông, người vừa mở nuột bao dùng một đầu đòn khiêng nhè nhẹ, cẩn thận lật đống màu đen lại. Lúc đó, người ta mới nhận ra được một mảnh thân thể con người gồm một cái đầu và một nửa vai. Tóc ông

Năm Ngãng dính lại thành từng mảng ép sát vào da đầu. Da mặt bầm tím, đôi mắt đã bị dồi bọt đục khoét trống rỗng. Miệng hở rộng, để lộ hàm răng vàng bản. Cổ bị cào cấu thành những vết thương tím đen. Ngoài một bên vai còn nguyên vẹn, phần ngực còn lại chỉ là một đồng bầy nhầy. Một người nhắc:

– Còn cái chân đầu rồi?

Người cầm đèn khiêng lại khơi đồng bầy nhầy hôi hám để tìm. Dưới một lớp vải đen phần còn lại của vạt áo ông Năm Ngãng, hiện ra một bàn chân tái xanh. Ông giảo trôn người nhìn chăm chăm vào cái chân còn lại đó, và dọc xương sống, gai ốc nổi lên khắp thân ông. Hai thái dương ông lạnh, gấn như tê dại. Ông lấy làm lạ cho mình, chưa hiểu vì sao hình ảnh cái bàn chân khẳng khiu, xanh xao nằm trên đồng bầy nhầy thối

rửa đó còn làm cho ông kinh khiếp hơn cả cái đầu lâu mù lò, thâm tím.

Mầm lên tiếng hỏi:

– Người Thượng họ tìm thấy xác bác Năm hồi nào?

Người gánh muối đáp:

– Không biết. Thằng bé thấy chúng tôi sắp lội qua suối, hú gọi chúng tôi lại. Tưởng nó lại chơi trò ranh, chúng tôi bỏ đi. Nó chạy theo bảo đằng chỗ cày cấy có người chết.

Người cầm cái đòn khiêng nói thêm:

– Xem xác thì đoán được là bị cạp vồ. Trên cổ còn có dấu vuốt cạp cào sâu. Có lẽ bác Năm chết vì cái vết thương này. Hay là chết vì chỗ khác cũng chưa biết chừng. Chỉ còn có từng này, khó đoán lắm. Nhưng bị cạp ăn là điều chắc!

Người nấu bếp thở dài, rồi nói:

– Tội nghiệp. Thôi, vậy cho nó xong đi!

Toán làm rầy đã lục tục trở về, Ở ngoài xa họ còn cười nói nhưng khi nhập vào vòng người vây quanh xác chết, không ai dám hô lên một tiếng lớn. Cái chết thoi miên đám người sông, khiến cho họ ngây dại, lơ lửng, nôn nao như đang bị cuốn vào một cơn lốc xoáy. Càng về chiều, vòng vây càng dày, cơn ngây càng đậm. Gió tự nhiên dừng hẳn, không khí oi ả khác thường. Mặt trời sắp lặn chiếu hắt một màu đỏ bầm lên cảnh trại tang tóc. Người mới về rì rầm hỏi chuyện người về trước, gây thành một tiếng lao xao đều đều như tiếng đọc kệ. Rồi bỗng nhiên, có người nào đó lớn tiếng bảo:

– Chỉ tại “cái thằng ngậm tăm” keo kiệt mà ra cả! Nó trốn đâu rồi?

Câu nói đột ngột có sức thức tỉnh đám người đang ở trong trạng thái mông muội. Nhiều người cùng hỏi to:

– Ủ, nó trốn đâu rồi? Mọi sự chỉ tại nó.

– Thằng ngậm tăm đâu? Nó chạy đàng nào?

– Không có nó thì đâu đã ra nông nổi!

Ông giáo còn đang ngơ ngẩn, chưa hiểu vì sao đám đông quanh ông đột nhiên la ó, phần nộ thì có ai huých nhẹ vào hông bên phải ông. Mắm đã chen đến cạnh ông từ lúc nào! Ông nghe Mắm nói nhỏ:

– Thầy ra ngoài này với cháu. Có việc gấp lắm.

Đám đông vẫn tiếp tục la ó, kẻ hỏi người đáp. Hai người lánh ra khỏi hỗn loạn mà không bị ai chú ý. Ông giáo bị Mắm lôi kéo, phải chạy theo anh ta ra phía sau nhà ngang. Vừa chạy Mắm vừa nói với ông:

– Họ điên cả rồi. Họ giết anh Kiên mất!

Ông giáo kinh ngạc đứng dừng lại, trở mắt nhìn Mắm. Anh ta xô ông giáo vào cửa sau, tiến về chỗ Kiên nằm. Mắm vừa thở vừa giải thích:

– Thầy không nghe họ nói gì à? “Thằng ngậm tăm”, chính là anh Kiên đó. Phải tìm cách gài then cửa lại. Không cho họ vào phòng anh Kiên. Họ nổi điên rồi!

Ông giáo hiểu hết mọi sự. Ông sợ hãi đến lịm người, bước chân bủn rủn. May là cả hai người đã đến chỗ Kiên nằm. Mắm giục ông đóng cửa sổ xuống, dặn khi anh ra ngoài thì bên trong, ông nhớ lấy thanh gỗ xỏ vào hai vòng dây mây gài chặt cửa lớn. Tay ông giáo lấy bấy, ông quờ quạng mãi mới đẩy cánh cửa gỗ khép ăn vào khuôn. Kiên choàng thức dậy chưa hiểu gì, đến giúp cha cài then. Bên ngoài, bắt đầu có tiếng chân chạy rầm rập, tiếng la hét, tiếng đá va vào mặt gỗ. Đám đông đã thực sự nổi cơn cuồng sát như Mắm đoán trước.

✱

Hai cha con ông giáo ôm nhau đứng dựa vào cửa lớn, chia sẻ trong tâm tối sự hãi hùng trước cơn thịnh nộ. Họ nghe

tiếng la ó ngay bên kia cánh cửa. Chân nhà sàn bị lung lay. Đá ném vào vách phòng làm bằng liếp nửa nghe rào rào. Ánh đuốc lập lòe ma quái bên dưới nhà sàn. Người ta la to:

– Phải tóm lấy. Bắt nó đến mạng.

Không cần ông giáo giải thích, Kiên mau chóng hiểu rõ nỗi hiểm nguy đang vây quanh hai cha con. Có một điều ông giáo bất ngờ, là khi đã hiểu, Kiên trở nên bình tĩnh khác thường. Đã có lúc cả nhà sàn lay động đến nghiêng ngả, đồ đạc trong phòng rơi xuống sàn chỏng chơ, kêu loảng xoảng. Có nhiều tiếng la hét, tiếng đập cửa gấp gáp, tiếng thở dốc, vấp ngã, xô đẩy nhau bên ngoài cửa chính. Then cửa gần muốn bật tung, Kiên vẫn thản nhiên, ngồi nhìn, nghe mọi sự diễn ra như một khán giả an toàn. Mãi đến lúc bên ngoài không còn động tĩnh gì

nữa, ông giáo vui mừng chạy lại gần con, Kiên mới ôm lấy cha khóc mùi. Ông giáo cũng khóc vì vui mừng. Ông không để ý là chưa bao giờ Kiên xúc động đến cái độ buông thả xúc cảm, để cho nước mắt chảy ướt cả hai má, tiếng khóc trầm, tiếng uất nghẹn chen lẫn lời kể lể. Kiên gục đầu vào ngực cha hỏi:

– Tại sao vậy cha? Cha nói cho con biết đi! Tại sao mọi người thù ghét con? Cha có nhớ cái buổi sáng đầu tiên con xa nhà lên đây không? Cha dặn con phải thanh liêm, của phi nghĩa như giọt mưa rơi vào kẽ tay. Cha nhớ không? Con thuộc lòng lời cha dặn, bao lâu nay coi trường trâu không tham của ai lấy một đồng kẽm. Con không ăn cắp và cũng không muốn ai ăn cắp. Con không để ông biện khinh mình, xem thường gia đình mình. Giết con, đánh con con chịu

nhưng nghi ngờ con tham của người, làm ô danh cha, thà con chết đi còn hơn. Vậy mà mọi người ghét con. Vì sao vậy cha?

Ông giáo không trả lời được. Kiên bứt thảng thốt, có lẽ dần dần lấy lại dáng điệu chậm chạp, gương mặt buồn buồn và hơi lạnh lẽo thường ngày. Ông giáo chỉ đoán thế thôi, vì mãi tới khuya, lúc chắc chắn cơn cuồng bạo của đám đông đã hoàn toàn hạ xuống, Lữ và Chinh cầm đuốc đến gọi ông giáo mở cửa, căn phòng có ánh sáng trở lại, thì cả ba người thấy Kiên đã nằm ngủ, hay giả vờ ngủ, trên tấm nệm rơm cuối phòng. Trừ ông giáo, không ai biết được những lời thảng thốt hoài nghi Kiên đã thốt trong cơn hiểm nghèo.

✱

Sáng hôm sau, ông giáo nấn ná mãi trên phòng bệnh của Kiên không muốn xuống dãy lán chung của trại. Ông sợ không muốn gặp những người đã định vây giết cha con ông đêm qua. Ông đâu có biết rằng những người đó cũng e ngại gặp ông.

Khi cơn cuồng nộ của đám đông hạ xuống, trong trại, giữa đêm tối từng người nằm ôn lại những gì vừa xảy ra, và từng người lấy làm kinh ngạc về chính mình. Ta có còn là ta không? Ai nằm đây hoang mang và ai vừa cầm gậy gộc xông lên thang nhà sàn, say máu giết người?

May là cột nhà sàn vững. May là Mẫn và Chinh liêu thân đứng án ngữ nơi cửa lớn. Mẫn bị một viên đá vào mí mắt, máu chảy ròng ròng xuống má.

Nhưng anh vẫn nhất định lấy thân che cửa phòng Kiên. Chỉnh bị một gậy vào ống quyển ngã gập người xuống nhưng vẫn cắn răng chịu đau, lồng lên xô ngã một người cao lớn đang định phá cửa. Lũ đứng ngoài khan giọng kêu gọi mọi người bình tĩnh. Không ai nghe lời anh.

Cứu tinh của cả trại, yếu tố giúp mọi người tránh được một cuộc bạo sát, có lẽ là thời gian. Đến một lúc nào đó, từng người cảm thấy cử động của mình ngưng nghỉ, tiếng nói trở nên vu vơ. Sự suy nghĩ và hành động không còn là một. Có cái gì đã trật khớp. Và máu trên trán Mắm nhắc nhở họ thấy tất cả sự vô nghĩa của cơn cuồng nộ.

Trong khi ông giáo còn e ngại, nấn ná trong phòng Kiên, thì anh em trong trại đã lặng lẽ thu dọn các đồ vỡ của đêm qua, khâm liệm bác Năm Ngãng bằng

một chiếc chiếu dày và khiêng đi chôn tận chân núi. Nhà bếp nhờ Chinh mang lên cho Kiên một nồi cháo cá nấu hành.

Cả hai phía đều muốn quên những gì đã xảy ra, làm như mọi sự vẫn bình thường. Nhưng chính sự cố gắng làm quá mức bình thường, sự dè dặt lễ phép quá đáng, đã nhắc nhở cho mọi người thấy sự dĩ lỡ khó lòng hàn gắn được. Người sâu sắc cảm nhận điều đó hơn ai hết là Kiên. Anh biết sau cái đêm ấy, Tây Sơn thượng hết bao dung được anh và ngược lại, anh cũng không bao dung được Tây Sơn thượng. Không còn cách nào khác! Anh phải về xuôi.

Hai hôm sau, ông biện Kiên thành cùng một đoàn ngựa thô lên trại. Lữ thuật hết cho anh nghe mọi chuyện vừa xảy ra, cho nên khi ông giáo ngỏ ý xin đem Kiên về An Thái chữa bệnh, biện

Nhạc bằng lòng ngay. Ông biện nói với ông giáo:

– Trại thiếu cậu Kiên thật đáng tiếc, nhưng chuyện đã lỡ như vậy, thầy đem cậu ấy về chăm sóc tiếp là phải. Xin thầy cho phép em Lũ nó ở lại đây tạm coi sóc trại một thời gian. Tôi nói tạm, vì chưa biết phải bỏ trại lúc nào. Thầy tính, năm nay mất mùa, vật giá lên cao, chuyện buôn bán cũng bị ảnh hưởng. Mấy chuyến trâu vừa rồi phải vứt đi cả, đến úa vàng mà chờ không có người đến nhận. Quan trên thì... Nợ thì... Tôi nghĩ mãi chưa biết xoay xở làm sao đây!

Khoảng cuối tháng giêng, cha con ông giáo về xuôi. Ra khỏi cổng, quay nhìn lại số anh em từng sống với mình hơn một năm qua, nhìn ánh mắt pha lẫn quyến luyến và ái ngại của họ, Kiên không thể dần được xúc động, nước mắt rơm

rớm. Anh đưa ngay tay ra dấu từ biệt họ, rồi vỗ vai Chinh dặn:

– Em nhớ nhé, ở núi đừng có ý sức như ở đồng. Tối nào cũng phải đốt lửa un muối. Mặc áo cho ấm vào. Cần gì, nhờ Mắm nó giúp đỡ cho. À quên, anh nhắc cho em nhớ là đừng uống nước suối. Độc lắm...

Chinh đã bị những thung lũng xanh, những đỉnh núi ẩn tận mây cao, những bóng rừng mênh mông cuốn hút, quyến rũ. Anh xin cha ở lại Tây Sơn thượng!

Chương 11

Mùa xuân năm ấy, mãi đến cuối tháng giêng trời vẫn còn rét dữ. Mưa phùn dạo tết còn lất phất, nhưng khác hẳn mọi năm, sương mù bao phủ khắp An Thái che lấp ánh mặt trời, cái rét nhớp nháp nặng trĩu làm cho cơn suyễn của thằng Út vật vã thặng bé đến khốn khổ. Nhà không có người lớn, có lúc An phát khóc, không biết làm gì trước nỗi đau đớn của em, chỉ biết ôm lấy nó, khóc bù lu bù loa và van vái mẹ. Được cưng chiều quá mức bình thường, Út lấy làm thú vị, và theo thứ lý luận đơn giản

của trẻ thơ, nó nghĩ hể cơn suyễn càng nặng bao nhiêu thì chị An sẽ dịu dàng, chịu đựng nó bấy nhiêu. Cho nên Út giả vờ khó thở, mệt nhọc thêm lên, để thưởng thức sự cuống quýt lo âu của chị. An mong cha về từng giờ, từng khắc.

Ông giáo đi vắng một tuần rồi hai tuần. Mong mỗi khiến An cảm thấy cô độc, chơi với. Cũng may lâu ngày Út chán với cái trò đóng kịch bệnh hoạn, xốc áo chạy đi chơi với lũ trẻ hàng xóm. Đến lúc ấy, ông giáo và Kiên mới về An Thái. An mừng quá, chạy ra ngõ đón cha, líu lười nói không nên lời.

Một lúc lâu An mới thấy anh Kiên đứng cách đó mấy bước, miệng mỉm cười, mắt trêu mến lặng lẽ nhìn mình. Kiên về bất ngờ sau một năm xa cách, và điều đầu tiên An ghi nhận trên gương mặt anh là vẻ tiêu tụy buồn hiu. Hơn thế

nữa, đôi môi mím cười gượng gạo, không giấu nổi sự chua chát, buông thả. An đau thắt ở đáy lòng, cầm tay Kiên đặc đặc, rồi nức lên khóc.

Ông giáo dẫn các con vào nhà, cố lấy giọng vui bảo An:

– Ô hay, có chuyện gì đâu mà sụt sùi vậy! Không chùi nước mắt đi, người ta cười cho! Ở nhà có gì lạ không?

An đưa ống tay áo chùi má, dậm dậm lên hai mắt, thút thít trả lời:

– Tụi con chờ cha hoài không thấy về. Ở nhà em Út nó bị suyễn, có lúc con tưởng...

An lại khóc không nói được. Ông giáo hỏi?

– Út đâu rồi? Nằm trong buồng à?

Kiên đem đồ đạc đặt gần cái cột chỗ có cánh cửa thông ra nhà bếp, nhìn quanh tìm đứa em út không thấy, quay lại nói:

– Nó không nằm trong buồng. Em đâu rồi An?

An lấy được trở lại giọng bình thường, trấn an cha và anh.

– Em nó đã khỏe. Mấy ngày nay chạy đi chơi chứ không còn nằm cả ngày như trước. Chắc nó vừa chạy đâu đó. Để con tìm gọi nó về. Út mà biết có anh Kiên về, phải biết! Anh Hai biết không, nó thích cái gùi của thằng bé con chú ba. Em dỗ nó, hứa khi nào anh Hai về, sẽ cho Út một cái gùi nhỏ xíu, đan thật đẹp. Mà lần này anh Hai về ở chơi lâu lâu nghe, đừng lên ngay như kỳ tết năm ngoái.

Ông giáo và Kiên nhìn nhau, bối rối không biết phải trả lời An thế nào cho ổn. Những gì hai cha con vừa trải qua và muốn quên đi, bị khơi dậy đột ngột, khiến lòng họ tràn ngập một nỗi ân hận vu vơ, mà chua chát thấm thía. An dợm chạy đi tìm em, nhưng đúng lúc đó, mới nhớ đến Chinh. An xấu hổ vì tình cảm lạt lẽo của mình đối với anh, cố ý lấy giọng hoảng hốt hỏi ông giáo:

– Ủa, anh Chinh của con đâu không về, thưa cha!

Ông giáo chậm rãi cân nhắc từng lời, đáp:

– Anh Hai không được khỏe mấy, nên theo cha về dưới này tĩnh dưỡng. Ông biện có nhờ Chinh ở lại trên đó giúp thu xếp công việc ít lâu. Hơn nữa, tính anh Ba con không ưa ru rú trong

nhà. Lên trên đó là không muốn về. Con chạy đi tìm Út về đây. Cha có mua cho nó một ít cốm.

Chẳng mấy chốc bên nhà Hai Nhiều cũng biết tin ông giáo dẫn Kiên về An Thái. Hai vợ chồng và Kiên cùng sang hỏi thăm sức khỏe Kiên. Họ hơi thất vọng khi thấy Kiên bình thường, không có chút dấu tích cái vết thương đâm máu từng là đề tài bàn tán, tranh luận, tưởng tượng thêm thắt bao lâu nay trong nhiều gia đình, vết thương hữu ích nhờ gây xao động, hào hứng cho cuộc sống đều đặn tẻ nhạt của một làng xóm xa khuất. Họ bị chứng hửng, tiến thì ngượng ngập mà lui thì bất tiện. Cho nên Hai Nhiều cứ lập đi lập lại mãi câu nói nửa vờ:

– Trời ơi, may thật là may. Thế mà cậu cứ tưởng... May phước lắm đa! Nếu không may thì...

Bà Hai Nhiều thích ứng mau hơn với hoàn cảnh bất ngờ, đến bên Kiên hỏi:

– Đâu, cháu bị ở đâu, ở đây hả? Vậy mà người ta đồn là cháu bị chém ngay cổ, vết chém sâu cả mấy phân, sợ không qua khỏi. Mà duyên do tại làm sao vậy cháu?

Kiên nhìn cha cầu viện, thấy ông giáo bận nói chuyện với cậu, đành phải trả lời qua loa:

– Chỉ là... chỉ là chuyện hiểu lầm thôi mợ!

Bà Hai Nhiều hăng hái nói:

– Hiểu lầm? Hiểu lầm mà đã dám hành hung con người ta hay sao? Chuyện gì cũng chờ người trên phân xử rồi ra sao hãy hay, chứ làm càn thế thì còn gì phép nước. Phải trị cho nó biết tay chứ! Rồi

sau vụ đó, thằng... thằng còn đồ nó trốn đi đâu, ông biện xử nó thế nào?

Kiên bối rối không biết có nên kể thật mọi sự hay không. Anh quay nhìn cha lần nữa. Lúc đó ông giáo đang nói với Hai Nhiều:

– ... còn hỏi như vậy thì lạ quá. Từ lúc mới về đây tôi đã cho họ biết rồi. Không tin hay sao còn đến hỏi anh!

Về mặt Hai Nhiều nghiêm trọng, bà Hai hiểu ngay là giữa hai người chủ gia đình đang có một câu chuyện gay go đáng lắng tai nghe hơn là những câu trả lời bất đắc dĩ của cháu. Hai Nhiều nói:

– Ấy, tôi đã bảo chú về đây vì nghề dạy học ngoài đó không nuôi nổi bao nhiêu miệng ăn. Lão ta lại hỏi làm sao tôi biết chú làm thầy đồ. Tôi không biết nói

thế nào cho phải, mới bảo... mới bảo...

Ông giáo nóng ruột hỏi dồn:

– Anh bảo thế nào?

Hai Nhiều dừng lại để tăng thêm sự nghiêm trọng, rồi tiếp:

– Tôi đáp bừa là trước khi đem vợ con về đây, cô chú có nhắn tin trước. Vả lại, khi vào đây chú cũng làm thầy đồ, rõ ràng chính ông ấy cũng gửi con tới học, cả huyện đều biết.

Hai Nhiều cười, tự tán thưởng sự lém lỉnh khôn ngoan của mình. Ông giáo chưa hết lo âu, hỏi dồn:

– Anh nói thế rồi họ còn cật vấn điều gì nữa thôi?

– Còn chứ. Lão ta hỏi chú quen với ông biện từ hồi nào, vì sao tự dưng ông

biện gửi hai cậu em xuống đây cho chú dạy chữ.

Bà Hai Nhiều lần lần hiểu mẩu chốt câu chuyện, lúc ấy mới chen vào cắt lời chồng:

– Tưởng ai hóa ra cái lão tri áp cha thằng Thìn. Bao nhiêu năm nay đi ra đi vô gặp mặt, vậy mà lão làm như người lạ, đến nhà hỏi đi hỏi lại cả buổi như là quan khảo án. Quí hóa gì cái chức xã trưởng mua bằng mấy chục quan tiền nát mà làm cao!

Hai Nhiều được vợ tiếp sức, trở nên sôi nổi hơn:

– Bởi vậy! Tôi ghét cái mặt làm phách, đốp chát lại liền. Tôi nói chú là thầy đồ giỏi hay dở chỉ có cha mẹ dám học trò theo học chú là biết rõ. Mà họ quen chú

lúc nào, do đâu mà quen, thì làm sao tôi biết được. Chắc chắn là ông biện Kiên Thành biết chú sau ông tri áp, vì ông tri áp ở đây, còn ông biện thì ở tận bên kia sông.

Bà Hai Nhiều cười ha hả khâm phục chồng, cố giấu một cách lơ lửng niềm hãnh diện, quay quanh phân bua với con, cháu:

– Tiếc quá lúc đó tôi phải đi chợ, nên không nghe gì được. Rồi sao nữa ông? Lão ta hỏi gì thêm không?

Hai Nhiều đáp:

– Lão bực tức lắm. quay sang hỏi chừng nào chú về. Tôi bảo lúc nào chú về, lão lại đây trực tiếp hỏi chú thì tiện hơn, đúng hơn.

Câu trả lời ấy tác động lão tri áp thế

nào, không ai biết được, vì sau đó Hai Nhiều mãi cười nói hả hê cùng với vợ con, lòng rộng rãi thoải mái vì được dịp trả thù kẻ đã chèn ép, lấn áp gia đình mình suốt bao nhiêu năm. Riêng ông giáo và các con thì gượng gạo chia vui cùng gia đình Hai Nhiều. Họ cảm thấy trước những đe dọa, khốn đốn sắp đến đối với cuộc sống vốn đã bấp bênh của họ, hoang mang không biết những ngày sắp tới mấy cha con sẽ còn phải đương đầu với các bất ngờ nào nữa.

★

Kiên trở lại căn nhà xưa sau thời gian dài, nhìn cái gì cũng ngỡ ngàng tự hỏi có phải đúng là cái bàn, cái ghế, chiếc chiếu, cái bát ta đã thấy hơn một năm trước đây không? Làm vui cho bữa cơm

đoàn tụ chỉ có An, ông giáo và Huệ. Ông giáo cảm động, thấy con gái hơn hờ như được mặc áo mới ra đường. Trên cái bàn gỗ tạp thường ngày, An bày biện chén bát có vẻ kiểu cách, công phu hơn. Các đĩa thức ăn xếp cân đối theo hình thập tự. Năm cái chén cơm úp lên năm cái đĩa con, đôi đũa gác song song bên phải cái chén úp.

Ông giáo nghĩ: nó lên mười sáu, bắt đầu có sự chín chắn táo tợn của một bà nội trợ. Ông cũng thấy Huệ đổi khác, nhưng chưa tìm ra đổi khác ở chỗ nào. Đôi mắt sáng? Nét mặt cương nghị có pha chút giấu cột mả mai ở cái nhìn? Cách nói chậm và rõ? Mảng tóc quăn phủ xuống một bên trán? Vẫn vậy! Hay ông tưởng tượng ra chẳng? Tưởng tượng... hình như lối kéo ghế ngồi vào bàn ăn, hơi cúi đầu lắng nghe lời thầy, cầm lấy cánh tay

Kiên hỏi chuyện trên trại, đôi mắt liếc Lãng mỉm cười khi được hỏi đến mấy cái lỗ mối đám ruộng miếu, Huệ có vẻ gần gũi, thân mật với gia đình ông hơn trước. Phải rồi! Thời gian ta đi vắng, Huệ nhờ An nấu cơm vì chỉ còn có một mình bên nhà học. Thảo nào cử chỉ Huệ không còn vẻ xa cách giữ gìn như trước. Nghĩ như vậy, ông giáo thấy mọi điều sáng tỏ. Khi Huệ hỏi Kiên tình hình trên Tây Sơn Thượng, ông giáo nói với học trò:

– Tôi già lẫn mất thôi. Từ chiều đến giờ vẫn chưa báo cho anh biết là anh Lữ đã ở lại Tây Sơn Thượng.

Huệ không tỏ dấu ngạc nhiên, chậm rãi đáp:

– Dạ, con đã đoán thế nào rồi anh Bảy cũng xin ở lại.

– Lữ bảo với anh thế à?

– Thừa không. Nhưng mỗi lần anh Cả ghé đây, anh thấp thỏm hỏi thăm chuyện trên trại từng li từng tí. Anh muốn có một chỗ riêng để tự mình trồng cái này, xây cái kia.

– Chỉ còn một mình anh học dưới này, thế nào rồi anh cũng chán. Trước sau lớp học cũng phải đóng thôi!

Mọi người trong bữa cơm đều im lặng, để cho cái buồn thấm chậm vào tận đáy lòng. Miếng cơm ông giáo đang nuốt thấy nhạt nhẽo hơn. Giọng Huệ buồn buồn:

– Con thì luôn luôn muốn được học hỏi thầy. Chỉ sợ...

Ông giáo chờ cho Huệ nói tiếp, nhưng anh dừng lại, e ngại không thêm

lời nào nữa. Ông giáo phải giục:

– Chỉ sợ điều gì?

Huê bị buộc phải đáp:

– Phần anh Bảy con thì chắc còn lâu mới trở xuống đây. Các bạn khác... như anh Thìn, Tiến, Khả, hình như...

Ông giáo nói giùm ý học trò:

– Tôi biết. Họ xin nghỉ học. Vả lại nếu họ không xin nghỉ, tôi cũng không biết dạy thế nào cho họ vừa lòng. Anh thấy không, cuối cùng chỉ còn một mình anh.

Mọi người lại im lặng. Lãng cầm cái muỗng múc canh, khi trả cái muỗng lại chỗ cũ phải se sẽ không dám gây lên một tiếng chạm mỏng. Lúc đó, xa thật xa, tận phía bãi chợ gần bến sông, có tiếng

ai đang chối lợi la hàng xóm. Sau đó có tiếng mõ đánh nhịp hai. An nắm lấy dịp xoay câu chuyện cho bớt nặng nề, thừa với cha:

– Gần đây ở ngoài chợ lộn xộn dễ sợ. Không biết ăn mày ở đâu mà càng ngày đổ về đây càng nhiều.

Huệ nói:

– Nghe nói ở miệt ngoài bị đói. Đến củ chuối, đọt dừa gai cũng không có mà ăn nữa.

Ông giáo gật gù bảo:

– Chẳng những họ tràn về miền này mà còn leo lên tận trên núi. Ở trên trại, ngày nào cũng có người xin vào. Nói cho đúng thì họ có thể ở ngoài tự phá rừng làm rẫy được. Nhưng từ đây cho đến lúc hái bắp, nhổ đậu ăn vào cái gì. Ốm đau,

gặp nạn nương dựa vào ai. Càng ở nơi hiểm trở, càng cần nương tựa nhau.

Lãng nói:

– Con thấy sau tết, khi ăn mày còn ít, ai cũng dễ dãi cả. Đi chưa hết chợ đã được nào gạo, nào khoai, nào muối. Nhưng khi họ kéo đến nhiều, người ta đâm ngại. Cuối cùng đâm bức, gay gắt, tàn ác nữa. Hồi chiều có một bà lão ăn mày rách rưới chỉ xin ngủ nhờ vào cái chái nhà ông Năm Lương. Thế mà dứt khoát bà Năm không cho, sai con ra đuổi đi. Tuần trước chắc cũng vì vậy mà có người lén đốt cháy tiêu nhà ông thầy thuốc bắc.

Ông giáo giật mình, nhồm người ngồi thẳng dậy, hỏi Lãng:

– Nhà ông thầy nào?

Lăng vội trấn an cha:

– Không phải chỗ quen của mình đâu, thưa cha. Tiệm này nhỏ hơn, ở xế chợ một chút.

– Có ai bị chết không?

– Dạ không. Thường ngày có một bà cụ trông nhà. Hôm đó, may là bà cụ ra chợ mua trâu. Tủ thuốc bị cháy, bay thơm cả một vùng.

– Rồi sau đó có tìm được thủ phạm không?

– Dạ không. Quan huyện truyền đóng gông tất cả những người vô gia cư lảng vảng trong vùng An Thái giải về phủ tra khảo. Đông quá không có gông cho đủ, phải lấy dây cột xâu từng chùm người lôi đi. Người già yếu, tàn tật, con nít mũi dãi bụng ỏng cũng không thoát.

An xen vào tiếp lời em:

– Vậy mà vài hôm sau, từng đám ăn mày ở đâu lại ùn ùn kéo đến. Đấy, cha nghe thấy không, lại có tiếng la làng xóm. Lã, em đã đóng kỹ cửa cổng chưa?

Lã vội bỏ đĩa, bước nhanh ra phía cửa bếp. An nhìn theo triu mến trách nhẹ:

– Cái thằng! Làm gì cũng quên! Út, ngồi yên cho chị dứt xong chén cơm đi! Chùng này tuổi đáng lý phải tự cầm bát đĩa lấy. Cha biết không, hôm qua con dẫn thằng Út đi chợ. Nó vùi mua hết thứ này đến thứ khác. Con năn nỉ bảo đừng phí tiền, nó khóc. Con dỗ mãi nó không nín. Tự nhiên có một con bé con chị ăn xin đến ngồi bên con, hau háu nhìn cái nải chuối con đang cầm trên tay. Thấy tội, con bẻ cho nó một trái. Nó ngoạm

hai miếng là hết, cổ bạnh ra. Ăn xong lại liếm mép nhìn nải chuối. Con muốn cho thêm trái nữa, nhưng giả vờ không để ý, xem con bé sẽ làm gì. Nó nhỏ hơn thằng Út mà lanh đáo để. Nó khen thằng Út dễ thương. Rồi khen cái áo thằng Út đẹp thật là đẹp. Con thấy ngộ vẫn làm thính. Không biết nghĩ sao, nó khoèo tay con, rụt rè nói: “Chị, làm em của chị sướng ghê! Em thích làm em của chị”. Nếu nhà mình đủ ăn, con đã xin con bé về nuôi rồi. Con gái nhỏ bao giờ cũng dễ thương hơn con trai.

An kể luôn một hơi, nét mặt linh hoạt, cử chỉ tự nhiên. Điều đó làm cho ông giáo kinh ngạc một lần nữa, và một lần nữa ông lại tự giải thích. Phải, suốt một tháng qua, Huệ vẫn ngồi cùng mâm ăn cơm với An, Lãng, Út, Huệ đã thành người nhà, lý nào phải dè dặt, làm bộ

xa cách, giữ gìn từng lời nói, cử chỉ như trước.

Ông giáo ngả lưng thoải mái lên tấm ván tựa, thân mật hỏi Huệ:

– Gần đây có chuyến ghe nào lên không?

Huệ lễ phép đáp:

– Dạ có. Cách đây khoảng mười ngày có một ghe chở muối. Độ này ghe lên thừa thớt hơn trước, thừa thầy!

– Có lẽ tại sau tết, qua rằm tháng Giêng người ta mới lại bắt đầu làm ăn.

Huệ vội nói:

– Thừa không phải vậy. Chuyện buôn bán ngày càng khó khăn, ế ẩm. Một tháng một hai kỳ ghe lên, mà thổ mãi chưa hết.

– Tôi tưởng việc làm ăn vẫn phát đạt chứ! Cả vùng này chỉ có ông biện chuyên buôn hàng nguồn, bán hàng nhiều, lại quen đường đi nước bước trên rú.

Ai vốn nhỏ không kham nổi thế đâu!

Huệ trầm ngâm một lúc, hơi do dự, rồi nói với ông giáo:

– Thực ra anh Cả con chỉ nhờ chịu khó, năng đi lại giao thiệp với người thượng. Còn vốn liếng thì... nói ra chắc thầy không tin đâu. Vốn liếng không có gì hết. Dạ, vâng đúng như vậy. Tiền vốn phần lớn mượn tạm nơi tiền thuế Vân Đồn, mùa sau gởi lên mùa trước, cứ vậy đắp đổi bao nhiêu năm nay rồi. Gần đây, nhiều buôn thượng bị nạn hạn hán mất tiêu cả mùa lúa rẫy và bắp. Muối giao cho họ rồi, mà trâu với mặng không thu về được bao nhiêu. Không hiểu anh Cả

con tính làm sao đây!

Ông giáo nhớ lời biện Nhạc than với ông trên Tây Sơn thượng, đối chiếu những lời đó với lời của Huệ, ông càng tin hiện gia đình ông biện đang khó khăn. Ông giáo càng lo âu hơn trước, đưa tách nước trà lên môi uống mà không biết vị trà chát có phảng phất hơi mốc. An thiếu tiền, phải mua loại trà rẻ nhất ngoài chợ An Thái để pha, chỉ cốt lấy màu mà thôi!

✱

Chưa có lớp học nào đặc biệt như lớp của ông giáo, năm Sửu (1769). Trường chỉ còn một trò một thầy. Các chức sắc trong vùng đã cho con đến nài có này có nọ xin thôi học.

Nếu mối quan hệ giữa Huệ và ông

giáo vẫn như cũ, nghĩa là luôn luôn có khoảng cách trang trọng sẽ sàng giữa thầy và trò, giữa người bảo trợ và kẻ thất thế, thì bắt buộc ông giáo phải giữ đúng tôn ti, phép tắc của một lớp học. Nhưng ngay từ bữa tối đầu tiên trở lại An Thái, ông thấy cách cư xử của Huệ đã khác. Gần như Huệ tự xem là một thành phần của gia đình ông, ăn nói, đi đứng như một thân thuộc gần gũi với các con ông. Do đó, lớp học có hình thái phóng khoáng, lối dạy dỗ thân mật uyển chuyển như là cha dạy con. Đôi lúc ông giáo mỉm cười với ý nghĩ ngộ nghĩnh phạm thượng là: đến Đức Khổng phu tử cũng chưa bao giờ dám ước có một lớp học như thế này!

Ông giáo bỏ hẳn các buổi giảng nghĩa trong mấy bức vách của nhà học. Ông nhớ gì nói nấy, phần Huệ muốn hỏi gì cũng được. Hai thầy trò đối đáp

nhau, thẳng thắn tranh luận với nhau về đủ mọi vấn đề ngay trên mấy đám ruộng miếu, hoặc lúc ngồi nghỉ dưới gốc mít cổ bên miếu cô hồn. Mấy cha con ông tự hiểu là phải làm việc cật lực để sống, vì nguồn tiếp tế của ông biện giảm xuống dần dần. Huệ e ngại giùm cho gia cảnh thầy, tự phận có trách nhiệm góp thêm một sức lao động, giúp thầy cuốc cỏ, bón phân, đắp nước, be bờ... Lớp học của hai thầy trò gắn liền với đời sống đang ướm dẫm mồ hôi cần lao!

Thời đó ông giáo vẫn còn lúng túng với những ý nghĩ hoài nghi. Huệ cũng là một cậu học trò rắn mắt không chịu tin vội vào những điều thầy dạy. Cùng ở trạng thái bất quyết, nhưng người học trò thì ở đầu con đường tìm tới chân lý, còn ông thầy thì đứng nép ở cuối con đường gặp ghềnh ải, mặt mày tư lự. Sự hăm hở

của Huệ đã khiến ông giáo phần khởi trở lại, và sau một lúc dùng dằng, ông luôn luôn bị cuốn hút vào cuộc phiêu lưu kỳ lạ của học trò.

✱

Mùa lúa tháng ba đã đến. Lúa bắt đầu chín vàng trên cánh đồng An Thái. Dân đói ở các huyện phía Bắc đổ về ngày càng nhiều. Nạn tuốt lúa trộm khiến những đêm dài mùa gặt giật lên từng cơn vì tiếng mõ cấp cứu, tiếng la hét đuổi bắt, tiếng chân chạy trên các ngõ vắng, tiếng bàn tán xôn xao. Không buổi sáng nào không có những câu chuyện truyền nhanh cho cả vùng về các vụ lưu huyết đêm trước. Những khoảng ruộng ven đường đều xơ xác, lúa vừa chín tới đã bị tuốt trộm dần dần hằng đêm, mới trông

giống như một mái tóc xanh bị lát ăn lan từ chung quanh lên đỉnh đầu.

Chủ ruộng phải ra ngủ ngay tại khu canh tác của mình để giữ lúa, mang theo con cúi và giáo mác, gậy gộc. Nhưng bao giờ số người giữ cũng ít hơn số người phá, nên canh lúa trở thành một việc nguy hiểm. Đã có nhiều người phải giả vờ ngủ say để giữ lấy mạng sống. Hôm rằm tháng ba, người ta tìm thấy xác một người giữ khoai bị vùi giữa đồng dây khoai héo, ở góc một vạt đất bồi đã bị đào bới lem nhem, nham nhở.

Nhà ông giáo chỉ còn có ba người đủ sức đảm đương công việc giành giật lấy miếng ăn sống này là ông giáo, Kiên và Lãng. Huệ không thể đứng ngoài, tình nguyện chia sẻ nỗi vất vả của gia đình thầy. Cho nên nhiều đêm, bên con cúi rơm ngùn khói tỏa ánh sáng âm ỉ giữa

đồng, hai thầy trò ngồi bên nhau tìm quên gió lạnh và tránh né giấc ngủ bằng cách bàn luận lan man về đủ mọi đề tài. Cuộc bàn luận không có khởi điểm, và cũng không nhằm đi đến một kết điểm. Giữa đêm đen mênh mông, với chút ánh sáng thơm mùi rạ mới, nhờ cùng nhau gìn giữ cho được sự sống tối thiểu, mà hai thầy trò đã vứt bỏ được những ràng buộc của lễ nghi, câu thúc của hình thức, những môi miếng giả dối thường thấy ở chỗ có ánh sáng và tiếng ồn ào đôi co. Một đêm Huệ hỏi thầy:

– Trong đời có lần nào thầy bị đói chưa?

– Nhiều lần lắm.

– Những lúc đó thầy nghĩ đến gì nhiều nhất?

– Dĩ nhiên là nghĩ đến cái ăn. Nhớ những lần đã được ăn ngon trước đây. Rồi nghĩ giá bây giờ mà được ăn thức này, món này... Sau đó lại tự an ủi: Đói cho sạch, rách cho thơm, hay là: Quân tử thực vô cầu bão.

– Như vậy con nghĩ thầy chưa thực đói.

– Thế anh đã thực đói lần nào chưa?

– Dạ chưa!

– Chưa đói sao biết thế nào là đói thực thế nào là đói giả?

– Sáng nay con thấy được người thực đói.

– Thấy thì dễ, nó nhan nhản ra đó suốt mấy tháng nay.

– Nhưng con thấy rõ hơn nhiều

người. Con tin như vậy. Tối hôm qua con tập quyền tới khuya, nên ngủ luôn ngoài nhà thầy võ. Tại con nghĩ đã có anh Kiên và Lãng ra đây rồi, khỏi cần về làm gì.

– Anh đi mà không dặn ai, tôi cứ sợ nhờ có việc gì...

– Con có nói trước với Lãng. Chắc vì quên, Lãng không thừa lại với thầy trước khi ra canh lúa.

– Thế tại sao cánh tay phải anh xây xát cả vậy?

– Tại vì... tại vì tự nhiên con lúng túng, quên mất cái thế đỡ đường quyền đánh tới, bị ngã xuống. Xin thầy đừng lo cho con, tập võ xây xát, trật gân, chảy máu là chuyện thường. Con xin nói tiếp chuyện đói. Sáng nay ở ngoài phố chợ trước cửa lớp võ, chỗ cái quán những

người dẫn ngựa thồ thường lui tới, lại có cuộc ẩu đả. Một khách buôn đang ngồi trong quán ăn cơm, thì có hai người ăn mày bước vào. Một già yếu, một còn trẻ. Người già đứng tần ngần ngoài cửa quán, mắt nhìn dán vào đĩa cơm sườn, miệng há hốc. nước dãi chảy ướt chòm râu dơ. Người khách buôn bưng đĩa cơm lên thì ông già ngừng lên. Người khách buôn đặt đĩa xuống bàn, mắt ông già cũng nhìn xuống, không chịu rời cái đĩa. Người khách buôn gặm xong miếng sườn, mút thật kỹ rồi mới vất xuống đất. Ông già hết do dự, chạy vào quán chụp lấy miếng sườn lăm đất bỏ vào miệng. Con bắt nhand, không dám nhìn, quay mặt bỏ đi. Rồi con nghe có tiếng bàn ghế ngã, tiếng hăm hè vật đánh đập đổ nhau. Chạy trở lại quán, con thấy người khách buôn đang túm lấy người ăn mày trẻ tuổi mà đánh. Không ai vào can giúp người

ăn mày xấu số cả. Người ta bảo: “Đáng kiếp! Dơ dáy đến thế là cùng. Đánh cho nó chừa cái thói ăn hồn!” Can cho hai người rời nhau ra, thì anh ăn mày đã ngất ngư, cơm và máu ói hết ra miệng

– Hẳn làm gì để phải chịu đánh?

– Anh ta trẻ hơn cụ già kia, mạnh dạn giành miếng sống. Anh ta đến thẳng bàn, nhổ nước miếng vào đĩa cơm người khách buôn đang ăn. Người khách buôn sợ hãi tránh ra xa. Anh ta chỉ chờ có thế. Anh ta chụp lấy đĩa cơm ngon, vốc từng nắm bỏ vào miệng mà nhai.

Ông giáo lặng cả người, đóm lửa trước mắt ông mù mờ, rồi nhập nhòa đi. Ông phải cố lắm mới nuốt được nước bọt và nói:

– Tôi đã đoán được vì sao tay anh bị xây xát, tôi...

Huệ không muốn thầy nói tiếp, vội ngắt lời ông giáo:

– Con cứ bị dày vò mãi vì tự hỏi: Nếu ta là một trong hai người ăn mày, ta sẽ làm như ông cụ hay làm như người trẻ tuổi. Con không trả lời được.

– Tôi cũng không trả lời được. Phải ở vào hoàn cảnh của họ, mới biết rõ câu trả lời.

– Nghĩa là con và thầy đều chưa thực đối.

– Đúng như vậy. Chúng ta may mắn còn có lúa mà canh giữ. Dầm dầy khoai xuống, vài tháng sau đất còn cho ta củ. Trời còn mưa, nước thấm vào rễ, lá cây xanh. Nếu không may trời bắt hạn hán như ngoài Phù Ly, Bồng Sơn...

Huệ hấp tấp hỏi ông giáo:

– Thưa thầy thực sự có trời không? Nếu có “mệnh trời chí công” như thầy dạy con, thì tại sao trời sinh chi những con người vất vưởng đầu đường với cái bụng rỗng như vậy?

Huệ nhìn đăm đăm vào mặt thầy, thấy ánh mắt ông giáo phản chiếu ngọn lửa tha thiết. Huệ lấy hơi, cố trấn tĩnh nói cho hết ý mình.

– Con đã nghĩ: Những lời thầy dạy con rút từ sách thánh hiền, đều do những kẻ no đặt ra cả. Nhờ no đủ nên thanh thoi nghĩ ngược nghĩ xuôi thế nào cũng được. Hoặc muốn no lâu, no bền, thì nghĩ thế nào cho đẹp lòng bọn vương hầu. Con nhớ mãi câu nói ông Tử Trường: “Cửa nhà hầu nhân nghĩa thiếu gì đâu!” Thầy đã dạy con năm trước.

Ông giáo đã đoán trước phần nào

những gì Huệ nói, hơn nữa, những lần thất thế trong đời nhiều đêm ông từng trần trọc vì những ý nghĩ ấy. Nhưng giữa đêm vắng, vũ trụ thu lại trong một vùng sáng hẹp, lời nói của Huệ dội mạnh vào tâm não ông, khiến ông xúc động bàng hoàng. Ông nhìn quanh chỉ thấy đêm tối. Ông hỏi thẳng thốt:

– Sách vở, chữ nghĩa và cả bọn sĩ như tôi làm được gì trước hoàn cảnh này? Chỉ đáng vứt đi hết sao!

Ông giáo choáng ngợp trước một sự thực vội vọi nó đè nặng lên đầu óc ông. Ông chơi vơi, hốt hoảng. Huệ nghe giọng thẳng thốt của thầy, tưởng ông giáo giận vì bị xúc phạm danh dự nhà nho, lo sợ quay nhìn ra ngoài đêm. Cơn phấn khích tan đi mau chóng. Anh hối hận đã đi quá xa giới hạn, đâm ra lúng túng. Anh nghe thầy nói với giọng thật trầm, và buồn:

– Anh nói phải. Bọn kẻ sĩ chúng tôi chỉ được mỗi việc châu chực ở cửa nhà vương hầu!

Rồi sợ Huệ hiểu lầm, tưởng ông giận, ông giáo cười, cố lấy giọng giễu cợt thân mật:

– Người thôn quê họ nói đúng lắm. “Nhất sĩ nhì nông”. Cứ tạm nhận thế đi. Nhưng “hết gạo chạy rông thì nhất nông nhì sĩ”. Biết đâu đã đến thời của những người cầm cày cầm cuốc!

Chương 12

Kiên mang đồ lễ đến nhà ông triáp, lòng không mấy vui. Ngoài cái nghiên đá hoa bọc bằng giấy điều, còn có thêm hai thúng nếp và một nải chuối tốt. Ông giáo sai Lãng đi theo anh, nhưng đến lúc đã chuẩn bị sẵn sàng quà cáp, Lãng biến đâu tìm mãi không thấy. An phải đi cùng với anh Hai.

Hai anh em may mắn gặp Thìn đang la cà bên mấy chuồng ngựa chợ An Thái, nhờ Thìn dẫn về nhà. Không có nụ cười thân ái của An thì Thìn đã từ chối phắt.

Càng về gần tới cổng, Thìn càng tỏ vẻ lúng túng, lo âu. Cho nên anh ta nhất định không cùng anh em Kiên vào nhà, chỉ đứng ngoài xa trở cái cổng vội nói:

– Đó, cửa cổng thường đóng, cứ đập cửa mạnh vào trong nhà mới có người nghe. Chớ dữ lắm, dù cửa mở cũng đừng tự tiện bước vào. Thôi nhé, tôi đi đằng này có việc.

– Kiên và An mới đập nhẹ vào cánh cửa gỗ nặng thì bên trong đã có tiếng chó hực dữ tợn, tiếng sủa inh ỏi, và tiếng gầm gừ. Ông tri áp đích thân ra mở cổng, theo sau là một anh lực điền vạm vỡ cầm cây gậy dài quá tầm người. Đôi mắt hần học của ông dịu lại khi thấy hai anh em Kiên khệ nệ mang đủ thứ gói đỏ, gói xanh. Tuy vậy, giọng nói của ông vẫn còn đọng khá nhiều ác cảm. Ông tri áp hất hàm hỏi:

– Đi đâu?

Kiên giận dữ vì thái độ hách dịch của viên tri áp, không trả lời. An nhanh nhẩu thưa:

– Chúng cháu xin phép được hỏi thăm cụ. Có phải đây là nhà cụ tri áp?

Ông tri áp hỏi lại:

– Có việc gì?

– Cha chúng cháu sai chúng cháu đến biếu cụ chút quà mọn nhân tiết cơm mới, gia đình chúng cháu về đây được cụ bảo bọc cho nên mới có cái ăn cho đến mùa này. Mong cụ không chê nhà chúng cháu nghèo, quà cáp thô sơ, mà nhận cho.

Vẫn không để cho anh em Kiên được bước quá vào bên trong cổng, ông tri áp

lừa mắt nhìn qua các thứ quà Kiên và An đang đem theo. Ông thấy An xách một giỏ nặng nào nẹp nào chuối. Trông cánh tay nhỏ yếu ớt của An, dáng đứng thẳng không bị quăn nghiêng xuống một phía, ông biết giá trị món quà An đang xách nhẹ lắm. Ông chỉ còn hy vọng ở cái gói giấy điều Kiên đang bung bằng hai tay. Nhờ thế, giọng ông dịu thêm một chút xíu nữa. Ông hỏi Kiên:

– Anh kia, con cái nhà ai thế?

Kiên không còn cách nào khác, phải trả lời:

– Chúng tôi là con ông giáo Hiến.

– Ai?

An đáp thay anh:

– Dạ chúng cháu là con ông giáo Hiến ạ!

Giọng nói của ông tri áp trở nên cáu kỉnh, bức bối. Ông ta cười nhạt, hỏi bằng một giọng cố ý kéo dài ra để giễu cợt:

– Giáo Hiến nào vậy cà? Ở đây có tên nào trốn cầm cày cầm cuốc mở hàng bán chữ đầu cà!

Kiên bậm môi lại, mấy ngón tay bấm mạnh lên cái gói giấy điều bọc chiếc ng-hiền quý. An nói:

– Có lẽ vì bận nhiều việc quan nên cụ quên đấy ạ. Cha chúng cháu không có ý mở trường để mưu sinh, chỉ cốt ôn cho chúng cháu khỏi quên cái chữ nghĩa thánh hiền thôi. Cũng may là tiếng lành đồn xa, ông biện Kiên thành và cả cụ tri áp nữa, đều có gửi con em đến xin học. Chúng cháu vừa gặp anh Thìn ngoài chợ, nhờ anh ấy mới được biết nhà cụ.

Ông tri áp quay lại nhìn đăm đăm vào mặt An, lòng thầm phục cái tài mau miệng ứng đối nhanh chóng của đứa con gái. Tự biết không thể giữ mãi giọng phách lối mà không trở nên lỗ bịch, ông tri áp cố tỏ ra hòa nhã, thân mật hơn:

– Thế à! Ra các cháu là con thầy giáo của thằng Thìn. Quí hóa quá! Tưởng ai hóa ra là con thầy giáo Hiến đây mà! Vào đây các cháu. Bay đâu! Coi chừng mấy con chó nghe. Vào đi, đừng sợ. Chúng nó gầm gừ dữ tợn thế, nhưng hiền lắm. Bay đâu! Đã bảo nhốt mấy con chó lại. Nhớ đóng cổng cài then cẩn thận nghe chưa. Các cháu đi lối này. Cái sân bên phơi lúa phải đi quanh ra ngõ sau vậy.

Ông tri áp nhanh nhẩu ân cần thế nhưng vẫn không để cho hai anh em Kiên bước lên thêm. Ông sai người nhà đem ra ba cái ghế đẩu, tiếp khách ngay dưới

bóng mát cây ổi. Kiên chán ngán cái trò giả dối quan quyền, để mặc cho em gái đối đáp với ông tri áp. Khi biết món quà bọc giấy điều là cái nghiên đá hoa, ông ta rạng rỡ mặt mày, nói cười tíu tít. Thấy vẻ mặt Kiên lăm lì, ông đâm ngại, chỉ nói chuyện với An. Đôi lúc muốn hỏi Kiên việc gì, ông cũng hỏi chuyện qua An để khỏi phải e ngại. Ông ta liếc nhìn Kiên, do dự rồi hỏi An:

– Thế cậu đây là anh ruột của cháu phải không?

Kiên gật đầu nói: Vâng.

– Sao mấy lần tôi ghé chơi đằng ông giáo, không thấy có mặt anh cháu.

Vẫn Kiên đáp thay em:

– Tôi không ở đây. Lâu nay tôi ở trên Tây Sơn thượng, mới ghé về thăm nhà.

Ông tri áp vỗ mạnh vào vế, nói lớn:

– À, tôi nhớ ra rồi. Cậu tên là Kiên phải không. Đúng tên Kiên chứ gì. Hôm qua, ông xã có báo cho tôi biết trong làng mình hiện nay có quá nhiều dân lậu. Cái bọn đói khát xiêu giạt đầu đường xó chợ đó, không biết từ đâu về mà đông thế. Chúng làm rối loạn cả phép nước, cướp giật, trộm cắp, không gì chúng không dám làm. Tối hôm qua chúng gặt trộm của tôi đám Rộc, mấy thằng người nhà của tôi không dám cho một đứa đổ ruột thì chắc chắn sáng nay không còn sót lấy một hạt lép. Tôi đã nhiều lần trình lên quan huyện. Quan trên cho phép tổng khứ bọn dân lậu ấy ra khỏi làng, bằng cách gì cũng được. Thế... thế cậu Kiên có tên trong sổ đình làng ta không.

– Dạ tôi đã khai trên Tây Sơn thượng.

– Phiên phức nhĩ. Như vậy là ông xã trưởng báo đúng một phần. Cậu không là dân đinh ở đây, tuy không phải là dân lậu, nhưng...

Kiên ngắt lời ông tri áp:

– Tôi chỉ ghé thăm nhà mà thôi. Mai, chậm nhất là ngày mốt, tôi trở lại Tây Sơn thượng.

– Thế thì được. Cậu về thưa lại với thầy giáo là tôi quý thầy giáo lắm. Ông xã không biết liệu việc, cứ răm rắp theo phép nước mà làm, không chịu vị tình. Tôi thì khác. Cái gì cũng phải đầy đủ cả tình lẫn lý. Như trường hợp thầy giáo chẳng hạn. Người ta thấy thầy giáo hiền, đặt đủ điều nói xấu thầy. Nói nào là thầy không tự đứng bỏ kinh mà về cái xó núi này, nào là thầy từng quen biết lớn lắm. nào là...nào là giữa thầy với... mà thôi,

hơi đâu để ý đến chuyện thêm thắt bàn tán của miệng đời, phải không hai cháu.

Viên tri áp nhìn thẳng vào Kiên, nét mặt hơi đanh lại:

– Riêng phần cậu, thôi thế cũng được. Đằng nào thì mai mốt cậu cũng lên Tây Sơn thượng rồi. Cậu có gặp biện Nhạc cho tôi gửi lời thăm.

Kiên nhìn thấy trong đôi mắt viên tri áp có sắc xanh lạnh lẽo của con rắn đang thôi miên chú chuột nhắt. Anh lo ngại, ngấm hiểu viên tri áp biết nhiều điều về gia đình mình mà chưa đến lúc nói hết.

✱

Suốt hai tuần lễ nay Kiên trốn ru rú trong xó nhà như con gián sợ ánh nắng.

Ông giáo chưa tìm được lối thoát cho con, mà chính Kiên cũng không tìm được lối thoát cho mình. Cửa sổ, cửa lớn phòng nhà trên đóng kín mít. Kiên lẩn quẩn suốt ngày trong phòng tối, khổ sở không biết làm gì để quên. Anh có quá nhiều chuyện đau lòng muốn quên dứt, khốn nỗi sự cô đơn buộc anh nhớ tất, không sót một chi tiết.

Anh phải tìm việc làm luôn tay. Ngày đầu Kiên vót tăm. Ngày thứ nhì Kiên lau bàn ghế, giường tủ. Ngày thứ ba sửa lại các thứ lặt vặt trong nhà từ cái rá, con dao, cái rửa cho đến cái tim đèn, cái cán gáo. Đến ngày thứ năm mọi sự đều gọn ghẽ, ngăn nắp, trừ tâm hồn ngổn ngang vướng víu của anh. Kiên ngồi thờ trong bóng tối, khóc một mình. Anh cố tìm công việc nào đó để lấp cho đầy cái khoảng tối hun hút của đời anh. Một sức

thúc đẩy nội tại mơ hồ xui anh vùng chân múa tay cố làm cho thân thể mệt nhoài để trí óc ngưng quấy rối anh. Mồ hôi vã ra như tắm, căn phòng tối thiểu không khí trở nên ngột ngạt, Kiên cảm thấy khó chịu còn hơn ngồi khóc lặng lẽ. Anh quay sang đọc thơ, rồi đọc thuộc lòng trở lại những trang sách cha đã dạy từ hồi còn ở kinh đô. Chữ nghĩa rệu rã trong miệng anh, đạo lý nhạt nhẽo không đủ thắng được lòng hoài nghi. Cuối cùng, anh tìm ra trò chơi đánh cờ giữa tay phải và tay trái, và lần mò quan sát từng vết lõm trên tường để tìm cho ra ý nghĩa hình dáng các vết lõm đó.

Một hôm Kiên thú vị khám phá thấy có một vết lõm giống y hình dáng một người đang cố sức chạy, thì có tiếng chân người đi vào sân. Đoán là cha và các em ở ngoài đồng về nghỉ trưa, Kiên mạnh

dạn mở then, hé cửa nhìn ra ngoài. Một tốp bốn năm người lính đầy đủ giáo mác đã đến trước hiên nhà, dẫn đầu là viên tri áp. Ông ta truyền lệnh cho bọn lính:

– Một đứng gác trước cổng. Một đưa canh phía sau nhà. Thằng Chạng theo tao. Đẩy cửa vào coi nó có trốn trong đó không?

Kiên biết không có lối nào khác để trốn thoát. Có điều anh còn hồ nghi, là không hiểu tiếng nó trong lời viên tri áp chỉ vào ai, vào anh hay vào cha của anh. Tâm trạng boăn khoăn khiến anh phản ứng chậm chạp, nên mãi tới lúc đã bị tên lính bẻ quặt tay trái kéo ra sau lưng, Kiên mới hiểu hết tầm quan trọng của hoàn cảnh. Lúc đó, anh mới cảm sâu được sự sỉ nhục đã chịu. Anh giận đến phát điên khi bị tên lính nắm tóc đè đầu xuống đất cho tên Chạng trái tay anh dễ hơn. Kiên

quên hết mọi suy tính dè dặt, dùng đầu húc thật mạnh vào bụng tên lính đang nắm tóc mình. Tên lính bị vố bất ngờ ngã ngửa xuống đất, đầu đập vào khung cửa lớn, máu phun ra thấm qua tóc chảy có dòng lên trán. Máu đỏ kích thích bản năng hung bạo lên tột độ, Kiên bị bộ lính xúm lại, kẻ đá người thoi cho đến lúc nằm chết giắc một đồng tử toại trên nền đất ẩm. Viên tri áp không ngờ tình thế hóa ra thô bạo rắc rối đến như vậy, đứng nhìn cảnh tượng trước mắt với đôi mắt bàng hoàng. Mãi một lúc sau, ông ta mới lấy đủ bình tĩnh, lớn tiếng la mắng đám thuộc hạ:

– Trói nó dẫn đi được rồi, tội bây làm nhục nó có ích gì. Quan huyện có quở, tội bây đừng có chạy tội nghe chưa!

Có lẽ bọn lính thấy Kiên nằm im như người chết, đâm sợ. Một tên đến lay Kiên

dậy. Kiên ú ớ, rên rỉ, người oằn lên như con rắn bị dẫm phải đuôi. Một tên lính khác chạy ra ang nước, múc nước xối lên mặt Kiên. Chờ một khắc sau, chúng đỡ lo hơn khi thấy Kiên mở mắt, đảo dác nhìn quanh. Theo lệnh viên tri áp, hai tên lính đến xốc nách lôi Kiên dậy, vừa dìu vừa đẩy Kiên ra cửa.

Kiên bị bắt đi giữa trưa nắng, hai bên đường đám con nít líu ríu sợ hãi nhìn theo đoàn giải tù, những bàn tay nhỏ nhắn bản thủ do nỗi sợ truyền kiếp thúc đẩy đưa lên che lấy đầu và ngực. Người lớn ở gần nhà ông giáo chỉ dám đứng nấp sau những bụi chuối rậm len lén quan sát, không dám thở mạnh. Kể cả gia đình Hai Nhiều. Chờ cho đoàn giải tù đi khá xa, Hai Nhiều mới sai Lê chạy ra đám miễu báo cho gia đình ông giáo hay tin dữ.

Sau khi Kiên bị bắt, gia đình ông giáo sống trong một trạng thái lơ lửng, chơi vơi đến hải hùng. Không ai còn bụng dạ nào đâu lo chuyện cơm nước, nên lòng mọi người cứ cồn cào, không đói mà cũng không no. Ông giáo, ngay buổi xế hôm ấy, chạy đi tìm ông tri áp hỏi cho ra cơ sự, nhưng gọi cổng mãi không được ai tiếp cả. Gần như mọi người đều lảng tránh, không muốn dây dưa với ông, sợ ông như sợ một người bị hủi. Đúng nói chuyện với ông là điều nguy hiểm, tuy trong thâm tâm, mọi người trong làng vẫn còn giữ trọn lòng kính nể khâm phục đối với con người hay chữ và khiêm cung. Sự mâu thuẫn ấy khiến mọi người khổ tâm, cho nên người ta mới truyền miệng cho nhau những mẩu chuyện ghê gớm về hành tung khả nghi của gia đình

ông giáo, hòng vớt vát chút ý nghĩa cho thái độ hèn nhát.

Chính Hai Nhiều tung ra cái tin nói rằng thực sự ông giáo không có họ hàng bà con gì với Hai Nhiều hết. Lấy bằng cứ ở đâu mà dám bảo vợ ông giáo là con cùng cha khác mẹ với Hai Nhiều? Hãy nhớ lại xem: khuôn mặt của Hai Nhiều với khuôn mặt bà giáo có chút nào giống nhau đâu? Nhà Hai Nhiều có thể có máu hủi, nhưng nhất định không có máu điên! Tự nhiên hôm tối trời, có một gia đình lạ hoắc ở đâu trôi giạt về đây, bỗng bế gồng gánh nhau tìm vào nhà Hai Nhiều xưng là bà con thân thuộc để chia vườn, chia ruộng. Hai Nhiều biết thừa ra chứ, biết là có sự giả dối tối tăm trong đó chứ, nhưng thấy người hoạn nạn giữa đường chẳng lẽ không làm phước để vun nền đức cho con cháu. Lừa được Hai Nhiều

bao năm nay, thậm chí lửa được cả dân An Thái, nhưng làm sao lửa được triều đình. Không phải vô cớ mà quan quân rầm rập kéo vào nhà trời thúc ké lôi đi như vậy? Cái gì cũng có cái lý đương nhiên của nó! Họ là ai? Đã làm gì? Đã ở đâu trước khi kéo về đây ăn bám vào gia đình Hai Nhiều, ai mà biết được! Và cả nhà Hai Nhiều ngủ yên đêm đêm, dù có nghe tiếng An thút thít khóc mỗi lần qua giếng cậu mợ xách nước.

Từ đó giữa các cuộc bàn tán sôi nổi hứng thú trong làng, càng ngày người ta càng tìm thấy nhiều điều khả nghi nơi gia đình ông giáo. Người này nói: “Ồ, hèn gì...” Người kia nói “Phải rồi, vì vậy mà...” Kẻ nhớ bù đắp cho kẻ quên. Những chi tiết phù hợp với định kiến được thu góp đầy đủ, dần dần trở thành một câu chuyện có đầu đuôi, hấp dẫn

hơn cả chuyện lấy vợ của cha Hai Nhiều thời trước.

Cảm giác luôn luôn bị một vòng nghi kỵ, sợ hãi bao vây lấy mình khiến mọi người trong gia đình ông giáo đều khổ tâm. Đi đâu họ cũng bị những cặp mắt ranh mãnh theo dõi. Bước qua khỏi một đám đông, họ biết sau lưng họ đang có nhiều lời bàn tán độc địa, xuyên suốt lưng họ như những lưỡi gươm bén hèn nhát. Không đêm nào họ ngủ được yên giấc. Không dám nói ra lời, nhưng ai cũng biết sự đe dọa của triều đình chưa kết thúc. Giữa bóng tối, họ hồi hộp lắng nghe từng bước chân đạp rào rào trên đường cát, từng tiếng nói chuyện xì xào. Một tiếng ếch nhái, tiếng chuột rúc trong xó, tiếng con chim bay đổi cành, tiếng con rắn lục gọi tình, đều có thể khiến mọi người giật mình hoảng hốt.

Đêm đêm họ chờ. Một đêm. Hai đêm. Ba bốn đêm. Dần dà từ ông giáo, lớp trẻ tuổi như Lãng, An, Út, Huệ làm quen với sự thấp thỏm, lo âu, bắt đầu ngủ yên giấc. Đúng vào đêm thứ năm sau hôm Kiên bị bắt, lúc gần gà gáy, ông giáo nghe có tiếng nhiều bước chân nhẹ và nhanh vào sân nhà. Ông thầm nghĩ: “Bây giờ đến lượt mình. Thế nào chúng nó cũng tra khảo cho thẳng Kiên khai thật ta là ai, quen với quan nội hữu thế nào”.

Bên ngoài, tiếng chân bước im bật, một lúc sau có tiếng thì thào. Rồi tiếng đập cửa nhẹ nhẹ. Ông giáo chậm rãi ngồi dậy, tìm đá lửa và bùi nhùi thắp đèn. Ông không muốn bị lôi đi âm thầm dấm dúi. Ông muốn được tiếp nhận may rủi của số phận giữa ánh sáng, với tư thế trầm tĩnh ung dung của nhà nho.

Lại có tiếng đập cửa. Ông lên tiếng hỏi:

– Ai đấy?

Một bóng đen nhè nhẹ đến bên ông. An đã dậy từ lúc nào đến ôm lấy cha, ông giáo thấy con gái đang run. Bên ngoài có tiếng đàn ông đáp nhỏ:

– Chúng tôi là người nhà ông biện Kiên thành. Có cậu Huệ trong đó không?

An lo âu hỏi nhỏ:

– Cha đừng ra mở cửa vội. Coi chừng họ đánh lừa đấy!

Ông giáo do dự chưa biết trả lời thế nào, thì bên ngoài lại có một người khác nói vào:

– Chúng tôi có tin nhà cho cậu Huệ. Gấp lắm. Có ai thức trong đó không?

Bên chái nhà học có tiếng kéo then cửa lách vách và tiếng cánh cửa mở, ván cửa cọ vào khung kèo kéo kẹt. Ông giáo biết Huệ cũng thao thức cả đêm như mình và An. Tiếng Huệ hỏi:

– Bác Năm đấy phải không?

Nhiều tiếng mừng rỡ:

– À, cậu Tám đây rồi. Thế mà tôi cứ tưởng cậu ở bên này.

Toán người lạ qua cả bên nhà học. Ông giáo thở phào nhẹ nhõm. An cũng mừng rỡ nói với cha:

– Đúng là người nhà ông biện rồi. Không biết có việc gì gấp mà họ tìm xuống đây khuya khoắt vậy cha!

Ông giáo lắng nghe những câu trao đổi giữa Huệ và toán người lạ, nhưng họ cách xa ông quá, không nghe được gì. An muốn mở cửa sang hỏi thăm Huệ, dợm đứng dậy. Ông giáo hiểu ý con, ngăn lại:

– Khởi cần. Thế nào Huệ cũng qua đây ngay.

Hai cha con không chờ lâu. Độ một khắc sau, Huệ qua gõ cửa nhà thầy. Ông giáo đã tắt đèn sẵn, mở cửa sẵn để chờ Huệ. Dưới ánh đèn lù mù, ông giật mình tìm thấy nét mặt Huệ có vẻ lo lắng. Ông hỏi:

– Có việc gì thế?

Huệ đến bên thầy và An. Hai người kinh ngạc thấy anh đã mang theo cái tay nải quần áo, như chuẩn bị đi xa. Huệ cố dần xúc động, nói với ông giáo:

– Chúng nó cho lính đốt cháy nhà con trên Kiên Thành hôm qua. Anh Hai vừa cho người xuống báo cho con hay.

An lo lắng hỏi:

– Có ai bị “việc gì” không anh?

Huệ quay lại nhìn An, mỉm cười cảm ơn sự lo lắng của cô gái, rồi đáp:

– May có người quen cho biết trước, nên cả nhà đã trốn ra bờ sông. Chúng nó chờ đêm bao vây kín, tưởng có thể bắt trọn cả gia đình.

An tức giận hỏi:

– Vì sao chúng nó dám ngang ngược như vậy?

Ông giáo cho câu hỏi của con thừa thãi, vô ích, nên hỏi Huệ:

– Bây giờ anh tính sao? Định đi đâu?

Huệ nhìn toán người đang chờ mình ngoài sân, đáp:

– Gia đình con đã lên hết trên Tây Sơn thượng. Anh biện nhẩn con lên đó ngay đêm nay. Thưa thầy...

Huệ muốn nói điều gì quan trọng lắm, có thể là lòng biết ơn gia đình ông giáo, có thể là nỗi bịn rịn phải xa một nơi chốn thân mến, yêu dấu Huệ đã từng sống hai năm qua. Nhưng anh xúc động không nói được. Ông giáo cũng cảm thấy nghẹn nơi cổ, chỉ biết vỗ vai Huệ tỏ dấu thông cảm. Huệ cuối đầu chào thầy, nhìn nhanh về phía An, rồi bước vội ra sân. Gà phía sau chuồng bắt đầu gáy chờ mặt trời. Đêm còn đen dày. Ông giáo nổi cơn ho và lạ lùng chưa, dường như ông bủn rủn tay chân, đứng không vững nữa.

Ông vịn vào thành cửa, nhìn ra đêm tối. Mắt ông mờ lệ. Ông thấy nhập nhòa hình ảnh toàn người lạ đang nói chuyện với Huệ trước nhà, vài người mang giúp cho Huệ một số đồ đạc. Hơn cả lúc trở về thấy Kiên bị bắt, ông cảm thấy đời cô đơn hơn, trống trải hơn. An đã bỏ đi xuống bếp. Ông muốn gọi Huệ vào để nói thêm vào lời, dặn dò vài câu. Nhưng ông giáo bỏ ngay ý định. Ông còn biết nói gì với Huệ trong hoàn cảnh này!

Huệ cùng với toán người nhà ra tới cổng, chợt nhớ điều gì, quay trở lại. Ông giáo mừng, chờ Huệ tiến về phía mình. Nhưng không. Ông thấy Huệ ra phía bếp, chỗ có đặt ang nước. Ông nghe tiếng cán gáo va vào thành ang, tiếng nước xối một lần, hai lần. Hơi thất vọng, ông giáo khép cửa lại.

Huệ trở ra qua lối cửa sau nhà bếp gặp An đang đứng ở đấy. Anh dừng lại. Bóng tối che giùm không cho hai người trông thấy vẻ bối rối của nhau. An run run nói:

– Anh nhớ quần khăn cổ. Không lại cảm.

Huệ cảm động, cả đời chưa được một người con gái nào ân cần dặn dò như vậy nên cảm thấy hãnh diện ngây ngất. Anh muốn nói với An câu gì thật âu yếm, đơn sơ mà chân thành như câu An vừa thốt ra, nhưng trong cơn lúng túng, tìm mãi không ra lời. Huệ cố dần xúc động nói:

– Cảm ơn An.

Huệ ngược lên nhìn An, thấy tất cả vẻ đẹp quyến rũ của một nụ cười e ấp. Không tự chủ mình, Huệ tiến tới định

nắm lấy bàn tay An. An rút tay về, giọng hơi hốt hoảng:

– Dừng, anh Huệ!

Huệ cảm thấy hụt hẫng, khựng lại, trở mắt nhìn An. Anh nghĩ nhanh: Mình thật quấy. Cô ấy như đứa trẻ thơ tinh nghịch, coi mình như một người anh trong gia đình. May là không có ai trông thấy. Để che giấu sự bối rối pha chút thất vọng, Huệ cố nói to với An:

– Tôi đi nhé! Thế nào cũng có dịp tìm xuống thăm thầy. Không lâu đâu!

Huệ đã giữ lời hứa. Mười ngày sau, Huệ vâng lời anh, trở lại An Thái đưa gia đình thầy trốn lên Tây Sơn thượng. Triều đình đã phát động một cuộc khủng bố, đàn áp qui mô, tái lập trật tự, thu vét số thuế thiếu, kiểm soát đám dân xiêu bạt

sống ngoài vòng pháp luật. Ông giáo sắp trở thành nạn nhân của cuộc khủng bố thị uy ấy.

